



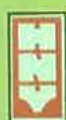
Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 5

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM

(Văn xuôi)



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs.Ts PHÙNG HỮU PHÚ (*Chủ tịch*)

Nhà thơ HỮU THỈNH (*Phó chủ tịch*)

Ts. NGUYỄN THẾ KỶ (*Phó chủ tịch*)

Cử nhân HOÀNG THANH KHIẾT

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Pgs.Ts NGUYỄN HỮU THỨC

Pgs. Ts TRẦN MINH TRƯỜNG

Pgs. Ts PHAN TRỌNG THƯỜNG

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

BAN THƯ KÝ

DƯƠNG QUỐC HÙNG (*Trưởng ban*)

TRẦN QUANG QUÝ (*Phó Trưởng ban Thường trực*)

NGÔ MINH (*Phó Trưởng ban*)

LÊ THỊ BÍCH HỒNG (*Ủy viên*)

MAI LIỄU (*Ủy viên*)

HÀ ĐÌNH CÂN (*Ủy viên*)

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH (*Chủ biên*)

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ

*Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.
Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.*

HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong dự án xuất bản bộ sách “*Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ & văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*”, chúng tôi dành trọn tập 5 để in riêng phần tác phẩm văn xuôi của Người dưới tiêu đề chung: “*Hồ Chí Minh – tư tưởng và tác phẩm*”. Đây là kết quả của quá trình vừa làm việc nghiêm túc vừa chăm chú lắng nghe ý kiến đóng góp của các chuyên gia và của độc giả qua các tập 1, 2, 3, 4 đã ra mắt công chúng. Nhìn chung mọi người đều có nguyện vọng thành kính và tha thiết mong mỗi được tiếp cận trực tiếp các sáng tác văn học cũng như những tác phẩm chính luận thể hiện tư tưởng nghệ thuật của Bác trong từng thể loại, với sự sắp xếp khoa học, dễ tiếp cận hơn, thường thức được cả chiều sâu văn hóa lẫn chiều sâu trí tuệ và tài nghệ văn chương của Người.

Nhiều năm qua, những tác phẩm văn xuôi của Bác đã đi vào lòng người và đã chứng tỏ được sức sống lâu bền qua thời gian. Đặc biệt các tác phẩm chính trị của Người cũng luôn được viết bằng thứ văn chương hàm súc, giàu chất trí tuệ và bản sắc văn hóa riêng biệt, không phải nhà lãnh tụ nào, nhà văn hóa nào cũng có phẩm chất riêng mà chung, chung mà riêng nhuần nhuyễn đến như vậy.

Căn cứ vào tiêu chí của bộ sách, xét về tổng thể nhiều tác phẩm có tính định hướng chung cho cách mạng Việt Nam, chúng tôi đã quyết định chọn những tác phẩm tiêu biểu nhất, bám sát theo tiêu đề *Tư tưởng và tác phẩm* của Người, sau khi tham vấn những ý kiến quý báu của các chuyên gia hàng đầu đã dày công nghiên cứu các trước tác và thành tựu xuất chúng của Người. Và vì vậy, chúng tôi sắp xếp tập văn xuôi mà theo chúng tôi là hợp lý nhất, với những bài viết của Bác theo thời gian Người viết hoặc công bố trong tổng thể của bộ sách lớn: “*Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ – văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*”.

Như vậy, ngoài việc thưởng thức tác phẩm, độc giả cũng sẽ dễ dàng hơn trong việc liên tưởng tới từng giai đoạn lịch sử Cách Mạng Việt Nam gắn bó với sự nghiệp của Bác. Hơn nữa, bản thân những tác phẩm ấy cũng có rất nhiều giá trị, cả về văn học lẫn về tư liệu lịch sử, có ích thiết thực cho các nhà học thuật trong các công trình nghiên cứu nhiều lĩnh vực về văn hóa học của Việt Nam nói chung.

Với cách làm này chúng tôi kỳ vọng bạn đọc sẽ có điều kiện cảm nhận các tác phẩm văn xuôi của Người bằng một cách tiếp cận mới, trọn vẹn và thú vị hơn.

Dù đã rất cầu thị và cố gắng, nhưng đây là một công trình lớn, đòi hỏi nhiều nỗ lực của từng cá nhân các thành viên ban biên soạn, chúng tôi cũng đã phát huy tốt nhất tính tập thể và cả lòng tôn kính ngưỡng mộ tài năng xuất chúng của Người. Tuy vậy, vì năng lực có hạn, khó tránh khỏi những sai sót, chúng tôi xin trân trọng kính mong nhận được ý kiến góp ý của quý bạn đọc xa gần để hoàn thiện hơn cho các lần tái bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài “Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc” đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”. Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới...”.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề

“Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”
mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

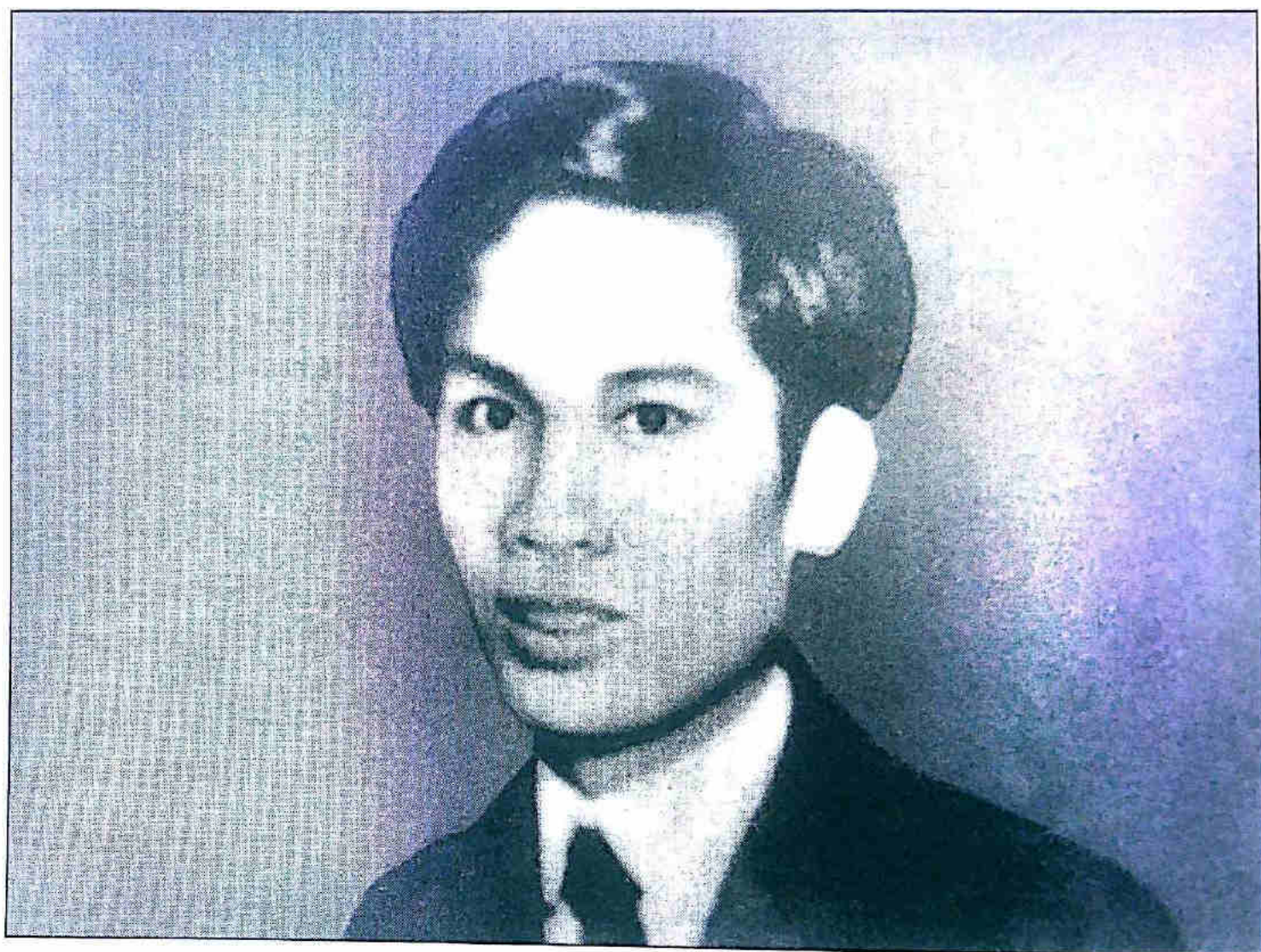
Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1920 tại Đại Hội thành lập
Đảng Cộng sản Pháp ở Tua năm 1920

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Phần I
TƯ TƯỞNG VỀ VĂN HÓA,
VĂN NGHỆ

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH⁽¹⁾
BỊ ÁP BỨC DÂN TỘC LIÊN HỢP
HỘI TUYÊN TRUYỀN BỘ AN HÀNH

In lần đầu tiên tại Quảng Châu
(Trung Quốc), năm 1927

Theo cuốn sách lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Tài liệu lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

“Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”^{*}.

LÊNIN

^{*} Hai câu này trích trong cuốn *Làm gì?* của Lênin.

TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI CÁCH MỆNH

Tự mình phải:

Cần kiệm.
Hòa mà không tư.
Cả quyết sửa lỗi mình.
Cần thận mà không nhút nhát.
Hay hỏi.
Nhẫn nại (chịu khó).
Hay nghiên cứu, xem xét.
Vị công vong tư.
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
Nói thì phải làm.
Giữ chủ nghĩa cho vững.
Hy sinh.
Ít lòng tham muốn về vật chất.
Bí mật.

Đối người phải:

Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.
Quyết đoán
Dũng cảm.
Phục tùng đoàn thể.

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Tàu có câu: "Sự tử bất thổ tất dùng hết sức". Sự tử mạnh biết chừng nào, nếu bất thổ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng công cụ nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng "nước chảy đá mòn" và "có công mài sắt có ngày nên kim". Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ, nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ cách mệnh còn lơ mờ lắm. Có người biên chép đề xướng ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho

chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?

6. Sách này muốn nói cho văn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quắn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đạp trên đầu; hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh! Cách mệnh!!!

CÁCH MỆNH

1. Cách mệnh là gì?

Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: ông Galilê (1633) là khoa học cách mệnh. Ngày xưa ai cũng tưởng rằng giời tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc*, ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt trời.

Ông Stêphenxông (1800) là cơ khí cách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đacuyn (1859) là cách vật cách mệnh**. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hóa*** của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao mà có sự sinh hóa ấy.

Ông Các Mác là kinh tế học cách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, vân vân ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2. Cách mệnh có mấy thứ?

Ấy là tư tưởng cách mệnh, dân chúng cách mệnh thì có 3 thứ:

A- Tư bản cách mệnh.

B- Dân tộc cách mệnh.

C- Giai cấp cách mệnh.

Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789. Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864****.

* Trắc đạc: Đo đạc

** Cách vật cách mệnh: Sinh vật cách mệnh.

*** Sinh hóa: Nảy nở và biến đổi.

**** Cuộc Minh Trị duy tân từ năm 1868.

Dân tộc cách mệnh như Ýtali đuổi cường quyền Áo năm 1859. Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911.

Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền* năm 1917.

3. Vì sao mà sinh ra tư bản cách mệnh?

A. Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hóa. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hóa thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

B. Tư bản ở hương thôn là địa chủ, nó muốn giữ những chế độ phong kiến, thổ địa nhân dân; ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả; nó đối với nhân dân, nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn, thì hàng hóa nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy, không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh.

Không bao giờ hai tụi này chống nhau kịch liệt và rõ ràng, dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh phía Bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía Nam (điền chủ) như 2 nước thù địch vậy**.

4. Vì sao mà sinh ra dân tộc cách mệnh?

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu.

* Giành lấy chính quyền.

** Cuộc nội chiến ở Mỹ kéo dài từ năm 1861 đến 1865 giữa các tập đoàn tư sản công nghiệp miền Bắc và các tập đoàn chủ nô miền Nam.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân rồi, khi có giặc dã, nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914-1918, Tây bắt ta đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh.

5. Vì sao mà sinh ra giai cấp cách mệnh?

Trong thế giới có 2 giai cấp:

A. Tư bản (không làm công mà hưởng lợi).

B. Công và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thử hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay công nhân An Nam làm ra? Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tụi đồn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam Kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà đồn chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây* (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

Nước ta như vậy, các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga,

* Đồng phrăng Pháp.

ấy là giai cấp cách mệnh; nói tóm lại là giai cấp bị áp bức cách mệnh* để đập đổ giai cấp đi áp bức mình.

6. Cách mệnh chia làm mấy thứ?

Cách mệnh chia ra hai thứ:

A. Như An Nam đuổi Pháp, Ấn Độ đuổi Anh, Cao Ly** đuổi Nhật, Philíppin đuổi Mỹ, Tàu đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh.

B. Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng - ấy là thế giới cách mệnh.

Hai thứ cách mệnh đó tuy có khác nhau, vì dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Còn thế giới cách mệnh thì vô sản giai cấp đứng đầu đi trước. Nhưng 2 cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ: An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do.

Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

7. Ai là những người cách mệnh?

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh***.

* *Giai cấp bị áp bức cách mệnh*, tức là giai cấp bị áp bức làm cách mạng.

** Nay là nước Triều Tiên.

*** *Công nông là người chủ cách mệnh*, tức là công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt, là đội quân chủ lực của cách mạng.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,
2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,
3. Là vì công nông là tay không chân ròi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cơ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi.

8. Cách mệnh khó hay dễ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm cách mệnh thì phải biết:

A- Tội tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hoá làm cho dân ngu, lấy pháp luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến 2 chữ cách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy cách mệnh trước kia phải làm cho dân giác ngộ.

B- Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân An Nam ở Trung Kỳ kháng thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám; không có chủ nghĩa, không có kế hoạch, đến nỗi thất bại mãi.

Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa* cho dân hiểu.

C- Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu lược, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm?

Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân.

* Giảng giải lý luận và chủ nghĩa, tức là giảng giải lý luận cách mạng và chủ nghĩa Mác - Lênin.

D- Dân thường chia rẽ* phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.

9. Cách mệnh trước hết phải có cái gì?

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

* Dân thường bị chia rẽ (do âm mưu của bọn thực dân là chia rẽ để dễ cai trị).

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH MỸ

1. Lịch sử Mỹ thế nào?

Thế kỷ thứ 14 về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492, người buôn tên là Christophe Colomb đi tàu buôn muốn qua Ấn Độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Dân xứ ấy là loài da đỏ, chỉ đi săn bắn không biết buôn bán và làm nghề.

Từ lúc Colomb tìm ra châu Mỹ, thì người các nước bên Âu tràn qua đây làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ, nhưng nó không chịu làm, thì chúng giết mòn giết mỏi người da đỏ đi, rồi bắt người da đen bên Phi qua làm cho chúng nó.

Người Âu qua Mỹ thì nước nào cũng có, nhưng đông nhất là người Anh (3.000.000 người). Vì vậy, Anh giành Mỹ làm thuộc địa.

2. Vì sao mà Mỹ làm cách mệnh?

Thổ sản Mỹ rất giàu, đồng, sắt, than, bông, lúa, trâu bò, vãn vãn, vật gì cũng nhiều. Anh thì tham, muốn hết về cho mình cả, cho nên đặt ra 3 phép như sau này:

1. Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho các nước khác.

2. Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán.

3. Các nước không được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì 3 điều ấy, lại thêm thuế má nặng nề, làm cho kinh tế Mỹ rất khốn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình "tẩy chay" Anh.

3. Phong trào ấy kết quả ra thế nào?

Phong trào "tẩy chay" giặc dai đến 5 năm. Anh đem lính qua dẹp và bắt những người cầm đầu làm tội. Mỗi lần bắt một người cầm đầu, thì dân càng tức giận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh bắt mấy người cầm đầu nữa, dân kéo nhau ra cứu, lại bị

lính Anh giết chết 9 người. Việc này như lửa rơi vào thuốc súng, dân tức quá thì nổ, sống chết cũng quyết đuổi được Chính phủ Anh mới thôi.

Cách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì cách mệnh được và Mỹ tuyên bố độc lập, và nước Mỹ thành ra nước cộng hòa.

Bây giờ Mỹ có 48 tỉnh* và 110.000.000 dân.

4. Ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh An Nam thế nào?

1. Chính sách Pháp đối với An Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét hết của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác; nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi. Thế mà dân An Nam còn chưa học Mỹ mà làm cách mệnh!

2. Trong lời tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: "Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác...".

Nhưng bây giờ Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến Chính phủ!

3. Mỹ tuy cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi**.

Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

* 48 tỉnh: 48 bang, khi cách mạng tư sản Mỹ bùng nổ (1776) ở Mỹ có khoảng 3 triệu dân với 13 bang, hiện nay có khoảng 200 triệu dân với 52 bang.

** Cách mạng tư sản là cuộc cách mạng không triệt để.

CÁCH MỆNH PHÁP

1. Vì sao Pháp có phong trào cách mệnh?

Hồi thế kỷ thứ 18, vua thì kiêu xa dâm dật, quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành; thuế nặng dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Canada và Ấn Độ, nguyên là thuộc địa Pháp, nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Môngtexkiơ (1755), Vôn-te và Rút-xô (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do bình đẳng.

Phần thì phong trào cách mệnh Anh (ông Krôm-ven chém vua Anh và lập cộng hòa chính phủ năm 1653) còn mới, và phong trào dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị tụi phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày và người thợ để phá phong kiến.

2. Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ?

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyền và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Bax-ti). Vua đem lính về giữ kinh đô; dân lại tổ chức cách mệnh đội để phòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Véc-xây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền đàn bà con gái Pari kéo nhau đến Véc-xây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn:

1. Là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô.
2. Là đem của các nhà thợ đào làm của Nhà nước.

3. Là cho dân tự do làm báo, tổ chức, vân vân.

4. Là lập hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản cách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra cộng hòa.

1793, ngày 21 tháng 1 làm án vua và vợ con vua là phản quốc tặc*, rồi đem ra chém.

3. Các nước Âu châu đối với cách mệnh Pháp thế nào?

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh cách mệnh mà bên trong thì giúp cho tụi phản cách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan cách mệnh mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính cách mệnh gọi là "lính không quần"**, người không có nón, kẻ không có giày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

4. Pháp cách mệnh đến mấy lần?

Năm 1792 đến 1804 Cộng hòa lần thứ 1. Năm 1804 Napôlêông phản cách mệnh lên làm hoàng đế.

Năm 1814 các nước đánh Napôlêông thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại cách mệnh lần thứ 2***.

Năm 1852 cháu Napôlêông lại phản cách mệnh lên làm vua.

* Kẻ phản bội Tổ quốc.

** Quân đội cách mạng Pháp thành lập năm 1793, gồm phần lớn là nông dân và thợ thủ công nghèo. Họ không được trang bị quần áo như quân đội của bọn quý tộc.

*** Chỉ cuộc cách mạng tư sản Pháp lần thứ 2, nổ ra tháng 2 năm 1848.

Năm 1870 nhân thua Đức, Napôlêông thứ 3 bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hòa lần thứ 3.

5. Pari Công xã (Commune de Paris) là gì?⁽⁶⁾

Năm 1871 vua Pháp thua chạy rồi, lính Đức tới vây kinh đô Pháp là Pari. Tư bản Pháp cắt 2 tỉnh cúng cho Đức để cầu hòa. Vì giặc giã mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Pari nổi lên làm cách mệnh cộng sản (Công xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì cách mệnh thất bại.

6. Mục đích Công xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Pari rồi, thì Công xã lập lên Chính phủ dân* và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hành những việc này:

1. Bao nhiêu cơ quan sinh sản** riêng đều đem làm của công.
2. Tất cả trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho.
3. Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v. v..
4. Bất kỳ đàn ông đàn bà, ai cũng được quyền chính trị, tuyển cử và ứng cử.
5. Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi Chính phủ.

7. Kết quả Công xã ra thế nào?

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy 2 bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì cách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thì chịu nhục với Đức, chứ không chịu hòa với cách mệnh. Đức thấy cách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại

* Tức là Chính phủ của nhân dân.

** Cơ sở sản xuất.

cách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 culít* mà thôi. Khi cách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp cách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: "Tư bản không có Tổ quốc".

Dẹp được cách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết 30.000 người cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

8. Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh An Nam thế nào?

a) Trong 3 lần cách mệnh, 1789, 1848, 1870, đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.

b) Pari Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại.

c) Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.

d) Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc** công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hãng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy.

9. Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?

Cách mệnh dạy cho chúng ta:

1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đầu***, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.

* "Culít": Cảnh sát.

** Tước đoạt.

*** Kẻ theo chủ nghĩa cơ hội.

2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.
3. Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.
4. Dân khí mạnh thì quân lính nào súng ống nào cũng không chống lại.
5. Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH NGA

1. Nguyên do cách mệnh Nga từ đâu ra?

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu Á, nửa nằm về châu Âu. Dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy 10 phần là thợ thuyền. Khi trước theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ thứ 19, tư bản mới hơi phát đạt, nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa chủ từ đây mới sinh hiềm khích to, mà phong trào cách mệnh công nông cũng từ đây mọc ra.

2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công, người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tui phú gia*. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ: người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng cách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng cách mệnh gọi là "Công nhân giải phóng". Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là "Công đảng".

* Tức là phải chịu luôn cúi bọ nhà giàu.

Nhưng hai đảng ấy người ít sức hèn, lại bị Chính phủ bắt bớ nhiều, sau hóa ra đảng kịch liệt, chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

3. Kết quả hai đảng ấy ra thế nào?

Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thẳng này còn thẳng khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được. Hai đảng ấy tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, không có sức dân chúng làm nền, cho nên bị Chính phủ trị mãi đến nổi tan.

Năm 1883, ông Plêkhanốp lập nên đảng "Lao động tự do"⁽⁷⁾. Đảng này tổ chức theo cách ông Mă Khắc Tư* dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh.

4. Đảng này làm việc cách mệnh thế nào?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt cách mệnh, và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, ma tà, mật thám nhiều quá, nên cơ quan Đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân Đôn).

Năm 1894, ông Lênin vào Đảng**.

Năm 1898, Đảng khai hội một lần trong nước⁽⁸⁾, chẳng may Chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong trào cách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

* Tức là Các Mác.

** Năm 1894, Lênin tham gia vào nhóm mácxít Nga ở Pêtéc-bua. Năm 1895, Lênin hợp nhất các nhóm mácxít đó lại thành Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân. Đó là bước chuẩn bị

Ít lâu đổi tên là "Xã hội dân chủ đảng", sau lại đổi tên ra "Cộng sản đảng".

Năm 1904-1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, Đảng ra sức vận động cách mệnh.

5. Sao mà biết dân tình xục rục mà vận động?

a) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư bản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt, và tư bản sẽ được lợi to. Sau đánh thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được gì, cho nên oán vua.

b) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

c) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, vả lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to.

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau. Đảng biết vậy thì vận động cách mệnh đuổi vua.

6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái cách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội, một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905⁽⁹⁾, anh cố đạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở thỉnh nguyện. Vì anh ta quên báo trước, và vì vua thấy đông người thì sợ bạo động, nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Gapông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động, lập ra công nhân hội nghị.

Cách mệnh chống nhau với vua và Chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp cách mệnh, một đường thì giả tuyên bố lập ra nghị viện cho đại biểu dân bàn việc nước.

7. Vì sao cách mệnh 1905 thua?

1. Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đập đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền mà giúp cho vua.

2. Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.

3. Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

4. Chưa vận động lính và súng ống khí giới của dân ít quá.

8. Cách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và Đảng có ngã lòng không?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, Đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào cùn; sau cứ theo chỗ cùn mà mài, con dao mới tốt.

Nhờ chuyển thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày, ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đề huề*, năm là biết tư bản và vua cùng là một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản.

Cách mệnh 1905 thất bại làm gương cho cách mệnh 1917 thành công.

9. Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?

Cách mệnh 1917 có mấy cơ sau này:

1. Khi Âu chiến**, đế quốc Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lười thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa ấy giận và giúp cho tư bản đẩy vua đi.

* Bọn cải lương, thỏa hiệp.

** Khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) nổ ra.

2. Tư bản giận vua chỉ tín dụng* bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Và tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4. Bọn hoạt đầu⁽¹⁰⁾ nhân cơ hội ấy, thì lợi dụng 2 bọn này đuổi vua cho bọn tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

10. Bọn hoạt đầu làm thế nào?

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, Chính phủ lồi thoi; bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ cách mệnh đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền Chính phủ**, chiến tranh sẽ hóa ra hòa bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyên ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh; ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dự vào Chính phủ.

11. Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm?

Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hăng còn ít, và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền⁽¹¹⁾.

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng Chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thì giờ.

* Tín dụng.

** Được tham gia chính quyền, được dự vào chính phủ.

Đến tháng 4 thì ông Lenin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, Chính phủ mới mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên truyền cho dân rằng: "Đây, các anh xem đây, tội hoạt đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua...", làm cho ai cũng oán Chính phủ mới, phần thì lòn vào nông, công, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh.

12. Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lenin bảo: "Khoan đã! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối Chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự". Đến ngày 5 tháng 11, chính phủ khai hội để ban bố phép luật* mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công, nông. Ông Lenin nói với đảng viên rằng: Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét Chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì Chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm nhặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng Cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây Chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh Chính phủ.

Từ bữa ấy, Chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng**.

13. Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi***, nghĩa là dân chúng được hưởng

* Pháp luật.

** Thực hiện chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

*** Thành công triệt để.

cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa* làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng** (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin.

* Lại ra sức giúp đỡ công nông các nước và nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa.

** Thì phải lấy dân chúng.

QUỐC TẾ

1. Quốc tế là gì?

Quốc tế nghĩa là người trong thế giới, bất kỳ nước nào, dân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau lại để làm cho đến mục đích ấy. Như các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các dân hèn yếu (Pháp liên lạc Tây Ban Nha để đánh lấy An Nam, liên lạc Nhật để giữ An Nam, v. v.), các tư bản liên lạc nhau để tước bóc* thợ thuyền (tư bản Anh, Mỹ, Pháp liên lạc tư bản Đức để tước lột thợ thuyền (Đức). Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội công nhân quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đề tam quốc tế).

2. Đề tam quốc tế là gì?

Muốn biết Đề tam quốc tế là gì thì trước phải biết Đề nhất và Đề nhị quốc tế đã.

Từ thế kỷ thứ 19 trở xuống, tư bản phát đạt rất thịnh vượng, áp bức thợ thuyền rất nghiêm. Thợ thuyền bị áp bức thì tính cách phản đối, như tổ chức công hội, bãi công bạo động. Nhưng hầu hết tình nào biết tình nấy, nước nào biết nước nấy mà thôi, cho nên sức không mạnh lắm.

Năm 1840, thợ thuyền Đức lập ra một hội tên là *Nhân quyền hội*⁽¹²⁾. Khẩu hiệu hội ấy là "Trong thế giới ai cũng là anh em". Khẩu hiệu ấy tuy rất hay, nhưng không đúng; vì bọn tư bản đế quốc chủ nghĩa và phản cách mệnh là thù địch dân, gọi chúng là anh em sao được?

* Bóc lột.

Năm 1847, hội ấy sửa lại gọi là: *"Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp hội"* - ông Mã Khắc Tư và Ăngghen vào hội ấy. Nhờ hai ông ấy sửa chương trình lại, và khẩu hiệu hội là: Đập đổ tư bản chủ nghĩa - thợ thuyền giành lấy chính quyền - làm cho thế giới đại đồng.

3. Hai hội ấy có phải Đệ nhất và Đệ nhị quốc tế không?

Không phải. Trong hai hội tuy là có thợ thuyền Đức và Pháp vào, nhưng hội viên có ít, sức lực còn yếu chưa làm được gì. Chẳng qua là biểu hiện rằng thợ thuyền các nước phải giúp đỡ lẫn nhau và bắc cầu cho Đệ nhất quốc tế đi.

Năm 1862 ở kinh đô Anh (Luân Đôn) mở hội đấu xảo; tư bản các nước phái công nhân qua xem xét các máy móc. Công nhân lại gặp những người cách mệnh Nga, Đức, Pháp và các nước khác trốn ở đây. Hai bên bàn bạc lập hội cách mệnh thế giới.

Năm 1864, (ngày 28 tháng 2) mới lập thành Đệ nhất quốc tế.

4. Đệ nhất quốc tế làm được những việc gì?

Hội ấy tuy có nhiều người cầm đầu thợ thuyền các nước vào, nhưng vì:

1. Người còn ít,
2. Các công hội trong các nước còn yếu,
3. Không thống nhất cho nên chỉ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản mà chưa làm được việc gì lớn.

Không thống nhất là vì ba chủ nghĩa giống nhau:

1. Chủ nghĩa Prudông (Pháp);
2. Chủ nghĩa Bacunin (Nga);
3. Chủ nghĩa Mã Khắc Tư (Đức) (xem đoạn chủ nghĩa cách mệnh thì biết).

Sau lúc Pari Công xã thất bại, nhiều hội viên bị chết, bị bắt, nên hội tiêu điều dần, đến 1874 thì giải tán.

Đệ nhất quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu *"Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp lại!"* và tinh thần

cách mệnh vẫn truyền đến bây giờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng cái công dạy cho thợ thuyền trong thế giới cách mệnh thì rất to.

5. Độ nhị quốc tế lập ra từ bao giờ?

Đệ nhất quốc tế tan rồi, vừa lúc tư bản phát đạt lắm, công nhân vận động cũng phát đạt. Trong khoảng 15 năm ấy (từ 1874 đến 1889)⁽¹³⁾ trong các nước nhiều công đảng mới lập nên, và đảng nào cũng hiểu rằng thợ thuyền các nước không giùm giúp lẫn nhau không được.

Năm 1889, đại biểu các công đảng hội nhau tại Pari, lập nên Độ nhị quốc tế.

Từ khi lập ra, đến ngày Âu chiến, khai hội chín lần bàn bạc và nghị định:

1. Nước nào cũng phải lập ra công đảng.
2. Mỗi năm đến ngày 1 tháng 5 thợ thuyền cả thế giới đều bãi công và thỉnh nguyện;
3. Tất cả công nhân trong thế giới ra sức đòi chỉ làm công mỗi ngày 8 giờ mà thôi;
4. Phản đối đế quốc chủ nghĩa.
5. Các công đảng không được đề huề với tư bản;
6. Đảng viên không được ra làm quan với tư bản;
7. Nếu các đế quốc chủ nghĩa có sự chiến tranh, thì thợ thuyền các nước đều bãi công và kiếm phương chế cách mệnh để giành lấy chính quyền. Vấn đề thứ 7, thì trong 9 lần đại hội đều có bàn đến cả⁽¹⁴⁾.

6. Vì sao Độ nhị quốc tế lại hay bàn đến việc chiến tranh?

Vì đương lúc ấy, tư bản đã hóa ra đế quốc chủ nghĩa, và đế quốc chủ nghĩa, hoặc thường đánh nhau để giành thuộc địa, hoặc đi cướp nước hèn yếu làm thuộc địa. Như:

Năm 1894, Nhật đánh với Tàu;



Chủ tịch Hồ Chí Minh hoạt động ở Pháp năm 1920

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

- 1895, Anh đánh với Êgýptơ*;
- 1896, Pháp đánh với Mađagátxca;
- 1898, Mỹ đánh với Tây Ban Nha để giành Philíppin;
- 1900, Anh đánh với Nam Phi châu;
- 1904, Nga đánh với Nhật;
- 1912, các nước Bancăng** đánh nhau, vân vân.

Thợ thuyền thấy vậy, thì biết rằng các đế quốc chủ nghĩa sẽ có trận đánh nhau lớn. Vậy nên kiếm cách dè trước đi. Ngờ đâu đến 1914 các nước đánh nhau, thì phần nhiều hội viên Đế nhị quốc tế đều giúp cho đế quốc chủ nghĩa, công đảng nước nào cũng khuyên dân đi đánh.

7. Đế tam quốc tế lập ra từ bao giờ?

Vì bọn hoạt đầu trong Đế nhị quốc tế đã phản mục đích hội mà hóa ra chó săn cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa, hóa ra phản cách mệnh; những người chân chính cách mệnh như ông Lênin, ông Các Líp-ních, Rô-da Luy-xămbua, v. v., cho Quốc tế ấy như chết rồi, phải lập ra Quốc tế khác. Năm 1915 và 1916, những người cách mệnh hội nhau tại nước Suít (Thụy Sĩ) sắp sửa lập Đế tam quốc tế, để nối theo chủ nghĩa Đế nhất quốc tế*** mà làm cộng sản cách mệnh.

Năm 1917, Nga cách mệnh cộng sản thành công.

Năm 1919, Đế tam quốc tế thành lập tại kinh đô Nga là Mosku (ngày 6 tháng 3). Khi khai hội lần đầu, có đại biểu đảng cộng sản trong 24 nước dự hội.

Trong lời tuyên ngôn Đế tam quốc tế xưng rõ ràng rằng:

1. Thế nào cũng đập đổ tư bản chủ nghĩa nhất thiết không đề huề như Đế nhị quốc tế.

* Nước Ai Cập.

** Các nước nằm trên bán đảo Bancăng, gồm: Anbani, Bungari, Nam Tư, Hy Lạp, một phần Thổ Nhĩ Kỳ.

*** Chủ nghĩa Mác mà Quốc tế thứ nhất đi theo.

2. Thế nào cũng quyết làm cho chính quyền về tay công nông.

8. Từ khi lập ra đến giờ (đầu năm 1927) Độ tam quốc tế khai hội mấy lần?

Năm 1920 khai Đại hội lần thứ II⁽¹⁵⁾, có 31 nước dự hội. Tội hoạt đầu Độ nhị quốc tế thấy hội này mạnh, muốn xen vào để "theo đóm ăn tàn", cho nên Đại hội đặt ra cách tổ chức rất nghiêm; ai thừa nhận theo 21 điều quy tắc mới được vào. (Xem sau cùng đoạn này).

Năm 1921, Đại hội lần thứ III⁽¹⁶⁾. Từ lúc có Độ tam quốc tế, thợ thuyền các nước chia ra hai phái, phái theo cộng sản (Độ tam quốc tế), phái theo đề huề (Độ nhị quốc tế). Vì vậy mà sức kém đi; cho nên Đại hội định rằng khi phân đấu với tư bản thì hai phái phải hợp sức nhau lại không được chia hai.

Năm 1922, Đại hội lần thứ IV⁽¹⁷⁾. Nhân cách mệnh phong triều trong các nước rầm rộ, tư bản chủ nghĩa toan cùng đường, chúng nó lập ra đảng fasity* phản đối cách mệnh tận lăm. Đại hội định cách đối đãi đảng ấy.

Năm 1924, Đại hội lần thứ V, có đến 61 nước dự hội. Vì nhiều người lầm tưởng rằng tư bản lại tới hồi thịnh vượng như trước khi Âu chiến. Đại hội đem chứng rõ ràng rằng thịnh vượng ấy là thịnh vượng giả; kỳ thực tư bản trong thế giới gần đến mặt lộ**, và công nông cách mệnh phải sắp sửa ra tay.

9. Độ tam quốc tế tổ chức như thế nào?

a) Mỗi năm hay cách vài năm, đại hội một lần. Đại hội có quyền đoán định tất cả các việc các đảng trong các nước.

b) Đại hội cử một hội trung ương 24 người. Hội này thay mặt đại hội. Các đảng trong các nước đều phải theo mệnh lệnh Trung ương.

* Trong điều kiện tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản không đủ sức duy trì sự thống trị của chúng bằng phương pháp nghị trường được nữa, mà phải dùng đến những chính sách phát xít: độc tài, khủng bố cùng với chính sách mị dân. Để thực hiện các chính sách đó, giai cấp tư sản ở một số nước đã lập ra những đảng phát xít.

** Đến lúc cùng đường.

c) Có Thanh niên bộ, để xem về việc vận động thanh niên; Phụ nữ bộ, xem việc vận động phụ nữ; Á - Đông bộ xem về việc cách mệnh các thuộc địa bên Á - Đông. Tuyên truyền, tổ chức, cứu tế v. v., đều có một bộ riêng.

d) Đệ tam quốc tế là một Đảng Cộng sản thế giới. Các đảng các nước là như chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch Đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm.

10. Đệ nhất quốc tế và Đệ tam quốc tế giống nhau cái gì? khác nhau cái gì?⁽¹⁸⁾

Đệ nhất quốc tế với Đệ tam quốc tế khác nhau.

a) Đệ nhất quốc tế nhỏ, Đệ tam quốc tế to;

b) Đệ nhất quốc tế chỉ lý luận, Đệ tam quốc tế đã thực hành;

c) Đệ nhất quốc tế không thống nhất, Đệ tam quốc tế chỉ huy tất cả các đảng cộng sản trong các nước phải theo;

d) Đệ nhất quốc tế chỉ nói: "Thế giới vô sản giai cấp liên hợp"; Đệ tam quốc tế nói thêm "Vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại". Đệ nhất quốc tế không bắt hội viên giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa như Đệ tam quốc tế.

Ấy là vì hoàn cảnh hai Quốc tế ấy khác nhau. Như việc dân tộc bị áp bức, Đệ nhất quốc tế nói đến ít, vì lúc ấy đế quốc chủ nghĩa chưa phát đạt mấy. Vả lại, Đệ tam quốc tế sinh ra sau thì có nhiều kinh nghiệm hơn Đệ nhất quốc tế.

Đến như chủ nghĩa làm cách mệnh cho đến nơi, làm cho thế giới đại đồng, thì hai Quốc tế vẫn như nhau; chẳng qua Đệ nhất quốc tế làm không đến nơi, mà Đệ tam quốc tế chắc là làm được, nhờ nay Nga cách mệnh đã thành công để làm nền cho cách mệnh thế giới.

11. Đệ nhị quốc tế và Đệ tam quốc tế khác nhau cái gì?

Đệ nhị quốc tế vẫn là cách mệnh, nhưng vì kỷ luật không nghiêm, tổ chức không khéo, để tội hoạt đầu xen vào nhiều quá;

sau hóa ra phản cách mệnh. Hai Quốc tế ấy khác nhau những điều sau này:

Đệ tam quốc tế chủ trương đập đổ tư bản làm thế giới cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế chủ trương đề huề với tư bản.

Đệ tam quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa.

Đệ nhị quốc tế giúp đế quốc chủ nghĩa đè nén dân thuộc địa (toàn quyền Varen là hội viên Đệ nhị quốc tế).

Đệ tam quốc tế dạy cho vô sản giai cấp trong thế giới - bất kỳ nòi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì - hợp sức làm cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế xúi dân nước này chống dân nước kia, nghề nghiệp này chống nghề nghiệp khác.

12. Đệ tam quốc tế đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Xem trong cách tổ chức Đệ tam quốc tế, có đặt ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho cách mệnh bên Á - Đông.

Xem khẩu hiệu Đệ tam quốc tế, chẳng những rằng "vô sản giai cấp" mà lại thêm câu "... và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại".

Xem quy tắc Đệ tam quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: "Các đảng cộng sản, nhất là Đảng Cộng sản Pháp... phải hết sức giúp dân thuộc địa làm cách mệnh".

Xem đương lúc Pháp đánh Maroc và Xyri, vì giúp hai nước ấy mà Đảng Cộng sản Pháp hy sinh mấy mươi đảng viên bị bắt, bị tù, Đảng bị phạt hơn 100 vạn đồng bạc.

Xem cách mệnh Nga giúp cho cách mệnh Tàu, Thổ Nhĩ Kỳ, Pécsia*, Mông Cổ.

Lại xem kế hoạch về vấn đề thuộc địa là tự tay ông Lênin làm ra.

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế.

* Nay là nước Iran.

PHỤ NỮ QUỐC TẾ

1. Vì sao lập ra Phụ nữ quốc tế?

Ông Các Mác nói rằng: "Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tấn bộ ra thế nào?".

Ông Lênin nói: "Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công".

Những lời ấy không phải câu nói lông bông. Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào là không có đàn bà con gái tham gia. Cách mệnh Pháp có những người như cô học trò Sác-lốt Coóc-dây rút dao đâm chết người tể tướng hung bạo, như bà Luy Misen ra giúp tổ chức Pari Công xã. Khi Nga cách mệnh, đàn bà ra tình nguyện đi lính; sau tính lại lính cách mệnh đàn bà chết hết 1.854 người. Nay cách mệnh Nga thành công mau như thế, đứng vững như thế, cũng vì đàn bà con gái hết sức giùm vào. Vậy nên muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà con gái công nông các nước.

Vì vậy Đệ tam quốc tế tổ chức Phụ nữ quốc tế.

2. Lịch sử Phụ nữ quốc tế thế nào?

Năm 1910, bà Clara Détkin (cộng sản Đức) đề nghị trong Đại hội Đệ nhị quốc tế rằng: Mỗi năm đến *ngày 3 tháng 3* thì làm một ngày phụ nữ vận động gọi là "Ngày đàn bà con gái"⁽¹⁹⁾. Sau ngày ấy đổi ra một tuần. Khẩu hiệu tuần ấy là: "Đòi quyền tuyển cử cho nữ giới".

Năm 1917, ngày 23 tháng 2, đàn bà ở kinh đô Nga nổi lên "đòi bánh cho con" và đòi "giả chồng chúng tôi lại cho chúng

tôi" (vì chồng phải đi đánh). Sự bạo động này làm ngòi cho cách mệnh Nga⁽²⁰⁾.

Mồng 8 tháng 3 năm 1920, Đệ tam quốc tế phái bà Détkin tổ chức Phụ nữ quốc tế. Khẩu hiệu là "Đàn bà con gái công nông phải liên hợp với Đệ tam quốc tế, để làm thế giới cách mệnh".

Năm 1923, nữ giới Nga ăn mừng "ngày 8 tháng 3" thì mở 66 nhà nuôi trẻ con, 36 ấu trĩ viện, 18 nhà nuôi đồng tử, 22 nhà thương và nhà nghỉ, 15 nhà nuôi đàn bà sinh cũ, 15 nhà ăn chung cho 10.000 người; 27 nhà hiệp tác xã dùng đến 1.300 người đàn bà làm công, 11 cái công viên có nhà nghỉ cho những người có bệnh.

3. Cách tổ chức của Phụ nữ quốc tế ra thế nào?

Quy tắc và chương trình thì đại khái cũng như Đệ tam quốc tế. Nhưng bên này thì chỉ chuyên trách về mặt tuyên truyền, tổ chức và huấn luyện đàn bà con gái, và giúp về đường giáo dục trẻ con công nông.

Mỗi đảng cộng sản phải có một bộ phụ nữ, trực tiếp thuộc về Phụ nữ quốc tế. Những đảng viên đàn bà trong các đảng phải theo mệnh lệnh Quốc tế, khi phái để làm việc gì đâu khó nhọc, nguy hiểm mấy cũng phải làm. Thí dụ: Đảng viên A không phải là làm thợ, nhưng khi Quốc tế bảo phải xin vào làm việc trong lò máy nào để vận động phụ nữ trong ấy, thì tất phải bỏ nghề cũ mà vào làm trong lò máy.

Nói tóm lại là quy tắc rất nghiêm, hành động rất thống nhất, và việc làm cũng rất khó. Vì phần nhiều đàn bà con gái còn có tư tưởng thủ cựu. Tuy vậy, ai cũng hết lòng, cho nên tiến bộ mau. Nhờ Phụ nữ quốc tế mà các đảng cộng sản mới lập ra như đảng ở Java*, đảng viên đàn bà mỗi ngày một thêm nhiều.

An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công, mà nữ giới An Nam muốn cách mệnh thì phải theo Phụ nữ quốc tế chỉ bảo.

* Nay là nước Indônêxia.

CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Lịch sử Công nhân quốc tế thế nào?

Trước phải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân.

Lịch sử công nhân vận động chia làm 3 thời kỳ: a) trước Âu chiến, b) đương lúc Âu chiến, c) khi Âu chiến rồi.

a) *Trước khi Âu chiến*: Bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền có tổ chức và có một hội gọi là "Vạn quốc công hội"⁽²¹⁾. Nhưng 16 triệu người ấy không vào "Vạn quốc công hội" cả. Những đoàn thể và lại cho ra nhiều phái biệt:

1. *Công đoàn chủ nghĩa*⁽²²⁾ Anh và Mỹ chỉ lo sao thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nói đến đánh đổ tư bản.

2. *Vô chính phủ công đoàn*⁽²³⁾ các nước Latinh*, thì không muốn lập chính đảng.

3. *Cải lương chủ nghĩa*⁽²⁴⁾ thì chủ trương công hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đảng**.

4. *Trung lập chủ nghĩa*⁽²⁵⁾ chủ trương rằng công nhân không phải là nền cách mệnh.

5. *Cộng sản chủ nghĩa*, chủ trương đập đổ tư bản, công nhân là nền cách mệnh, phải có chính đảng để dắt công hội làm cách mệnh.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

* Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha - những nước nói tiếng Latinh (T. G).

** Chủ nghĩa cải lương chủ trương công hội nên giúp đỡ chính đảng nhưng không nên chịu sự lãnh đạo của chính đảng.

b) *Khi Âu chiến*: Hội này đi theo Đề nghị quốc tế, nghĩa là công hội nước nào giúp tư bản nước ấy.

Vả lại, tiếng là Vạn quốc nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

c) *Sau khi Âu chiến*: Phần thì thợ thuyền cực khổ, phần thì phong trào cách mệnh Nga, công hội ngày càng to. Như:

	Năm 1913	Năm 1919
Anh chỉ có	4.000.000 người	8.000.000 người
Pháp chỉ có	1.000.000 người	2.500.000 người
Tất cả các nước	15.000.000 người	50.000.000 người

Công hội bên Á - Đông cùng rầm rầm rộ rộ lập lên (Tàu, Nhật, Ấn Độ, Java, Philíppin, vãn vãn).

2. Phong trào ấy kết quả ra thế nào?

Tư bản các nước thấy thợ thuyền thịnh thì sợ, và kiếm cách làm cho êm dịu xuống. Năm 1919 có khai đại hội bên kinh đô Mỹ, để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu các chính phủ, các tư bản, và các công hội các nước. Nhưng nó chỉ cho bọn Đề nghị quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào công nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp), thì đại biểu Chính phủ nước ấy yêu cầu các nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung (vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó).

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc, lại lập thêm một bộ công nhân, có 12 đại biểu cho các chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản, và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dặt mấy anh công tặc* làm đại biểu thợ thuyền!

3. Tư bản làm như vậy, thợ thuyền các nước có làm gì không?

Thợ thuyền có 31 quốc tế.

* Những công nhân bị bọn tư sản mua chuộc.

29 quốc tế nghề nghiệp, nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy; 1 quốc tế gọi là Quốc tế Amxtécđam hay là Quốc tế "vàng" và 1 Quốc tế đỏ.

Quốc tế nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 20.000.000 hội viên. Trong 29 quốc tế ấy, nghề sắt to hơn hết (3.000.000 người); hai là nghề than (2.500.000 người); ba là thợ làm nhà máy (2.300.000 người), vân vân.

Lúc Âu chiến, các quốc tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Như năm 1921, 1.000.000 người đào than Anh bãi công, vì người đào than Mỹ, Đức và các nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500.000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là các quốc tế ấy có danh mà không thực.

4. Sao gọi là Quốc tế Amxtécđam hay "vàng"?

Vì Quốc tế ấy lập ra tại Amxtécđam (kinh đô Hôlăng*). Trong tiếng mới, phản cách mệnh gọi là sắc vàng; cách mệnh gọi là sắc đỏ.

Năm 1919, các công hội theo Vạn quốc công hội hội nhau tại Amxtécđam lập nên quốc tế này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào Quốc tế "đỏ", nay chỉ còn lại công hội 23 nước, tất cả 14.400.000 người.

Quốc tế này theo bọn hoạt đầu Đế nhị quốc tế đề huề với tư bản, và làm nhiều việc phản cách mệnh như:

1. Tán thành điều ước Vécxây của đế quốc chủ nghĩa bắt Đức đền 400.000.000 đồng.

2. Đức không gánh nôi, Mỹ lại đặt ra kế hoạch (gọi là kế hoạch Đạo Uy Tư)** bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công nông đức hóa ra nô lệ. Thế mà Quốc tế Amxtécđam cũng tán thành.

3. Không cho công hội Nga vào.

* Nước Hà Lan.

** Kế hoạch Đạoxơ.

4. Phản đối cộng sản rất kịch liệt, mà đối đãi fastity rất hòa bình.

5. Sao gọi là Công nhân quốc tế đỏ?

Quốc tế vàng đã đề huề với tư bản, những thợ thuyền thiệt cách mệnh kiếm cách lập ra quốc tế khác.

Năm 1920, tháng 7, chỉ có mấy người công nhân Anh, Ý, Pháp, Tây Ban Nha và Nga lập ra một cơ quan tuyên truyền. Năm 1921, đã có nhiều công hội bỏ bên kia theo bên này. Ngày mùng 3 tháng 7 năm ấy, Công nhân quốc tế đỏ lập thành.

Quốc tế đỏ theo về Đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh.

Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

Tháng 5 năm 1925 bên Á - Đông có những hội này vào:

Tàu:	450.000 người;
Java:	35.000 người;
Nhật:	32.000 người;
Cao Ly:	5.000 người;
Mông Cổ:	5.000 người;
Thổ Nhĩ Kỳ:	20.000 người;
An Nam:	000

6. Quốc tế này đối với cách mệnh An Nam ra thế nào?

Xem trong Quốc tế vàng không có công hội Á - Đông nào, Quốc tế đỏ thì có 8 hộ thuộc địa vào.

Khi thợ thuyền Java, Ấn Độ bãi công, Quốc tế đỏ hết sức giúp, còn Quốc tế vàng thì không ngó đến.

Ở Tàu, thợ thuyền Thượng Hải bãi công hơn ba tháng, Hương Cảng bãi công hơn một năm rưỡi, Quốc tế đỏ đã giúp tiền bạc, phái đại biểu qua yên ủi, lại sức công hội các nước giúp. Quốc tế vàng chỉ in vài tờ tuyên ngôn rồi làm thỉnh.

Vậy thì biết nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì chắc Quốc tế đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã.



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Luận cương của Lênin về Vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (12/1920).

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CỘNG SẢN THANH NIÊN QUỐC TẾ

1. Cộng sản thanh niên quốc tế là gì?

Trước kia các đảng xã hội có xã hội thanh niên. Các đảng ấy hợp lại thành Đệ nhị quốc tế. Các thanh niên ấy cũng tổ chức xã hội thanh niên quốc tế. Khi Âu chiến, phần nhiều Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, phần nhiều thanh niên cũng bắt chước đề huề.

Những người thanh niên cách mệnh bỏ hội ấy cũng như ông Lênin và những người chân chính cách mệnh bỏ Đệ nhị quốc tế ra.

Đến tháng 11 năm 1919, thanh niên cách mệnh 14 nước bên Âu hội tại kinh đô Đức (Béclin) lập ra thanh niên cộng sản quốc tế.

Năm 1921 đã có thanh niên 43 nước theo vào.

Năm 1922 có 60 nước, 760.000 người.

Năm 1924 có hơn 1.000.000 (thanh niên Nga chưa tính).

2. Cách tổ chức ra thế nào?

Đại khái cũng theo cách tổ chức Đệ tam quốc tế. Thanh niên các nước khai đại hội, cử ra một Hội ủy viên; Hội ủy viên có quyền chỉ huy, và thanh niên các nước nhất thiết phải theo kế hoạch và mệnh lệnh hội ấy.

Ước chừng 16 đến 20 tuổi thì được vào Hội. Trước lúc Hội cho vào thì phải thử, công nông binh thì 6 tháng, học trò thì một năm, làm việc được mới cho vào.

Mục đích Cộng sản thanh niên quốc tế là:

1. Thế giới cách mệnh;
2. Bồi dưỡng nhân tài để đem vào đảng cộng sản;
3. Chuyên môn về việc kinh tế và chính trị, có quan hệ cho bọn thanh niên;
4. Tuyên truyền tổ chức và huấn luyện bọn thợ thuyền, dân cày, học trò và lính thanh niên;
5. Phản đối mê tín và khuyên dân chúng học hành.

3. Cách họ làm việc thế nào?

Nơi thì công khai, như ở Nga, nơi thì nửa công khai, nửa bí mật, như ở các nước Âu và Mỹ. Nơi thì bí mật như ở Cao Ly, Java, vãn vãn.

Tuyên truyền và tổ chức thì theo hoàn cảnh. Phái người lòn vào ở lính, hoặc làm thợ, hoặc đi cày, hoặc đi học để tuyên truyền và kiếm đồng chí. Khi kiếm được một ít đồng chí rồi, thì lập ra tiểu tổ chức. Hoặc lập ra hội học, hội đá bóng, hội chơi để lựa đồng chí và tuyên truyền.

Nói tóm lại là làm hết cách để xen vào trong dân chúng.

4. Cộng sản thanh niên đối với đảng cộng sản thế nào?

Hai đoàn thể ấy đối với nhau theo cách dân chủ, nghĩa là khi đảng có việc gì thì đại biểu thanh niên dự hội. Khi thanh niên có việc gì, thì đảng có đại biểu dự hội. Đường chính trị, thì thanh niên theo đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập. Nếu đảng và thanh niên có việc gì không đồng ý, thì có hai Quốc tế xử phân.

Thanh niên cộng sản làm việc rất nỗ lực, rất hy sinh.

Trong năm 1921, Thanh niên Đức chỉ có 27.000 người và Mỹ chỉ có 4 chi bộ. Năm 1922 đức đã có đến 70.000 người và Mỹ có đến 150 chi bộ.

Hội lính Pháp đóng bên Đức, vì việc tuyên truyền, phản đối đế quốc chủ nghĩa trong quân đội, mà 120 thanh niên Pháp bị tù. Hội Pháp đánh Maroc, cũng vì việc ấy mà hơn 3.000 thanh niên Pháp bị bắt.

Việc bãi khóa ở Tàu, vận động ở Cao Ly, bãi công ở Anh, vân vân, Cộng sản thanh niên đều đứng đầu đi trước.

Ngày nay nước nào cũng có thanh niên cộng sản.

Chỉ An Nam là chưa!*

* Lúc đó Việt Nam chưa thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản.

QUỐC TẾ GIÚP ĐỠ

1. Quốc tế giúp đỡ là gì? ⁽²⁶⁾

Năm 1921, nước Nga bị đại hạn mất mùa, dân chết đói nhiều. Đế quốc chủ nghĩa lợi dụng cơ hội ấy, bên thì muốn xui dân Nga nổi loạn, bên thì muốn kéo binh vào phá cách mệnh Nga. Phần thì đem các tàu bè vây biển Nga, không cho các tàu bè đi lại chở đồ ăn bán cho dân Nga.

Những người có lòng tốt như ông Nanxăn (người khoa học rất có danh tiếng nước Noócve*, ông ấy đi tàu bay qua Bắc cực), và các công hội đều có tổ chức hội cứu tế quyên tiền, đồ ăn, và áo quần gửi cho dân Nga. Nhưng vì tổ chức tản mát cho nên sức lực yếu.

Đệ tam quốc tế và Công nhân quốc tế đỏ (mới tổ chức) xướng lên lập một hội Quốc tế giúp đỡ, để tập trung tất cả các hội cứu tế lại. Đệ nhị quốc tế và công nhân quốc tế vàng không chịu vào, lập riêng ra một hội cứu tế riêng.

Tuy vậy, Quốc tế giúp đỡ cũng lập thành. Từ cuối năm 1921, đến năm 1922, Quốc tế này quyên được hơn 5.000.000 đồng bạc, và 40.000.000 kilô đồ ăn cho dân Nga.

2. Khi Nga khỏi đói rồi, quốc tế này làm việc gì?

Nga khỏi đói rồi, Quốc tế này vẫn tiếp tục làm việc mãi. Bất kỳ xứ nào có tai nạn gì, Quốc tế này đều ra sức giúp. Năm 1923 Ailan (Ireland) mất mùa, mấy vạn dân cơm không có ăn, áo không có mặc, nhờ Quốc tế qua giúp mà khỏi chết đói. Năm 1924, thợ thuyền Đức bãi công hơn 60 vạn người, Quốc tế này

* Na Uy.

lập ra nhà ăn không mất tiền, mỗi ngày hơn 25.000 người thợ tới ăn. Lại lập ra nhà thương để nuôi những người bãi công đau ốm; lập ra nhà nuôi trẻ con của thợ thuyền, lập ra đội lữ hành đem trẻ con Đức qua gửi cho công hội các nước nuôi dạy. Lúc bãi công gần rồi mới đem về*.

Năm Nhật Bản có động đất, Tàu mắc lụt, Quốc tế này cũng chở đồ ăn, đồ mặc và đồ làm nhà qua giúp.

Nói tóm lại ở đâu mắc nạn lớn, là Quốc tế này đều giúp cả.

3. Quốc tế giúp đỡ lấy tiền đâu?

Quốc tế này không phải là một hội làm phúc phát chẩn và bố thí như các hội của tư bản lập ra. Mục đích quốc tế này là "thợ thuyền và dân cày trong thế giới là anh em, khi anh em xứ này rủi ro, thì anh em xứ khác phải giúp đỡ", vậy nên, khi có việc thì hội viên ra sức quyên, khi vô sự thì phải góp hội phí. Hội phí tùy theo hạng người như thợ thuyền làm ra đồng tiền dễ, thì đóng nhiều hơn, dân cày ít tiền thì đóng ít. Nhưng ai cũng phải đóng.

Vì Quốc tế có chi bộ khắp cả 5 châu, và hội viên rất đông, nhất là ở Nga, cho nên chi hội phí góp lại cũng đã khá nhiều.

Quốc tế lại đem tiền ấy ra làm hoa lợi, như mở sở cày, làm hát bóng, mở nhà buôn, sở đánh cá vân vân... Phần nhiều những công cuộc này đều là ở Nga. Chỉ một chỗ đánh cá ở Atrakan mỗi năm đánh được 4-5 triệu kilô cá.

Tiền bán ra đều để dành để giúp đỡ cho thế giới cả.

4. Quốc tế này đối với cách mệnh có ích gì?

Như nước An Nam gặp lúc vỡ đê vừa rồi, hay những khi đại hạn và lụt. Nếu Quốc tế biết, chắc có giúp đỡ. Song:

1. Là vì dân ta chưa ai biết đến mà kêu van;
2. Là Pháp sợ Quốc tế làm cho dân ta biết cách thân ái và liên hợp của vô sản giai cấp trong thế giới;

* Lúc bãi công gần thắng lợi rồi mới đem về.

3. Nó sợ tuyên truyền cách mệnh cho dân nên nó hết sức giấu dân ta không cho biết rằng trong thế giới có một hội như thế và ngăn trở Quốc tế ấy lọt vào đến An Nam.

Cái gì Pháp ghét, tất là có ích cho An Nam.

Còn như việc cách mệnh, Quốc tế này cũng giúp được nhiều. Xem như khi dân Nga đói, nhờ Quốc tế này mà không đến nỗi oán Chính phủ cách mệnh. Thợ thuyền Nhật nhờ Quốc tế này mà khôi phục được công hội lại mau. Thợ thuyền Đức nhờ Quốc tế này mà cứ việc phấn đấu, vân vân, thì biết rằng Quốc tế này sẽ có ích cho cách mệnh An Nam nhiều.

QUỐC TẾ CỨU TẾ ĐỎ

1. Quốc tế cứu tế đỏ là gì?⁽²⁷⁾

Quốc tế giúp đỡ thì cứu tế cho dân bị tai nạn, và cũng cứu tế cho những người chính trị phạm nữa. Quốc tế cứu tế đỏ thì chuyên môn giúp đỡ cho chính trị phạm mà thôi.

Bây giờ là hồi tranh đấu; vô sản thì tranh đấu với tư bản, dân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa về một phe, vô sản và dân bị áp bức về một phe. Hai phe ấy cũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội cách mệnh thì theo cờ Đệ tam quốc tế. Quân phản cách mệnh thì theo cờ bọn nhà giàu. Đánh nhau thì chắc có người phải bắt*, người bị thương, người bị chết. Quốc tế cứu tế đỏ như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, giùm giúp những người bị bắt, trông nom cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ của những người đã tử trận cho cách mệnh.

2. Quốc tế cứu tế đỏ lập ra từ bao giờ?

Năm 1923, Đệ tam quốc tế khai đại hội, có hội "bị đầy chung thân" và hội "những người cộng sản già" đề nghị, và Đệ tam quốc tế tán thành lập ra Quốc tế cứu tế đỏ. Trước hết lập ra tổng bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có chi bộ. (Chỉ có An Nam chưa).

Nga bây giờ có 50.000 phân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công nhân và nhiều dân cày vào hội ấy, hoặc vào từng người,

* Bị bắt.

hoặc cả đoàn thể. Tất cả các người cộng sản và cộng sản thanh niên đều phải vào hội ấy.

Khi mới lập ra, ba tháng đầu đã quyên góp được 300.000 đồng. Bốn tháng sau thì quyên được 4.000.000 đồng. Ở tỉnh Quảng Đông, Tàu mới lập chi bộ được 6 tháng mà đã được 250.000 hội viên.

Xem thế thì biết Quốc tế ấy phát triển rất chóng.

3. Quốc tế giúp cách thế nào?

Khi những người cách mệnh hoặc bị đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết, thì Quốc tế giúp đỡ:

1. Chính trị;
2. Kinh tế;
3. Vật chất;
4. Tinh thần.

a) *Giúp chính trị*: Như có người bị bắt, bị giam, thì Quốc tế sức* cho các chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai người cách mệnh Ý bị bắt tại Mỹ, toan phải án chết, Quốc tế sức chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại các nước nào, xứ nào có lãnh sự** Mỹ thì thợ thuyền đều khai hội tuần hành và tuyên ngôn rằng: Nếu Chính phủ giết hai người ấy, thì thợ thuyền Mỹ bãi công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không dám làm tội hai người ấy.

b) *Giúp kinh tế*: Hễ bị giam thì thường ăn uống cực khổ, còn vợ con cha mẹ ở nhà thì không ai nuôi. Quốc tế gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà giam và giúp cho người nhà ít nhiều để khỏi phải đói rách. Như vậy thì những người bị giam cảm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc Quốc tế xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gửi áo quần sách vở cho.

* Chi thị.

** Lãnh sự quán.

c) *Giúp tinh thần*: Hoặc phái người hoặc gửi thư đến thăm.

1. Người ở giam biết rằng mình tuy hy sinh cho quần chúng mà quần chúng không quên mình, thế thì trong lúc bị giam đã không buồn sau được khỏi lại càng hết sức.

2. Là người ta biết rằng mình tuy phải giam một nơi, nhưng công việc cách mệnh vẫn cứ phát triển, vẫn có người làm thế cho mình.

4. Cách mệnh An Nam nên theo Quốc tế này không?

Nên lắm. Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Huống gì, dân An Nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm.

CÁCH TỔ CHỨC CÔNG HỘI

1. Tổ chức công hội làm gì?

Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khác hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới.

Đi lại không phải là bữa này người A có giỗ chạp thì người B tới ăn; mai người B có cúng quảy lại mời người C tới uống rượu. Nhưng đi lại để bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ phải, để giao hoán trí thức cho nhau.

Nghiên cứu chẳng những là giờ sách vở, giờ báo ra giảng; nhưng phải bàn bạc cách phân đấu với tư bản và đế quốc chủ nghĩa*.

Sửa sang cách sinh hoạt như lập hiệp tác xã, mở hội học, hội chơi cho công nhân, vân vân.

Giúp cho quốc dân và thế giới là đem lực lượng thợ thuyền cách mệnh làm cho ai cũng được bình đẳng tự do như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

2. Cách tổ chức công hội thế nào?

Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp này ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn.

* Câu này hiểu như sau: Nghiên cứu chẳng những là giờ sách vở, giờ báo ra giảng, mà còn phải bàn bạc cách đấu tranh với bọn tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy; tất cả nhập vào một công hội xe lửa.

Tổ chức theo sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp, thì có khi người đốt lửa bãi công mà người cầm máy không, hoặc người phát vé bãi công mà người làm ga không, thế thì sức bãi công yếu đi.

3. Một người công nhân có thể vào hai hội không?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp, thì chỉ những người đồng nghề nghiệp này được vào; ai vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí dụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, mấy người thợ việc* đã vào hội ấy rồi. Trong xứ ấy lại có một hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe lửa** không được vào.

Trong một nghề hoặc một sản nghiệp cũng được lập hai hội.

Nhưng mà một công hội có phép vào hai tổng công hội. Thí dụ: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa An Nam lại vào tổng công hội ta nào***.

Nói tóm lại là đoàn thể thì có phép vào nhiều tổng công hội mà từng người thì chỉ được vào một hội mà thôi. Nếu giới hạn này không nghiêm thì sau này hay bối rối.

4. Công hội với chính đảng khác nhau thế nào?

Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Ai là thợ thuyền thì được vào hội, dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin vô chính phủ, tin gì cũng mặc, miễn là theo đúng quy tắc hội là được.

* Công nhân các nghề trong ngành xe lửa.

** Công hội xe lửa.

*** Câu này hiểu là: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa Việt Nam, còn có thể vào một tổng công hội khác.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề gì, thợ thuyền hay là dân cày, học sinh hay là người buôn, miễn là người ấy tin theo chủ nghĩa đảng, phục tùng phép luật đảng* thì được vào.

Ai vào cả đảng và hội, chính trị thì theo đảng chỉ huy, mà kinh tế thì theo công hội chỉ huy. Đảng viên ai cũng phải vào hội để mà tuyên truyền chủ nghĩa của đảng. Nhưng không phải hội viên nào cũng vào được đảng.

5. Cái gì là hệ thống của công hội?

Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4, 5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyên tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước. Ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên.

Đã ngang lại dọc, thế thì theo mệnh lệnh tổng công hội ngang hay là tổng công hội dọc? Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lệnh dọc. Nếu quan hệ về địa phương thì theo mệnh lệnh ngang.

6. Muốn hội vững bền thì phải tránh những việc gì?

Đã vào công hội thì:

1. Nên bỏ giới hạn xứ sở, nghĩa là chớ phân biệt người này là Trung Kỳ, người kia là Nam Kỳ, người nọ là Bắc Kỳ. Và cũng không nên chia ra người An Nam, người Tàu hay người nước nào. Đã một nghề, một hội tức là anh em cả, phải xem nhau như người một nhà.

2. Đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng.

3. Chớ có bỉ thử mình khéo hơn, lương cao hơn, mà khinh người vụng và ăn tiền ít.

* Điều lệ đảng.

4. Chớ cậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.

5. Chớ cho bọn tư bản vào hội.

7. Phải tổ chức thế nào cho kiên cố?

Công hội là cơ quan của công nhân để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa, cho nên tổ chức phải nghiêm ngặt, chỉ huy phải mau mắn, làm việc phải kín đáo. Muốn được như thế thì phải tổ chức như quân đội.

Quân lính thì phải có đội ngũ.

Thợ thuyền phải có tiểu tổ, chi bộ.

Thí dụ: Trong tỉnh có 5 nhà máy dệt vải, mỗi nhà máy phải có một chi bộ. Trong mỗi chi bộ lại chia làm mấy tiểu tổ; mỗi chi bộ phải cử 3 hoặc 5 người làm ủy viên; (phần nhiều nên cử những người làm trong lò đã lâu, thuộc tình hình nhiều) mỗi tiểu tổ phải cử tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ không được quá 10 người.

Tiểu tổ theo mệnh lệnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc hội*. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mươi vạn người chỉ huy cũng dễ, và hành động cũng nhất trí.

8. Tiểu tổ làm những việc gì?

Cây có nhiều rễ mới vững, hội có nhiều tiểu tổ mới bền. Tiểu tổ phải:

1. Huấn luyện và phê bình anh em;
2. Thi hành những việc hội đã định;
3. Bàn bạc việc hội;
4. Điều tra tình hình trong lò máy;
5. Đề nghị những việc hội nên làm;
6. Thu hội phí;

7. Báo cáo những việc làm cho chi bộ, để chi bộ báo cáo cho tỉnh bộ, vận vận.

* Công hội toàn quốc.

Chi bộ nhiều người khó khai hội, khó xem xét. Tiểu tổ ít người, làm gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ bí mật hơn và mau mắn hơn. Tiểu tổ là có ích như thế. Và lại, nếu Chính phủ cấm công hội, mà tiểu tổ khéo tổ chức, thì công hội cứ tiến bộ, cứ làm việc được. Vậy cho nên người ta gọi tiểu tổ là gốc của hội.

9. Thứ tự trong công hội thế nào?

Tiểu tổ lên chi bộ.

Nếu trong tỉnh nhiều lò máy, 4, 5 chi bộ tổ chức một bộ ủy viên (4, 5 lò ấy mỗi lò cử 1 hoặc 2 người).

Bộ ủy viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về dự hội, nghĩa là tất cả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá, khai hội không tiện thì định mấy người cử một đại biểu dự hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc gì, thì chấp hành ủy viên hội phải thi hành. Khi hội tan thì quyền về chấp hành ủy viên hội.

Đại biểu đại hội trong tỉnh một tháng khai hội một lần. Đại biểu đại hội trong nước, một năm một lần.

Đại biểu nên cử công nhân làm, không nên cử những người chức việc trong hội. Khi khai hội, đại biểu phải báo cáo tình trạng và ý kiến của công nhân (không phải ý kiến riêng mình), đề nghị và bàn bạc các việc. Khai hội rồi, phải về báo cáo việc hội cho công nhân.

10. Có việc gì thì giải quyết thế nào?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung. Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội có quyền phạt.

Gặp việc bất thường không kịp khai hội, thì ủy viên có quyền xử trí, sau báo cáo cho hội.

Gặp việc bất thường lắm, thì hội ủy viên cứ phép giao quyền cho một người, người này có quyền độc đoán, việc rồi* báo cáo với hội.

11. Sao hội viên phải nộp hội phí?

Có hội thì có phí tổn, như thuê nhà, bút mực, vân vân, ấy là thường phí, hội viên phải gánh. Lại có bất thường phí, như để dành phòng lúc bãi công, hoặc giúp đỡ những người trong hội mất việc làm, hoặc làm các việc công ích, vân vân. Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên phải "góp gió làm bão".

Khi hội có tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này:

1. Lập trường học cho công nhân;
2. Lập trường cho con cháu công nhân;
3. Lập nơi xem sách báo;
4. Lập nhà thương cho công nhân;
5. Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát;
6. Mở hiệp tác xã;
7. Tổ chức công binh**, đồng tử quân***, vân vân. Phải xem hoàn cảnh mà làm, chớ cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa chú ý. Hội tiêu tiền phải rất phân minh, cho hội viên đều biết. Hội phí không nên thu nặng quá; phải theo sức hội viên.

12. Cách tổ chức bí mật thế nào?

Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc) vân vân, che mắt người ta.

* Xong việc rồi.

** Ở đây có thể là đội tự vệ.

*** Một tổ chức của thiếu niên, nhi đồng (Sau này Đảng ta đã thành lập tổ chức này vào những năm 1930-1931).

Ở Tàu, ở Nhật nhiều nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh, và bàn việc; cho nên ma tà mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi, vân vân để che cho công hội.

Lại khi mới xây dựng ra hoặc ở nơi thợ thuyền ít, phải tùy cơ ứng biến, không nhất định cứ theo cách thường.

Đại khái cách tổ chức công hội phải thống nhất, bí mật, nghiêm ngặt, thì hội mới vững vàng.

TỔ CHỨC DÂN CÀY

1. Vì sao phải tổ chức dân cày?

Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong 100 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nổi cơm không đủ ăn, áo không có mặc.

Xem như Trung Kỳ, tất cả chừng 5. 730.000 người dân mà chỉ có chừng 148. 015 mẫu ruộng.

Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, 175 thằng Tây đồn điền lại chiếm hết:

- 1. 982 mẫu ở Thanh Hóa;
- 35. 426 mẫu ở Nghệ An;
- 17. 076 mẫu ở Nha Trang;
- 13. 474 mẫu ở Phan Thiết;
- 92.000 mẫu ở Kon Tum,
- 67.000 mẫu ở Đồng Nai.

Như thế thì dân ta còn ruộng đâu nữa mà cày!

2. Tây đồn điền choán ruộng cách thế nào?

Chúng nó dùng nhiều cách. Như tháng 6 năm 1922*, 20 thằng Tây rủ nhau xin Chính phủ Tây mỗi thằng 3.000** mẫu trong lục tỉnh. Xin được rồi nhóm cả lại thành ra 60.000 mẫu, 19 thằng bán lại cho 1 thằng.

Tháng 8 năm 1926, nhà ngân hàng Đông Pháp xin 30.000 mẫu, trong đám đất ấy đã có 6 làng An Nam ở. Khi nhà ngân hàng xin được rồi thì nó đuổi dân ta đi.

*. ** Số này trong nguyên bản bị mờ.

Nam Kỳ bị Tây đồn điền chiếm mất 150.000 mẫu ruộng tốt.

Phần thì Tây đồn điền cướp, phần thì các nhà thờ đạo chiếm. Các cổ đạo chờ năm nào mất mùa, đem tiền cho dân cày vay. Chúng nó bắt dân đem văn khế bán ruộng cầm cho nó và ăn lời thiệt nặng. Vì lời nặng quá, đến mùa sau trả không nổi, thì các cổ xiết ruộng* ấy đem làm ruộng nhà thờ.

3. Chính phủ Pháp đãi** dân cày An Nam thế nào?

Tư bản Tây và nhà thờ đạo đã choán gần hết đất ruộng, còn giữ được miếng nào thì Chính phủ lại đánh thuế thiệt nặng, mỗi năm mỗi tăng. Như mỗi mẫu ruộng tốt mỗi năm tất cả hoa lợi được chừng 25 đồng, Tây nó đã lấy mất 2 đồng 5 hào thuế, nghĩa là 10 phần nó lấy mất một.

Nếu tính tiền thuê trâu bò, mua phân tro, mướn làm, tiền ăn uống, thì mỗi mẫu mỗi năm đã hết chừng 30 đồng. Nghĩa là dân cày đã lỗ mất 5 đồng, mà Chính phủ lại còn kẹ*** lấy cho được 2 đồng rưỡi.

Chẳng thế mà thôi. Dân ta cày ra lúa mà không được ăn. Đến mùa thuế thì bán đồ bán tháo để nộp thuế. Tây nó biết vậy thì nó mua rẻ để nó chở đi bán các xứ, mỗi năm nó chở hết 150 vạn tấn. Nó chở đi chừng nào, thì gạo kém chừng ấy, thì dân ta chết đói nhiều chừng ấy.

4. Bây giờ nên làm thế nào?

Sự cực khổ dân cày An Nam là:

1. Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày.
2. Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn.
3. Làm nhiều, được ít, thuế nặng.
4. Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa.
5. Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chở đi Tân thế giới.

* Một hình thức tước đoạt ruộng đất để trừ vào tiền cho vay.

** Đãi: Đối xử với...

*** Bắt ép, bắt chẹt.

6. Nào là chính trị áp bức (thử hỏi dân cày ta có quyền chính trị gì?), văn hóa áp bức (dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?).

Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng.

5. Cách tổ chức dân cày như thế nào?

Cách tổ chức đại khái như sau:

1. Bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những người tiểu điền chủ cho đến những dân cày thuê cày rẫy, từ 18 tuổi trở lên thì được vào. (Những người đại địa chủ, mật thám, cố đạo, say mê rượu chè, cờ bạc và a phiến* thì chớ cho vào hội).

2. Ai vào phải tình nguyện giữ quy tắc hội, và phải có hội viên cũ giới thiệu.

3. Làng nào đã có 3 người tình nguyện vào hội thì tổ chức được một hội làng, 3 làng có hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng có hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện có hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh có hội thì tổ chức hội nước.

4. Còn cách khai hội, tổ chức cán bộ làm việc, tuyển cử, đề nghị, giải quyết, báo cáo thì cũng như công hội.

6. Hội dân cày nên đặt tiểu tổ hay không?

Dân cày trong làng không xúm xít đông đúc như thợ thuyền trong lò máy, cho nên hội dân cày thế cho tiểu tổ; người ủy viên thế cho tổ trưởng cũng được.

Ủy viên bên thì chỉ huy cho hội viên làm việc, bên thì thi hành mệnh lệnh từ thượng cấp truyền đến, bên thì báo cáo việc đại hội với hội viên, bên thì báo cáo công việc hội viên với đại hội.

Các hội viên thì phải:

1. Kiếm hội viên mới;

2. Điều tra cách ăn làm và các việc trong làng;

* Thuốc phiện.

3. Đề xướng làm các hợp tác xã;
4. Hết sức mở mang giáo dục, như lập trường, tổ chức nhà xem sách, vân vân;
5. Khuyên anh em dân cày cấm rượu, a phiến, đánh bạc;
6. Đặt hội cứu tế, vân vân.

Nói tóm lại là kiếm làm những việc có ích cho dân cày, có lợi cho nòi giống.

7. Nếu không có tiểu tổ sao giữ được bí mật?

Ấy là nói về lúc bình thường, có lẽ công khai được. Nếu lúc phải giữ bí mật, thì:

1. Phải dùng cách tiểu tổ;
2. Chớ gọi là hội dân cày, nhưng gọi là phường lợp nhà, phường đánh cá, phường chung lúa, vân vân để mà che mắt thiên hạ. Và trong làng xã An Nam hiện bây giờ cũng có nhiều phường hội như thế, muốn tổ chức dân cày thì nên theo hoàn cảnh mà lợi dụng những phường ấy. Cốt làm sao cho người ngoài đừng chú ý là tốt.

Khi hội đã vững, hội viên đã đông, lại nên đặt các bộ chuyên môn* như:

Bộ tập thể thao;

Bộ cải lương nghề cày cấy**;

Bộ người cày thuê (đi cày thuê gặt mướn cho người ta, mình không có đất ruộng trâu bò gì cả);

Bộ người cày rẽ;

Bộ thủ công nghiệp (thợ thuyền trong làng tuy không cày ruộng, hoặc nửa cày nửa thợ, cũng phải cho vào hội dân cày);

Bộ thanh niên, bộ phụ nữ, bộ giáo dục, vân vân.

* Các ban chuyên môn.

** Ban cải tiến nghề cày cấy.

8. Có nông hội rồi đã khỏi những sự cực khổ nói trên chưa?

Sự tự do, bình đẳng phải cách mệnh mà lấy lại, hội nông là một cái nền cách mệnh của dân ta. Nếu thợ thuyền và dân cày thì sẽ khỏi những sự cực khổ ấy. Dẫu chưa cách mệnh được ngay, có tổ chức tất là có ích lợi. Như mỗi năm Tây nó bắt dân ta hút 150 vạn kilô a phiến, nó lấy 1.500 vạn đồng lời. Nó bắt ta mua 173.000.000 lít rượu, nó lấy 1.000 triệu phrăng lời. Nó vừa lấy lời vừa làm cho ta mất nòi mất giống. Nếu dân cày tổ chức mà khuyên nhau đừng uống rượu, đừng hút a phiến, thì đã cứu được nòi giống khỏi mòn mỏi, mỗi năm lại khỏi đem 1.000.000.000 phrăng và 15.000.000 đồng bạc cúng cho Tây. Tây nó áp bức ta vì ta không thương yêu nhau, vì ta ngu dốt. Có hội hè rồi trước là có tình thân ái, sau thì khuyên nhau học hành. Chúng ta đã biết "cách mệnh" tinh thần, "cách mệnh" kinh tế, thì "cách mệnh" chính trị cũng không xa.

HỢP TÁC XÃ⁽²⁸⁾

1. Lịch sử.

Hợp tác xã đầu hết^{*} sinh ra ở bên Anh. Năm 1761, mấy người thợ dệt vải rủ nhau lập ra một cái hội "làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong làng xóm".

Năm 1777, một hội khác lập ra. Sau còn nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864, một hội mới lại lập ra được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội này có 5.673.245 đồng vốn và tiền buôn bán đi lại được 47.777.000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5.000 mẫu vườn chè (trà), 6 người đại biểu làm hạ nghị viện, 4.580.623 người hội viên.

Hợp tác xã bây giờ bên Nga lớn nhất, thứ hai đến Anh (tiêu phí hợp tác^{**}), thứ ba Pháp (sinh sản hợp tác^{***}), thứ tư Đan Mạch^{****} (nông dân hợp tác), thứ năm Đức (ngân hàng hợp tác^{*****}).

Ở Nhật có một hội khi mới lập chỉ có 1.840 đồng vốn cách 8 năm đã có 370.000 đồng.

2. Mục đích.

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói: "Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hóa ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau.

* Đầu tiên.

** Hợp tác xã tiêu thụ.

*** Hợp tác xã sản xuất.

**** Nước Đan Mạch.

***** Hợp tác xã vay mượn hay còn gọi là hợp tác xã tín dụng.

Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây".

Hồi bấy giờ tư bản và đế quốc chủ nghĩa bá tước* dân chẳng sót cách gì, chúng nó lấy tiền dân trở lại áp bức dân, chúng nó đã rán sành ra mỡ, lại còn "lấy gậy thầy đánh lưng thầy" cho nên hợp tác xã trước là có ích lợi cho dân, sau là bớt sức bóp nặn của tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

3. Lý luận.

Tục ngữ An Nam có những câu: "Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó" và "Một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao". Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí dụ 10 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng; ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu củi, nước, công phu và thì giờ.

4. Mấy cách hợp tác xã.

Hợp tác xã có 4 cách:

1. Hợp tác xã tiền bạc**;
2. Hợp tác xã mua;
3. Hợp tác xã bán;
4. Hợp tác xã sinh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác xã ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng:

* Bóc lột.

** Hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng.

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.

b. Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý *bố thí*, hợp tác xã có *tiêu đi*, có *làm ra*, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách "cách mệnh" ai cũng giúp mà ai cũng bị giúp.

5. Hợp tác xã tiền bạc.

Hay là ngân hàng của dân; dân cày và thợ thuyền chung vốn lập ra:

1. Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì đến vay được lời nhẹ;

2. Hội viên có dư dật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Dân nghèo, người có mà góp thì ít, người muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng? Muốn lập được phải có ba điều:

a) Tiền vốn - Nếu 1 người bỏ vào một đồng, 1.000 người đã được 1.000 đồng. Có 1.000 vốn, lưu thông khéo thì cũng bằng 10.000 đồng.

b) Lưu thông - Nếu mỗi người giữ lấy một đồng, thì 1.000 đồng ấy cũng tiêu mất. Nếu góp lại, tháng đầu cho A vay 100 hén 6 tháng trả; tháng 2 cho B vay 100 vắn vắn, chuyển đi mãi, lưu thông mãi, cả lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và giúp được hội viên cũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c) Tín dụng - Làm có bề thế cho người ta tín dụng*, thì giao dịch dễ. Vậy thì vốn tuy ít mà dùng được nhiều.

6. Hợp tác xã mua.

Nhà nào cũng không làm đủ đồ dùng được, chắc phải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ)** thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ

* Tín dụng là công việc của ngân hàng về cho vay và nhận tiền gửi. Đoạn nói về tín dụng ở đây hiểu là: cần phải làm cho có bề thế để người ta tin tưởng khi gửi tiền và vay tiền.

** Đây dùng từ này theo nghĩa địa phương *mua buôn* hay *mua nhiều*.

thì đắt mà đồ thì xấu. Nhưng thợ thuyền và dân cày lấy tiền đâu mà mua sỉ? Mua được, một nhà dùng cũng không hết. Cho nên phải chịu thua thiệt mãi.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ về chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt lại khỏi mất thì giờ.

Thí dụ: Mua thùng dầu lửa giá 3 đồng, được 50 lít. Nhà buôn mua về kiếm cách pha phết thành ra 53 lít. Dân mỗi nhà phải có một người xách chai đi chợ mua mỗi lít phải trả một hào, dầu đã xấu, thấp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời:

1 cái thùng 0đ20

23 lít dầu 2đ30

Cộng cả 2đ50

53 nhà dân lỗ: 2đ50 và 53 giờ đồng hồ.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau phái một người đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2đ50, lại lời được 53 giờ. Đem 53 giờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

7. Hợp tác xã bán.

Mua càng nhiều càng rẻ, bán càng nhiều càng đắt. Mua càng ít càng đắt, bán càng ít càng rẻ. Ai cũng biết như vậy. Nhưng dân nghèo có đồ đâu mà bán nhiều. Và lại khi đem rổ khoai thúng lúa đi chợ, thì đắt rẻ cũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Phần thì sợ mất công, phần thì sợ mất thuế, phần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại càng bắt bớ trả rẻ.

Lại thí dụ: 53 nhà có 53 thúng lúa, cho 53 người đem đi bán, phải nộp 53 lần thuế; đong đi đong lại đổ tháo mất 53 năm, nhà buôn bán bớ trả rẻ mất 53 xu (mỗi thúng một xu). Giời nắng, 53 người phải uống 53 xu nước, vân vân. Tính lại, thua thiệt biết chừng nào.

Nếu 53 nhà ấy có hợp tác xã bán, thì lời biết bao nhiêu!

8. Hợp tác xã sinh sản.

Hợp tác này là để giúp nhau làm ăn. Thí dụ: Dân cày mỗi nhà có một con bò, phải có một thằng bé chăn, phải có một cán ràn*, lòi thoi biết chừng nào? Lại như những nhà không có, mùa cày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy cày, bừa, cuốc, liềm, vân vân, khi cày mễ, cuốc cùn chưa có tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ cày, ai dùng đến thì phải nộp ít nhiều, như thế há chẳng hơn sao?

Lại như trồng ra bông; nhưng không có bàn đánh bông, không có đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ mà làm, thì công ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là hợp tác xã rất có lợi cho nên dân các nước làm nhiều lắm. Thử xem các hàng buôn sở dĩ mà giàu có, chẳng qua nó bớt ngược bớt xuôi của dân. Hợp tác xã là để cho khỏi bị hàng buôn ăn bớt.

9. Nhà buôn lấy lời.

Nhà buôn kiếm được lời là vì người làm ra đồ và người dùng đồ, người mua và người bán cách xa nhau, phải nhờ nhà buôn đứng giữa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí dụ: Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam là hay uống chè. Nhưng dân Bắc không đem vào Nam bán, dân Nam không ra tới Bắc mua.

Mấy nhà có chè đem bán cho A, hàng chè trong tổng; A đem bán lại cho B, buôn chè trong phủ, *ăn lời một lần*. B lại đem bán cho phố C ở tỉnh, *ăn lời 2 lần*. C bán cho công ty Đ Hà Nội, *ăn lời 3 lần*. Công ty Đ bán cho công ty E Sài Gòn, *ăn lời 4 lần*. Công ty E lại bán cho nhà buôn F các tỉnh, *ăn lời 5 lần*. Nhà buôn F bán sỉ cho phố G các phủ, *ăn lời 6 lần*. G bán lẻ cho H, *ăn lời 7 lần*. H bán lẻ cho người uống, *ăn lời 8 lần*.

Thế là người làm ra chè thua thiệt, người uống chè cũng thua thiệt. Nếu có hợp tác xã thì tránh khỏi những điều ấy.

* Cái chuồng.

10. Cách tổ chức.

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng một hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải có hợp tác xã nào thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, vào có khi hai hợp tác xã - mua và bán - lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai hợp tác xã tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết, như một hợp tác xã mua và một hợp tác xã bán.

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy, vân vân, thì có phép mượn người ngoài.

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau.

LỜI PHÁT BIỂU TRONG BUỔI KHAI MẠC PHÒNG TRIỂN LÃM VĂN HÓA*

...Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ ta lâu nay đều đã cố gắng tìm một con đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi ở dưới đất mà cứ muốn vụt lên trời: Chết mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít.

...

Thật là một thế giới tiên! Nhưng tôi nhớ mường tượng như Lỗ Tấn nhà văn hào cách mạng Trung Hoa đã nói ở đâu một câu đại ý như thế này: Người trần lên tiên có lẽ cũng thích thật. Nhưng nhìn thấy mãi cái đẹp không thay đổi rồi cũng thấy chán nản, nhạt nhẽo và mới biết rằng: muốn tìm thấy sự thay đổi, phải trở về với cuộc sinh hoạt thực tại của con người.

...

Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng cần phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng; những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và đủ điều kiện để phát triển được.

* Trích bài của phóng viên báo Cứu quốc, cơ quan tuyên truyền tranh đấu của Tổng bộ Việt Minh, số ra ngày 8-10-1945, ghi lại lời phát biểu của Hồ Chủ tịch khi xem các phòng triển lãm trong buổi khai mạc Phòng Triển lãm văn hóa, ngày 7-10-1945.

Ngày nay, trước khi đi đến việc kiến thiết nước nhà, chúng ta còn phải qua một thời kỳ tranh đấu cực kỳ khổ sở, khó khăn nữa. Giới văn hóa cũng phải cùng các giới đồng bào đi qua chặng đường ấy. Mong rằng các anh chị em văn hóa đã cố gắng, xin cố gắng lên mãi, để cùng đồng bào đi đến chỗ hoàn toàn vẻ vang của nước nhà.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 7-10-1945

Báo *Cứu quốc*, ngày 8-10-1945.

CÁC NHÀ VĂN HÓA VIỆT NAM HÃY CHÚ Ý ĐẶC BIỆT ĐẾN NHI ĐỒNG*

Nhi đồng Việt Nam đã tiến bộ nhiều về văn hóa. Cứ xem mỗi khi có công việc gì thích hợp để làm, các em đã làm rất tài tình. Ví dụ như cần tuyên truyền Đời sống mới, cần chống nạn mù chữ, các em diễn được ngay những vở kịch ngắn, vui mà khéo biết bao! Hay là không biết có phải vì tôi thương nhi đồng mà tôi thấy thế?

Tôi xin thay mặt toàn thể thiếu nhi Việt Nam kêu gọi các nhà văn hóa Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến nhi đồng.

Phát biểu ngày 24-11-1946.
Báo *Cứu quốc*, số 417, ngày 26-11-1946.

* Phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc họp ở Hà Nội, ngày 24-11-1946.



Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1930

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

THƯ GỬI ANH EM VĂN HÓA VÀ TRÍ THỨC NAM BỘ

Cùng đồng bào văn hóa và trí thức Nam Bộ,

Tôi thay mặt Chính phủ cảm ơn sự ủng hộ của các bạn. Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, tranh quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà để cho văn hóa cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều được phát triển tự do. Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh em văn hóa và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

Nhân dân ta sẵn sàng thân thiện với nhân dân Pháp, nhưng quyết không chịu làm nô lệ cho thực dân phản động. Anh em văn hóa và trí thức, càng phải quyết tâm không chịu làm nô lệ.

Tôi gửi anh em lời chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 25 tháng 5 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI HỘI NGHỊ THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN VÀ BÁO CHÍ TOÀN QUỐC

Các đồng chí,

Tôi gửi lời thân ái chúc các đại biểu mạnh khỏe và Hội nghị có kết quả tốt. Sau đây là một vài ý kiến tôi đưa ra để giúp vào cuộc thảo luận của Hội nghị.

Theo ý kiến của tôi, thì thông tin, tuyên truyền và báo chí là ba ngành trong một việc, ba ngành đó phải đi sát với nhau. Vì vậy, các ưu điểm và khuyết điểm cũng chia sẻ với nhau. Xét lại, hơn một năm kháng chiến, chúng ta thấy trong thông tin, tuyên truyền và báo chí, ưu điểm cũng có vài khuyết điểm cũng còn nhiều.

ƯU ĐIỂM

1. Mặc dầu hoàn cảnh khó khăn, anh em đều cố gắng làm nhiệm vụ.

2. Số báo chí nhiều hơn trước, nhất là bích báo càng phát triển.

Hầu khắp các cơ quan và bộ đội, các đoàn thể đều có bích báo. Các huyện như An Hải có báo *Giết giặc*, các đội nhi đồng như báo *Xung phong* của em bé ở Hải Dương, kỹ thuật và nội dung rất khá.

3. Nhiều nơi có sáng kiến dùng những cách thức phổ thông để tuyên truyền, như kịch, vè, ca dao, v.v..

4. Gần đây đã đi đến chỗ thống nhất thông tin tuyên truyền.

KHUYẾT ĐIỂM

a- Nhiều địa phương, anh em thông tin tuyên truyền lầm tưởng mình là công chức, làm việc theo cách bàn giấy mà quên

nhiệm vụ của mình là tuyên truyền, cổ động, giải thích và huấn luyện cho nhân dân.

- Các cấp thông tin tuyên truyền thường thi hành chỉ thị cấp trên một cách máy móc, không biết áp dụng theo hoàn cảnh thiết thực trong địa phương mình.

- Tuyên truyền không chủ trương thực tế mà hay nói những lý luận viển vông.

- Chưa có một chương trình, một kế hoạch *thiết thực* và *đầy đủ* về công tác cũng như về kiểm tra.

b- Báo chí có những khuyết điểm sau đây:

1. *Về kỹ thuật*: Có đôi tờ báo, khi thì rộng, khi thì hẹp, chữ in thì luộm thuộm, khó đọc, tên báo thì thường đổi khác (khi in thế này, khi in cách khác), thành thử tờ báo mất cả cái bản sắc của nó. Nhiều khi "tiếp theo trang sau" lộn xộn quá, làm cho người đọc khó tìm.

2. *Về tin tức*: Tin tức thế giới nhiều hơn tin tức trong nước. Có những tỉnh như Hà Giang, Lào Cai hoặc các tỉnh Trung Bộ hầu như không bao giờ có tin tức gì trên mặt báo. Các báo miền ngược không chú ý dân tộc thiểu số.

- Có khi đăng tin không xác thực.

- Không biết giữ bí mật. Thí dụ: đăng cả tên, hoặc số các bộ đội ta. Đăng rõ địa điểm và kết quả sau một cuộc địch ném bom.

3. *Về văn chương*: Quá dài dòng văn tự. Khô khan, kém hoạt bát lanh lợi. Không phổ thông. Hay dùng chữ Tàu mà không đúng nghĩa.

4. *Về chính trị*: Hay nói chính trị suông mà ít chú ý đến những vấn đề quan trọng khác, như kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Không nắm được những vấn đề chính để giải thích cho dân. Thí dụ: vấn đề chính phủ bù nhìn, những việc cần thiết trước và sau khi địch tấn công.

Không biết lãnh đạo dư luận, không biết thúc đẩy và nâng cao tinh thần tranh đấu của nhân dân.

- Đôi khi sơ suất, cầu thả, làm giảm giá trị tờ báo hoặc làm mất lòng người xem. Thí dụ: Tờ báo nọ đăng bài có đầu không đuôi. Tờ báo kia quên cả lịch sử, trận Đống Đa ngày 5 tháng Giêng âm lịch, thì viết là 10 tháng 11. Tờ báo khác đăng tin vị linh mục X hàng địch, kỳ thực vị ấy là một người tốt.

5. *Về phát hành*: Chậm chạp và thiếu thốn. Nhiều nơi, hàng tháng không có báo, không có tin tức.

6. *Về dịch vận*: Còn rất kém, đôi lính Pháp cũng như đối những người Việt lầm đường theo Pháp.

7. *Về kinh nghiệm*: Không biết trao đổi cho nhau. Vùng này có nhiều sáng kiến hay, đã lượm được kết quả tốt, mà vùng khác không biết bắt chước (những điều 5, 6, 7 thì báo chí cũng như thông tin tuyên truyền).

Nói tóm lại: Nội dung các tờ báo chưa phản ánh được sự sinh hoạt của các tầng lớp dân chúng, chưa thành *tờ báo của dân chúng*.

Tôi mong rằng, trong cuộc Hội nghị này, các đồng chí sẽ bàn định một *chương trình thiết thực và đầy đủ* để sửa chữa những khuyết điểm, phát triển những ưu điểm, để làm cho thông tin tuyên truyền và báo chí trở nên rất hoạt động. Mà muốn đạt mục đích đó thì đào tạo cán bộ mới là một vấn đề quan trọng cần phải giải quyết.

Tôi chắc rằng các đồng chí sẽ cố gắng để làm cho thông tin, tuyên truyền và báo chí làm tròn nhiệm vụ *tuyên truyền, cổ động, huấn luyện và lãnh đạo* nhân dân.

Chào thân ái và quyết thắng.

Tháng 2 năm 1948

HỒ CHÍ MINH

Tạp chí *Kinh nghiệm tuyên truyền*,
Sở Thông tin Nam Bộ, số 7, tháng 5-1949.

THƯ GỬI HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI

Gửi Hội nghị văn hóa toàn quốc,

Nhân dịp Hội nghị văn hóa toàn quốc, tôi gửi lời thân ái chúc mừng các đại biểu.

Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng. Từ ngày chính quyền dân chủ thành lập cho đến nay, các nhà văn hóa ta đã cố gắng và đã có thành tích. Song từ nay trở đi chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hóa kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Muốn đi đến kết quả đó, tôi thiết tưởng, các nhà văn hóa ta cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng.

Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân, mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới. Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế.

Đang có phong trào Thi đua ái quốc của toàn dân, tôi mong rằng Hội nghị sẽ có một chương trình thi đua ái quốc về mặt trận văn hóa. Tôi chắc rằng sau Hội nghị, văn hóa của ta sẽ có một sự phát triển mạnh mẽ.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 15 tháng 7 năm 1948

HỒ CHÍ MINH

Báo Cứu quốc, số 1011, ngày 12-8-1948.

THƯ GỬI CÁC HỌA SĨ NHÂN DỊP TRIỂN LÃM HỘI HỌA NĂM 1951*

Gửi anh chị em họa sĩ,

Biết tin có cuộc trưng bày, tiếc vì bận quá, không đi xem được, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm anh chị em. Nhân tiện tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật để anh chị em tham khảo.

Văn hóa nghệ thuật cũng là một *mặt trận*.

Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy.

Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là: phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật cần có *lập trường* vững, *tư tưởng* đúng, nói tóm tắt là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Về *sáng tác*, thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân. Như thế, mới bày tỏ được tinh thần anh dũng và kiên quyết của quân và dân ta, đồng thời để giúp phát triển và nâng cao cho tinh thần ấy. Kháng chiến tiến bộ mạnh. Quân và dân ta tiến bộ mạnh. Nghệ thuật cũng cần tiến bộ mạnh. Muốn tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi, thì anh chị em nghệ thuật cần phải dùng phương pháp phê bình và tự phê bình.

Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào *chính trị*.

* Triển lãm hội họa năm 1951 khai mạc tại Việt Bắc. Ngót 200 bức tranh có giá trị được trưng bày, diễn tả những nét sinh hoạt, đấu tranh của nhân dân ta và tố cáo tội ác của bọn xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ.

Đúng lắm. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị.

Tiền đồ dân tộc ta rất vẻ vang, tiền đồ nghệ thuật ta rất rộng rãi. Chúc anh chị em mạnh khỏe, tiến bộ, thành công!

Chào thân ái và quyết thắng!

HỒ CHÍ MINH

Ngày 10-1-1951

Báo *nhân dân*, ngày 10-1-1951

ĐẠI HỘI VĂN CÔNG

Trong những năm kháng chiến gian khổ và anh dũng, nhân dân ta đã khắc phục khó khăn, thu nhiều thắng lợi. Văn nghệ là một trong những thắng lợi đó.

Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy. Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn, không thể phát triển được.

Trong kháng chiến, nhân dân ta vùng dậy phá ách nô lệ, giành lại tự do, nhờ vậy văn nghệ ta cũng được vươn mình giải phóng.

Ngày nay, chúng ta khen ngợi anh chị em văn công mặc đẹp, hát hay, múa khéo. Nhưng chúng ta cũng không quên những ngày khắc khổ trong mấy mươi năm qua. Đêm sương giá lạnh, áo vá, quần nâu. Có người miệng nhai ngô, tay viết kịch, dưới những hang đá hoặc trong những lều tranh. Các "nghệ sĩ" thì vừa phục vụ dân công hoặc vừa đánh giặc vừa tập trung múa hát dưới làn bom đạn. Văn nghệ đã sinh trưởng trong kháng chiến.

Đồng bào đi xem đều khen ngợi văn công khá. Mà khá thật. Khá nhất là ở chỗ đã tẩy hết những cái gì trụy lạc, hủ bại của văn nghệ thực dân và phong kiến; đã nêu rõ được chừng nào tinh thần dũng cảm và sinh hoạt cần lao của nhân dân ta.

Nhưng văn công ta chớ vì thành tích ấy mà *tự cao, tự mãn*. Để phục vụ nhân dân, (mà đó là mục đích của văn nghệ ta), anh chị em văn công *cần phải cố gắng học tâm thêm nữa, rèn luyện thêm nữa và tiến bộ hơn nữa*.

C.B.

Báo Nhân dân, số 308, ngày 3-1-1955.

NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI

Tôi lấy danh nghĩa một người yêu chuộng văn nghệ xin chúc mừng Đại hội văn nghệ thành công.

Cụ Hoàng* vừa nói với tôi rằng tôi là một nhà văn nghệ, nhưng tôi chỉ nhận tôi là một người yêu chuộng văn nghệ chứ không phải là một nhà văn nghệ.

Đã đến thăm, không nhiều thì ít tôi cũng có một vài ý kiến để các cụ, các anh chị em tham khảo sau này, vì Đại hội hôm nay bế mạc rồi.

Trong hơn mười năm nay - Từ Cách mạng tháng Tám - trong mấy năm kháng chiến anh dũng và hai năm xây dựng hòa bình, giới văn nghệ đã cố gắng cùng với nhân dân từ Nam chí Bắc đấu tranh. Các nhà văn nghệ đều có công với cách mạng, với kháng chiến, với xây dựng hòa bình.

Nhưng mà chúng ta nói chuyện với nhau phải thật thà: thành tích tuy có nhiều nhưng thiếu sót cũng không ít. Đó là ý kiến của tôi, còn đúng hay không xin các cụ và các anh chị em xét lại. Về thành tích trong Đại hội này, đứng về ý kiến của tôi thì thành tích trội nhất là các cụ với anh chị em đã thẳng thắn tự phê bình và thật thà phê bình tức là đoàn kết mà đấu tranh và do đấu tranh đó đã đi đến đoàn kết hơn trước. Bây giờ chúng ta phải đồng tâm, hợp lực nhằm nhiệm vụ của toàn dân nói chung và giới văn nghệ nói riêng mà tiến tới.

* Cụ Hoàng Ngọc Phách.

Những nhiệm vụ gì?

- Đó là đấu tranh để củng cố miền Bắc, đấu tranh để thống nhất nước nhà.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ được tốt thì chúng ta phải học tập, chúng ta phải trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng. Phải đi sát sự thực. Và trong lúc tiến tới thì chúng ta phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn.

Hoàn cảnh của chúng ta thuận lợi có nhiều mà khó khăn cũng không ít. Thuận lợi đây là do nhân dân ta ai cũng cố gắng, ai cũng đoàn kết. Một mặt nữa chúng ta được các nước anh em giúp đỡ tận tâm.

Vì hoàn cảnh nước ta tạm chia hai miền. Từ vĩ tuyến 17 trở vào đồng bào ta đang sống vô cùng cực khổ dưới gót sắt của Mỹ - Diệm. Khó khăn như thế này chứ dù khó khăn hơn nữa, nhưng với quyết tâm đoàn kết thì chúng ta cũng khắc phục được hết.

Nói chung, nhân dân ta như thế.

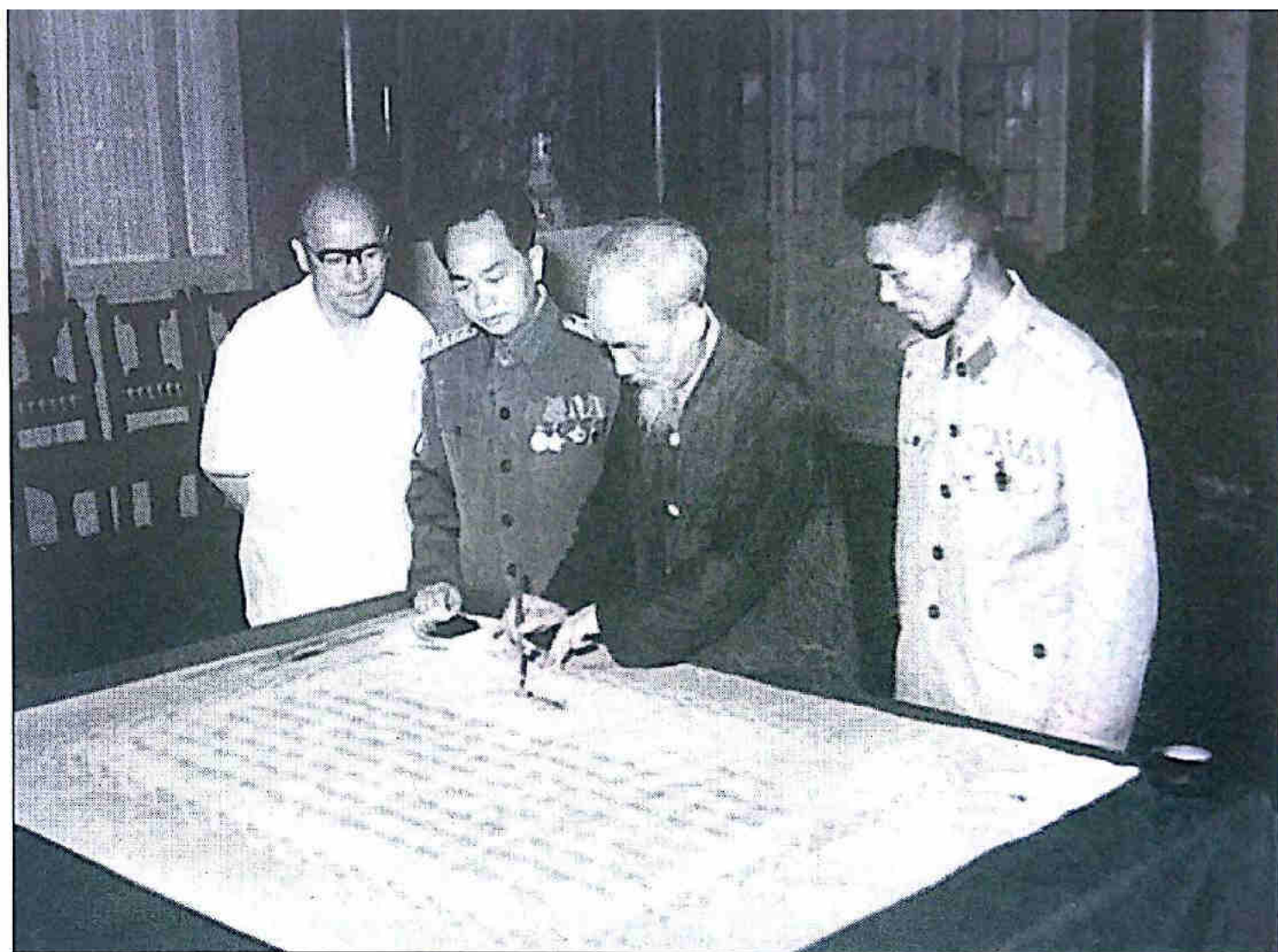
Nói riêng là giới văn nghệ đã có những đóng góp đáng kể. Già trẻ, gái trai, Nam - Bắc tất cả chúng ta đoàn kết; các ngành văn nghệ đoàn kết, đoàn kết nhằm vào mục đích chung phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chúng ta làm thế thì văn nghệ sĩ nhất định sẽ tiến bộ hơn nữa, đồng thời có lực lượng mà giúp đỡ nhân dân tiến bộ hơn nữa.

Phần trước tôi đã đứng về địa vị một người yêu chuộng văn nghệ mà nói. Bây giờ đứng về địa vị một người chính trị, tôi xin hứa rằng Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ cố gắng trong khả năng của mình, giúp đỡ văn nghệ tiến lên.

Nói ngày 28-2-1957

Sách Hồ Chí Minh: Về công tác văn hóa, văn nghệ,

Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 33-35.



Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tài liệu cho bảo tàng Điện Biên Phủ
nhân kỷ niệm 10 năm chiến thắng lịch sử
Điện Biên Phủ (28/4/1964).

*Ảnh: Vũ Đình Hồng
(Bảo tàng Hồ Chí Minh)*

THƯ GỬI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HÓA^{*}

(Nhờ ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa chuyển)

Thân ái gửi Hội nghị cán bộ văn hóa,

Tôi thay mặt thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ chúc các đại biểu mạnh khỏe và cố gắng làm việc.

Năm vừa qua, trong công cuộc khôi phục kinh tế và đấu tranh để thống nhất nước nhà, Bộ văn hóa đã góp phần đáng kể: đời sống văn hóa của nhân dân đã nâng cao một bước, tàn tích văn hóa xấu của chế độ cũ đã bị tẩy trừ dần. Một nền văn hóa mới đang được xây dựng.

Nhưng công tác văn hóa vẫn còn những thiếu sót: Phong trào văn hóa có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng nề về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao tri thức quần chúng. Về mặt tổ chức và lãnh đạo còn thiếu chặt chẽ chưa dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, chưa dùng hết khả năng của các nhà trí thức. Việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh "phục cổ" một cách máy móc) và học tập văn hóa tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều.

Để luôn luôn tiến bộ, chúng ta cần phải nắm vững mục tiêu là đoàn kết nhân dân, giáo dục tinh thần yêu nước và xã hội chủ

^{*} Hội nghị cán bộ văn hóa toàn miền Bắc họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 2 đến ngày 9-3-1957.

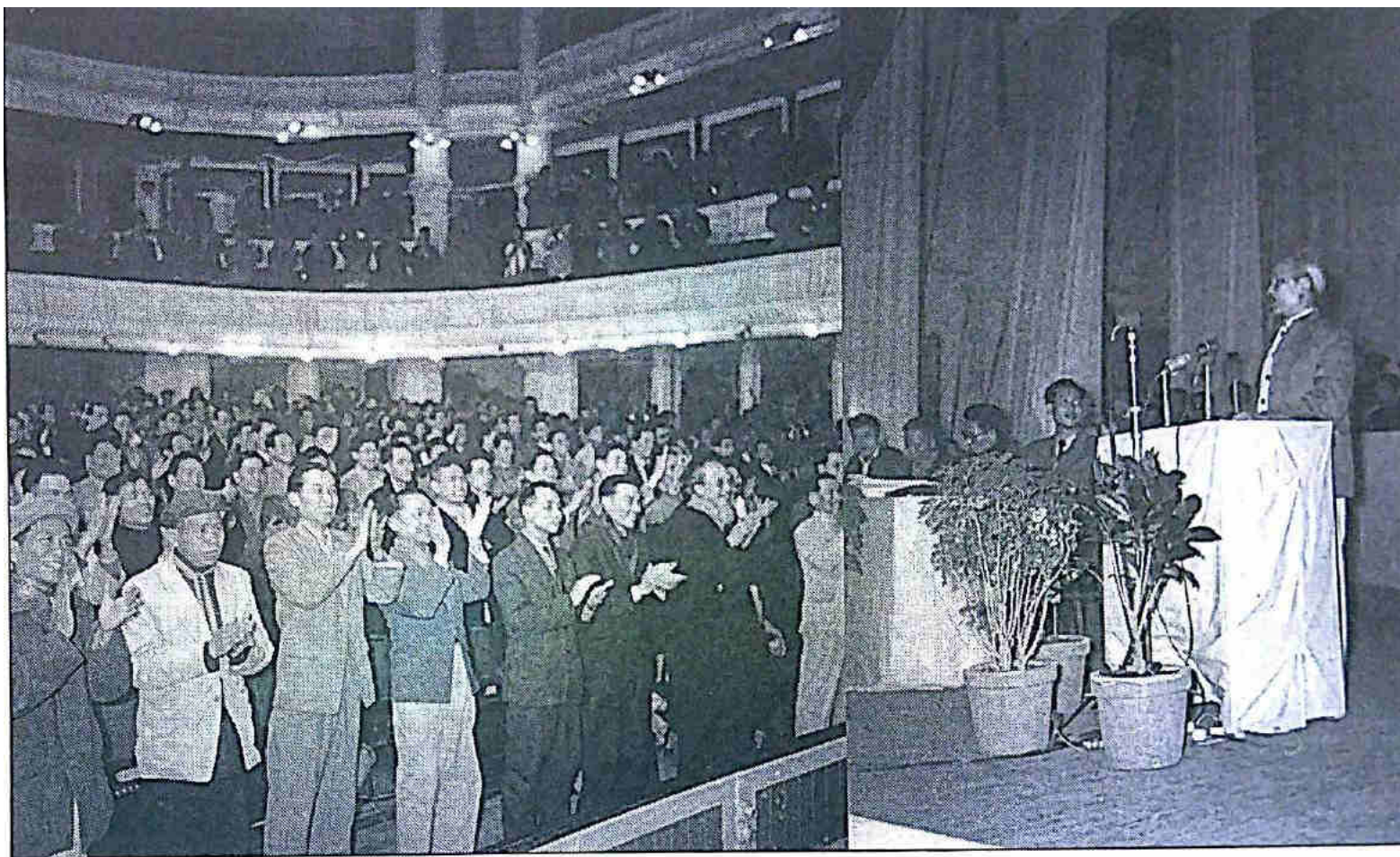
nghĩa cho nhân dân (chủ yếu là nhân dân lao động), động viên nhân dân, thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch Nhà nước để cùng cố miền Bắc và hăng hái đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Trong công tác ấy, cán bộ văn hóa phải cố gắng nhiều. Cấp ủy đảng và chính quyền các địa phương cũng cần phải ra sức giúp đỡ. Như vậy thì công tác văn hóa từ nay chắc sẽ thu được nhiều thành tích tốt đẹp hơn nữa.

Chúc Hội nghị thành công.

Ngày 28 tháng 2 năm 1957

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 1091, ngày 3-3-1957.



Hồ Chủ tịch đến dự và nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ
toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1957)

Ảnh: TTXVN

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HÓA*

Hôm nay, các cô các chú khai hội sau khi đi công tác lao động về, Bác thay mặt cho Trung ương Đảng và Chính phủ đến hỏi thăm các cô các chú...

Bây giờ Bác có mấy ý kiến. Nói về văn hóa thì cán bộ có cố gắng, mà văn hóa nói chung thì có thành tích, đây là điều đáng khen, nhưng khuyết điểm cũng còn khá nhiều. Lấy một thí dụ thôi: Nói là khôi phục vốn cũ, thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra. Xem ra, thì năm nay tương đối khá, còn như năm ngoái khôi phục vốn cũ thì khôi phục cả đồng bóng, rước xách thần thánh. Vì khôi phục như thế nên ở nông thôn, nhiều nơi quên cả sản xuất, cứ trồng mō bì bōm, ca hát lu bù. Có những xã góp đến mấy triệu đồng đi mua áo, mua mũ, mua hia, như thế nói là khôi phục vốn cũ có đúng hay không? Cái gì tốt thì ta nên khôi phục và phát triển, còn cái gì xấu, thì ta phải bỏ đi.

Sau đây Bác nêu mấy ý kiến để giúp các cô các chú thảo luận. Hiện nay, nhiệm vụ của toàn Đảng toàn dân ta là gì? Là xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội để làm cơ sở vững chắc cho việc đấu tranh thống nhất nước nhà. Muốn đấu tranh thống nhất nước nhà thắng lợi thì nhất định phải xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội...

* Nói chuyện ngày 30 tháng 10 năm 1958. (B.T).

Cán bộ văn hóa bây giờ đã bắt đầu đi tham gia lao động và phục vụ sản xuất, như thế là tốt. Đó là một chuyển hướng tốt nhưng mới là bước đầu. Như vậy là đáng khen, mà đặc biệt đáng khen là những cán bộ đã đi đến những miền núi. Phải thấy rằng, nói chung văn hóa của ta còn loanh quaoanh trong thành phố, chỗ dễ ăn, chứ chưa đến chỗ đồng bào Mèo, đồng bào Mán. Ở rẻo cao đi từ nhà này qua nhà khác, xóm này qua xóm khác nhiều khi cũng đến 5 cây số, phải trèo mấy lần núi, xuống mấy lần đèo, lội qua mấy lần suối. Các đồng chí cán bộ đã đi được như vậy phải có kiên tâm.

Bước đầu như thế, nói chung là tốt. Nhưng các cô các chú phải kiên trì và phát triển những cố gắng ấy hơn nữa.

Điểm thứ hai Bác muốn nói là cán bộ văn hóa nói riêng cũng như tất cả các cán bộ ta nói chung phải rèn luyện tư tưởng, chính trị, ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm. Thí dụ đi lên vùng đồng bào Mèo, đồng bào Mán, thì trước hết phải có tinh thần, có lập trường chính trị. Đồng thời các cô các chú phải lo học tập nghệ thuật, nghiệp vụ, văn hóa và kỹ thuật thêm. Chúng ta cũng cần nhận thấy rằng bây giờ nước ta so với các nước anh em, như so với Triều Tiên chẳng hạn, thì văn hóa kỹ thuật của Triều Tiên còn hơn ta. Cả về mặt chính trị, tư tưởng, tinh thần trách nhiệm cũng như về các mặt nghiệp vụ, nghệ thuật, kỹ thuật, văn hóa chúng ta còn thấp. Cho nên mọi người cần phải ra sức học tập thêm. Nói như tiếng Trung Quốc thì gọi là "trước hồng sau chuyên", mà "hồng" thì phải đến nơi và "chuyên" thì phải đến chốn.

Một vấn đề nữa phải đặt rõ là văn hóa phục vụ ai? Cố nhiên chúng ta phải nói là phục vụ công nông binh, tức là phục vụ đại đa số nhân dân. Vài năm về trước, điều đó chưa hiểu được dứt khoát, có phải không? Các đồng chí làm công tác văn hóa cần nói dứt khoát như thế, không thể nói nghệ thuật vì nghệ

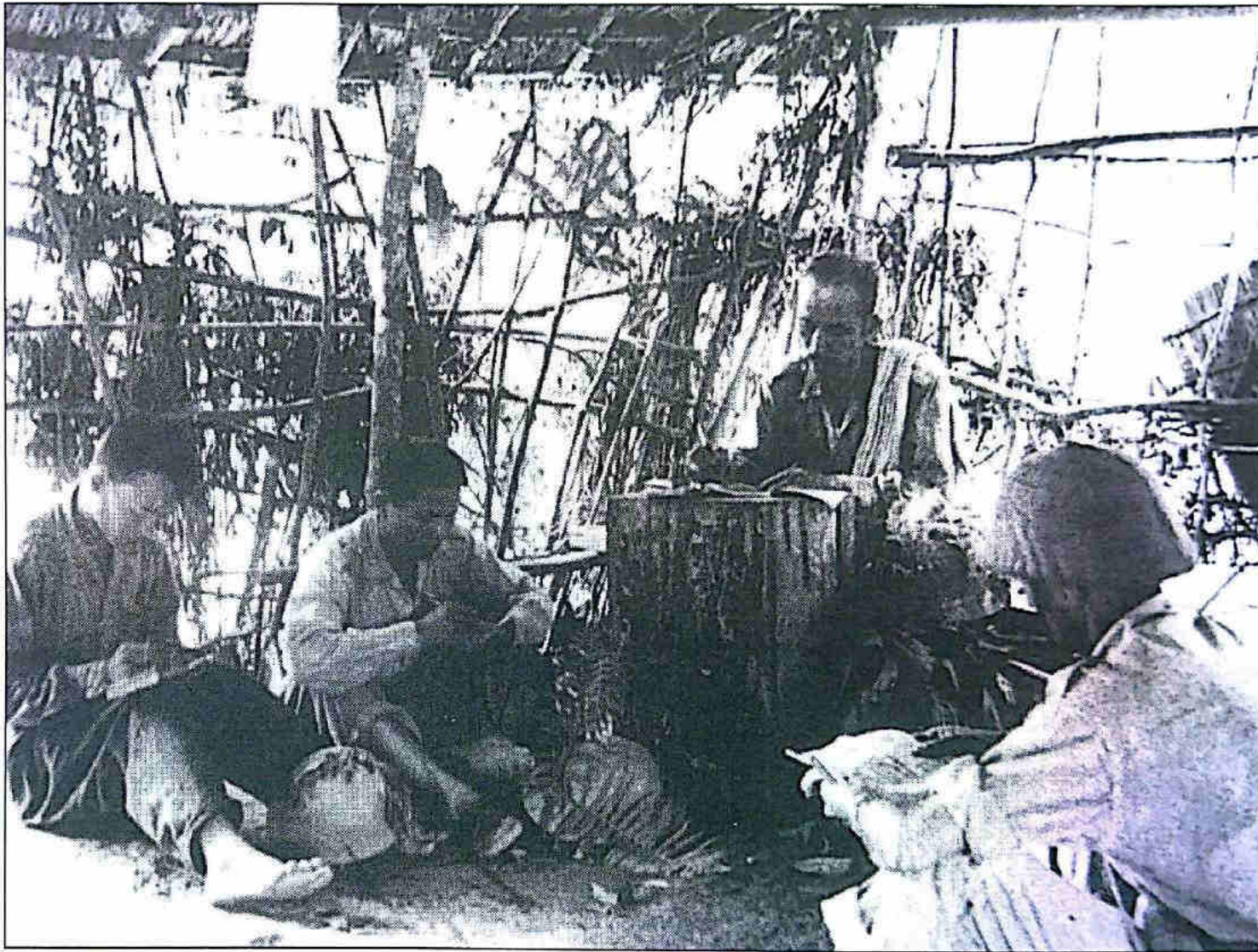
thuật, mà cần nói rõ văn hóa phục vụ công nông binh. Một vấn đề thứ hai là quần chúng với sáng tác. Quần chúng có biết sáng tác không? Có sáng tác được không? Vấn đề ấy cũng phải dứt khoát. Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa. Chắc các cô các chú cũng biết là những câu tục ngữ của ta do ai làm ra. Đó là do quần chúng làm ra. Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng. Các sáng tác ấy rất hay mà lại ngắn, chứ không "trường thiên đại hải", dây cà ra dây muống. Các cán bộ văn hóa cần phải giúp những sáng tác của quần chúng. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý. Muốn làm như thế thì cố nhiên là phải có chính trị, có kỹ thuật, thì mới mài cho viên ngọc ấy thành tốt, khéo và đẹp.

Một vấn đề nữa là phổ biến hay đề cao? Đây cũng là nêu ý kiến cá nhân của Bác thôi, nêu ra để các cô các chú thảo luận. Đề cao là thế nào? Đề cao là nâng cao lên. Nhưng muốn nâng cao lên thì phải ở đâu mà nâng lên, nếu ở giữa "khoảng không" mà nâng thì cũng không cao mà cũng không thấp. Thế là nói: trước phải phổ biến, nghĩa là trước hết phải có cái nền, rồi từ cái phổ biến ấy, cái nền ấy mà nâng cao lên. Ví dụ: nhiều nơi bây giờ bình dân học vụ phát triển khá, có nhiều xã, nhiều huyện, thị xã đã xóa xong nạn mù chữ. Đây là phổ biến rồi. Nhưng bây giờ phải nâng lên cao một bậc nữa. Xóa xong nạn mù chữ rồi phải sao nữa, chứ không phải xóa xong nạn mù chữ rồi thì thôi. Công tác văn hóa, nghệ thuật cũng phải như vậy. Tóm lại phải có cái nền đã, rồi từ cái nền ấy mới biết là nâng cao đến chừng nào, chỗ nào nên nâng cao. Đây là về việc phổ biến và nâng cao...

Cơ quan trong Bộ Văn hóa, các cơ quan các ngành, các Ty văn hóa thì cần xuống nông thôn, vào nhà máy, vào bộ đội

nhiều hơn nữa, mà đi vào như thế thì phải cùng làm, cùng ăn, cùng ở với nhân dân. Chứ nếu đi xuống nông thôn mà lại lao động phát phơ, rồi ăn riêng, ở riêng thì cảm thông sao được, gần gũi sao được với công nông, với bộ đội. Muốn thật sự gần gũi quần chúng thì phải cùng ăn, cùng ở, cùng làm, mới biết sinh hoạt quần chúng như thế nào, mới biết khó khăn, biết chí khí của quần chúng như thế nào, mới biết nguyện vọng của quần chúng như thế nào...

Chúc cho hội nghị này ra được những nghị quyết thiết thực. Và chúc hội nghị thành công.



Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc tại một nơi dừng chân trên đường
đi công tác ở Việt Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống
thực dân Pháp xâm lược (1950)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CÁCH VIẾT*

Hôm nay Bác nói về cách viết, đặc biệt là viết *ngắn*.

Hiện nay trình độ của đại đa số đồng bào ta bây giờ không cho phép đọc dài, điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài, thì giờ của ta, người lính đánh giặc, người dân đi làm, không cho phép xem lâu. Vì vậy cho nên viết ngắn chừng nào tốt chừng ấy.

Trong các báo cáo, có những bài lằng nhằng dài mấy cột, như lá rau muống kéo dây. Đọc đến khúc giữa thì không biết khúc đầu nói cái gì; đọc đến khúc đuôi thì không biết khúc giữa nói cái gì. Thế là vô ích.

- *Vì ai mà mình viết?*

- *Mục đích viết làm gì?*

Phải đặt câu hỏi: *Viết cho ai?*

- Viết cho đại đa số: Công - Nông - Binh.

Viết để làm gì?

- Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng.

Thế thì viết cái gì?

Trong vấn đề này cũng phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù thì viết mới đúng.

Viết để *nêu* những cái hay, cái tốt của dân tộc ta, của bộ đội ta, của cán bộ ta, của bạn ta. Đồng thời để *phê bình* những

* Trích bài ghi lời Hồ Chủ tịch nói với cán bộ báo chí, văn nghệ và cán bộ các ngành tại Trường chính Đảng Trung ương, ngày 17 tháng 8 năm 1952. (B.T).

khuyết điểm của chúng ta, của cán bộ, của nhân dân, của bộ đội. Không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu. Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nêu cái hay, cái tốt thì phải có *chừng mực*, chớ phóng đại. Có thể nào nói thế ấy. Bộ đội và nhân dân ta cũng nhiều cái hay để nêu lên, không cần phải bịa đặt ra.

Phê bình thì phải phê bình một cách *thật thà*, chân chính, đúng đắn, chứ không phải để cho địch lợi dụng để nó phản tuyên truyền.

Còn đối với *địch* thì thế nào?

- Thì nêu những cái xấu của nó để cho bộ đội ta, đồng bào ta biết chúng nó độc ác như thế nào, xấu xa thế nào, để gây lòng căm thù đối với quân địch.

Sự hung ác, xấu xa của chúng nó rất nhiều, nếu biết gom góp tài liệu thì tha hồ mà viết. Có những việc chúng làm, bên ngoài thì như là tốt, mà bên trong thì thật là xấu, ta phải giải thích cho nhân dân ta hiểu.

Thí dụ: Trong vùng địch, Pháp có khi "phát trần" hay là Mỹ "giúp" để tuyên truyền, để mua chuộc. Sự thực là chúng đã cướp chỗ này rồi "giúp" chỗ khác. Một thí dụ ấy đủ biết cái xấu của nó rõ rệt rồi. Nhưng nếu không biết xem xét thì tưởng nó làm như thế là tốt.

- *Lấy tài liệu đâu mà viết?*

Muốn có tài liệu thì phải tìm, tức là:

1. *Nghe:* Lắng tai nghe cán bộ, nghe các chiến sĩ, nghe đồng bào để lấy tài liệu mà viết.

2. *Hỏi:* Hỏi những người đi xa về, hỏi nhân dân, hỏi bộ đội những việc, những tình hình ở các nơi.

3. *Thấy:* Mình phải đi đến, xem xét mà thấy.

4. *Xem:* Xem báo chí, xem sách vở. Xem báo chí trong nước, xem báo chí nước ngoài.

5. *Ghi:* Những cái gì đã nghe, đã thấy, đã hỏi được, đã đọc được, thì *chép* lấy để dùng và viết. Có khi xem mấy tờ báo mà

chỉ được một tài liệu mà thôi. Tìm tài liệu cũng như những công tác khác, phải *chịu khó*.

Có khi xem tờ báo này có vấn đề này, xem tờ báo khác có vấn đề khác, rồi gộp hai ba vấn đề, hai ba con số làm thành một tài liệu mà viết.

Muốn có nhiều tài liệu thì phải xem cho rộng.

Xem báo Trung Quốc, báo Liên Xô, báo Anh, báo Pháp... Xem được nhiều thứ báo chừng nào thì lấy được nhiều tài liệu chừng ấy.

Một thí dụ: bên Liên Xô có những thành công về công nghiệp, về nông nghiệp, chỉ nói thế thôi có được không?

Cố nhiên là được. Nhưng nên biết cũng trong năm ấy, cũng trong mùa ấy, mà mức công nghiệp, nông nghiệp ở Liên Xô, ở Trung Quốc, ở các nước bạn lên như thế nào, còn ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh, sút kém như thế nào để mà so sánh. Như thế thì người đọc sẽ thấy ngay bên nào tiến, bên nào thoái.

Cách viết thế nào?

Trước hết là cần phải *tránh cái lối viết "rau muống"* nghĩa là lằng nhằng "trường giang đại hải" làm cho người xem như là "chất chất vào rừng xanh". Mình viết ra cốt là để giáo dục, cổ động; nếu người xem mà không *nhớ* được, không *hiểu* được, là viết không đúng, nhằm không đúng mục đích. Mà muốn cho người xem *hiểu* được, *nhớ* được, *làm* được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng chữ nhiều. Bắt đắc dĩ mới phải dùng chữ, thí dụ: "độc lập", "tự do", "hạnh phúc" là những chữ Trung Quốc, nhưng ta không có chữ gì dịch, thì cố nhiên phải dùng. Nếu quá tả không mượn, không dùng, hoặc là nói: Việt Nam "đứng một" thì không ai hiểu được.

- *Chớ ham dùng chữ* - Các ông viết báo nhà mình hay dùng chữ quá. Những chữ tiếng ta có mà không dùng, lại dùng cho được chữ kia. Cán bộ cũng hay dùng chữ lắm, dùng lung tung, nhiều khi không đúng.

Vài thí dụ: 3 tháng thì không nói 3 tháng, lại nói "tam cá nguyệt". Đánh vào sâu thì nói "tung thâm", xem xét thì nói "quan sát", v.v...

Phải viết gọn gàng, rõ ràng, vắn tắt. Nhưng vắn tắt không phải là cụt đầu, cụt đuôi, mà phải có đầu có đuôi.

Phải học cách nói, tiếng nói của quần chúng, Có nhà thơ nói: "Tóc cười, tay hát" thì thật là "hoang vu"! Có nhà văn nói: "Cặp mắt ông cụ già đỉnh ngộ", thì thật là "nghệ nghệ"!

Chớ ham dùng chữ. Những chữ mà không biết rõ thì chớ dùng. Những chữ mà tiếng ta có, thì phải dùng tiếng ta.

Viết phải *thiết thực*. "Nói có sách, mách có chứng", tức là nói cái việc ấy ở đâu, thế nào, ngày nào, nó sinh ra thế nào, phát triển thế nào, kết quả thế nào?

Vài ví dụ: Chồng tham ô, lãng phí thì nêu rõ ai tham ô, ai lãng phí? Cơ quan làm tham ô? Lãng phí cách thế nào? Ngày tháng nào? v.v... Chớ viết lung tung.

Nói du kích đánh thắng. Đánh thắng ngày nào? Thắng cách thế nào? Giết được bao nhiêu địch, bắt bao nhiêu địch, thu được bao nhiêu súng?... Phải nói rõ ràng, đồng thời *chớ lộ bí mật*.

Viết rồi phải thế nào?

Viết rồi thì phải đọc đi, đọc lại. Thấy cái gì thừa, câu nào, chữ nào thừa, thì bỏ bớt đi. Đọc đi đọc lại bốn năm lần đã đủ chưa? Chưa đủ. Đọc đi đọc lại, sửa đi sửa lại. Mình đọc mấy lần rồi cũng chưa đủ. Phải nhờ một số đồng chí công, nông, binh đọc lại. Chỗ nào ngúc ngắc, chữ nào khó hiểu, họ nói ra cho thì phải sửa lại.

Cách viết truyền đơn cũng thế, viết báo cũng thế, viết báo cáo, viết gì cũng thế.

Viết chuyện có nhiều góc ngách thì phải nắm lấy cái chính, không nên kể con cà con kê. Nhắm lấy điểm chính mà viết.

Phải giữ bí mật.

Trong lúc viết thì phải chú ý *giữ bí mật*. Các báo chí của ta rất kém giữ bí mật. Có khi số báo nào cũng có lộ bí mật.

Thí dụ khi nói thanh niên du kích lẫn vào mấy bà con đi chợ cầm đòn gánh, lúc gặp lính giặc thì mấy thanh niên quật giặc chết.

Về sau cứ phiên chợ nào có thanh niên thì bị địch vớ.

Một thí dụ khác: Giặc vào quét làng, dân chạy hết. Có một chị phụ nữ già ốm ở lại, mỗi tối chị ấy mang cháo cho anh thương binh ở dưới hầm bí mật. Hầm có một... để cho anh ấy thở và để chị ấy đổ cháo xuống.

Đó là một việc oanh liệt đáng nêu lên. Nhưng vì viết không khéo, làm lộ bí mật, về sau Tây cứ đi tìm hầm bí mật, chỗ nào có... là nó nhất định đào cho được.

Thế là viết mà không biết giữ bí mật. Chớ có nêu rõ địa điểm, tên người cho địch biết.

Viết khẩu hiệu:

Có những khẩu hiệu viết rất to, nhưng Hồ Chủ tịch cũng không hiểu vì viết tắt cả một dòng. Không ai đọc được, có lẽ chỉ có anh viết khẩu hiệu ấy đọc được thôi. Hồ Chủ tịch không hiểu thì chắc dân cũng ít người hiểu.

Lại có cách viết "hoa hòe", chữ *u* không ra chữ *u*, chữ *n* không ra chữ *n*, chữ *i* không ra chữ *i*. Họ cho thế là mỹ thuật! Cách viết thế nào, cách nói cũng thế. Nói phải cho gọn gàng, có đầu, có đuôi, có nội dung. Nói lung tung như nhiều cán bộ nói ở các cuộc mít-tinh, nói rồi không biết đường nào mà đi ra nữa, thôi đi thì cũng dở, nói nữa thì không biết nói gì? Nói ít, nhưng nói cho thấm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn.

Muốn nói gì phải chuẩn bị trước.

Cách viết và cách nói đại khái là như thế.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ HAI CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM*

Bác thay mặt Đảng và Chính phủ đến thăm các đồng chí.

Là một người có nhiều duyên nợ với báo chí, Bác nêu vài ý kiến giúp các cô, các chú tham khảo:

Nói đến báo chí trước hết phải nói đến những *người làm báo chí*. Các cô, các chú đã có những *ưu điểm* như đã đóng góp vào cuộc kháng chiến thắng lợi, xây dựng hòa bình và thống nhất Tổ quốc. Nhiều đồng chí đã cố gắng làm việc. Gần đây, sau khi nghiên cứu chỉ thị của Trung ương, các đồng chí đã thấy rõ công việc báo chí là rất quan trọng, và đã thấy được những ưu điểm và khuyết điểm của mình. Như thế là tiến bộ.

Ưu điểm của các cô, các chú không ít. Nhưng *khuyết điểm* thì cũng còn nhiều. Trong các đồng chí cũng còn có người hoặc ít hoặc nhiều chưa thoát khỏi ảnh hưởng tư sản và tiểu tư sản, cho nên nắm vấn đề *chính trị* không được chắc chắn. Nói về *văn nghệ*, Bác thú thật có ít thì giờ xem các bài văn nghệ. Có lẽ vì thế mà có lúc xem đến thì thấy cách viết thường ba hoa, dây cà dây muống; và hình như viết là để đếm dòng lấy tiền, có những bài nhạt nhẽo thế nào ấy. Còn viết về *chính trị* thì khô khan và có hai cái tệ: một là dập khuôn, hai là dùng quá nhiều chữ nước ngoài. Cái *bệnh dùng chữ*, là phổ biến trong tất cả các ngành. Đáng lẽ báo chí phải chống lại cái bệnh đó, nhưng trái lại, báo

* Nói chuyện ngày 16 tháng 4 năm 1959. (B.T.)

chí lại tuyên truyền cho cái tệ đó. Cố nhiên, có những chữ không thể dịch được thì ta phải mượn chữ nước ngoài. Ví dụ: những chữ kinh tế, chính trị, v.v... thì ta phải dùng. Hoặc có những chữ nếu dịch ra thì mất cả ý nghĩa, như chữ "độc lập". Nếu "Việt Nam độc lập" mà nói "Việt Nam đứng một" thì không thể nghe được. Nhưng có những tiếng ta sẵn có, thì tại sao lại dùng chữ nước ngoài. Ví dụ: vì sao không nói "đường to" mà lại nói "đại lộ", không nói "người bắn giỏi" mà lại nói "xạ thủ", không nói "hát múa" mà lại "ca vũ"?

Những ví dụ như vậy nhiều lắm, nhiều lắm. Các báo *Nhân dân*, *Thời mới*, *Quân đội*, v.v..., đều dùng chữ nhiều lắm. Tóm lại chúng ta dùng chữ nhiều quá, có khi lại còn dùng sai nữa. Mong rằng báo chí cố gắng sửa đổi cái tệ ấy đi. Tiếng nói là một thứ của rất quý báu của dân tộc, chúng ta phải hết sức giữ gìn nó, chớ để bệnh nói chữ lấn át nó đi.

Khoa học ngày càng phát triển, có những chữ mới mà ta chưa có, thì ta phải mượn. Ví dụ: ta phải nói "ki-lô" vì nếu nói "cân", thì không đúng nghĩa là 10000 gờ-ram. Song những chữ dùng tiếng ta cũng đúng nghĩa thì ta cứ dùng tiếng ta hơn. Có những người hình như sợ nói tiếng ta thì nó xấu hổ thế nào ấy! Họ làm cho các cháu học sinh cũng bị lây bệnh nói chữ, như "phụ đạo", "giáo cụ trực quan", v.v.. Thật là tai hại.

Mấy khuyết điểm nữa: sau khi nghiên cứu chỉ thị của Trung ương về báo chí, có một số đồng chí thì tiến bộ, nhưng cũng có một số vì trình độ văn hóa và chính trị còn kém thì đâm ra bi quan và muốn đổi làm nghề khác. Họ không biết rằng nghề nào cũng khó, không có nghề nào dễ. Phải có ý chí tự cường, tự lập, kém thì phải cố mà học. Chúng ta phải làm thế nào để vượt được khó khăn, làm tròn nhiệm vụ. Người cách mạng gặp khó khăn thì phải đánh thắng khó khăn, chứ không chịu thua khó khăn. "Không có việc gì khó, có chí thì làm nên". Câu nói đó rất đúng.

Có người chỉ muốn làm cái gì để "lưu danh thiên cổ" cơ. Muốn viết bài cho oai, muốn đăng bài mình lên các báo lớn. Cái đó không đúng. Những khuyết điểm đó đều do *chủ nghĩa cá nhân* đẻ ra. Họ không thấy rằng: làm việc gì có ích cho nhân dân, cho cách mạng đều là vẻ vang. Bất kỳ việc gì mà mình làm tròn nhiệm vụ đều là vẻ vang. Trong các anh hùng, chiến sĩ lao động có người là công nhân, là nông dân, có người làm thầy thuốc, có người đánh giặc giỏi... và có người dọn cầu xia cũng trở nên chiến sĩ. Tóm lại, trong lao động không có nghề gì là hèn, chỉ có lười biếng mới là hèn. Làm tròn nhiệm vụ thì công tác nào cũng vẻ vang.

Nói về *Hội nhà báo*. Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của Hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ. Có như thế thì Hội nhà báo mới làm tròn nhiệm vụ của mình, và những người làm báo mới phục vụ tốt nhân dân, phục vụ tốt cách mạng.

Chúng ta hãy đặt câu hỏi: Báo chí phải phục vụ ai? Có người nói ở các nước tư bản có tự do báo chí và báo chí không có giai cấp. Nói vậy không đúng. Ví dụ: Các báo Pháp như báo *Phi-ga-rô*, báo *Nước Pháp buổi chiều*, v.v.. Một mặt nó ru ngủ nhân dân, chia rẽ nhân dân, làm cho nhân dân mất chí khí phấn đấu, mất tinh thần đoàn kết giai cấp. Mặt khác, nó phục vụ giai cấp tư bản. Đó là những tờ báo chính trị. Lại còn những tờ báo "giật gân", báo nói về ái tình, báo chuyên về lời chuyện bí mật của những người có tiền ra để tổng tiền v.v.. Tất cả những báo chí ấy đều phục vụ lợi ích của giai cấp bóc lột. Báo chí Pháp có thật tự do không? Không! Ví dụ báo *Nhân đạo* thường bị bọn thống trị tìm mọi cách để phá: nào phạt tiền, nào cho bọn du côn phá phách, nào làm khó khăn về giấy in, nhiều khi báo bị tịch thu, v.v..

Báo chí của ta thì cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội, phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hòa bình thế giới. Chính vì thế cho nên tất cả những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người

phát hành. v.v.) phải có *lập trường chính trị vững chắc*. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng.

Báo chí ta không phải để một số ít người xem, mà để phục vụ nhân dân, để tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên phải có *tính chất quần chúng và tinh thần chiến đấu*.

Mục đích chung của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, giữ gìn hòa bình thế giới. Nhưng mỗi tờ báo như báo của nông dân, báo của công nhân, báo của thanh niên, báo của phụ nữ, v.v., nên có *đặc điểm* của nó, về hình thức thì không rập khuôn; rập khuôn thì báo nào cũng thành khô khan, làm cho người xem dễ chán.

Về *trách nhiệm* báo chí, Lê-nin có nói: báo chí là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung. Vì vậy, nhiệm vụ của người làm báo là quan trọng và vẻ vang. Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ ấy thì phải cố gắng học tập chính trị, nâng cao tư tưởng, đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản; phải nâng cao trình độ văn hóa, phải đi sâu vào nghiệp vụ của mình. Cần phải luôn luôn cố gắng, mà cố gắng thì nhất định thành công.

Trong nghề làm báo ta có những kinh nghiệm của ta, nhưng ta cũng cần phải học thêm những kinh nghiệm của các nước anh em. Muốn thế, thì những người làm báo ít nhất cũng cần biết một thứ tiếng nước ngoài. Ví dụ, phải biết chữ Hán thì mới xem được báo Trung Quốc và học được kinh nghiệm của báo Trung Quốc.

Trên đây nói nhiều về người viết báo. Nhưng trong nghề làm báo còn có nhiều ngành khác, như ngành in mà các cô, các chú thích nói chữ gọi là ngành "ấn loát" cũng rất quan trọng. Bởi vì có những lúc không cẩn thận, in thiếu nét, thiếu dấu hoặc in mờ không rõ. Người viết bài lại thích dùng chữ, như gọi người đánh cá là "ngư dân", rồi người in lại in thiếu cái dấu ở chữ ư,

hóa ra "ngu dân". Đây chỉ là một ví dụ để thấy rằng việc in cũng phải làm cho tốt. Việc phát hành cũng rất quan trọng. Phải làm thế nào cho báo có nhiều người xem. Giá tiền báo cũng cần phải đúng mức. Trong công tác, người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v.. đều phải ăn khớp với nhau.

*

* *

Có đồng chí hỏi kinh nghiệm làm báo của Bác. Kinh nghiệm của Bác là kinh nghiệm *ngược*. Bác học viết báo Pháp trước, rồi học viết báo Trung Quốc, rồi sau mới học viết báo Việt Nam. Còn học thì một là học trong đời sống của mình, hai là học ở giai cấp công nhân, nhưng không biết làm thế nào để nêu lên được. Một đồng chí công nhân ở tòa báo *Đời sống thợ thuyền* (*La vie ouvrière*) cho Bác biết báo ấy có mục "tin tức vắn", mỗi tin chỉ năm, ba dòng thôi, và bảo Bác có tin tức gì, thì cứ viết, đồng chí ấy sẽ sửa lại cho. Từ đó, ngoài những giờ lao động, Bác bắt đầu viết những tin rất ngắn. Mỗi lần viết làm hai bản, một bản đưa cho báo; một bản thì giữ lại. Lần đầu tiên thấy tin đã được đăng thì rất sung sướng. Mỗi lần đều đem tin đã đăng trên báo so với bài mình đã viết, xem sai chỗ nào. Về sau đồng chí ấy bảo Bác cố viết dài thêm vài dòng nữa, rồi lại vài dòng nữa... Cứ thế kéo dài đến 15, 20 dòng, rồi đến cả một cột dài. Lúc đó đồng chí ấy lại bảo: "Thôi, bây giờ phải viết rút ngắn lại, cũng những việc như vậy nhưng phải viết cho rõ, cho gọn".

Các báo đăng bài của mình đều là báo phái "tả", đều nghèo, không trả cho mình đồng tiền nào. Mình ngày thì đi làm, tối đi mít-tinh, tuy khá vất vả, nhưng vẫn cố gắng viết để nêu tội ác của bọn thực dân.

Khi đã biết viết báo, mình lại muốn tiểu thuyết. Nhưng lại e rằng biết chữ Tây vờ vẽ như mình thì viết tiểu thuyết sao được. Tình cờ đọc một truyện ngắn của Tôn-xtôi, thấy viết một cách rất giản dị, dễ hiểu, thì cho rằng mình cũng viết được. Từ đó mình bắt đầu viết truyện ngắn.



Toàn cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18
Đảng Xã hội Pháp ở Tua. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham dự
với tư cách là đại biểu Đông Dương, 12/1920
(Nguyễn Ái Quốc ngồi đầu bàn dãy thứ hai phía tay trái đoàn)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Lúc đó mình sống ở khu phố công nhân nghèo, hiểu rõ đời sống của họ, mình cứ viết những điều mắt thấy tai nghe. Viết xong đưa đến báo *Nhân đạo* và nói với đồng chí phụ trách về văn nghệ: "Đây là lần đầu tiên tôi thử viết truyện ngắn, nhờ đồng chí xem và sửa lại cho". Đồng chí ấy xem xong rồi bảo: "Được lắm, chỉ cần sửa lại một vài chỗ thôi". Cách mấy hôm sau, thấy truyện của mình được đăng báo thì sướng lắm. Sướng hơn nữa là nhà báo trả cho 50 phơ-răng tiền viết bài. Chà! Lần đầu tiên được trả tiền viết báo! Với 50 phơ-răng đó mình có thể sống 25 ngày không phải đi làm, tha hồ tham gia mít-tinh, tha hồ viết báo, tha hồ đi xem sách...

Kinh nghiệm học viết báo của Bác là như thế.

Có một thời gian dài mình làm cả chủ bút, chủ nhiệm, giữ quỹ, phát hành và bán báo của tờ báo *Pa-ri-a*. Các đồng chí người thuộc địa Á - Phi viết bài và quyên tiền, còn bao nhiêu công việc mình đều bao hết. Cách bán báo: bán cho anh em công nhân Việt Nam, họ không biết chữ Pháp nhưng họ vẫn thích mua vì họ biết báo này chữ Tây, mua rồi họ nhờ anh em công nhân Pháp đọc cho họ nghe. Một cách nữa là: ở Pa-ri có những chỗ bán báo lấy hoa hồng. Vì là đồng chí với nhau cả, các anh chị ấy bán hộ cho mình mà không lấy hoa hồng, và họ bán được khá nhiều. Vì các số báo *Pa-ri-a* vừa ra đều được bộ thuộc địa Pháp mua gần hết. Còn báo gửi đi các thuộc địa thì mấy chuyên đều bị tịch thu và người đưa báo thì bị bắt bỏ tù. Về sau, nhờ anh em thủy thủ Pháp bí mật chuyển hộ, thì không xảy ra việc gì. Nhưng rồi bọn thực dân cũng dò ra. Sau cùng, phải dùng đồng hồ có chuông mà gửi. Cách gửi như vậy đắt lắm, nhưng báo đều đến được các thuộc địa.

Cách thứ tư: trong những cuộc mít-tinh mình đưa báo ra phát, rồi nói: "Báo này nói các đồng chí biết bọn thực dân áp bức chúng tôi như thế nào. Báo này để biếu thôi, nhưng đồng chí nào có lòng giúp cho báo, thì chúng tôi cảm ơn". Kết quả là: nếu đem bán thì 100 tờ báo được 5 phơ-răng, nhưng "biếu không" thì có

khi được tới 10, 15 phơ-răng. Vì anh em công nhân có một, hai xu hoặc, hai phơ-răng cũng cho cả.

Khi đi qua Liên Xô, đồng chí L. phóng viên tờ báo *Tiếng còi* bảo mình viết bài và dặn phải viết rõ sự thật: việc đó ai làm, ở đâu, ngày tháng nào, v.v., và phải viết ngắn gọn. Đồng chí L. lại bảo mình viết. Nhưng L. lại bảo: chớ viết khô khan quá. Phải viết cho văn chương. Vì ngày trước khác, người đọc báo chí muốn biết những việc thật. Còn bây giờ khác, sinh hoạt đã cao hơn, người ta thấy hay, thấy lạ, thấy văn chương thì mới thích đọc.

Khi đến Hoa Nam, mình lại tập viết báo Trung Quốc. Mỗi lần viết xong mình sửa đi sửa lại mấy lần rồi mới gửi đến *Cửu vong nhật báo*... Thấy bài mình đã được đăng lại được đóng khung, điều đó khuyến khích mình tiếp tục viết. Nói tóm lại, mình phải học tập không ngừng và phải luôn luôn khiêm tốn.

Đến ngày *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* ra tờ báo *Thanh niên* thì mình lại học viết tiếng ta. Lúc ấy, vấn đề khó khăn là làm thế nào để gửi báo về nước cho đến tay người đọc.

Năm 1941, bí mật về nước. Theo lời dạy của Lê-nin là: tờ báo là công cụ tuyên truyền, cổ động, tổ chức và lãnh đạo. Cho nên mình cố gắng ra một tờ báo ngay, và phải làm rất bí mật vì luôn luôn có mật thám của Pháp, Nhật và Bảo Đại rình mò. Điều kiện sinh hoạt thì bữa đói, bữa no. Làm báo thì phải có đá in. Mấy đồng chí đã đi lấy trộm mấy tấm bia đá, rồi mài mất mấy ngày mới thành bản in. In thì phải viết chữ trái lên đá, thế là có một đồng chí phải hì hục tập viết chữ trái. Mấy số báo đầu, ba, bốn anh em cùng làm nhưng in cứ toe toét, chỉ in được ít và xấu xí. Nhưng về sau cứ tiến bộ dần, mỗi lần in được gần 300 số. Phải đặt bia đá "nhà in" ở ba chỗ khác nhau. Khi động chỗ này thì chạy đến chỗ khác mà in và báo vẫn ra đúng kỳ. Dịch chịu không làm gì được.

Vấn đề giấy cũng gay. Lúc bấy giờ ai mua nhiều giấy dịch cũng nghi, và theo dõi. Các chị em mỗi người đi chợ mua năm,

mười tờ, nói dối là mua cho con cháu học, rồi góp lại để in báo.

In bản đá, muốn sửa chữa thì phải dùng a-xít. Mà a-xít thì mua ở đâu được? Có đồng chí nghĩ ra cách dùng chanh thay cho a-xít. Chị em lại giúp mua chanh để ủng hộ báo.

Còn việc phát hành: để báo ở các hang đá bí mật. Các đồng chí phụ trách cơ sở Việt Minh cứ đến đó mà lấy. Báo bán hẳn hoi, chứ không biếu.

Thế là mọi việc đều dựa vào quyết tâm của mình, dựa vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng.

Đồng bào địa phương rất thích đọc báo, vì báo viết điều gì cũng thấm thía với họ. Đồng bào còn tự động tổ chức những tổ đọc báo và bí mật đưa tin tức cho báo. Đồng bào lại tìm mọi cách tuyên truyền cho lính đồng đọc báo để làm "binh vận".

*

* *

Về nội dung viết, mà các cô, các chú gọi là "đề tài", thì tất cả những bài Bác viết chỉ có một "đề tài" là: chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Duyên nợ của Bác đối với báo chí là như vậy đó.

Kết luận: kinh nghiệm của 40 năm là: không sợ khó, có quyết tâm. Không biết thì phải cố gắng học, mà cố gắng học thì nhất định học được. Bây giờ các cô, các chú có điều kiện học tập dễ dàng hơn Bác trước kia. Mong các cô, các chú cố gắng và tiến bộ!

VĂN HÓA PHẢI THIẾT THỰC PHỤC VỤ NHÂN DÂN, GÓP PHẦN VÀO VIỆC NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VUI TƯƠI LÀNH MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG*

(Trích bài nói chuyện của HỒ CHỦ TỊCH tại Hội nghị những người tích cực làm công tác văn hóa quần chúng toàn miền Bắc lần thứ I, 11-2-1960)

Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước. Nhưng phát triển để làm gì? Phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta. Các cô, các chú vừa lao động, sản xuất tích cực. Thế là tốt. Văn hóa phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng. Ví dụ: phải giáo dục thế nào là đời sống mới, thế nào là đạo đức cách mạng. Trong việc "Tết trồng cây", phải phổ biến trồng cây như thế nào cho cây tốt, phải chăm sóc và chăm bón cây như thế nào. Ở nhiều địa phương, các cô, các chú đã sáng tác nhiều bài thơ ca, hò, vè nói về những vấn đề đó rất thiết thực, nội dung rất tốt. Bác hoan nghênh các cô các chú. Văn hóa phải gắn liền với lao động, sản xuất. Văn hóa xa đời sống, xa lao động là văn hóa suông. Nhiệm vụ của người cán bộ văn hóa là phải dùng văn hóa để

* Câu nói của Hồ Chủ tịch (B.T).

tuyên truyền cho việc cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Ví dụ: ở trong hợp tác xã, văn hóa phải tuyên truyền, giáo dục ý thức cần kiệm xây dựng hợp tác xã, yêu hợp tác xã như nhà, chống tư tưởng làm ăn riêng lẻ và những tư tưởng lạc hậu có ảnh hưởng xấu cho việc củng cố và phát triển hợp tác xã. Ở xí nghiệp, văn hóa phải tuyên truyền, giáo dục ý thức làm chủ xí nghiệp, đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch Nhà nước, cần kiệm xây dựng nền công nghiệp nước nhà, chống tham ô lãng phí, v.v...

Nói tóm lại, để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức.

Các cô, các chú có quyết tâm thực hiện như vậy được không?

Trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn, trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân còn thấp, do đó, còn hạn chế nhiều kết quả trong công tác, trong sản xuất. Nhiệm vụ của các cô, các chú là phải cố gắng hơn nữa, góp phần nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM*

Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chào các đại biểu.

Bây giờ Bác lấy tư cách một đồng chí có ít nhiều kinh nghiệm về báo chí, nêu ra vài ý kiến sau đây:

Từ ngày hòa bình được lập lại, cán bộ báo chí, thông tin và đài phát thanh đã có cố gắng nhiều và tiến bộ khá.

Số báo chí cũng đã tăng rất nhiều, tỉnh nào cũng có báo, nhiều ngành cũng có báo. Hiện nay, đã có hơn 150 tờ báo các loại. Theo ý tôi thì tăng hơn nhiều quá. Từ nay, cần phải nâng cao hơn nữa *chất lượng* của báo chí để nó làm tròn nhiệm vụ cao cả của nó. Những nghị quyết của Trung ương Đảng đã nói rõ về điều đó. Nay tôi chỉ nói tóm tắt vài điểm.

Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Hiện nay, ở *miền Bắc*, nhiệm vụ của chúng ta là: phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đối với *miền Nam*, chúng ta có nhiệm vụ ủng hộ đồng bào ruột thịt đang đoàn kết chặt chẽ, anh dũng đấu tranh chống bọn Mỹ xâm lược và bọn Diệt bán nước; đấu tranh giành cơm áo, tự do, và hòa bình thống nhất Tổ quốc. Trên *thế giới*, nhiệm vụ của chúng ta là tăng cường đoàn kết trong đại gia đình xã hội chủ

* Nói chuyện ngày 8 tháng 9 năm 1962. (B.T).

nghĩa; ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh, đấu tranh cho hòa bình thế giới, cầm vũ khí nguyên tử...

Đó là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân ta, cũng là nhiệm vụ chính của báo chí ta.

*

* *

Phê bình và tự phê bình là vũ khí rất cần thiết và rất sắc bén, giúp chúng ta sửa chữa sai lầm và phát triển ưu điểm. Vì khéo lợi dụng nó mà Đảng ta và nhân dân ta ngày càng tiến bộ. Đối với báo chí cũng vậy.

Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, "trị bệnh cứu người". Chớ phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm.

Những người (bất kỳ ở địa vị nào) và những cơ quan *được phê bình* phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng, thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. Nếu *phê bình sai*, thì đăng báo giải thích. Quyết không được "phót" lời phê bình và "trù" người phê bình.

Có một vài cán bộ và cơ quan, vì sợ phê bình mà chẳng những không giúp đỡ người viết báo lại còn có thái độ không tốt với họ, thậm chí đi kiện họ trước tòa án. Những hành động như vậy cần phải chấm dứt. Mặt khác, các báo cũng cần khuyến khích chúng giúp ý kiến và phê bình báo mình để tiến bộ mãi.

Sẵn đây, nếu các cô, các chú đồng ý, thì Bác xung phong *phê bình các báo*.

- Bài báo thường quá dài, "dây cà ra dây muống", không hợp với trình độ và thời giờ của quần chúng.

- Thường nói một chiều và đôi khi thổi phồng các thành tích, mà ít hoặc không nói đúng mức đến khó khăn và khuyết điểm của ta.

- Đưa tin hấp tấp, nhiều khi thiếu thận trọng.
- Thiếu cân đối, tin nên dài thì viết ngắn, nên ngắn lại viết dài; nên đề sau thì đề trước, nên đề trước lại đề sau.
- Lộ bí mật.
- Có khi quá lộ bịch.
- Khuyết điểm nặng nhất là *dùng chữ nước ngoài quá nhiều*, và nhiều khi dùng không đúng.

Đời sống xã hội ngày càng phát triển và đổi mới. Có những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng, thì cần phải mượn chữ nước ngoài. Thí dụ: Độc lập, Tự do, Giai cấp, Cộng sản, v.v... Còn những tiếng ta có, vì sao không dùng, mà cũng mượn chữ nước ngoài? Thí dụ:

Không gọi xe lửa mà gọi "hỏa xa"; máy bay thì gọi là "phi cơ". Nhà nước, hoặc nước nhà "thì gọi là "quốc gia", đường lớn thì gọi là "đại lộ", vẻ vang - "quang vinh", giúp nhau - "hỗ trợ" và có hàng vạn cái mượn như vậy.

Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?

*

* *

Báo chí của ta đã có *một địa vị quan trọng* trong dư luận thế giới. Dịch rất chú ý, bạn rất quan tâm đến báo chí ta. Cho nên làm báo phải hết sức cẩn thận về hình thức, về nội dung, về cách viết.

Ngoài những đồng chí đã làm báo trong những năm cách mạng và kháng chiến, số đông cán bộ báo chí ta đều mới vào nghề, vì thế mà kinh nghiệm còn ít, trình độ chưa cao. Muốn tiến bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Kinh nghiệm của tôi là thế này: Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi:

Viết cho ai xem?

Viết để làm gì?

Viết thế nào cho phổ thông và dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc?

Khi viết xong, thì nhờ anh em xem lại và sửa giùm.

Chớ tự ái, tự cho bài của mình là "tuyệt" rồi. Tự ái tức là tự phụ, mà tự phụ là kẻ địch dữ tợn nó ngăn chặn con đường tiến bộ của chúng ta.

Hiện nay, các báo thường có *ảnh và tranh vẽ*. Đó là một tiến bộ, nhưng ảnh hưởng thì lèm nhèm, vẽ thì chưa khéo lắm. Cần phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng *đạo đức cách mạng*, "cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hóa; chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ; đi sâu vào thực tế, đi sâu vào quần chúng lao động".

(Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 8-12-1958).

Đoàn kết, phấn khởi, cố gắng và tiến bộ.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ BA*

Tôi thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chào mừng Đại hội, và khen ngợi các đồng chí đã có những cố gắng và những thành tích trong mấy năm qua.

Nhân dịp này, tôi cũng gửi lời thân ái hỏi thăm những anh em văn nghệ yêu nước miền Nam đang cùng đồng bào dũng cảm hy sinh, đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Trong thư của Trung ương Đảng gửi Đại hội và những lời phát biểu của các đại biểu đã nói khá đủ những điều cần phải nói. Hôm nay, tôi chỉ kể vài kinh nghiệm cũ và nêu vài ý kiến chung.

Dưới chế độ thực dân Pháp, dù chúng khủng bố tàn nhẫn, và nuôi nấng thứ văn chương nịnh Tây, nhưng ở nước ta vẫn có văn chương cách mạng.

Văn chương cách mạng như những thơ ca của các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu và những người yêu nước khác, thì bị gọi là "cấm vật". Nếu không giữ được bí mật, thì người viết cũng như người xem đều bị bắt bớ tù đầy. Tuy vậy, vì quần chúng sẵn lòng ghét Tây và yêu nước, cho nên những thơ ca ấy đã được truyền tụng trong dân gian, và đã có tác dụng cổ động tinh thần cách mạng.

* Nói chuyện ngày 1 tháng 12 năm 1962.(B.T).

Nghề *múa hát* thì chỉ là một thứ tiêu khiển cho bọn "ngồi mát ăn bát vàng". Chúng còn khinh rẻ và gọi những nghệ sĩ múa hát là "xướng ca vô loại".

Hồi đó chỉ có *chiếu bóng* câm, bọn thực dân Pháp dùng chiếu bóng để bôi nhọ dân tộc ta. Thí dụ: trong hội chợ ở Mác-xây ngoài những tranh vẽ lũ công khanh Việt Nam đang lúc nhúc lạy quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao, toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn có chiếu bóng: trong phim có những bà già ăn trầu răng đen, những nông dân gầy gò rách rưới, những người đóng khổ đang trèo dừa... Chúng gọi đó là "Hình ảnh An Nam".

Rõ ràng là dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng.

Từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân ta được giải phóng, thì những người văn nghệ cũng có điều kiện thuận lợi để phát triển tài năng của mình, góp phần vào công cuộc kháng chiến và xây dựng Tổ quốc.

Mười bảy năm qua, nước ta có những cuộc biến đổi long trời chuyển đất: cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam, đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam, khắp nơi sôi nổi thi đua yêu nước. Ở Việt Nam chúng ta có những sự tích vô cùng oanh liệt, những chiến sĩ cực kỳ anh hùng. Ở các nước anh em trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa cũng vậy.

Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta, những tác phẩm *ca tụng* chân thật những người mới, việc mới chẳng những để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau.

Trong thời kỳ quá độ bên những thành tích tốt đẹp là chính, vẫn còn sót lại những cái xấu xa của xã hội cũ như: tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ, v.v.. Đối với những thói xấu đó, văn nghệ cũng cần phải *phê bình* rất nghiêm khắc, nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh tốt đẹp hơn.

Nói tóm lại: phải có khen, cũng phải có chê. Nhưng khen hay chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen cũng hồ người. Mà chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thu.

Quần chúng mong muốn những tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có *bổ ích*. Quần chúng còn mong các đồng chí văn nghệ chú ý giùm hai điều nữa: một là chớ mượn chữ Hán quá nhiều, thậm chí có khi "chữ Tạc vạc ra chữ Tộ"; hai là khi viết phải *cẩn thận hơn*, tránh viết những câu kỳ khôi như "no cơm áo", "cười thênh thênh", v.v..

Để làm tròn nhiệm vụ cao quý của mình, văn nghệ sĩ cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân; giữ gìn thái độ khiêm tốn; phải thật sự hòa mình với quần chúng, cố gắng học tập chính trị, trau dồi nghề nghiệp; phải hết lòng giúp đỡ thanh niên, làm cho văn nghệ nước nhà ngày càng thêm trẻ thêm xuân.

Tôi xin kết thúc câu chuyện bằng lời thân ái chúc các đồng chí *đoàn kết chặt chẽ*, phấn khởi và tiến bộ nhiều!

Chúc mọi người đồng lòng chung sức xây dựng văn nghệ của ta ngày càng phong phú về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần xứng đáng với cả dân tộc đang anh dũng xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.



Hồ Chủ tịch thăm hỏi một nhà sư trong buổi tiếp đại biểu
nhân dân thủ đô Hà Nội khi Người từ Việt Bắc
về Hà Nội (16/10/1954)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

NHÂN SĨ PHẢI LÀ CHIẾN SĨ*

(Trích)

Tôi xin chúc các cụ, các đồng chí một năm mới vui vẻ, mạnh khỏe thu được thắng lợi mới trong công tác, góp phần xây dựng nước nhà.

Bây giờ tôi xin ra câu đối để các cụ, các đồng chí đối lại:

*Muốn cho xã hội đều xuân
Nhân sĩ phải là chiến sĩ*

Nhân sĩ đây còn có nghĩa là bác sĩ, văn nghệ sĩ, nữ sĩ, v.v.. Ở đây có nhiều nhà thơ, nhà văn, xin sửa cho và đối lại. Bây giờ tôi xin phép các vị đi chúc Tết các nơi khác.

Báo Nhân dân, ngày 7-2-1962

Hồ Chí Minh

Ngày 3-2-1962

* Ngày 3-2-1962 (tối 29 Tết âm lịch), Hồ Chủ tịch đến thăm và tham dự cuộc họp thân mật vui Tết với các nhà khoa học, kỹ thuật, văn nghệ sĩ, anh hùng lao động, anh hùng quân đội, nhân sĩ... công tác tại các ngành trung ương và Hà Nội. Trên đây là lời chúc Tết của Người. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt theo ý chính của đoạn văn.

THƯ GỬI HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á - PHI LẦN THỨ HAI

*Kính gửi ông Iútxép En Xêbai,
Tổng thư ký Ban thư ký thường trực
Tổ chức đoàn kết nhân dân Á - Phi,
LoKe*

(Nhờ chuyển tới Hội nghị các nhà văn Á - Phi)

Thưa các bạn,

Cây bút phục vụ chính nghĩa trong tay nhà văn chiến đấu có một lực lượng cực kỳ mạnh mẽ.

Tôi tin chắc rằng Hội nghị các nhà văn Á - Phi sẽ góp phần quý báu trong việc trao đổi văn hóa giữa các dân tộc. Hơn nữa, nó sẽ làm cho các nhà văn góp phần xứng đáng trong phong trào chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, đoàn kết các dân tộc để đấu tranh cho độc lập, hòa bình, dân chủ và hạnh phúc cho cả loài người trên thế giới.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 1962

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 2883,

ngày 13-2-1962.



Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường đi công tác ở Việt Bắc
trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược
(16/9/1950)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

MIÊU TẢ CHO HAY, CHO CHÂN THẬT, CHO HÙNG HỒN... *

(Trích)

Các đồng chí,

Đại hội này đã tiến hành và kết thúc trong bầu không khí đoàn kết, vui vẻ và phấn khởi. Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm và những thành tích trong những năm qua và chỉ rõ phương hướng tiến tới để thi đua giành những thắng lợi to lớn hơn nữa từ đây về sau.

Quyết tâm nêu trong bức thư của Đại hội phải được phổ biến thành quyết tâm của toàn thể nhân dân lao động miền Bắc nước ta.

Ai là người phụ trách thực hiện việc phổ biến?

Mỗi anh hùng lao động và chiến sĩ thi đua, mỗi đảng viên, đoàn viên thanh niên và cán bộ công đoàn,

Mỗi cán bộ phụ trách các ngành, các nghề, các địa phương,

Đều là người có trách nhiệm phổ biến quyết tâm đó. Như vậy, thì con số Bác nói hôm nọ, tức là 1 triệu 60 vạn người thi đua dành danh hiệu "Chiến sĩ thi đua lao động xã hội chủ nghĩa" nhất định sẽ đạt được, và kế hoạch Nhà nước năm nay cũng như kế hoạch năm năm nhất định sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

* Trích bài nói chuyện trong buổi lễ bế mạc Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ ba. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi dựa theo văn bản để đặt.

Trong Đại hội này, chưa nêu rõ vai trò quan trọng của những cán bộ *làm báo* và cán bộ *nghệ thuật* trong việc phục vụ phong trào thi đua yêu nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các báo chí phải khuyến khích những người tốt, việc tốt và thẳng thắn phê bình những điều xấu như: lười biếng, tham ô, lãng phí, quan liêu. Đó là một việc rất cần thiết.

Trong phong trào thi đua yêu nước của đồng bào *miền Bắc* và cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào *miền Nam*, có những người, những việc vô cùng anh dũng, oanh liệt. Đó là những "đề tài" cực kỳ phong phú để cổ vũ đồng bào ta và để giáo dục con cháu ta.

Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những người, những việc ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác, v.v... Đó cũng là một trách nhiệm của các cán bộ *văn nghệ* góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà...

Thi đua yêu nước, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1970, trang 45.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 6-5-1962

LỜI PHÁT BIỂU KHI TỚI THĂM TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TOÀN QUỐC NĂM 1962*

... Các tranh, tượng đã nói lên được tình người, tả chân thật những người lao động bình thường. Anh chị em đã cố gắng đi vào đời sống. Thế là tốt. Nhưng tranh chưa nói lên được khí thế thi đua của quần chúng. Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc. Anh chị em có kinh nghiệm cần khuyến khích, giúp đỡ tốt hơn nữa những anh chị em trẻ, bày vẽ thêm cho họ, nhưng phải chú ý làm cho họ giữ tình cảm chân thật, chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo...

Báo Nhân dân, ngày 25-10-1962

Hồ Chí Minh
Ngày 24-10-1962

* Trích theo bài của báo Nhân dân, số ra ngày 25-10-1962, đưa tin Hồ Chủ tịch thăm Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1962, ngày 24-10-1962.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CHỮ QUỐC NGỮ VÀ TIẾNG VIỆT*

Bác có quan tâm đến vấn đề này, có xem qua bản dự thảo báo cáo. Nói chung Bác hài lòng và Bác tán thành họp cuộc Hội nghị này.

Ý KIẾN CỦA BÁC VỀ VĂN QUỐC NGỮ:

- Chữ quốc ngữ do các cố đạo người nước ngoài đặt ra, có những chỗ bảo thủ, lạc hậu, không hợp lý.

- Trong văn quốc ngữ, có những cái thừa nên bỏ đi (thí dụ: *h trong ngh*). Chữ cái nước ngoài khi sửa đổi cũng có những cái

* Cuối tháng 9-1960, Viện Văn học triệu tập tại Hà Nội một cuộc Hội nghị bàn về vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ (trong các ngày 21, 28, 30-9 và 7-10-1960). Được biết Bác hằng quan tâm từ lâu đến vấn đề này, Ban tổ chức Hội nghị có gửi trước đến văn phòng Phủ Chủ tịch dự thảo báo cáo sẽ đọc tại Hội nghị.

Giữa lúc Hội nghị đang họp, ban lãnh đạo Hội nghị vinh dự được Bác cho gặp. Bác phát biểu một số ý kiến về mục đích, phương châm, phạm vi, phương pháp cải tiến chữ quốc ngữ. Nhân tiện, Bác cũng phát biểu về thái độ đối với tiếng Việt nói chung. Qua những lời phát biểu quý báu của Bác, chúng ta thấy càng rõ hơn mối quan tâm đặc biệt của Bác đối với tiếng mẹ đẻ, đồng thời giúp chúng ta học tập những ý kiến sáng suốt, thực tế và sâu sắc của Bác trong vấn đề này. Điều đặc biệt làm chúng ta cảm động, thấm thía, thấy cần cố gắng học tập là tinh thần nghiêm túc và đức tính khiêm tốn của Người ở đây, trong một vấn đề khoa học, cũng như trong mọi vấn đề, mọi lĩnh vực khác.

Toàn thể Hội nghị hết sức cảm động khi được biết sự chú ý của Bác về vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ và tiếng Việt nói chung, trong khi Bác bận trăm công nghìn việc lớn lao của Đảng và Nhà nước. Những chỉ thị vô cùng quý báu này đã soi sáng nhiều vấn đề lớn được thảo luận tại Hội nghị.

Ban lãnh đạo hội nghị có xin phép Bác cho công bố những ý kiến này, nhưng với tinh thần khiêm tốn, Bác không đồng ý, vì không muốn làm ảnh hưởng đến quyền tự do phát biểu ý kiến của mọi người trong cũng như sau Hội nghị.

Những ý kiến của Bác đã được ghi lại cẩn thận, và tài liệu hết sức quý giá này đã được trân trọng giữ gìn từ bấy đến nay trong hồ sơ về Hội nghị cải tiến chữ quốc ngữ năm 1960.

Tài liệu này công bố lần đầu tiên trên Tạp chí Ngôn ngữ số 3-1970 sau khi Bác mất.

thừa cần bỏ đi, thí dụ: chữ cái Nga trước đây, người ta cũng nghiên cứu bỏ bớt đi những cái thừa; nhưng đồng thời có những cái thiếu, nên thêm vào. Trong quá trình tiếp xúc với các nước, có nhiều từ ta phải mượn của tiếng các nước đưa vào tiếng ta; cho nên phải nghiên cứu dùng thêm một số vần để viết cho tiện.

Về tên người, tên địa phương của nước nào, thì nên căn cứ theo cách đọc của tiếng nước ấy mà viết.

- Sửa đổi hay thêm vần thì cố nhiên là thấy lạ, nhưng đầu lạ rồi sau quen. Nhưng phải nghiên cứu cẩn thận làm chắc chắn.

- Từ mấy mươi năm nay, Bác viết chữ quốc ngữ có sửa đổi một ít. Lý do: vì thấy như thế tiện hơn, người ta dễ học, dễ đọc hơn, mà lại viết gọn, ít tốn giấy. Chữ quốc ngữ có những chỗ bất hợp lý cho nên phải sửa.

ĐIỆN MỪNG HỘI NGHỊ NHÀ VĂN Á - PHI

Kính gửi Hội nghị nhà văn Á - Phi

Bắc Kinh

Nhân dịp Hội nghị nhà văn Á - Phi họp hội nghị khẩn cấp để bàn việc ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, tôi xin gửi tới Hội nghị lời chúc mừng nhiệt liệt.

Hiện nay, đế quốc Mỹ đang điên cuồng mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam, gây nên nhiều tội ác cực kỳ dã man hòng khuất phục nhân dân Việt Nam chúng tôi. Song nhân dân nước chúng tôi kiên quyết chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược, kiên quyết giành lại độc lập và thống nhất cho Tổ quốc mình.

Nhân dân Việt Nam chúng tôi hiểu rằng mình chiến đấu không những để bảo vệ độc lập, tự do của mình mà còn để góp phần vào việc bảo vệ an ninh của phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập của các dân tộc khác và bảo vệ hòa bình thế giới.

Dựa vào sức mình là chính, đồng thời được sự ủng hộ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước Á - Phi cùng nhân dân tiến bộ toàn thế giới, nhân dân Việt Nam chúng tôi nhất định sẽ đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Nhân dịp này, tôi xin chân thành cảm ơn các nhà văn tiến bộ Á - Phi đã tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng tôi.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 1966

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 4467, ngày 30-6-1966.

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO*

Hỡi đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Đế quốc Mỹ dã man, gây ra chiến tranh xâm lược hòng ăn cướp nước ta, nhưng chúng đang thua to.

Chúng ồ ạt mang gần 30 vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta. Chúng nuôi dưỡng nguy quyền nguy quân làm công cụ hại dân phản nước. Chúng dùng những phương tiện chiến tranh cực kỳ man rợ, như chất độc hóa học, bom napan, v.v... Chúng dùng chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Bằng những tội ác ấy, chúng hòng khuất phục đồng bào miền Nam ta.

Nhưng dưới sự lãnh đạo kiên quyết và khôn khéo của Mặt trận dân tộc giải phóng, quân và dân miền Nam ta đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu anh dũng, đã thắng lợi vẻ vang và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn, để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà.

Giặc Mỹ trắng trợn dùng không quân bắn phá miền Bắc nước ta, hòng gỡ thế thất bại của chúng ở miền Nam và hòng ép chúng ta "đàm phán" theo ý muốn của chúng.

Nhưng miền Bắc không hề nao núng. Quân và dân ta càng hăng hái thi đua sản xuất, chiến đấu anh dũng. Đến nay chúng ta đã bắn tan xác hơn 1.200 máy bay địch. Chúng ta quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, đồng thời hết sức hết lòng ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt.

* Đây là Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi sáng ngày 17-7-1966.

Gần đây, giặc Mỹ điên cuồng leo thang thêm một bước rất nghiêm trọng: chúng bắn phá ngoại ô Hà Nội và Hải Phòng. Đó là hành động tuyệt vọng của chúng, khác nào con thú dữ bị thương nặng, giãy giụa một cách hung tợn trước hơi thở cuối cùng.

Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn?

*

* *

Mọi người đều biết: mỗi lần sắp đẩy mạnh chiến tranh tội ác thì giặc Mỹ lại rêu rao cái trò bịp bợm "hòa bình đàm phán", hòng đánh lừa dư luận thế giới và đổ lỗi cho Việt Nam không muốn "đàm phán hòa bình"!

Này, Tổng thống Giôn-xơn, người hãy công khai trả lời trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới: Ai đã phá hoại Hiệp định Giơnevơ, là Hiệp định bảo đảm chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam? Phải chăng quân đội Việt Nam sang xâm lược Hoa Kỳ và giết hại người Hoa Kỳ? Hay là Chính phủ Mỹ đã đem quân đội Hoa Kỳ đến xâm lược Việt Nam và giết hại người Việt Nam?

Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam thì hòa bình sẽ trở lại ngay lập tức. Lập trường của Việt Nam đã rõ ràng: đó là 4

điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 5 điều của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, không có cách nào khác!

Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, hòa bình thật sự, hòa bình trong độc lập tự do, chứ không phải thứ hòa bình giả hiệu, "hòa bình" kiểu Mỹ.

Vì độc lập của Tổ quốc, vì nghĩa vụ đối với các dân tộc đang chống đế quốc Mỹ, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Trước đây, trong hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều, mà chúng ta đã thắng phát xít Nhật và thực dân Pháp. Ngày nay, điều kiện trong nước và trên thế giới thuận lợi cho ta hơn, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta càng chắc chắn sẽ hoàn toàn thắng lợi.

*

* *

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý!

Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết của toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ cả thế giới, chúng ta nhất định thắng!

Trước tình hình mới, chúng ta quyết đồng tâm nhất trí, vượt mọi gian khổ hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là *đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!*

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt nhân dân Việt Nam, nhiệt liệt cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Hiện nay, trước âm mưu tội ác mới của đế quốc Mỹ, tôi tin chắc rằng nhân dân và chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới càng ra sức ủng hộ và giúp đỡ hơn nữa nhân dân Việt Nam chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhân dân Việt Nam nhất định thắng!

Giặc Mỹ xâm lược nhất định thua!

Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm!

Đồng bào và chiến sĩ cả nước, anh dũng tiến lên!

Báo *Nhân dân*, số 4484,
ngày 17-7-1966.

Phần II
TÁC PHẨM VĂN XUÔI



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1923

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

PARI

(Trích "Những bức thư gửi cô em họ"
do tác giả dịch từ tiếng An Nam*)

Ở Pari có một vùng, cô em họ thân mến của tôi ạ, tự một mình nó nó trình diễn ra được đủ bộ mặt và đủ tâm lý của cả Pari, cả nước Pháp, cả vũ trụ. Ai muốn nghiên cứu tình hình xã hội thời buổi ta ngày nay, thì chỉ cứ đi ngang vùng này mà thôi là đánh giá cả một pho sách cỡ lớn bách khoa toàn thư vậy.

Vùng gồm ba xóm chính, là Êtoan, Batinhon, Êpinét. Cô vốn có trí tưởng tượng phong phú, nên tôi chắc thế, chỉ cần đọc tên mấy xóm đó là cô đã đoán được ra thứ bậc xã hội của những nhóm này rồi. Tôi ở đây như đang nghe thấy cô tự thâm thì với mình: Êpinét, Êpinét - *Những cái Gai con!* Cuộc sống ở đây hẳn phải chật vật lắm, gai góc lắm. Còn Êtoan - *Ngôi sao*, cái đó hẳn phải là nơi cư ngụ của những kẻ diễm phúc, có đặc quyền đặc lợi; một Bông Lai tiên cảnh chứ gì nữa.

Vâng, cô em họ nhỏ của tôi ơi, cô đoán đã gần gần đúng thế đấy, ấy nhưng tôi vẫn cứ phải tả cho cô thấy cái sang trọng của bên này và cái đau khổ của phía kia, sang trọng ra sao, đau khổ ra sao thì cái đầu óc xinh xắn của cô chẳng thấy nổi nó mệnh mang đến thế nào đâu. Xóm Êtoan thì bắt đầu với Khải hoàn môn. Ấy là một đài kỷ niệm nguy nga dựng lên để ghi nhớ tài quân phiệt của Napôlêông. Bây giờ thì nó dùng làm mồ chôn một người lính không tên tuổi chết trong đại chiến.

* Thực ra đây là văn phẩm do Nguyễn Ái Quốc sáng tác.

Sự đời sao nó mĩa mai thế, cô nhi! Người ta đem thu lại để cùng một chỗ cả cái hư vinh của tác giả bao cuộc giết chóc kinh khủng ở châu Âu và cả nắm di hài của nạn nhân cuộc tàn sát thế giới!

Cái đài này là nơi lưu tồn tượng trưng những nguyên nhân của mọi cuộc chiến tranh trước kia và sau này; cũng như người lính không tên tuổi này là hiện thân tượng trưng của tất cả những ai bị giết hại để thỏa mãn cái tham vọng và cái kiêu kỳ của bọn tướng lãnh. Bởi vì ai mà đã đọc tên những chiến trận đầy tràn lịch sử từ đầu đến cuối, ai mà đã đọc bấy nhiêu tên khắc lên riêng một đài kỷ niệm này thôi*, thì phải kinh hoàng thấy, biết bao nhiêu là nông dân, bao nhiêu là công nhân đáng thương đã ngã xuống không tên tuổi, như kẻ đang nằm đây!

Để một chuyển thư sau, tôi sẽ kể cho cô nghe về anh lính tội nghiệp này, khi còn sống đã phải đương đầu với những tràng súng đại bác liên thanh như thế nào, nay vẫn phải đương đầu như thế nào với những tràng diễn văn ngoại giao và tỏ tình thân thiết vờ vịt của các vị sứ thần và của các cụ Phị**. Hôm nay, hãy trở lại câu chuyện vùng này đã.

Vậy, tôi đang nói với cô rằng Êtoan là xóm các phủ đệ thênh thang, các vườn cây hoa nở sum suê, các cỗ ngựa xe vương giả. Đó là một ổ xa hoa, tứ xứ, thừa thãi tràn trề và biếng lười lờ lợc. Đó là thiên đường bọn ăn bám đủ các cỡ và đủ các xứ. Sang trọng là sang trọng cho đến cả con vật. Chả nói làm gì đến cái giá nông cuồng thả ra bao một con mèo hảo hạng hay một con ngựa loại khoái***, nó đủ để nuôi sống toàn bộ dân cư một tỉnh nước ta, cứ cái con khuyển xóm này là cũng được sống lộng lẫy và tốn kém hơn người đi làm thợ nhiều.

* Khái hoàn môn ÊToan có khắc đây vào đá tên các chiến trận và các tướng lĩnh thời Napôlêông.

** *Fatty*: Từ lóng để chỉ bọn tai to mặt lớn. Gốc tiếng Anh có nghĩa là người béo.

*** Nói chuyện nuôi dĩ điểm.

Rời chính lộ Vagoram và đại lộ Cuócxen, là vào xóm Batinhon. Xóm này là xóm kiểu con dơi, nghĩa là dân bản địa nơi này thuộc một giai cấp trung gian. Họ không giàu sự để bay nhảy như bọn cừ khôi trong giới tư bản, mà cũng chẳng đủ nghèo để phải vất vả giống đám thợ thuyền. Phong vũ biểu đo mức giàu có của họ cứ là theo sự thăng trầm kinh tế hằng ngày mà lên xuống; họ có thể hôm nay thì thư thái trồng bắp cải, để rồi hôm sau là phải bán đứt vườn tược đi. Dân đây là tiểu thương, là ông xếp phòng giấy, là ông cò về hưu. Bà đi đâu là có một con chồn* to quấn quanh cổ và một con chó con bông trên tay. Ông thì bao giờ cũng có cái gì chênh mảng cài khuyết ve áo, một củ kiệu Công huân Nông nghiệp hoặc là bông hoa tím của vị chức sắc Học chính**. Bà canh cửa thì sáng sáng chăm chút tưới những chậu hoa thu hải đường cổ truyền của bà bày trên cửa sổ, sáng sáng giữ cái thảm trải cầu thang chính - tấm thảm này bướng bỉnh nhất định không chịu leo cao hơn tầng gác ba***. Cứ suy quy luật vận hành của vạn vật thì dân cư xóm này có nhiều khả năng vô sản hóa hơn là sản sinh ra những đức ngài tư bản chủ nghĩa.

Xóm Êpinét là phía chân của cái thang. Nó là người bà con khốn khó, kẻ thừa kế bị gạt bỏ của hai xóm kia. Nó gần như là thuộc một giống người khác, ra vẻ bẽn lễn, khiêm nhường, bị cái khốn cùng nó đè bẹp. Này cô, hãy xem ông bác mình ép mía lấy đường theo cái kiểu nghìn năm xưa cũ của dân ta, thì cô nghĩ ra được cái cảnh xã hội ở đây nó thế nào. Có bao nhiêu nước ép ngon ngọt thì cứ tuôn cả ra một bên cối, còn bên kia thì

* *Zibeline*: Giống chồn Bắc Cực, tức một loại thú lông dài và mượt, mình dài, đuôi dài nên đã được xử lý giữ nguyên lông dùng làm khăn quàng cổ phụ nữ sang trọng.

** Những loại huân chương, huy chương của Pháp; mỗi loại có hình dáng, màu sắc riêng.

*** Nhà ở Paris thường từ năm đến tám tầng. Những hộ sang trọng nhất hay ở tầng gác cho đến gác ba. Gác cao hơn, thì những hộ gia tư tầm thường hơn ở.

chỉ có bã, bệt ra, quắt lại. Đây cũng thế. Một bên là giàu sang và nhàn rỗi, một bên là cần cù và thiếu thốn. Lôi thôi và gầy guộc như ngón tay khoằm khoằm của con mụ phù thủy già, ông lò sưởi Êpinét mùa hè thì um khói và mùa đông thì lại như tắt ngấm. Trông xa, nhà cửa khảng khiu trong xóm giống y mặt người vậy, những bộ mặt người ngơ ngác mà cái bề mặt tiệm của một bác buôn giẻ rách hay của một hiệu thịt ướp lạnh thì làm ra đáng cái miệng móm, còn cửa sổ đã toác toác thì dùng làm những con mắt nhem những dử lại cận thị. Xóm những con người làm lưng, sản xuất và đói meo. Xóm người làm thợ, xóm người nghèo, xóm người cùng khốn.

Giữa xóm, có một mẫu phố dài chừng dăm chục mét. Quanh phố thấy tề tựu một ngôi trường tiểu học, một nhà máy và một quán cháo bình dân. Có phải thế không nào, cô em họ thân mến, cả cái bộ sậu ấy thế là rất mục tiêu biểu? Khi còn bé, thì trẻ con đi học để mà biết tôn trọng quyền thiêng liêng của các ông chủ. Lớn lên, anh thợ rời nhà trường đi góp phần làm giàu cho giới chủ nhân ông mà mình đã được tập sùng bái cái uy nghi. Già rồi yếu đi, thì ông lão được, vẫn giới chủ nhân đó, mà cụ đã làm giàu cho, tổng cụ ra ngoài đường để chờ chân bản mà sống nốt cuộc đời hay lam hay làm của mình?

Mỗi sáng, tôi phải đi ngang quán cháo bình dân để đến xưởng làm việc của tôi. Trời đẹp hay xấu, nắng ấm hay tuyết rơi, thì tôi cũng cứ thấy tùm lại trước cửa ngôi nhà công này lối ba chục các cụ. Các cụ ăn bận thật không tưởng tượng được. Người thì khoác cái chăn trên lưng, người thì lại mặc cái áo dài bó của hầu bàn trường - đầu đội cái mũ rơm đã vàng úa, người khác nữa tả toại đụp vá muôn màu sắc. Giày các cụ, mồm há ra như hộp thư cả, cười nhạo với mọi khách qua đường. Trong lúc đợi cửa mở và để giết thời giờ, các cụ xem mấy mẫu báo *Le Matin* hay tờ *Le Petit Parisien* nhật được chẳng biết ở đâu nữa. Trời có lạnh quá thì các cụ thối thối lên ngón tay hoặc là giữ

điều bộ nhất bộ ra nhảy* để tự sưởi ấm. Một cụ nhìn tôi cả cười: "Chú xem, sưởi kiểu trung tâm** của bọn này đây!".

Dáng các cụ tội tàn phế, nhưng ai nấy đều thật dễ thương, và các cụ trông thấy tôi mãi rồi, thì cuối cùng ấy cũng là có quen biết. Một thứ tình bằng hữu thế là nảy ra giữa chúng tôi và hai bên chào nhau khi đi qua.

Tôi đặc biệt để ý một cụ già trong số đó. Ông cụ sạch sẽ, tươm tất, và bộ dạng biểu lộ một nỗi buồn phiền được nén xuống, một niềm tự trọng chẳng chịu để ngã khuỵu, ngay trong cơn quẫn bách. Cụ có đeo một dải huy chương thương công cứu nạn. Cụ bao giờ cũng cứ đứng đằng sau người khác.

Một hôm, tôi đến bắt tay cụ và nói với cụ: "Cố ơi, cố có vui lòng cho phép được mời cùng dùng một bữa lót dạ, chủ nhật tới, được không?". Cụ đáp: "Ông tử tế quá, thưa ông, thế cho nên tôi từ chối thì hóa ra phụ lòng tốt của ông, vậy xin nhận".

Chúng tôi cùng đến một quán ăn nhỏ. Đặt xong món ăn, chúng tôi chuyện trò, và ông cụ bảo tôi: "Tôi không dám tự tiện ngỏ lời trước với ông, bởi vì trước hết ông là người nước ngoài, thế rồi tôi lại ngại làm phật lòng ông, thanh niên dễ tự ái thấy có người đến bắt chuyện lại như tôi, một lão già nghèo khổ, chẳng khác đĩa ăn mày vậy. Nhưng mà cứ mỗi lần ông đi qua trước mặt tôi, là lòng tôi lại tràn ngập một niềm đau đớn khôn cùng, tôi chỉ muốn khóc. Tôi rất hiểu ông lấy thế làm lạ, nhưng ấy là tại thế này: thấy ông, là tôi lại nhớ thằng con thứ của tôi, tôi đã mất nó trong trận giặc. Nó cũng khoảng tuổi ông đây. Chắc ông hăm năm, hăm sáu chứ gì? - Hăm sáu, cố ạ, tôi trả lời. - Đúng rồi, nó kém ông một tuổi. Ông không chán tai thì để

* *One-step*: "Một bước", tên một điệu vũ gốc Mỹ, nhanh và mạnh. Ở đây ý nói các cụ già khoa chân múa tay cho đỡ rét.

** Lối sưởi sang, sưởi cả nhà nhưng chỉ đốt lò ở một nơi thôi, có ống dẫn hơi nước nóng đến từng phòng.

tôi kể chuyện nó ông nghe, chuyện nó mà thật ra là chuyện tôi. - Xin mời cố, nghe chuyện cố sẽ thích thú lắm. - Thời tôi còn ít tuổi, ông bạn cùng bàn đáng kính của tôi kể, tôi làm nghề hàng hải đăng bạ*. Tôi đã có đi vòng quanh thế giới nhiều lần. Tôi cũng có lần đến xứ ông, đến Sài Gòn, đến Hải Phòng. Sau tôi tảo tiện cưới một cô gái nông thôn hiền lành. Vợ chồng đến lập nghiệp ở vùng Bắc. Nhà tôi mở một cửa hàng nhỏ bán gia vị vặt vãnh, còn tôi thì vào làm một nhà máy! Nhà tôi với tôi, bọn tôi chịu khó kham khổ cũng nhiều, nuôi được các cháu ăn học, nó giỏi giang lắm. Bà con lối xóm đều lấy làm thêm thường, vì các cháu nét na, thật là ngoan ngoãn, chăm làm, lại có học. Cháu Môrìxơ là cháu lớn, làm nghề thợ vẽ. Cháu Anbe thì làm thợ máy. Em gái các cháu, là cháu Yvon, nó là một bông hoa xinh xinh mười tám cái xuân xanh - như ở xứ tôi người ta hay nói văn hoa thế - hoa làm si ngậy lúa trai khắp vùng, cháu nó đánh máy chữ. Mỗi đứa kiếm được đồng tiền cũng kha khá, đủ cho mình và cho vợ chồng chúng tôi. Ban ngày thì các cháu đi làm, tối đến cả mấy cháu mải mê học hành. Chủ nhật nào cũng cả ngày bàn luận với nhau những cái học được trong tuần. Nói thật tình để ông hay, cứ nghe các cháu nó bàn nó nói là sướng lạ sướng lòng; ấy chính các cháu đã dạy chúng tôi, mẹ các cháu với tôi, biết được không biết bao nhiêu thứ. Vậy là vợ chồng chúng tôi thật là đôi bố mẹ sướng nhất trần đời.

"Chiến tranh bùng nổ. Cháu Môrìxơ bị thương nặng từ đầu, ít lâu sau thì chết. Cháu Anbe thì bị ghi là mất tích, sau ba tháng chiến trận. Cứ thế là nhà tôi và cháu gái hóa điên lên, điên vì đau đớn. Làng tôi là cái đích cho pháo nã, đạn Pháp đến với chúng tôi cũng nhiều ngang đạn Đức; đạn nó không có quốc tịch, nên đạn bên này hay bên kia thì cũng đều phá phách đồ

* Tức thủy thủ dân sự. Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo luật hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức.

đặc, cũng đều giết hại người ta, dùng dụng như nhau, tàn khốc như nhau.

"Một hôm nọ, trong gian nhà chúng tôi đã đổ vỡ đến nửa, vợ tôi cùng cháu gái tôi đang nấu nướng, thì một cái nồi* - chẳng phải loại nồi Na Uy nổi tiếng của Lui Phorextơ đâu, mà là cái loại nồi nó giập be giập bét tuốt - nó bổ xuống.

"Một tiếng nổ kinh hồn, rồi tất cả hắt tung lên. Tôi thoát thân vì đang xuống tầng hầm lấy cái gì đó. Đến khi lại người, từ dưới hầm lên, thì lên hết cầu thang, tôi chẳng còn thấy nhà, thấy cửa, thấy con đâu cả nữa, mà chỉ thấy một khoảng trống không, một khoảng trống không khủng khiếp, hãi hùng, một khoảng trống không nó lấp đặc không trung bằng cái não nuột, cái tận cùng, cái chết chóc, cái tan hoang. Tôi quá sững sờ để còn hoảng hốt... Nhưng hãy chờ đấy, đã hết đâu! Cái lúc ghê gớm nhất trong cả đời tôi, là lúc mà tôi nhận ra trong đồng nhà cửa vụn nát, một cái bàn tay máu me của cháu Yvon tội nghiệp của tôi, rồi cách mấy bước, là một cái chân còn giày tất y nguyên của người vợ đáng thương của tôi. Ấy bấy giờ, ấy bấy giờ...".

Đến đây, ông già tái nhợt. Tôi đọc thấy trong đôi mắt cụ, bỗng dưng đi, một nỗi niềm đau xót và căm hờn không sao tả xiết. Một cơn co giật làm cụ toàn thân run rẩy. Cụ tì hai bàn tay đang quắp lại lên mép bàn. Hai chân cụ di di đều nhịp, như phát sốt, trên sàn nhà, mà căng gân cốt ra như vậy, thì là khi nào con người ta đang cố kìm lại một niềm xúc động đang muốn bùng ra. Tôi nhỏ nhẹ bảo cụ: "Thôi vừa rồi, cố ơi! Xin để hôm khác cố kể cho nghe. Cố xoi củ khoai rán, cố nhé!". Ông cụ như không nghe thấy tôi nói; cụ thở dài một hơi, nói tiếp: "Đấy ông xem, ông thân mến, chiến tranh, cuộc chiến tranh trời tru đất diệt này tôi có cái gì thì nó đã giết sạch cả, nào là hạnh phúc,

* Từ lóng chỉ đạn pháo cỡ lớn.

nào là nhà cửa, nào người vợ quý, nào bảy con yêu. Còn tôi, thì bây giờ tôi nhờ thiên hạ bố thí để sống qua ngày, sau bảy nhiều năm trời làm ăn, cực nhọc. Biết đâu, vâng, biết đâu chẳng phải chính cháu Anbe đáng thương của tôi là người bây giờ đây đang nằm đó dưới Khải hoàn môn".

Cụ gạt một giọt nước mắt thật to, tay run run nâng cái cốc mà tôi vừa rót rượu vào, miệng nói: "Nào, chúc sức khỏe ông!".

Báo *L'Humanité*,
ngày 30 và 31-5-1922.

LỜI THAN VẤN CỦA BÀ TRUNG TRẮC

Quốc vương nước Nam sắp làm "khách của nước Pháp". Gọi là lời chào mừng tí ti, chúng tôi kính dâng ngài giấc mộng này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng tôi, người bày tôi trung thành của ngài.

Đêm tối quẩn quại dưới làn mưa nhỏ hạt dầm dề. Mảnh trăng vàng vọt cổ búa trên những mái lều tranh. Cây đuốc ướt dầm đìa nước mắt tuôn rơi. Gió thổi qua những cụm lá mệt mỏi va nhau thành tiếng kinh rợn. Cành cây vẫy vẫy như những cánh tay ma quái, và những đám nước bị từng cơn gió đột ngột quất, cứ nức nở. Cảnh vật nước Nam, lồng trong cây cỏ um tùm, vốn tươi vui và thơ mộng thế dưới ánh trăng, nay buồn thảm lạ lùng. Con hấp hối đang chơi voi khắp. Tai ương lảng vảng đâu đây.

Ánh sáng lờ mờ của những cây nến thơm chấp chới đầu ngọn bắc cong queo, hắt lên những cây cột sơn mài nhẵn bóng trong cung điện những bóng đen lung lay và những con mắt hấp háy. Bọn quan hoạn lim dim uể oải trên chiếc chiếu trải dưới đất ở một góc nhà. Như cảm thấy được có im lặng đang bò lên.

Trống canh vừa điểm ba tiếng. Tùng, tùng, tùng! Các anh là người phương Tây, các anh chẳng hiểu thế là thế nào cả, hử? Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên năm thế là ba giờ của các anh đây. Đây là thời khắc ban đêm lúc lương tri cất cao tiếng. Lúc các đồng mã khạc ra những kẻ nằm bên trong, họ lìa khỏi những tấm

liệm he hé mở, để ra ngoài đi dò đi dẫm, cất lên tiếng rú hoan lạc. Lúc đầu óc con người đầy rẫy những bóng hình, mộng mị. Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên ba, thì ấy là con số chín, con số tận cùng trong những con số chẳng thể chia cũng chẳng thể nhân, mà theo vua Phục Hi thì nó biểu hiện sự suy đốn của một sinh linh được coi như cùng tột (*duyong cửu*)*.

Đó chính là lúc thiên tử nằm mơ. Ngài mơ thấy những con rồng chạm trên tủ, bàn bồng biến động, hóa thành những con rắn gớm ghiếc, mở thao láo những con mắt đỏ ngầu tia máu. Còn những con *phụng hoàng*** , giống chim tượng trưng cho uy quyền vua chúa, thì vươn chiếc cổ dài ngoẵng tua tủa lông, quệt mở xòe cánh, y hệt đám gà trống cầu kinh, đáng ghét. Mọi vật bằng ngọc thạch, bằng châu báu, đều xin đi, xám xịt lại. Tất cả cứ từ từ quay tròn, và tan dần, tan dần. Rồi một bóng ma trùm khăn, trắng trắng hiện lên. Nhà vua kinh hoàng run lên lập cập, vì không phải vua chúa nào cũng đều can đảm như Hăm lét*** , và thông minh như thế thì lại càng không. Ngài muốn kéo chiếu che mặt mà không được.

Đường bệ và giận dữ, bóng ma nói với vị chủ hoàng cung thế này:

- Mi có nhận ra ta không, đứa con khốn khổ kia ơi! Ta là một trong những người khai sáng nước Nam tươi đẹp này đây.

* Nguyên bản viết *giương cửu*, vì tác giả muốn bạn đọc Pháp đọc được gần âm Việt hơn.

Dương cửu, một quẻ trong *Kinh Dịch*, biểu hiện mức cao nhất mà một con người hoặc một sự vật có thể tiến tới được và từ điểm này trở đi nó sẽ xuống dốc (khái niệm thuộc vũ trụ quan siêu hình huyền bí Trung Quốc cổ, sau thường gắn với mê tín về tướng số).

Phục Hi, vua thần thoại Trung Quốc cổ sơ, được coi là thủy tổ của vũ trụ quan nói trên.

** *Phụng hoàng* trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

*** Hăm lét: Nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của văn hào Anh Sếchxpia. Trong đoạn đầu của vở kịch *Hăm lét*, hoàng tử nước Đan Mạch, tiếp xúc với bóng ma vua chúa hiện về đòi được con báo thù.

Ta là Trưng Trắc, năm 39* đã cùng em gái ta là Trưng Nhị và đồng bào đánh đuổi bọn xâm lăng, trả thù chồng, giải thoát quê hương. Đừng có run lên như thế, con ơi! Mà phải lắng nghe lấy lời mẹ bảo! Chẳng hay mi có biết rằng, theo tập tục nghìn năm của nước Nam ta xưa cũ thì Hoàng đế là chịu mệnh trời để trị dân, vì thế mà được coi là con của trời, cha mẹ của dân?

"Vua muốn xứng với lòng trời và làm tròn nhiệm vụ chí tôn của mình thì phải chịu khổ trước dân và chia sướng sau dân. Vua phải tuân lệnh trời, mà tiếng dân chính là truyền lại ý trời. Bằng không thì ấy là trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy.

"Giờ sử đất nước ra mà xem, mi sẽ thấy tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn. Lý Bôn (544)** , với một nhóm nghĩa sĩ, đã nổi dậy và bẻ gãy ách đô hộ của Hán tộc. Ngô Quyền (938) đã phá tan đạo quân nước ngoài kéo vào đánh chiếm đất đai Tổ quốc ta.

"Dân ta sống trong hạnh phúc và thịnh vượng dưới triều nhà Đinh. Năm 980*** , Lê Đại Hành đã dũng cảm không chịu khuất phục trước yêu sách của láng giềng hùng mạnh hơn mình gấp bội, ông đã đánh thắng địch, giết chết tướng địch. Do đó đã giải thoát được đồng bào khỏi nạn nô dịch.

"Quân Mông Cổ đi đến đâu phá sạch đây, đã bị nhà Trần về vang của chúng ta đánh bại (1225)**** . Lê Lợi đã hùng dũng đứng ra lãnh đạo cuộc cách mạng nước Nam, đập tan chế độ tàn bạo và hặc sách mà những kẻ tự xưng là bảo hộ ta bắt ta chịu.

.....

"Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên

* Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 40.

** Lý Bôn, tức Lý Bí, khởi nghĩa năm 542.

*** Lê Đại Hành phá giặc năm 981.

**** Nhà Trần bắt đầu năm 1226.

mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kẻ tục ngai vàng của các vị nay sống trong uơ hèn.

"Mặc dầu lễ nghi không cho phép các vị nguyên thủ nước ta rời khỏi cung cấm, thế nhưng chúng ta vẫn phải đau buồn nhận thấy rằng vẫn có những bậc quân trưởng phải lưu vong.

"Năm 1407*, Tàu (phong kiến) đánh nhau với ta; nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng. Chinh chiến lúc đó thế là lại bắt đầu. Giặc biết rằng không khuất phục được ta bằng uy lực, đã dùng chiến tranh hao mòn. Trần Đế Quý đã lãnh đạo dân Nam đoạt được thắng lợi, sau thấy dân cùng kiệt, đói khát, máu đổ xương rơi. Ông biết rằng giặc chỉ muốn hại mình ông, và chúng bắt được ông rồi thì dân Nam sẽ được yên ổn. Vì vậy ông ra nộp mình; ông nộp mình để dân ông đỡ hao tổn sinh linh, xương máu. Bị cầm tù giải đi, ông nhảy xuống sông tự tử. Ông thà chết vinh chứ không sống nhục. Ngày nay, mỗi buổi mặt trời mọc lên lặn xuống, muôn nghìn ánh hào quang vàng óng quây trên dòng sông trong nước bạc long lanh, tạo nên đài kỷ niệm vĩnh cửu cho linh hồn bất diệt của con người chiến bại vĩ đại đó...

"Tiếp đó là Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân - người ở ngôi ngay trước mi. Chính những kẻ xung xung là tôn trọng phong tục, luật lệ nước ta đã đẩy ả ba vị và mai đây sẽ dùng mi làm món đồ rao hàng thuộc địa, cổ động đế quốc. Có thấy không, con! Chẳng thể bao giờ trong niên giám nước mi lại có một ông vua Nam nào chịu làm tôi tớ đến như mi, lại có một cuộc ngự giá tuần du nào thảm hại đến mức này. Trước đây, mi đã từng phạm tội báng bổ là bệ lên bàn thờ linh thiêng của ông vài hình ảnh ghê tởm của thằng da trắng ngái ngủ và bụng phê nọ, nó sặc lên mùi tởi, ớn mùi thây ma. Tại sao, ừ, tại sao mi lại làm thế? Nay

* Cuộc xâm lược của nhà Minh bắt đầu từ năm 1406.

mi lại sắp lẩn xa tôn miếu. Tay mi sẽ không thắp hương vào những tiết đầu xuân, đầu thu nữa. Mi sẽ không tự tay mở hương án dâng hoa quả đầu mùa và cúng cơm mới nữa. Vẫn hay, con ạ! Rằng tất cả những cái ấy chẳng qua đều là nghi lễ cổ hủ! Nhưng mi cũng thừa biết rằng chỉ còn độc nghĩa vụ đó là mi còn làm được với tổ tiên và mi cũng chỉ còn độc cái uy tín đó mà thôi trước mắt thần dân.

"Giờ thì mi lại sắp làm tệ hại hơn nữa. Mi sắp ca ngợi công đức của những đấng bốc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đâu ra đấy trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp tăng bóc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập sơn hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng canông.

"Ôi, nhìn, hãy nhìn nào, đấng con thảm thương kia ơi! Hãy nhìn quanh mi! Thấy chẳng Trung Hoa đang thức tỉnh, Nhật Bản đang duy tân...? Thấy chẳng toàn cầu đang tiến, chỉ có dân mi là, nhờ mi và lũ quan thượng của mi, cứ phải chìm ngập mãi trong vũng lầy dốt nát và tội đòi khốn nạn?

"Hãy nhìn Triều Tiên, Ai Cập và Ấn Độ, tất cả các nước đó đều đang đứng lên đòi hỏi quyền lợi, công lý và tự do!

"Chính giữa lúc đó thì mi... Im... Nghe kìa! Nghe thấy chẳng... Nghe thấy chẳng những tiếng kêu gào...? A! Người ta đến kia kìa, đông quá, tất cả những người dân nước Nam đã bị thiệt mạng cho cuộc chiến tranh ở châu Âu. Người ta đến đòi những gì mà bọn quan thầy mi đã cùng mi hứa hẹn với người ta, anh em người ta. Trả lời người ta đi nào! A! Người ta giận dữ, người ta bỏ đi.

"Bây giờ thì người ta quay lưng đi rồi, người ta đang đi đến phía đằng kia. Có thấy người ta không? Đằng kia ấy, nơi mặt trời đang mọc huy hoàng khôn xiết, nơi tung bay kiêu hãnh lá cờ

Nhân đạo và Lao động. Đây! Chính đây là nơi yên nghỉ tâm linh những người đã khuất, là tương lai của dân tộc mà mi đã phụng sự chẳng ra gì!

"Gà sắp gáy sáng. Sao Bắc đẩu tiến ngang trời. Nhạc tiên đang giục giã ta. Thôi, chào!".

Mồ hôi nhớp nháp đầm trán vị chúa thượng đang ngủ. Ngài muốn kêu lên. Nhưng không kêu được. Lưỡi ngài lúu lại vì sợ.

Một quan hoạn bước vào, khom khom cái lưng ba lần, rồi the the cái giọng đàn bà:

- Ngai dưới*! Đã có lệnh lên đường của Tòa Khâm truyền sang rồi đấy ạ!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*, ngày 24-6-1922

* *Trône sous*: Chơi chữ, do dịch sát từng chữ từ "Bệ hạ" sang tiếng Pháp. Hạ: dưới là "sous", mà "sous" thì lại cũng có nghĩa là xu. Vậy ở đây có thể hiểu *Ngai dưới*, cũng có thể hiểu là *Ngai xu*... Chỉ chuyển được phần nào ý đùa và châm chọc nhiều mặt sang bản dịch tiếng Việt.



PARTI COMMUNISTE

(Section Française de l'Internationale Communiste)

Secrétariat : 120, Rue Lafayette, PARIS

FÉDÉRATION d

la Seine

Année 1922

CARTE D'ADHÉRENT

Délivrée à

Henri Tchen

13861

Section d

138

Le Secrétaire général :

LE SECRÉTAIRE :

[Signature]

[Signature]

Thẻ đảng viên Đảng cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc
với tên Hăng ri Trần (Henri Tchen) 1922.

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CON NGƯỜI BIẾT MÙI HUN KHÓI

Xin tặng Nahông*, người đã bị quân phiệt thực dân ám hại, bài ký này.

"Chính cuộc chinh phục hệ thống thuộc địa đã rèn luyện tài năng chiến đấu của số đông những nhà chỉ huy quân sự lớn của ta, những con người đã đưa ta đến chiến thắng, đã được dư luận Pháp ca ngợi vinh quang và chiến công ngay khi mang lá cờ nước ta đến dưới những bầu trời châu Phi hay châu Á".

Anbe Xarô

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa

Haútxa**, tháng 1 năm 1998.

Thành phố Haútxa cờ xí tung bừng. Tưởng đâu như một vị chúa xuân đã gõ cây đuũa thần lên gỗ ván khô khốc ở các bao lon và các cửa sổ, làm mọc ra muôn vàn tấm lá đỏ phấp phới yêu kiều trước gió. Đây là lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Cộng hòa liên hiệp Phi. Chưa bao giờ dân chúng lại tham gia với mức độ ấy những hội hè loại này. Từ sáng sớm, các đường phố, các quảng trường y như một dòng sông người. Từng đoàn học sinh, giương cờ đi đầu, vừa diễu qua các phố vừa hát *Quốc tế ca*, được dân chúng vỗ tay hoan nghênh. Trên quảng trường

* Nahông là một người lính thuộc địa đã bị một tên quan ba Pháp giết hại năm 1922 ở miền Đông Maroc.

** Haútxa là tên một tộc người ở Tây Phi. Ở đây, tác giả lấy tên đó đặt cho một thành phố tưởng tượng của châu Phi độc lập và thống nhất tương lai.

Xôviết, một cụ già hô hào đám đông. Đó là cố Kimengô, mệnh danh là Con người biết mùi hun khói.

Cụ Kimengô, tuổi đã chín mươi, là một cựu chiến sĩ của quân đội cách mạng, một trong những người sáng lập Cộng hòa da đen. Được phú bẩm một trí thông minh đặc biệt sắc sảo, lại am hiểu tường tận mọi sự kiện chính trị và xã hội của thời đại, cụ Kimengô không những đã ra sức thức tỉnh anh em cùng màu da ra khỏi giấc ngủ mê say của con người nô lệ, mà còn cố gắng phá tan những thành kiến dân tộc và chủng tộc, tập hợp những người bị bóc lột thuộc các màu da trong cuộc đấu tranh chung. Cụ đã thành công. Kimengô là một trong số hiếm hoi những người đã chịu gian khổ lớn để gieo hạt và được hưởng hạnh phúc lớn gặt vụ mùa thắng lợi. Mái tóc cụ bạc phơ như tuyết khuôn mặt rục rở màu mun. Đôi mắt cụ hiền dịu và nhìn sâu thẳm. Miệng cụ luôn tươi cười, dù trước những nguy nan nghiêm trọng nhất hay trong những giờ phút đen tối nhất. Từ toàn bộ con người cụ toát ra nhân từ và cao quý. Cụ đáng tôn kính và được tôn kính.

Chúng tôi đến nơi thì cụ đã nói được nửa chừng, và đây là những lời mà chúng tôi nghe được:

"... Có những từ ngữ mà người già các bác trước kia thường nghe thường nói, thì nay không còn trong từ ngữ của các cháu nữa. Và như thế là tốt. Bây giờ các bác nói đến tòa án, cảnh sát, quân đội, nhà tù, thuế khóa thì các cháu chẳng mấy người hiểu những cái đó là cái gì.

"Thời bác thì nước Cộng hòa của chúng ta là thuộc địa Pháp. Trong nước, có người giàu và người nghèo. Người giàu là những kẻ hưởng tất cả, tuy gì cũng chẳng làm. Người nghèo là những kẻ gì cũng làm, mà chẳng được hưởng gì cả. Người nghèo phải chịu chết chóc cho người giàu khi nào bọn này bất hòa với nhau: cái đó gọi là thuế máu. Người nghèo làm ra được cái gì đều phải nộp cho người giàu: cái đó gọi là thuế tiền.

"VẬY NHÉ, BỌN TƯ BẢN DA TRẮNG LẤY NƯỚC TA LÀM THUỘC ĐỊA XONG, NÓ BẮT CÁC BÁC PHẢI NỘP CÁC THỨ THUẾ, MẶC DẦU CÁC BÁC NÀO CỎ CỦA NẢ GÌ ĐÂU. NỘP THÌ KHÔNG CỎ GÌ ĐỂ NỘP; ĐỂ KHỎI BỊ HÀNH HẠ, CÁC BÁC PHẢI BỎ TRỐN VÀO RỪNG. CHÚNG NÓ ĐEM CHÓ VÀ ĐEM SÚNG ĐUỔI THEO, CÁC BÁC ĐÀNH PHẢI ẨN VÀO MỘT CÁI HANG, NGÀY NAY GỌI LÀ HANG TUẦN NẠN.

"BỌN BÁC HƠN HAI TRĂM MẠNG, ĐÀN ÔNG CỎ, ĐÀN BÀ CỎ, TRẺ EM CỎ. CỨ TƯỞNG RẰNG NHƯ THẾ LÀ TẠM YÊN THÂN, NÊN MẶC DẦU PHẢI CHỊU ẨM, CHỊU TỐI, CHỊU ĐÓI, CỰC LẮM, CÁC BÁC CỎ Ý ĐỊNH CỨ NÁN LẠI ĐÓ CÀNG LÂU CÀNG HAY, VÌ BIẾT RẰNG BỌN NÓ VẪN RÌNH Ở NGOÀI HANG VỚI SÚNG ÔNG. HANG TỐI NHƯ BỤNG NGÀY CŨNG NHƯ ĐÊM, BÁC CHẲNG BIẾT Ở TRONG ĐÓ BAO LÂU.

"CHẲNG TRÔNG THẤY GÌ HẾT, CHẲNG NGHE THẤY GÌ HẾT, TRỪ TIẾNG CHÓ SỬA DỮ DỘI, XA XĂM, NHẮC NHỞ RẰNG TÌNH THẾ VẪN HIỂM NGHÈO.

"MỘT NGÀY NỌ, NÓI ĐÚNG HƠN LÀ MỘT ĐÊM NỌ, CÁC BÁC NGƯỜI THẤY CỎ CÁI MÙI KHÉT LỆT TRÀN VÀO CHỖ NẤU TRONG LÒNG ĐẤT. MÙI KHÉT NẶNG LÊN NHANH VÀ TRỞ THÀNH KHÔNG THỂ CHỊU NỔI. GÌ THẾ? CHẲNG AI BIẾT... TRẺ NHỎ THÌ KHÓC, ĐÀN BÀ THÌ LA, ĐÀN ÔNG THÌ CHửi. HOẢNG LOẠN! CHẠY ĐI Ơ? NHƯNG CHẠY ĐÂU CHỨ? KHỦNG KHIẾP QUÁ! TIẾNG RĂNG LẬP CẬP, TIẾNG THÉT XÉ TAI, TIẾNG NẮC, TIẾNG THÂN NGƯỜI ĐỔ XUỐNG, TIẾNG KHÓC ĐIÊN RỒ, LÀM CHO CÁI XÓ TỐI ẨM KHÓI ĐÓ HẾT NHƯ LÀ MỘT ĐỊA NGỤC.

"BÁY GIỜ BÁC Ở TẬN CUỐI HANG. BÁC THEO BẢN NĂNG NHẮM MẮT, NGẬM MIỆNG, ÁP MẶT VÀO VÁCH HANG. NHƯ THẾ CẢM THẤY DỄ THỞ HƠN VÀ NGỦ ĐI LÚC NÀO KHÔNG BIẾT. TỈNH DẬY THÌ THẤY CỎ TIA SÁNG CHIẾU CHÉCH VÀO MẶT, ĐẤY LÀ MỘT KẼ HỎI QUA ĐẤT, NHỜ ĐÓ MÀ BÁC THỞ ĐƯỢC VÀ THOÁT CHẾT. BÁC NHẦM ĐÀO MỘT LỐI RA PHÍA ĐÓ, NHƯNG CHỈ MỘT XÁC VÔ ÍCH. BÁC BÈN QUYẾT ĐỊNH THÔI ĐÀNH LIỀU MẠNG CỨ PHÍA CỬA HANG MÀ RA. QUỜ QUẠNG VÀ DẪM QUA HAI TRĂM XÁC CHẾT HUN MỚI TRỞ LẠI ĐƯỢC VỚI KHOẢNG TRỜI TỰ DO.

"Bác ăn cỏ, ăn rễ cây, đi lang thang hết làng này sang làng nọ; cuối cùng thì được bố của đồng chí người da trắng này đây thu nhận về nuôi như con. Ông đã dạy dỗ bác theo những nguyên tắc của tình hữu ái và của chủ nghĩa cộng sản; ông cũng đã cho bác biết tên thằng da trắng vì muốn thu thuế mà đã hun các bác chết ngạt một cách man rợ như vậy.

"Thằng hun khói, tên nó là Bruye, là đại diện của nước Pháp và là công sứ ở Hautxa".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*, ngày 20-7-1922.

SỞ THÍCH ĐẶC BIỆT

Từ khi đến Pari, Khải Định, Hoàng đế nước An Nam đã thành mục tiêu bao vây theo như thường lệ của một số bà buôn son bán phấn. Họ đã dâng lên Ngài Ngự nhiều bức thư nồng nàn tình tứ và nhiều tấm ảnh khêu gợi. Như Khải Định vốn là bậc hiền triết, Ngài Ngự bèn truyền đem tất cả thư và ảnh ấy vứt vào sọt rác, và ai hỏi, Ngài Ngự cũng đều từ chối không trả lời gì hết.

Ông Anbe Xarô đã trả lời một mỹ nhân hỏi về việc đó như sau:

- Ấy, hoàng thượng ngài có những sở thích rất đặc biệt.

Bà này rất đổi ngạc nhiên và muốn hỏi cặn kẽ thêm, nhưng ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã đánh trống lảng:

- Hoàng thượng ngài chỉ thích đọc sách thôi.

Bà ta lại hỏi:

- Thế hiện giờ hoàng thượng đang đọc gì?

Ông Anbe Xarô trả lời:

- Platông.

(Nghe lỏm)

Bảo rằng Hoàng đế Khải Định là bậc hiền triết, điều đó ta không nghi ngờ gì cả. Nhưng hiền triết thì cũng không phải là không cần lễ độ, và chúng tôi mạn phép kính tâu hoàng thượng rằng cử chỉ của ngài dù uy nghi đến đâu chẳng nữa nhưng vẫn hoàn toàn thiếu lịch sự. Riêng chỉ nghĩ rằng những bà lịch sự kia, vì ham chuộng những cái của vua chúa mà bị khinh miệt một cách phũ phàng như thế ắt không khỏi sẽ trút tất cả mối căm thù

ghê gớm của các bà vào những *đế tài* về hoàng thượng, là người ta cũng đủ run lên rồi. Quan lớn bộ trưởng vốn có tài ăn nói. Ông lại rất am hiểu chữ nghĩa của nước ông. Vậy mà câu ông trả lời mỹ nhân lại rất mập mờ. Ông dùng chữ "sở thích đặc biệt", thật ra là muốn nói gì nhỉ? Có phải ngẫu nhiên mà, mặc dầu vừa mới chân ướt chân ráo tới cái thành phố ánh sáng này, đức hoàng thượng rất ư thông thái và đầy tâm hồn nghệ sĩ đã làm quen được ngay với một nghệ sĩ nổi tiếng và một thi sĩ lừng danh rồi chăng? Đặt câu hỏi như thế, chính là đã trả lời rồi đó. Sau khi mỹ nhân muốn hỏi cặn kẽ thêm, và sau khi quan lớn bộ trưởng đánh trống lảng, thì cái câu nói mập mờ rất hùng biện kia vẫn còn tiếp tục thêm rằng: tuy trong chữ *Théétète** có chữ *Thé* (như Víchto Huygô từng nói), chúng ta vẫn không tin rằng hoàng thượng lại hạ cố đến những tác phẩm của người thầy học của Arixtôt, vì hoàng thượng vẫn luôn luôn phải có người thông ngôn mới hiểu được tiếng Pháp (và cả tiếng Hy Lạp nữa) kia mà. Cho nên khi ông bộ trưởng nói rằng hoàng thượng hiện đang đọc Platông là ông chưa nói hết cái chữ mà ông định nói: Chắc là ông định nói chữ Platô... ních** đấy mà.

*Amicus Plato, sed magis a amica veritass***.*

Và chúng tôi xin trả lời:

"Ông bạn Platông ơi, hoàng thượng chỉ thích xem thôi".

NGA.Q.

Báo *Le Paria*, số 5, ngày 1-8-1922.

* *Théétète*, tên một bài đối thoại của Platông bàn về tri thức và cơ sở của triết học, viết vào khoảng năm 369 trước công nguyên. Tác giả viết câu này để nói ý rằng chữ *Platông* ở câu sau cũng còn dùng dở vắn.

** *Platonique* nghĩa đen là theo học thuyết Platông: thuần túy lý tưởng. Nghĩa bóng là vô hiệu lực. Ở đây, muốn ám chỉ bệnh liệt dương của Khải Định.

*** Nghĩa là *Tôi rất quý Platông nhưng đối với tôi, sự thật còn quý hơn nhiều*. Đây là một câu châm ngôn rút trong tác phẩm của Amôniuyt, nhan đề là *Cuộc đời của Arixtôt*.

THƯ GỬI KHẢI ĐỊNH

Kính gửi: Hoàng thượng Khải Định

An Nam Hoàng Đế

Vĩnh biệt V.V.C.

Ngài đã đến - hay nói cho đúng hơn là người ta đã đưa ngài đến, coi như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ. Người ta định đem ngài bày ít nhất là vài ba tháng trong tủ kính xinh xẻo, nhưng mỏng manh và có thể bị hủy hoại. Thế mà ngài lại ra đi, hay nói cho đúng hơn, là người ta đã buộc ngài phải cuốn gói ra đi. Được ăn ở sang trọng tại phố Uđinô, được ru êm ấm trong tay của *điện hạ Xarô* - ông hoàng An Nam và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa - như trên tay một người cha, thế mà ngài vẫn kêu là còn rét. Nếu tất cả đồng bào của ngài - những người đã từng dấn thân trong bùn lầy, sương tuyết và dưới làn mưa đạn trên chiến trường ở nước Pháp, những người đã và đang bị dày dọạ dưới tiết trời rét như cắt da cắt thịt, đã và đang bị đe dọa bởi những kẻ *mà họ* tấn công, - nếu tất cả những người đó đều như ngài đã vội ch... uồn ngay, chớ chẳng chịu liều mạng - cố nhiên là liều cái mạng không để vương bằng, nhưng dầu sao cũng quý báu - thì ngài có thể lấy đâu ra được để tỏ cái lòng trung quân để kiếm và lòng trung thành rỏ rúng để làm vừa ý cái ông chủ của ngài, như ngài đã từng tỏ ra ở Nôgiăng hay ở những nơi khác?

Ngoài vấn đề tình cảm ra, và ngoài mấy con ngựa cái ở trường đua Lôngsăng cùng những vẻ đẹp cổ đại ở nhà hát Ôpêra thì ngài đã thấy gì trong suốt thời gian "tham quan" của ngài ở cái nước Pháp lạc thú này?

Ngài có thấy được nguyện vọng thiết tha mong muốn công lý, tự do và lao động của quần chúng rộng rãi của dân tộc Pháp này không? Ngài có thấy được tình cảm cao cả yêu chuộng hòa bình và hữu nghị đang làm rung động trái tim của quần chúng đó, - số quần chúng mà, qua những cuộc cách mạng giải phóng, giờ đây đã giải phóng mình khỏi ách của bọn vua chúa, để trở thành kẻ tự mình làm chủ mình đó không?

Qua những lời tán tụng hèn hạ trong những bài diễn văn của mấy nhà đương cục và trong những bài báo được trợ cấp tiền của mấy tờ báo "luơng thiện" ra, ngài còn có nghe thấy gì nữa không? Ngài có được nghe người ta nói đến Paxtơ hay Vôn-te, Vich-to Huy-gô hay Annatôn Ph-răng-xơ không? Ngài có được nghe người ta nói đến bản Tuyên ngôn nhân quyền và công dân quyền không? Ngài có được nghe người ta kể lại lịch sử của cuộc cách mạng bất diệt không?

Sau những xúc động mạnh mẽ khi xem những đại bác, xe tăng hòa bình đi qua, thì trong cái *đầu* chít khăn của ngài đã vội chồm nờ nởi nhớ nhà, thế là ngài vội vã cuốn gói ra đi! Ngày mai đây, ngài sẽ xuống tàu, và ngài sẽ lại trông thấy những biển cả ven theo đất nước của người Ai Cập và người Ấn Độ. Hòa lẫn với tiếng sóng gầm vang, những tiếng thét dữ dội của nhân dân bị áp bức ở các nước này, cũng như của nhân dân nước ngài, sẽ xé tan bầu không khí yên tĩnh bên tai ngài. Và nếu như ngài có đôi chút óc tưởng tượng, ngài sẽ thấy rằng ý chí của nhân dân - một ý chí đã được hun đúc trong nghèo đói và khổ cực - một ý chí còn mạnh hơn và dẻo dai hơn sóng cả, cuối cùng sẽ khoét hồng dần và đánh bật cái tảng đá bề ngoài có vẻ vững chắc là sự áp bức và bóc lột kia đi. Có thể ngài sẽ tự nhủ rằng cái mà ngài trông thấy đây là một chút của nước Pháp đó.

Vĩnh biệt... người đồng hương! Một khi mà những đợt sóng biển vô tình đã lấp kín vết đi của con tàu ngài ngồi thì nước Pháp sẽ quên ngài, cũng như ngài sẽ không còn nhớ chút gì về những người Pháp nữa.

Để giữ kỷ niệm của một nền văn minh hiện đại và lớn lao, ngài mang theo về cung điện của ngài một chiếc dương cầm, vài cái nhẫn và mấy chiếc bật lửa mà ngài đã đổi được bằng chút ít uy tín mà ngài để mất mát đi trong trái tim nhân dân của ngài. Và khi ngài lại trở về sống giữa đám phi tần và nội thị của ngài, giữa những sọt giấy lộn và tẩu thuốc phiện của ngài, thì một vài tên ký lục già sẽ thuê dật thay ngài và hộ ngài để gửi cho nước Pháp mà ngài không hề hiểu biết một vài câu nịnh hót hay một vài vần thơ lòng củng, dưới đó, những ngón tay đầy nhẫn của ngài sẽ cầm bút ký cái chữ ký của một vị đế vương là nghệ sĩ và văn nhân (!).

Thế là cái ý nguyện bình sinh lớn của ngài đã được thỏa mãn. Và như vậy là hạnh phúc và ấm no của nhân dân An Nam cũng sẽ được xây dựng và củng cố rồi đây!

Nguyễn Ái Quốc

Báo *Le Journal du Peuple*, ngày 9-8-1922.

ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ

- Đi chợ nào đây, anh Hai?
- Đi chợ Đông. Thế còn anh, anh Ba?
- Tôi cũng vậy. Thế có món hàng gì quý trong đôi thúng bánh ấy thế?
- Vàng mã cúng ông vải ạ. Còn anh, anh có cái gì hay hay cho khách hàng nào?
- Trầu non để làm thơm và để nhuộm hồng miệng xinh của các chị chàng đẹp đấy.

Thế rồi hai anh bán hàng bật im. Mặt trời đứng bóng chiều ướm dẫm những bắp tay bắp chân lực lưỡng gần như để trần của hai anh. Bốn chiếc thúng nặng nề đựng đưa ở đầu hai đòn gánh tre đặt ngang trên vai chấy nắng. Bụi cuốn lên quanh bước chân thoăn thoắt thành một thứ màn sương, làm cho mọi cử động của hai anh mờ ảo và nhìn xa lại còn có vẻ mỹ thuật là khác.

- Nghe này, người anh em! - Ba nói.
- Tại tôi đang lắng nghe lời anh dạy. - Hai đáp.
- Hai ta cùng đi một chợ này, theo cùng một con đường này, lại cùng có một mục đích - là bán hết hàng, cùng một chí hướng - là làm ăn lương thiện kiếm miếng cơm. Phải thế không nào?
- Anh nói muôn nghìn lần đúng.
- Thế có muốn hai ta kết làm anh em không? Có muốn hai ta cùng nhau giao ước thắt tình hữu ái, và, ngay từ hôm nay, khuyên bảo lẫn nhau, thấy đây làm gì thì đó làm theo, mà đó đã

bảo gì thì đây cũng làm y, nói tóm lại, là giữa hai ta có sự đồng tâm nhất trí.

- Anh đây thật là chí lý, xin vâng theo.

- Thế thì, nào! chú mày, đường còn xa, chúng ta hãy thay phiên nhau hát, cho đôi cánh bông trầm nén cơn mệt nhé!

- Ông anh hát trước đi!

Con-mèo trèo lên cây cau

Hỏi thăm Kon-chuột đi đâu vắng nhà?

Thưa rằng đi chợ đường xa

Mua đồ vật liệu giỗ cha con-mèo.*

- Khôn ngoan hơn cường bạo, kẻ yếu thì chỉ có cách đó để tự vệ. Hai nói ra vẻ hiền triết lắm. Rồi, giọng u sầu, anh ngân nga:

Trông lên hòn núi Thiên Thai

*Thấy bầy chim quạ ăn xoài chín cây***

- Bài chú hát nghe sao buồn quá! Nhưng mà sự thật là thế. Dẫu ta cũng cứ thấy cái giống chim chóc*** biếng lười, nó chẳng chịu làm lụng gì cả, chuyên bòn của người khác làm ra mà ăn. Mà ơ này!

* và ** Nguyên bản tiếng Pháp có trình bày những bài hát dân gian này bằng tiếng Việt, kèm theo bản dịch sang tiếng Pháp, bản thân cách dịch đã ít nhiều giải thích ý nghĩa hàm ở trong. Dịch sát nghĩa và thoát, nhưng có thêm thắt đôi chữ giúp độc giả phương Tây lĩnh hội được dễ dàng và chính xác hơn ý tứ của những bài hát: *Seigneur, Chat, Vilains corbeaux*, v.v (gọi mèo bằng *chúa*, chỉ quạ là *xấu xa*, v.v.).

Tác giả lại còn nhân dịp giới thiệu nhẹ nhàng cả vài đặc điểm hình thức của thơ ca Việt, như bằng chữ cái cho nổi lên những vần bộ ba ở chân và ở lưng những câu lục bát đã sử dụng, v.v..

Tác giả thường dùng chữ K thay chữ C, với dụng ý cải tiến chữ quốc ngữ. Riêng ở đây, tác giả còn ý nhị muốn tránh mọi liên tưởng bất tiện trong tiếng Pháp, khi dùng có dụng ý chữ K để viết *con*, đồng thời dùng gạch nối giữa hai chữ "con mèo", "con chuột", để chỉ rõ *con* ở đây không có nghĩa riêng (*con* có nghĩa tục trong tiếng Pháp).

*** Trong tiếng 1, con chim (*oiseau*), đặc biệt *con chim xấu xa* (*vilain oiseau*), thường dùng để chỉ hạng người bỉ ổi.

Dòng sông có cát mịn, có làn nước trong veo, đây rồi! Nhớ nhúng đôi thúng xuống cho hàng thêm tươi tốt lúc qua sông.

Một lời đã hứa, Hai, anh bán đồ giấy, làm theo không chối cãi.

Qua khỏi con sông, anh bảo Ba:

- Ánh sáng là mẹ của mọi sự tốt lành, mà mặt trời thì lại là cha của ánh sáng. Vậy, anh à! Ta hãy phơi hàng một lát dưới ánh mặt trời tốt lành cho hàng lên màu, khách mua thêm hài lòng, ta bán được giá hời. Vừa nói, Hai bày chỗ hàng bằng giấy bồi của mình lên ven đường nóng bỏng, rồi đến nghỉ dưới bóng cây.

Một lời đã hứa, Ba, anh bán trâu không, làm theo không chối cãi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*, ngày 29-9-1922.

NHỮNG NGƯỜI BẢN XỨ ĐƯỢC “ƯA CHUỘNG” *

Năm 1604, có một người Anh tên là Sếchxpia **, vốn là một nhà văn chuyên nghiệp, ông ta có nhã ý đưa ra một vở kịch mà vai chính là một người da đen. Người da đen này tên gọi Ôtenlô, quả là một anh hùng, một anh hùng thật sự. Anh hùng Ôtenlô đã từng chinh chiến nhiều, nhưng không phải là đánh Cápăng-chiê, cũng không phải vì anh là người được Ông Địa-nhơ tuyển mộ, cũng không phải vì anh là người dưới trướng của tướng Mănggianh, và lại hỏi đó vẫn chưa nổ ra cuộc chiến tranh vì “công lý” - mà là đánh những cường quốc hiếu chiến ở châu Âu và châu Phi. Ôtenlô làm thống soái của quân công xứ Vênixi. Cứ theo lời Ông Viviani nói thì trên mái tóc xoăn của Ôtenlô đã có biết bao nhiêu vòng hoa chiến thắng. Nhưng chiến công lớn nhất của Ôtenlô là đã thắng được Đêđêmônia.

Đêđêmônia không phải là một thành phố Đức, cũng không phải là một thuộc địa đâu. Đó chỉ là tên một cô gái dịu dàng, xinh xắn, đầy hạnh phúc, con của nguyên lão nghị viện Brabanxiô. Ôtenlô đã chiếm được trái tim nàng bằng cách tỉ tê kể lại cho nàng nghe lịch sử cảm động của đời mình, lịch sử

* Nguyên văn: “Indigènes à la mode”, nếu dịch thật sát nghĩa thì là: những người bản xứ theo “mốt”, theo thời thượng, tức là những người bản xứ được người ta nhắc tới nhiều trong một thời gian nào đó như là một cái “mốt”.

** *Uyliam Sếchxpia* sinh ngày 23-4-1564 ở thị trấn Xtorétpho trên bờ sông Evôn, nước Anh, mất ngày 23-4-1616, trùng với ngày sinh. Sếchxpia bắt đầu sáng tác từ năm 1590, trong vòng 22 năm, ngoài một số thơ, đã sáng tác tất cả 38 vở kịch. Sự nghiệp sáng tác của Sếchxpia có thể chia làm ba thời kỳ: 1561-1601; 1601-1608; 1608-1612. Sếchxpia sáng tác bi kịch *Ôtenlô* vào giai đoạn thứ hai trong cuộc đời văn nghiệp (1604, như chính Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ghi ở dòng đầu bài viết này).

những trận đánh vĩ đại, những trận vây thành dài đằng đẳng, những chiến công rực rỡ, tóm lại là những tán tỉnh hay ho gì đó! Biết cha mình vốn chức tước như thế thì sẵn có nhiều thành kiến, nhất là thành kiến chủng tộc, nên nàng Đêđêmônia hiền hậu chỉ một lòng nghe theo tiếng gọi của tình yêu, nàng quyết lấy chàng da đen làm chồng mà không cần đến ý kiến của cha.

Trong vở kịch này, những người da trắng như tay thám tử Ialô và anh chàng Rôđrigô bị khinh bỉ, đều không đóng một vai gì choáng loáng, mà chính họ lại là những vai đen tối nhất. Song việc đó chẳng can gì đến chúng ta.

310 năm trôi qua*. Người bản xứ lại được đưa lên sân khấu: nhưng đây là sân khấu chiến tranh**. Tác giả lần này giấu biệt tên tuổi, tìm cũng chẳng thấy; song các vai trò dù là vai chính hay vai phụ, anh hùng hay không, nhưng vì quá thành tâm đóng vai trò của mình, nên phần đông đã nằm lại trên sân khấu. Thật là một tấn bi kịch! Năm 1922, lại thấy xuất hiện những người bản xứ được ưa chuộng. Ta không nói đến Batuala, con người được phong tặng, và Xiki, kẻ ân nhân của khoa học, làm gì. Ta chỉ nói đến những người bản xứ đã thích ứng được, hoặc được thiên hạ thích thú.

Bị trói gô vào cột buồm tàu và được đi làm quân tình nguyện ở châu Âu, đánh phùng man rợ để “bảo vệ văn minh”, nhưng một khi được đến xứ “văn minh” rồi, thì những người bản xứ của ông Têry lại được cái thú tha hồ ném “trái cây trong vườn cấm”. Những người bản xứ còn sống sót sau cuộc tàn sát 1914, cũng như những người bản xứ còn sống sót sau đại chiến 1914-1918, đều có thể tự hào rằng vì dân chủ, vì quyền lợi của chủng tộc cao đẳng, họ không những đã hiến đời mình, xương máu mình, mà còn hiến cả niềm t...in của mình nữa.

* Tức là tính đến năm 1914.

** Đây là chỉ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918).

Ông Sếchxpia trước kia lấy làm hài lòng thấy người dân bản xứ trong vở kịch của mình đã đang hoàng lấy được cô gái mẫu quốc. Còn ông Têry ngày nay thì chỉ nhận thấy có một điều là người bản xứ của ông rất đặc lực để góp phần làm cho dân số phình lên bằng cách làm phình bụng các cô nàng da trắng. Ông Xasa Ghitory còn đi xa hơn nữa. Ông muốn người bản xứ phải được “văn minh” hoàn toàn. Ông muốn họ phải cấm sừng các ông chồng da trắng cơ! Ông đã hoàn toàn toại nguyện, vì chín tháng sau cuộc “chinh phục”, bà Mácgorit Đênoayê đã sinh hạ được một cậu bé bản xứ. Nhưng chúng ta lấy làm tiếc rằng ông Đênoayê đã không hoan nghênh chú bé bản xứ đó cho lắm. Vốn là một “nhà yêu nước” từ đầu đến chân, nên ông ta muốn rằng chú bé màu da “sôcôla” kia ra đời giá đừng có nhăn nhui và bé nhỏ như thế, mà lại là một người râu ria xồm xoàm, ba lô trên lưng, súng trên vai để “bảo vệ đất nước”, thì quý biết nhường nào.

Ngay cả các trang tiểu thuyết đăng trên báo, người bản xứ cũng đã giành được địa vị của mình. Ông Angiabe, ấy xin lỗi, ông Anbe Giăng chứ - đã chẳng kể chuyện triển lãm Mácxây là gì? Có một chàng Việt Nam kia làm nghề kéo xe đã lọt được vào mắt xanh của một bà đầm xinh đẹp nọ. Sau khi đi thăm triển lãm về, bà bèn cho gọi anh xe đến phòng ngủ lộng lẫy của bà, và vân vân... Người yêu bị cấm sừng của bà bỗng nhiên tới. Bối rối, lẩn núp, vân vân... Nhưng câu chuyện lại ở chỗ khác kia. Nguyên là chàng công tử kia đã đánh cắp được một viên ngọc bích ở gần triển lãm Đông Dương, và đến để khoe với người ngọc của mình (Ôi! Liêm khiết vậy thay!). Người Việt Nam kia đứng nấp đằng sau trông thấy quả tang hành vi đây tội lỗi, liền nhảy ra đánh cho anh chàng ăn cắp ngã gục, rồi mang vật quý về gian triển lãm.

Không kể các điệu nhạc khiêu vũ và các cuộc triển lãm thuộc địa đã làm cho anh em thuộc địa chúng ta tự hào một cách chính đáng, chúng ta lại còn lấy làm sung sướng được biết rằng từ sang năm trở đi, tất cả các bà đầm thuộc giới lịch sự, sẽ mang

một cái gì của chúng ta trên người và trong người họ: các cửa hàng thời trang to lớn ở Pari, sang xuân tới, sẽ tung ra những kiểu vải thuộc địa và kiểu quần áo thuộc địa. Người ta sẽ đặt cho những bộ áo mặc trong nhà và các quần áo khác đủ thứ tên nào là: Thị Ba, Bămbara, Uôlốp, Lumpholúp, v.v...

Hỡi những người con của thuộc địa! Ngày vinh quang đã đến rồi*.

Báo *Người cùng khổ*, ngày 15-1-1923.
Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Hà Nội, 1959, tr.47-50

NGUYỄN ÁI QUỐC

* Câu kết này nhại theo câu đầu trong bài quốc ca Pháp: "*Allons! Enfants de la Patrie, le jour de gloire est arrivé!*" (Hỡi những người con của Tổ quốc! Ngày vinh quang đã tới rồi!)

BỘ SƯU TẬP ĐỘNG VẬT

Thật chúng tôi đã nghĩ đến nát cả bộ óc người da vàng của chúng tôi ra, cũng không tài nào mà tìm thấy cái lẽ vì sao mấy ông bà người Pháp lại thành lập một tổ chức kỳ cục là Hội bảo trợ loài vật. Trước hết, chúng tôi sờ dĩ không sao tìm ra được nguyên nhân đó, vì chúng tôi thấy hiện nay còn có biết bao nhiêu là con người cùng khổ đang đòi hỏi được người ta săn sóc đến họ một chút mà cũng chẳng được. Sau nữa vì những con vật đó không đáng được thương yêu đến thế, mà chúng nó có khổ sở gì cho cam. Trừ con sư tử đen* là có ích cho những người có thói quen xỏ chân vào giày da thú, còn hầu hết những con vật đó đều độc ác, rất độc ác.

Cái con chó ngắn mõm** chẳng đã chạy đến nhe bộ răng khả ố của nó ra mà xé toạc cả cơ cấu của Hội nghị Pari đó sao? Thành thử con khỉ Phlamăng và con gà sống Gôloa phải một mình đương đầu với con phượng hoàng Giécmanh ở miền Ruya***.

Trong khi hãy còn bị xích cổ, thế mà con hổ**** chẳng đã nhá nghiêng mắt nhiều bộ của nước cộng hòa đó sao? Người ta chẳng đã phí hàng mấy triệu, mấy tỷ để nhờ hai ông bạn vinh quang của chúng ta là Côn-sắc và Vranghen mua hộ da con gấu Mátxcova, là

* Nhãn hiệu một loại xi đánh giày có tiếng ở Pháp.

** Âm chỉ nước Anh lúc đó.

*** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, vấn đề miền Ruya, một khu vực công nghiệp than và luyện kim quan trọng của Đức, là khâu chính trong những mâu thuẫn giữa các cường quốc châu Âu. Tháng 1 năm 1923, Pháp muốn nắm ưu thế ở châu Âu, đã cùng với Bỉ chiếm đóng miền Ruya của Đức. Con khỉ Phlamăng và con gà sống Gôloa ở đây ám chỉ Bỉ và Pháp.

**** Âm chỉ Clêmăngxô, một chính khách Pháp và Bộ trưởng Bộ Chiến tranh.

con vật ngày nay hơn bao giờ hết, nó không thích để cho người ta tùy ý muốn làm gì thì làm đó sao? (Chao! Con vật mới quái chứ!).

Trong số các bạn hữu ở chính quốc của chúng ta, ai là người không phải phàn nàn về tai hại do loài điều hâu gây ra? Loài quạ* mà lại chẳng phải là những kẻ phá hoại tai hại trong địa hạt tinh thần à? Còn những con mọt già** thì có làm được việc gì ngoài cái việc chỉ chuyên tìm cách lợi dụng những sự bất hòa và những chuyện xích mích trong xã hội? Lại còn con vật nào đó chẳng đã vô sỉ đến nỗi muốn cho phép tất cả các chàng rể láo xược cứ việc dùng tên đó để gọi mẹ vợ họ đó sao? Bọn mèo quý phái*** há chẳng thật sự là những kẻ đã dập tắt cả hạnh phúc gia đình của nhiều nhà đó ư? Và những con chuột cống ở khách sạn**** chẳng đã là những kẻ thù muôn thuở của tất cả những người đi du lịch đó sao?

Chưa kể đến chó sói lúc nào cũng là kẻ có lẽ phải vì đó là kẻ mạnh hơn, và những con chiên ghê là một mối tai họa cho cả một xã hội trung thực, chúng tôi... Nhưng trước khi kết thúc, ta hãy nói một chút về những con vật ở thuộc địa.

Đúng giữa lúc ông Ghinan chuẩn bị để nhờ ông Mănggianh chuyển lên Viện Hàn lâm khoa học một bài nghiên cứu về việc sử dụng da cá mập, thì ông Anbe Xarô lên đường đi Đảo Chó***** đọc một bài diễn văn bộ trưởng của ông tại xưởng ướp cá thu Xanh Pie và Micrông, còn về phần ông Xitorôen thì ông cho "con Sâu"***** khai hóa của ông bò xuyên qua Xahara. Hai cuộc đi công cán này - việc công và việc nửa công nửa tư - chắc

* Chỉ kẻ viết thư nặc danh.

** *Chats-fourrés*: Nghĩa đen là những con mèo lông xù; nghĩa bóng là bọn quan tòa

*** *Poules de luxe*: Chỉ bọn gái điếm sang trọng.

**** *Rats d'hôtel*: Chỉ bọn chuyên trộm cắp hành lý của khách trọ.

***** *L'Ile aux chiens*.

***** "*Chenille*": Nghĩa đen là con sâu. Về cơ khí, đó là xe tăng. Thường dùng để gọi tất cả các xe chạy bằng xích.

hắn thế nào cũng sẽ thu được kết quả tốt đẹp mà người ta có quyền chờ đợi: tức là làm cho con chuột nhắt đẻ ra những quả núi và củng cố địa vị của những con cá mập thực dân.

Người ta thường quên tưởng rằng các nhà bảo hộ của chúng ta lúc nào cũng thi hành cái chính sách của loài đà điểu*. Nhưng lắm to rồi các bạn ạ! Chả phải thế đâu, này nhé: Chỉ có nhận lời mời của chú cá nục ở hải cảng cũ thôi mà chính phủ thuộc địa đã không ngần ngại chút nào mà không chi tiêu:

1- Đông Dương	13.190.846	Phrăng
2- Tây Phi thuộc Pháp	5.150.000	-
3- Châu Phi xích đạo thuộc Pháp	348.750	-
4- Camorun	390.000	-
5- Mađagátxca	1.837.600	-
6- Máctiních	108.000	-
7 - Guyađolúp	55.000	-
8 - Guyam	62.500	-
9 - Tân Calidôn	75.000	-
10 - Tân Hêbrít	60.000	-
11 - Châu Đại Dương	65.000	-
12 - Ấn Độ	135.000	-
13 - Xômalì	97.000	-
14 - Đảo Rêuyniông	85.000	-
15 - Xanh Pie và Micolông	14.000	-

để đưa vài con lạc đà, vài con bò cái và vài con cá sấu từ các thuộc địa về thành phố Mácxây.

* *Politique de l'autruche*: Đà điểu, một loại chim lớn ở miền nhiệt đới châu Phi, cao tới 2m50, chạy nhanh và có một dạ dày rất khỏe. Từ ngữ *Estomac d'autruche* nghĩa là dạ dày đà điểu, tiêu hóa được tất cả các thứ. Ở đây, *chính sách đà điểu* là ngụ ý nói chính sách vơ vét tham tàn của bọn thực dân.

Lại cũng phải nhận rằng các nhà đi khai hóa của chúng ta đã không từ một sự cố gắng nào để cấm cho mấy con chim sẻ bản xứ - rất dễ bảo và rất ngoan ngoãn - vài cái lông công làm cho chúng trở thành những con vẹt hay những con chó giữ nhà. Và nếu nhân dân châu Phi và châu Á mà được "hòa bình" và "thịnh vượng" đến như thế này, thì chính những "vị đi gieo rắc dân chủ" không biết mỗi một đó là con nhặng đánh xe* chứ còn ai vào đó nữa?

Nói tóm lại, số phận của tất cả những con vật ấy tương đối đã dễ chịu. Vậy, nếu các hội viên của cái hội cao cả là Hội bảo trợ các loài vật cần phải giết thì giờ, thì nên chăm sóc đến những con khi bị bác sĩ Vôrônốp làm cho đau đớn** và đến những con cừu dân bản xứ khôn khổ kia luôn luôn bị hút trụi lông***, đó có lẽ lại là một việc ích lợi hơn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 11, ngày 1-2-1923.

* *La mouche du coche*: Con nhặng trong câu chuyện ngụ ngôn của La Fonten mĩa mai những kẻ tự cho mình là kẻ đi khai hóa chẳng khác gì con nhặng tự khoe mình đã có công đẩy chiếc xe nặng vượt khỏi đường dốc.

** Bác sĩ Pháp gốc Nga Vôrônốp chủ trương dùng khi trẻ hóa sinh dục của người.

*** Tiếng Pháp có thành ngữ *hót lông* để chỉ sự bóc lột.



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1923
(Ảnh làm hộ chiếu ở Béc-lin để sang nước Nga)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

VIỆN HÀN LÂM THUỘC ĐỊA

Ông bạn Xôra của tôi là một người dễ thương, mặc dầu ông đã ở thuộc địa lâu năm. Nhất là ông lại hóm hỉnh, điều hiếm thấy trong giới ông. Ông có thói quen lạ là khi nói, gặp vần nào bắt đầu bằng Th hoặc H* là cứ lặp lại hai lần, làm cho cách nói của ông trở nên ngọt ngào và thú vị khác thường.

Hôm nọ ông đến thăm tôi. Chỉ nhìn đôi mắt ông nấp sau đôi mục kính to tướng, tôi đoán ngay ra ông sắp sửa ba hoa một điều gì đây. Quả như thế. Ông bắt tay tôi, hỏi ngay:

- Một Viện Hàn... hàn lâm khoa Thuộc... thuộc địa đã được thành lập, ông biết rồi chứ?

- Biết. Vâng, thì sao nào?

- Ở đây có một Ban Địa lý, một Ban Mỹ nghệ, một Ban Giáo dục, nghĩa là có bao nhiêu người cần thu nạp thì có từng ấy ban. Nhưng vẫn cứ còn thiếu một ban, một ban quan trọng nhất khiến một Viện có tầm cỡ nổi hẳn lên.

- Là ban gì kia?

- Tôi gọi là Ban Đạo lý thuộc... thuộc địa.

- Để ngài Xôra làm trưởng ban chứ gì?

- Không! Tôi đâu có thứ Hàn... hàn lâm, song tôi có danh sách những người “lương thiện”, “liêm khiết”, “yêu nước” xứng được đề nghị đưa vào hàng bất hủ hay bất tử như người ta thường gọi. Đây là họ, tên, nghề nghiệp của những người tôi đề cử:

* *Bắt đầu bằng Th hoặc H*: Nguyên văn phải dịch như sau: “Bắt đầu bằng chữ C” (Ví dụ: Co... Colonie nghĩa là thuộc địa, Ca... académie nghĩa là Viện Hàn lâm). Chuyển dịch khác đi (*Th* và *H*) cho hợp với nghĩa dịch tiếng Việt: *Thuộc... thuộc địa, Hàn... hàn lâm*.

- Các ông:

Angđrê Bắctôlô, Thượng nghị sĩ quận Xen, Quản đốc tuyến đường sắt từ Cônggô Thượng tới vùng Biển Hồ châu Phi.

Lêông Sanhô, Thượng nghị sĩ quận Kroz, Quản đốc Công ty vận tải ở Marôc.

Guyôm Saxtơen, Thượng nghị sĩ quận Girông, Giám đốc Hội hợp nhất Lie - Hamenđa - Tiểu Kabili.

Jăng Côken, Thượng nghị sĩ quận Rôn, Giám đốc Tổ hợp kỹ nghệ và thương mại Bắc Phi.

Hăngri Côxne, Thượng nghị sĩ quận Anđr, Giám đốc Công ty thương mại, kỹ nghệ, canh nông Phi châu.

Frăngxoá Macxan, Thượng nghị sĩ quận Canta, Giám đốc Hội buôn Tây Phi.

Anbe Jêra, Thượng nghị sĩ quận Acđen, Giám đốc Công ty kèn Tân Calêđôni.

Grôxđidiê, Thượng nghị sĩ quận Moz, Giám đốc Công ty vận tải ở Marôc.

Quận công Môngteguy, Thượng nghị sĩ quận Loa Hạ, Quản đốc các đường xe lửa và các mỏ phốt phát tỉnh Gap*.

Marô, Thượng nghị sĩ quận Lôc và Garon, Quản đốc tuyến đường sắt từ Cônggô đến vùng biển Hồ châu Phi.

Juyxtanh Pacsô, Thượng nghị sĩ quận Thủy Anp, đại biểu các Hội bỏ thầu và khai thác ở Đông Dương, Hội quốc tế nghiên cứu và xây dựng ở Marôc và Hội bỏ thầu ở Tây Marôc.

Rulăng (vâng, cả ông này nữa), Thượng nghị sĩ của quận Xen Hạ, Giám đốc Địa ốc ngân hàng của Angiêri và Tuynidi, Quản đốc tuyến đường xe điện từ Orăng đến Hamenben MatJa và Công ty Marôc Rar và Kalôt.

Các ông...

Accamray, đại biểu quận En, của Tân Công ty Phi châu về thương mại, kỹ nghệ và canh nông.

* Gap (Gafsa): một tỉnh ở miền Nam Tuynidi, nơi có nhiều mỏ phốt phát.

Actô, nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, Giám đốc Công ty Pháp quốc của Tây Phi, trưởng ban trị sự thương quán Pháp - Maroc và các nhà máy đường thuộc địa.

Banlăng, đại biểu của quận Girông, của Ủy ban liên bang thuộc địa.

Bonaden, đại biểu của quận Andr, của vùng mỏ Bu-Acpha (Maroc).

Bectôlôni, đại biểu của quận Xavoa Thượng, của Công ty thương mại Lào.

Cămbruz, đại biểu của quận Girông, của công ty Pháp ở Tôgô.

Satxe-Goayông, nghị sĩ quận Xen, Phó chủ tịch Công ty hợp nhất cây bắc Hamenda và Tiểu Kabili.

Jăcken Duyboăng, đại biểu của quận Xavoa Thượng, của Công ty Maroc vôi, xi măng và vật liệu xây dựng.

Faixnat, đại biểu của quận Xôn và Loa, của Tổng công ty Pháp và Đông Dương về lụa.

Frăngxoa Văngđen, đại biểu của quận Mợct và Môden, của các mỏ thiếc và mỏ vonfram ở Bắc Kỳ.

Gaxparin, đại biểu đảo Rêuyniông, của Công ty Pháp ở Tôgô.

Huybe Girăng, nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, Giám đốc ngân hàng Xyri và Công ty Maroc.

Anbe Hôê, đại biểu quận En, của Công ty thăm thô thuộc thân vương Ả Rập.

Prôxpe Jôtx, đại biểu quận Ơ, của Pháp quốc ngân hàng nước Phi Xích đạo, của Công ty Phi và Cônggô.

Lusơ, đại biểu quận No, của Tổng công ty các xí nghiệp ở Maroc.

Tôi nói với ông bạn:

- Quả thực đây đích là những người đại diện vừa cho quyền lợi thật sự của cử tri ở quốc hội Pháp, vừa cho quyền lợi nền văn hóa Pháp ở thuộc địa. Nhưng ông...

- Tôi hiểu ông sắp nói gì rồi, Xôra ngắt lời tôi, ông muốn bảo tôi không nghĩ đến đám bán rum hay các công ty độc quyền rượu chứ gì? Nhưng mà danh sách đã dài và “căn nhà chứa” sẽ bé quá, không đủ cho tất cả. Vả lại, kỳ tới tôi còn một đề nghị hay hơn.

Khối thuốc lá ở chiếc tàu* vậy lấy Xôra như hương thơm của những đức ông chồng chung thủy bao quanh thánh Jôdêp**. Xôra chậm rãi bảo tôi:

- Ông có biết là Anbe Xarô đã đổ bể rồi không?

- ...?

- Đừng có vờ ngạc nga ngạc ngạc nữa. Tôi nói đến con tàu - con tàu duy nhất của Hải đội Đông Dương - ấy mà... Ông không hiểu thì để tôi nói cho mà nghe. Muốn có một Hải đội Đông Dương, phải có một con tàu Đông Dương. Thế là người ta cho đóng “con tàu”. Rồi người ta ghi vào tấm lái vĩ đại tên của vị Toàn quyền vĩ đại***. Dung lượng con tàu, khi ra khỏi xưởng, chỉ là 3.500 tấn. Vài hôm sau, trong bài diễn văn của người cha đỡ đầu lưng tiếng của nó, dung lượng là 6.000 tấn. Vài tháng sau, theo bài đăng trên một tờ báo lớn thì dung lượng

* Tàu thuốc lá, loại điều ngậm nhỏ xinh mà bọn trưởng giả đương thời ưa dùng.

** *Thánh Jôdêp*: Jôdêp xuất thân là một chàng thợ mộc, sau này lấy bà Mari. Khi Mari còn trẻ, đến tuổi lấy chồng, nhiều chàng trai cập kê dạm hỏi. Người nhà Mari bảo các chàng rể tương lai mỗi người đặt một chiếc gậy cùng vào một chỗ, gậy người nào nở hoa thì người ấy sẽ được kết hôn cùng nàng. Chính chàng Jôdêp đã làm được điều lạ ấy. Sau khi lấy Jôdêp, Mari được thần Gabriel báo cho biết là bà sẽ sinh ra Jêxu là con của thượng đế và là chúa cứu thế. Sau đó, Jôdêp mơ thấy mình được trao nhiệm vụ giữ Mari làm vợ... còn Jêxu là con nuôi. Mari là mẹ nhưng vẫn là đồng trình. Chàng thợ mộc Jôdêp trở thành thánh Jôdêp, mãi mãi là người chồng chung thủy của người vợ suốt đời đồng trình là bà Mari.

*** *Vị toàn quyền vĩ đại*: Trong nguyên văn: *gouvernail* (bánh lái, tấm lái) và *gouverneur* (người cầm lái). Đây là hai từ cùng họ, nhưng *gouverneur* còn có nghĩa là Toàn quyền. Tác giả chơi chữ để mỉa mai Anbe Xarô.

ấy là 60.000 tấn. Nó phải chạy 12 hải lý. Khởi đầu nó chỉ chạy có sáu hải lý thôi.

Bây giờ thì nó tồi quá rồi.

Muốn bịp thiên hạ, người ta dẫn nó sang Trung Hoa. Vì người ta quên không cho nó đi tàu hỏa, đến Thượng Hải, cái của ấy chẳng chịu đi nữa, nó bại hoại, rỉ nước, hỏng nồi supde, nó muốn tự vẫn, nó chỉ còn là một chiếc nút thông lọng*. Tưởng chừng con tàu khốn khổ mắc bệnh giang mai. Nhưng không sao. Đông Dương vẫn kiêu hãnh có hạm đội của mình và những con tàu Xarô của nó.

- Như vậy, ông nói với tôi làm gì?

- Để ông hiểu rằng, tôi sẽ là đồ ngu nếu tôi không cử vị Tổng trưởng thuộc... thuộc địa của chúng ta vào Viện Hàn... hàn lâm.

- Với tư cách là Đô đốc Hạm đội Đông Dương à?

- Đâu phải. Để làm Chủ tịch khoa Giải phẫu.

- ...?

- Vâng. Khoa Giải phẫu. Lão ta ở đây là rất thích hợp. Thế ra ông không nghe lão ta nói về “bảng giải phẫu ở Quảng trường Hòa hợp” sao? Thế ra ông không biết là tất cả Trường Đại học Y khoa nháo nhác cả lên vì bản tuyên ngôn khoa học đó của Cụ lớn à? Ngài yêu thích nhiệm vụ đến quận cả lòng. Lòng đắm say nổi khó nhọc cấp cao gắn những con sốt vào *da thịt* ngài, hòa lửa vào *máu* trong *huyết quản*, vào *tế bào* trong đường *gân*, *thớ thịt* ngài, cứ như chiếc áo lửa của Netxuytx** bám lấy *hông* lấy *cật*.

* *Chiếc thông lọng*: Tác giả lại chơi chữ. Tiếng Pháp *Noeud* vừa có nghĩa là nút, là hải lý, mà *Noeud coulant* lại là nút thông lọng.

** *Netxuytx*: Theo thần thoại Hy Lạp, Netxuytx là một con nhân mã mình ngựa, đầu người, muốn cướp nàng Đêjanía vợ của dũng sĩ Hecquyn, nên bị dũng sĩ dùng tên tẩm máu long xà bắn trúng ngực. Trước khi chết, Netxuytx bày cho Đêjanía lấy một ít máu mình (có lẫn máu long xà tẩm đầu mũi tên) để khi nào Hecquyn ruồng bỏ mình thì tẩm vào một chiếc áo cho Hecquyn mặc, đó sẽ là thứ bùa tình yêu giữ được hạnh phúc. Về sau, Hecquyn mê nàng Iôn, Đêjanía đã làm theo lời dặn của Netxuytx, gửi áo cho chồng. Vừa mặc vào, Hecquyn thấy người nóng ran như lửa, quần quai, đau đớn điên cuồng, muốn cởi ra thì bị rút từng mảng thịt. Biết không qua khỏi cái chết, Hecquyn lên núi Etna lập hỏa đàn rồi tự thiêu.

Ngài Tổng trưởng nói: “Tôi thích nhìn những đội *cháp kích* (*phalange*) của họ*... Lúc ấy tiếng hô vút lên từ lòng *ngực* tôi... như rót vào *máu* tôi chất độc ác nghiệt mà thánh thần... có những bộ *mặt* tôi sẫm không bao giờ có ánh sáng lung linh soi đến... những lời xưa kia thốt lên từ đáy trái *tim* vĩ đại nhất... vân vân...”. Ông nghĩ xem, với những bắp thịt, đường gân, cái... bộ mặt và những *đội phalange* ấy, người ta có thể nặn thành một vị khai hóa cừ lắm chứ, trừ phi...

Nhưng thôi, hãy đi uống chơi một cốc bia. Ông đi chứ?

Báo *Người cùng khổ*, số 12, tháng 2-1923 và số 14, tháng 4-1923. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội - 1985

NGUYỄN ÁI QUỐC

* *Cháp kích*: Trong nguyên văn tác giả dùng chữ *phalange* vừa có nghĩa là đội *cháp kích* (thời Hy Lạp cổ), vừa có nghĩa là *đốt* (đốt ngón chân, ngón tay). Nghĩa sau (*đốt*) cũng lại hợp với mạch các từ về thân thể trong đoạn văn trên như: lòng, da, máu, huyết quản, gân, thịt, đốt, ngực, mặt, tim... Tác giả chơi chữ thật tài tình để mỉa mai Anbe Xarô.

Y NHƯ NƯỚC MẸ

Cho đến nay, trên thế giới chỉ có thành phố Tuynlơ* là có thể tự hào đã có những bức thư nặc danh vang dội. Ngày nay, xứ Nam Kỳ với lòng hiếu thảo và mong muốn tỏ lòng trung thành không bờ bến đối với nước khai hóa văn minh cho mình - vừa rồi cũng có cái vụ thư nặc danh "của nó". Nhưng xứ thuộc địa này đã "bắt chước" vụng về vì không phải là một vụ nàng Lavan điếm lệ mà là vụ một hương chức An Nam già nua vừa bị bắt bỏ tù, không phải vì đã lạm dụng thư nặc danh mà vì đã bị thư nặc danh tố cáo. Việc ấy thực chất như thế này.

Một đêm tháng 12 năm 1922, cụ hương cả An Nam đang mơ màng thì bỗng nghe tiếng mõ huyền não báo cho dân làng biết có cướp ở trên sông cái, ngay trước mặt Chợ Lách! (Ô! Vậy thì cái nền an ninh mà các nhà chức trách từng ca tụng ở đâu nhỉ?). Cụ hương cả nhà ta vùng dậy vớ lấy khẩu súng - nguyên cụ hương cả cũng đồng thời là trưởng tuần của một trại ấp lớn - và lập tức cùng với hai gia nhân xuống thuyền bơi ra sông.

Vừa đến nơi, cụ hương cả và hai gia nhân liền bị bọn cướp nổ súng bắn; một trong hai gia nhân bị trúng đạn giữa ngực và vài phút sau thì tắt thở. Cụ hương cả bắn trả bọn cướp một phát không trúng, trái lại bị bọn cướp bắn bị thương vào tay phải.

* *Tulle*: Một thành phố ở tây nam nước Pháp, cách Pari 464 km.

Rồi chỉ vì thư nặc danh tố cáo, mà cụ hương cả họ đã bị bắt giam về tội là đã giết gia nhân của mình. Mặc dù cha người xấu số và người gia nhân còn sống đã đệ đơn mình oan cho bị cáo nhưng cụ hương họ vẫn còn nằm trong “buồng tối” để chờ “ánh sáng của công lý”.

*Báo Le Paria, số 11,
ngày 1-2-1923.*

NGUYỄN ÁI QUỐC

"VI HÀNH"

(Trích "Những bức thư gửi cô em họ"
do tác giả dịch từ tiếng An Nam)

- Hấn đây!

- Đâu phải!

- Đúng mà! Anh đã bảo là chính hấn đây.

- Chắc thật à? Em thì em đã thấy hấn ở trường đua, trông hấn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quần khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn.

- Thế hay là hấn đã đem tất cả những thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kỹ xem kìa! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xếch ấy, vẫn cái mặt búng như vỏ chanh ấy à*?

- Ủ nhỉ, thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hấn đến đây làm gì nhỉ trong đường xe điện ngầm này, và tại các ông quan bà kiếc** đi theo thì đâu cả?

- Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lý nhà ga để đi chơi vi hành đây.

Đây, cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi. Họ ngẫu nhiên trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

* Quả chanh ở châu Âu vỏ màu vàng búng.

** *Ses mandarins et mandarines*: Chơi chữ, do trong tiếng Pháp *Mandarin* có nghĩa là ông quan và *mandarine* có nghĩa là quả quýt; theo quy tắc từ vựng học thì, bình thường ra, muốn chuyển giống đực trong giống cái phải thêm "e" sau từ chỉ giống đực. Ở đây, chỉ chuyển được phần nào ý đùa sang bản dịch tiếng Việt. Có thể dịch: ông quan bà kiếc.

- Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? Người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đấng hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

- Hấn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hấn đeo lên người hấn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm, người bạn gái anh ta trả lời.

- Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!

- Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ của chính ta nào?

- Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găngbe đã bán rồi. Cái rương của Hêra Miecten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc thì không thu hút được công chúng lắm vì không thuộc giới thượng lưu. Và thế là cái kho giải trí của chúng ta * sắp cạn ráo như B.Đ.D ** vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì...

- Đổi xe ở đây chứ *** anh yêu ơi?

- Không, ga sau. Đúng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta.

- Em thì em thích Sáclô **** hơn. Với lại, vua, thì tốn lắm.

- Đâu có! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở nhà hát ca vũ đấy chứ? Phải trả những nghìn rưỡi phrăng để xem vợ lẽ nàng hầu vua Cao Miên, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư

* Nhà cầm quyền các nước tư bản thường dùng những tin “thời sự” giật gân để dẫn dắt quần chúng sao lãng đấu tranh chính trị. Mấy câu chuyện vừa nhắc đến là một số vụ giết người lấy của ít nhiều “ly kỳ”, có thật, xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ.

** Nguyên bản B.I.C (*Banque d'Indochine*): Ngân hàng Đông Dương.

*** Tiếng Pháp chỉ nói “đổi”; thường nói “đổi xe” nhưng thật ra là “đổi tuyến xe”. Hệ thống xe điện ngầm Pari gồm nhiều tuyến gặp nhau ở một số trạm nhất định, ở đó, có thể chuyển từ tuyến này sang tuyến khác.

**** *Charlot*: Vai hề nổi tiếng của điện ảnh do diễn viên kiêm đạo diễn nổi tiếng Anh Sáclê Saplin sáng tạo.

thánh xứ Cônggô^{*}; hôm nay thì chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh? Nghe nói ông bầu nhà hát múa rối^{**} có định ký giao kèo thuê đấy...

Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ, và nghĩ đến cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vèo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang thành dân cày đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pie nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay, còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng "vi hành" đấy.

Tôi không được rõ ý đồ nhà "vi hành" của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Aléxhăng đê nhất^{***} có được sung sướng, có được uống nhiều rượu, và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thầy thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám "dân"^{****} bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, bây giờ ngài lại muốn ném thử cuộc đời của các cậu công tử bé^{*****}.

^{*} *Les aerobates du marabout de Congo*. Cả danh hiệu sư thánh đạo Hồi ("Marabu"), cả tên nước Cônggô ở đây đều là phiếm chỉ.

^{**} *Le manager du Guignol*. (Guignol là tên vai chính trong trò rối, sau dùng rộng ra để chỉ con người ngây ngô hoặc câu chuyện lố lăng).

^{***} *Alexandre Millerand*: Tổng thống Pháp lúc bấy giờ. Gọi Tổng thống Pháp theo kiểu chỉ vua chúa: "Aléxhăng đê nhất", là để nhấn mạnh tính hài hước của đoạn văn, đồng thời là để nêu rõ sự lỗi thời của vua chúa, tức cũng là để châm biếm Khải Định chưa cay hơn.

^{****} Trong nguyên bản chữ "dân" được viết bằng chữ Việt.

^{*****} *Petits ducs*: Có nghĩa là tiểu công hay công tước bé. Ở đây, tác giả giễu cợt rất tinh vi và chơi chữ rất tế nhị: tiếng Pháp vốn có thành ngữ coi những ông hoàng Nga mà tước hiệu là đại công (*grand-duc*) là những tay ăn chơi bừa bãi.

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đáng hoàng thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, tán tụng tôi, đi theo tôi.

Cô em thân mến, hẳn cô bảo tôi rằng, thế là cái bánh xe vô lượng nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương có màu da trắng đều là những bậc khai hóa, thì đến bây giờ tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng "hắn đấy!" hay "xem hắn kìa!" là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.

Cái vui nhất là ngay đến chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, chính phủ bèn đối đãi với tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá tuốt! Đó là những người phục vụ thâm kín, rụt rè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác nào bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy để giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuống cuống cả lên nếu mất hút thôi chỉ trong dăm phút! Cô thử nghĩ xem, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?

Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nỗi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Báo *L'Humanité*, ngày 19-2-1923.

ĐOÀN KẾT GIAI CẤP

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân hàng hải đang bọ nổ ra ở Braxin. Một chiếc tàu vừa cập bến Rilô Đê Hanây rô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham gia đình công, Hôxê Lêandô rô Đa Xinva, muốn lên tàu báo tin cho các thủy thủ biết. Trên bến, Hôxê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại.

- Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi, chứ sao không, Hôxê nói với tay đại diện trật tự chính quyền.

- Không nói năng lằng nhằng! Xéo! Tên này cự lại.

Hôxê cố nài. Tên cảnh sát chẳng thèm trả lời nữa, rút súng lục ra, bắn. Hôxê nhanh nhẹn tránh kịp, và lẹ như chớp, anh túm lấy thằng đội, quăng nó xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đồ xô đến đánh Hôxê. Anh chống cự lại. Săn con dao đi biển, anh đâm chết mấy tên và làm bị thương nhiều tên khác.

Cuối cùng, anh không chọi nổi số đông, ngã xuống, coi như chết, với 18 viên đạn trong mình.

Tuy vậy anh vẫn còn đủ sức để lằm nhảm bài *Quốc tế ca* khi được khiêng đến nhà thương. Rồi sau chúng lôi anh ra tòa. Anh bị kết án 30 năm khổ sai.

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một Ủy ban bảo vệ. Một mặt, họ mượn nhiều trạng sư cãi cho bạn; mặt khác, họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Một chiến dịch vận động đấu tranh ủng hộ Hêxô được tiến hành mạnh mẽ suốt ba năm. Dư luận quần chúng công phần đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại.

Ngày mùng 8 tháng 2, Hôxê ra tòa xử lại án. Một vạn rưỡi công nhân dự phiên tòa kéo dài suốt đêm. Bọn chủ không chịu nhả mồi ra, và biện lý phải mất 5 tiếng đồng hồ mới đọc xong bản cáo trạng dài.

Đồng chí Paolô Đê Laxécđơ và các bạn đồng nghiệp đã hùng biện bác bỏ một cách thắng lợi mọi lý lẽ của biện lý.

Phiên tòa đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc.

Tòa xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hôxê, anh chiến sĩ bãi công da đen, ngả mình trong cánh tay các đồng chí và các người bảo vệ anh, những đại biểu của công nhân da trắng.

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản.

Báo *Người cùng khổ*, số 25, tháng 5-1924. Bản dịch: Phạm Huy Thông.
Truyện và ký. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, trang 43-44



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với một số đại biểu dự
Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V (7/1924)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

HÀNH HÌNH KIỂU LINSƠ, MỘT PHƯƠNG DIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA NỀN VĂN MINH MỸ *

Ai cũng biết giống người da đen là giống người bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất trong loài người. Ai cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã mang lại hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, một chế độ trải qua nhiều thế kỷ, đã là một tai họa thật sự đối với người da đen và là một bất hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ không biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng 65 năm nay rồi, nhưng vẫn còn phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là tục hành hình kiểu Linsơ.

Linsagior là do từ Linsơ mà ra. Linsơ là tên một chủ đồn điền ở bang Viecginia vừa là địa chủ vừa là quan tòa. Lợi dụng tình hình rối ren trong cuộc chiến tranh giành độc lập** hãn thu tóm

* Sau những ngày bí mật đi qua nước Đức để đến hoạt động ở Liên Xô, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài này, đăng lên nhật báo *Diễn đàn thế giới* (*Die Weltribüne*) của Đảng Cộng sản Đức (số ra ngày 9 tháng 10 năm 1924) tại Meccolen-bua, và trên tạp chí *Thư tín quốc tế* (*La correspondance internationale*) số 59, năm 1924.

Gần đây, báo *Chân trời* (*Horizon*), Cộng hòa dân chủ Đức, số 37, năm 1974, đã đăng lại toàn văn bài báo đó (do Colao Haiđếch sưu tầm được ở thư viện trường Đại học Tổng hợp Rôxtôc) và giới thiệu bài báo đó như sau: “Bản cáo trạng này vẫn giữ nguyên vẹn tính thời sự của nó. Nó nhắc chúng ta nhớ lại rằng những bọn đế quốc chủ nghĩa dù mọi mầu sắc, thời đó cũng như ngày nay, đều luôn luôn là những kẻ thù của loài người... Với bản cáo trạng này, Hồ Chí Minh đã xuất hiện như một chiến sĩ chân chính của chủ nghĩa quốc tế vô sản và người bảo vệ nhân quyền và tự do của tất cả những người bị áp bức, dù họ cư trú ở bất kỳ nước nào”.

** *Chiến tranh giành độc lập* (1775-1783): cuộc chiến tranh giải phóng của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ chống lại Anh, giành độc lập, đi đến thành lập nước Mỹ.

toàn bộ quyền hành trong quận. Những người thuộc phái bảo hoàng và những người thuộc phái bảo thủ bị hấn trừng phạt rất dã man, không cần xét xử, không cần án tù gì cả. Nhờ bọn chủ nô, nhờ Đảng Ku-Klux-Klan và những tổ chức bí mật khác, nên tục hành hình kiểu Linsơ, một tục không hợp pháp và man rợ, trở thành phổ biến và kéo dài mãi ở các bang trong Liên bang Mỹ. Sau khi người da đen được giải phóng, tục đó càng trở nên vô nhân đạo, và đặc biệt chĩa vào người da đen.

CÁC BẠN HÃY TƯỞNG TƯỢNG...

Các bạn hãy tưởng tượng một đám đông cuồng loạn. Quả đấm nắm chặt, mắt đỏ ngầu, miệng sùi bọt, la ó, chửi bới, nguyên rủa... đám đông ấy đang bị lôi cuốn bởi cái thú cuồng loạn được phạm tội ác mà không phải lo sợ gì cả. Họ vũ trang bằng gậy gộc, đuốc, súng lục, thừng, dao, kéo, nước lưu toan, dùi, tóm lại là bất cứ vật gì có thể dùng để giết hoặc làm bị thương được.

Các bạn hãy tưởng tượng giữa đám đông ấy, là một đồng thịt đen bị xô đẩy, đánh đập, giày xéo, rách da, róc thịt, chửi rủa, bị đá đi đá lại, đầm máu, bất động.

Đám đông ấy chính là những kẻ tham gia hành hình. Cái xác người rách nát kia, đó là người da đen, là nạn nhân.

Trong cơn sóng hấn thù và thú tính, những kẻ tham gia hành hình lôi người da đen đến một khu rừng hay một quảng trường công cộng nào đó. Họ trói người đó vào gốc cây, tưới dầu lửa vào người đó, lấy những chất dễ cháy phủ lên người đó. Trước khi châm lửa họ bẻ dần từng chiếc răng một của người đó. Rồi móc mắt người đó. Từng nhúm tóc xoắn bị rút khỏi đầu, mang theo từng mảng da, để lộ ra một sọ người đầm máu. Nhiều miếng thịt nhỏ rời khỏi cái thân hình đã tím bầm vì bị đánh đập.

Người da đen không kêu được nữa: lưỡi đã sưng phồng lên vì một thanh sắt nung đỏ gí vào. Toàn thân người ấy quần quai

như một con rắn bị đánh dờ sống dờ chết. Một nhát dao, thế là rụng một tai. Ái chà! Nó mới đen làm sao! Nó mới đáng tởm làm sao! Thế là bọn đàn bà rạch nát mặt người đó ra...

Có kẻ hét: “Châm lửa lên đi!” Một kẻ khác góp thêm: “Đốt vừa đủ để thui nó từ từ thôi”.

Người da đen bị nướng chín, thui vàng, cháy thành than. Nhưng người đó phải chết hai lần mới đáng đời. Cho nên họ liền treo người đó lên, nói cho đúng hơn là treo cái xác đã không còn là một cái xác nữa lên. Và bây giờ, tất cả những người không được tham dự cảnh thiêu sống ấy, vỗ tay. Hoan hô!

Khi ai nấy đã xem chán rồi, họ hạ cái xác xuống. Cái dây treo được chặt ra từng đoạn, bán mỗi đoạn 3 hay 5 đôla. Bọn đàn bà tranh nhau mua làm vật kỷ niệm và để lấy khước.

Thế là “Công lý nhân dân” - như ở đó người ta vẫn gọi - đã được thực hiện. Đám đông đã dịu đi, khen ngợi những kẻ “hành sự” rồi tản dần đi, vui vẻ như vừa dự xong một bữa tiệc, và hẹn gặp nhau một bận khác.

Trong khi đó thì trên mặt đất nhày nhựa mỡ và khói; một đầu lâu đen, nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhăn nhó một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi vàng dương đang lặn rằng: “Đó là văn minh ư?”

MỘT CHÚT THỐNG KÊ

Từ 1889 đến 1919, đã có 2.600 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ, trong đó có 51 phụ nữ và thiếu nữ, với 10 cựu binh trong đại chiến.

Trong số 78 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ năm 1919, có 11 người bị thiêu sống, ba người bị thiêu sau khi đã bị giết, 31 người bị bắn chết, 3 người bị hành hạ cho đến chết, 1 người bị chặt ra làm nhiều mảnh, 1 người bị dìm chết, 11 người bị giết bằng nhiều cách khác.

Đứng đầu là bang Gioócgĩa với 22 nạn nhân, thứ đến bang Mitxixipi với con số 12. Trong cả bang thứ nhất và bang thứ hai đều có 3 binh sĩ trong số bị hành hình. Trong số 11 người bị thiêu sống thì ở bang Gioócgĩa có 4 người và 2 người ở bang Mitxixipi. Trong 34 vụ hành hình có tính toán trước và có tổ chức hẳn hoi thì bang Gioócgĩa cũng lại đứng đầu với 5 vụ. Thứ hai đến bang Mitxixipi với 3 vụ.

Căn cứ theo những tội trạng buộc cho những nạn nhân năm 1919, thì:

1 người có chân trong Liên đoàn những người không đảng phái (những chủ trại độc lập);

1 người đã truyền bá những sách báo cách mạng;

1 người đã dám quá tự do lên tiếng công kích những vụ hành hình kiểu Linxơ;

1 người đã bình luận về những vụ xô xát giữa người da trắng và da đen ở Sicagô;

1 người mà người ta biết là lãnh tụ của phong trào đấu tranh cho lợi ích của người da đen;

1 người vì không kịp tránh sang bên đường nên đã làm cho một đứa bé da trắng ngồi trong ô tô hoảng sợ.

Năm 1920, có 50 vụ hành hình kiểu Linxơ và năm 1923 có 28 vụ.

Những tội ác đó bao giờ cũng là do ghen ghét về kinh tế mà ra, hoặc do thấy những người da đen ở địa phương làm ăn khấm khá hơn người da trắng hoặc do thấy công nhân da đen không chịu bị bóc lột đến xương tủy. Trong tất cả các vụ đó, những thủ phạm chính không bao giờ bị làm rầy rà, chỉ đơn giản là vì họ luôn luôn được bọn chính khách, bọn tài chính, bọn cầm quyền và nhất là báo chí phản động kích thích, khuyến khích, xúi bẩy, rồi lại bao che.

Mỗi khi sắp xảy ra hay đã xảy ra một vụ hành hình kiểu Linxơ thế là báo chí chớp ngay lấy, coi là dịp may hiếm có để

tăng số phát hành. Báo chí tường thuật sự việc với dụng tâm đưa ra rất nhiều chi tiết. Không một lời trách móc nào hướng vào bọn giết người. Không một lời thương xót nào đối với những nạn nhân. Không một lời bình luận nào.

Báo *Bang Tân Oóc-lăng** ngày 26 tháng 6 năm 1919 đăng nổi bật tin sau đây bằng cỡ chữ 25 phân suốt chiều ngang trang nhất: Hôm nay một tên da đen sẽ bị 3.000 công nhân thiêu chết. Và ngay dưới đó là một tin in bằng chữ nhỏ xú: Được một đạo vệ binh lớn bảo vệ, Hoàng đế nước Đức đã cùng với Đông cung thái tử chạy trốn. Báo *Tin tức hàng ngày ở Giắc-xông* cũng số ra ngày hôm đó, in trên hai cột đầu của trang nhất và bằng cỡ chữ lớn:

TÊN DA ĐEN J.H.

SẼ BỊ DÂN CHÚNG Ở ENLISVINLO

THIÊU CHẾT, VÀO NĂM GIỜ CHIỀU NAY

Tờ báo chỉ quên không thêm “khẩn khoản mời toàn thể dân chúng đến tham dự”, nhưng tinh thần là như vậy.

VÀI CHI TIẾT

“Hồi 7 giờ 40 phút tối nay, J.H. đã bị hành hạ bằng một thanh sắt nung đỏ, sau đó bị đem thiêu. Một đám đông khoảng hơn 2.000 người,... có nhiều đàn bà và trẻ con, đã tham dự vụ thiêu... Sau khi người da đen bị trói trước pháp trường, người ta liền đốt một đồng lửa. Cách đó một quãng, một đồng lửa khác cũng được đốt lên để nung một thanh sắt. Khi thanh sắt đã đỏ rực, một người cầm lấy và gí vào người da đen. Người này hoảng lên, vội nắm lấy thanh sắt. Thế là không khí sặc sụa mùi thịt cháy khét... Thanh sắt đỏ được gí vào nhiều nơi trên mình tên da đen, tiếng kêu la và rên rỉ của nó dội vào tận trong thành phố. Hành tội một hồi lâu, những người đeo mặt nạ tước ết xăng vào tên da đen và đốt đồng củi lên. Ngọn lửa bốc cao và liếm quanh người da đen đang van xin người ta làm phúc cho nó một

* Nguyên văn: *New Orleans States*.

phát đạn. Những lời năn nỉ của nó làm cho người ta lớn tiếng chế nhạo” - *Thời báo Sa-tanôcca* ngày 13 tháng 2 năm 1918.

“15.000 người vừa đàn ông đàn bà, và trẻ con hò reo như sấm khi người ta giội Gadôlin lên người tên da đen và châm lửa. Họ đâm đá nhau, la hét, và xô đẩy nhau để được đứng gần tên da đen hơn. Hai người trong bọn họ cắt tai tên da đen trong khi ngọn lửa bắt đầu thui nó.

Một người khác định cắt gót tên da đen... Đám đông nhấp nhô và di chuyển để ai nấy đều được nhìn thấy tên da đen bị đốt cháy. Khi thịt bị cháy hết, còn trơ xương ra và khi cái thân hình trước kia chỉ còn là một cái xác rách nát bốc khói, không ra hình thù gì nữa, chập chòn trong ngọn lửa, mọi người cũng vẫn còn mê mải đứng xem...” - *Báo Menphit Poréc*, ngày 22 tháng 5 năm 1917.

“... đàn ông thuộc đủ mọi hạng, đàn bà, trẻ con đều kéo đến xem. Nhiều bà trong giới thượng lưu đi theo đám đông từ cửa nhà tù đến đây, những bà khác cũng từ các ngả gần đấy kéo đến... Khi xác tên da đen rơi xuống, người ta hăng hái tranh nhau những mẩu dây thừng” - *Bưu báo buổi chiều Vicksburg* ngày 4 tháng 5 năm 1919.

“... một người cắt tai nó, một người khác xẻo bộ phận sinh dục của nó... Nó tìm cách bám lấy dây thừng, người ta liền chặt phăng các ngón tay đi. Trong khi người ta treo nó lên cây, một gã to như hộ pháp lấy dao chém vào cổ nó: ít nhất nó cũng bị tới 25 vết thương... Nó bị kéo lên rồi hạ xuống đám lửa hồng, rồi lại bị kéo lên và hạ xuống, cứ thế mãi... Cuối cùng, một người ném dây thòng lọng tròng vào người nó, đầu kia thì buộc vào một con ngựa để lôi cái xác chạy khắp các phố Oacô. Cái cây treo xác tên da đen lại ở ngay dưới cửa sổ nhà viên thị trưởng. Ông này thản nhiên nhìn đám đông hành hình. Trên suốt chặng đường, tất cả mọi người đều tham gia bám vằm tên da đen. Khắp mình nó, từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đầy thương tích. Hàng nghìn người cùng reo vui vang dội, khi ngọn lửa được châm lên... Một lúc

sau, cái xác được kéo lên cao, để ai nấy đều có thể ngắm nhìn được, nên người ta vỗ tay như sấm dậy...” - báo *Coritsil*, tháng 7 năm 1916.

NHỮNG NGƯỜI DA TRẮNG BỊ HÀNH HÌNH KIỂU LINSƠ

Chẳng cứ gì người da đen mà cả những người da trắng nào dám bênh vực người da đen cũng bị đối xử tàn nhẫn, như bà Harriet Bichơ Stao* tác giả cuốn *Cái lẽu của chú Tôm* chẳng hạn. Eligiat Lôvagiôi** bị giết. Giôn Brao*** bị treo cổ. Tômát Biso và Xtêphen Phôxtơ**** bị ngược đãi, bị đánh đập và bị bỏ tù. Trong nhà tù, Phôxtơ đã viết như sau: “Khi tôi nhìn tay chân tôi bị đánh nát như, tôi nghĩ rằng để giam giữ tôi nhà tù sẽ chẳng còn cần thiết bao lâu nữa... 15 tháng vừa qua, nhà tù đã 4 lần mở cửa xà lim đón tôi, đồng bào tôi đã 24 lần lôi tôi ra khỏi nhà thờ của họ, họ đã hai lần ném tôi từ tầng gác thứ hai xuống, một lần đánh tôi đến sụn lưng, một lần khác họ định cùm kẹp tôi, hai lần họ phạt tiền tôi. Có lần, 1 vạn người định đưa tôi ra hành hình kiểu Linsơ, và tôi đã bị đánh bị thương 20 chỗ, ở đầu, cánh tay, cổ...”

Trong 30 năm, đã có 708 người da trắng, trong đó có 11 phụ nữ, bị hành hình kiểu Linsơ, người thì vì đã tổ chức bãi công,

* Harriet Bichơ Stao (Harriet Beacher Stowe, 1811-1896): tác giả của tác phẩm nổi tiếng *Cái lẽu của chú Tôm*. Với tác phẩm này, Harriet Bichơ Stao được coi là người phụ nữ da trắng đã góp phần vào chiến thắng của lực lượng tiến bộ đòi hủy bỏ chế độ nô lệ trong cuộc nội chiến.

** Eligiat Lôvagiôi (Elijah Lovajoy): một người tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của người da đen, chủ bút báo hàng ngày *Người quan sát Inlinâyxơ*. Ngày 7-11-1877, bọn côn đồ thù hận chủng tộc giết chết Lôvagiôi và đốt cháy nhà in của báo nói trên.

*** Giôn Brao (John Brown, 1800-1859): một trong những người đấu tranh giải phóng người da đen ở Mỹ, tổ chức ra Hội đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ, lập nhà trường cho... người da đen. Ông cầm đầu một nhóm người da trắng và đen đánh chiếm kho vũ khí của chính phủ bang Viécginia. Trong khi đánh nhau, hai con trai của ông bị giết và ông bị bắt. Ngày 2-12-1859, ông bị xử treo cổ.

**** Tômát Biso và Xtêphen Phôxtơ (Thomas Beach và Stephen Foster): những người hoạt động có tiếng trong cuộc đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ ở Mỹ và đòi giải phóng người da đen.

người thì vì đã đồng tình với cuộc đấu tranh của người da đen.

Hành hình kiểu Linxơ thật đáng chiếm một vị trí vinh dự trong bộ sưu tập toàn bộ những tội ác của nền “văn minh” Mỹ.

Tạp chí *Thư tín quốc tế* (*Corres-pondance internationale*) số 59, năm 1924, trang 628-629* Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I, Hà Nội, 1980, trang 269-277

NGUYỄN ÁI QUỐC

* *Hành hình kiểu Linxơ...* ngoài bản tiếng Pháp, còn được đăng trên *Thư tín quốc tế* (bản tiếng Đức), số 114 (1924), tr.1483-1484; *Tạp chí Prôgiecto* (tiếng Nga), số 16 (1924), tr.13-15

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

Viết bằng tiếng Pháp, Dịch theo cuốn sách xuất
xuất bản lần đầu tiên tại Pari bản lần đầu tiên và đã đổi
(Pháp) năm 1925, xuất bản lần chiếu với cuốn xuất bản năm
đầu tiên ở Việt Nam năm 1946 1946 ở Việt Nam.

Ký tên: NGUYỄN ÁI QUỐC

CHƯƠNG I *

THUẾ MÁU

I - CHIẾN TRANH VÀ "NGƯỜI BẢN XỨ"

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bản thiêu, những tên "Annamít" bản thiêu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đờn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa **. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do". Nhưng họ đã phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thủy quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Bancăng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mácơơ, hoặc trong bãi lầy

* Bản in năm 1925 có lời giới thiệu của Nguyễn Thế Truyền.

** Nguyên văn: *Nos gouverneurs plus ou moins généraux.*

miền Sămpanhơ, để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn "bôso"*, nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khắc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!

II - CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khóa, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên. Từ 1915-1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khổ đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu "*vật liệu biết nói*" châu Á, thì vật liệu này không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ "*vật liệu biết nói*" đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mĩ mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ những lạm hết sức trắng trợn.

* "*Boches*". Từ có nghĩa xấu chỉ quân Đức.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: vị "chúa tể" - mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị "chúa tể" - ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu D* thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

*

* *

Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh "cho Tổ quốc", đã trịnh trọng tuyên bố rằng:

* Nguyên văn: *Le Système D.* D, chữ đầu của từ *débrouillard*, có nghĩa là xoay xở, tháo vát.

"Các bạn đã *tập nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao trù mền để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khổ đơ*, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".

Nếu quả thật người An Nam phần khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sôi sảng đầu quân "tập nập" và "không ngần ngại"?

Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển máu**.

Bản bố cáo của phủ toàn quyền còn cần thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với "lòng tốt rõ rệt" và "độ lượng lớn lao" của chính phủ thì "các anh (binh lính Đông Dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phàn nàn cả".

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xóa được bằng một dung dịch nitorát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khôn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bản xứ mà lánh xa được càng lâu càng tốt

* Bản tiếng Pháp: "les tirailleurs".

** Bản tiếng Pháp: "... qui ont été étouffées dans le sang" chỉ có nghĩa "bị dìm trong máu".

những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu; nào là bọn chủ thầu lương thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mộ khốn khổ; nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức để gian lận, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

Phần đông những người mua công trái ở Đông Dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả; họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.

*

* *

Bây giờ thử xem chế độ mộ lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào.

Lấy Tây Phi làm thí dụ:

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn hào mục phải nộp *ngay lập tức* đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Để buộc những thanh niên Xênegan bỏ trốn phải ra nhận đội mũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt, để "nêu gương"! Một người đàn bà công con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già đã chết ngất đi; nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó, đã hành kinh trước tuổi; một người đàn bà trụ thai, một chị khác đẻ một đứa con mù.

*

* *

Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính.

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất:

Lấy dây chằng ngang hai đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau: "Giữa trưa ngày 3 tháng 3 năm 1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruyphixơ và Đaca* rồi tóm tất cả những người bản xứ làm việc ở đó. Những anh chàng này vì không tỏ vẻ sốt sắng đi bảo vệ văn minh ngay, nên người ta rước họ lên ô tô cam nhôm mời về nhà lao. Ở đấy, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính.

"Ở trại lính, sau những nghi lễ biểu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng nay mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng muốn lấy lại miền Ruya** cho nước mẹ.

Nhưng theo tướng Mănggianh***, người hiểu rõ họ nhất, thì đó chỉ là những đội quân để đem nướng trước mùa đông".

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đahômây, vốn là cựu binh, đã từng làm "nghĩa vụ" trong cuộc chiến tranh "vì công lý". Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người Batuala**** đã được bảo vệ như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra lòng trung

* *Rufisque et Dakar*. Tên những hải cảng của nước Xênegan.

** *Ruhr*. Vùng công nghiệp của Đức, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất bị cắt giao cho Pháp từ năm 1921 đến năm 1925.

*** *Mangin*. Tướng Pháp (1866-1925) đã tham gia chiến thắng Vécdoong, từng chỉ huy đội quân xâm lược Xuđăng, Bắc Kỳ, Maroc.

**** *Batouala*. Tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi.

thành của người bản xứ như thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của các nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rêgixmăngxê và Hôđê* thuộc đủ cỡ.

Bức thư viết: "Năm 1915, khi ông M.Nuphla, thống đốc Đahômây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là các nạn nhân của việc xúc phạm bị ỏi đó, tôi đã làm nghĩa vụ của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận Exnơ.

"Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả.

"Người ta đã cướp của tôi:

100 phrăng tiền mặt;

12 con lợn;

15 - cừu;

10 - dê;

60 - gà;

8 tấm vải quần mình;

5 áo mặc ngoài;

10 quần;

7 mũ;

1 dây chuyền bằng bạc;

2 hòm đồ vật.

"Đây là tên những người bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng đã bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người).

* Régismanset et Hauser. Tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút.

"Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiêu ỷ của ngài thống đốc Nuphla, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay...".

Chắc bọn "bô sơ" của vua Ghiôm cũng không làm được hơn thế.

III - KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bặt như có phép lạ, và cả người Nêgrô* lẫn người "Annamit" mặc nhiên trở lại "giống người bản thiu".

Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v. trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước. "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!", đó sao?

Thế là những "cựu binh" - đúng hơn là cái xác còn lại - sau khi đã dùng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

*

* *

* *Negro*. Từ chỉ người da đen.

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thỏa khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quảng cho những người này khúc xương thối ấy là đủ đền bù được một phần của cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

*

* *

Theo tục lệ An Nam, khi trong làng có người chết thì những người xay lúa, giã gạo phải tỏ lòng kính trọng vong linh người chết và thông cảm nỗi đau buồn của tang gia bằng cách im lặng không hát hò trong khi xay giã như họ vẫn thường làm. Nhưng nền văn minh hiện đại được đưa vào nước chúng tôi bằng bạo lực có cần gì phải tế nhị đến như thế. Xin đọc câu chuyện sau đây đăng trên một tờ báo ở Nam Kỳ.

Những ngày hội ở Biên Hòa

"Để lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng đài *kỷ niệm người An Nam trận vong* của tỉnh Biên Hòa, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu.

"Người ta bàn tán sẽ có nào là *yến tiệc giữa vườn**, nào là *chợ phiên*, nào là *khiêu vũ ngoài trời*, v.v., tóm lại, sẽ có nhiều và đủ thứ trò chơi để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa một cách thú vị nhất đời.

"Quý ông phi công ở sân bay Biên Hòa có nhã ý sẽ góp phần vào cuộc vui, và ngay từ bây giờ ban tổ chức đã có thể khẳng định rằng sự có mặt của các quan chức cao cấp nhất ở Sài Gòn sẽ làm cho ngày hội thêm phần rực rỡ.

"Xin tin thêm cho các bạn nam nữ ở Sài Gòn lên dự hội biết rằng, các bạn sẽ không cần phải *bỏ dở cuộc vui* để về nhà dùng cơm, vì ngay tại chỗ, sẽ có *phòng ăn tổ chức cực kỳ chu đáo và đặc biệt đầy đủ*, các bạn sành ăn uống nhất cũng sẽ được *hài lòng*.

"Ngày 21 tháng 1 tới, tất cả chúng ta hãy đi Biên Hòa, chúng ta sẽ vừa được dự *những hội hè linh đình vui tươi*, vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ An Nam ở Biên Hòa thấy rằng chúng ta biết tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ".

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao!

Người ta còn cho chúng tôi xem bức thư sau đây nữa:

Sài Gòn, ngày...

"Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và không có bất cứ thứ quyền nào phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của "công lý" và "chính nghĩa". Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như thế đấy. Tôi tưởng không cần thuật lại cho anh nghe về những hội hè và "trò vui công cộng" trong thành phố này ngày 11 tháng 11 làm gì. Ở đâu và bao giờ cũng thế thôi, rước đèn, đốt pháo

* Nguyên văn: *Garden - Party*.

bông, duyệt binh, khiêu vũ ở dinh thống đốc, đua xe hoa, mở lạc quyền vì nước, quảng cáo, diễn văn, tiệc tùng, v.v... Trong tất cả những trò hề đó, tôi chỉ còn nhớ lại một việc đáng chú ý về phương diện tâm lý như sau: cũng như công chúng ở tất cả các nước, công chúng Sài Gòn rất thích xi nê. Vì thế, một đám người dày đặc đã tụ tập trước khách sạn Palaxơ để xem phim, nào hề Sáclô, nào bọn cao bồi, nào những người "lính quang vinh" lần lượt diễn trên màn ảnh. Công chúng tràn ngập cả đại lộ, đứng chật cả mặt đường và hè phố. Lúc bấy giờ ông chủ khách sạn Sài Gòn - Palaxơ không muốn cho người ta đứng đông trên vỉa hè trước tiệm của ông ta, ông ta liền vung roi mây quất túi bụi. Bà chủ cũng ra giúp một tay và đánh bừa vào đám đông. Mấy chú trẻ ranh mãnh không biết làm thế nào mà lại "cướp" được ngọn roi của bà, làm cho mọi người vỗ tay cười ầm lên. Ông chủ điên tiết chạy đến tiếp viện cho bà chủ. Lần này, ông cầm một cái ba toong và hùng dũng phang tới tấp xuống đầu người ta, cứ mỗi tay này thì đổi tay khác. Những người "nhà quê" phải chạy dõn xuống đường; nhưng vì say sưa với "chiến thắng" của mình, ông người Pháp quý hóa ấy liền hùng hổ vượt qua đường và cứ tiếp tục vụt túi bụi cái gậy to tướng xuống đầu, xuống vai, xuống lưng những người dân bản xứ đáng thương ấy. Một em bé bị ông tóm lấy và "đả" cho một trận nên thân"...

IV - HÀNH VI QUÂN PHIỆT TIẾP DIỄN

Bước chân đến Cadablanca*, thống chế Liôtây gửi cho binh sĩ của đạo quân chiếm đóng Maroc một bản nhật lệnh như sau:

"Bản chức có vinh dự được Chính phủ nước Pháp cộng hòa phong quân hàm cao nhất là nhờ, trong chín năm nay, các người đã hiến dâng lòng trung thành và *máu xương của các người* mà không hề tính toán.

* *Casablanca*. Hải cảng lớn của nước Maroc.

"Chúng ta sắp mở một chiến dịch để hoàn thành công cuộc bình định xứ Maroc, vì *lợi ích chung của dân chúng trung thực trên đất nước này*, cũng như vì lợi ích của quốc gia* bảo hộ, v.v."

Nhưng, cũng trong ngày ấy (ngày 14 tháng 4), lại có bản thông cáo sau đây:

"Trong một cuộc giao chiến với bọn Boni Bude** ở Bápen Hácbe, bên ta đã có 29 binh sĩ hy sinh và 11 bị thương".

Khi người ta nhớ rằng đã phải tổn xương máu của một triệu rưỡi người lao động mới tạo nên được sáu chiếc gậy thống chế, thì cái chết của 29 kẻ khốn khổ chưa đủ để hoan hô bài diễn văn hùng hồn của ngài thống chế - khâm sứ! Nhưng như vậy thì cái quyền dân tộc tự quyết, mà vì nó trong suốt bốn năm trời, người ta đã chém giết lẫn nhau, cái quyền ấy, các ngài để đâu mất rồi? Thật là một cách khai hóa kỳ khôi: để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã!

*

* *

Ở đây (Hải Phòng), cũng có những cuộc bãi công của thủy thủ. Chẳng hạn như hôm thứ năm (ngày 15 tháng 8) là ngày mà hai chiếc tàu phải nhổ neo để chở một số lớn lính khổ đỏ An Nam đi Xyri.

Nhưng thủy thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo giá thị trường, thì một đồng Đông Dương ăn khoảng mười phrăng chứ không phải 2 phrăng 50, thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thủy thủ bằng phrăng chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thủy thủ.

* Bản tiếng Pháp: "nation protectrice".

** Beni - Bouzert. Quân khởi nghĩa do Ápden Crim, lãnh tụ phong trào chống Pháp của Maroc, lãnh đạo.

Rõ ràng là thủy thủ Hoàng Hải chẳng có gì phải so bì với thủy thủ Hắc Hải.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Xyri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc "chiến tranh vì văn minh và công lý", vẫn còn chưa đủ hay sao?

*

* *

Các ngài chiến thắng quang vinh của chúng ta thường quen thói "giáo dục" người bản xứ bằng đá dít hoặc roi vọt.

Anh Nahông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại úy Vida, lần thứ hai bởi tay tên lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đã đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, đặt cứu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi! Anh Nahông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa! Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa đã thuật chuyện một nạn nhân khác như sau:

"Lần này, sự việc xảy ra trong trung đoàn lính khổ đỏ thứ 5 ở Medông - Carê*. Nạn nhân là một người lính trẻ tuổi tên là Terie quê ở Tênet** thuộc lớp quân dịch năm 1921.

"Anh chết trong trường hợp rất thương tâm. Ngày 5 tháng 8, anh lính trẻ Terie đến bệnh xá của trung đoàn để xin thuốc tẩy. Người ta đưa thuốc tẩy cho anh, nói đúng hơn là đưa cho anh một thứ thuốc mà anh tưởng là thuốc tẩy. Anh uống và vài giờ sau anh đau bụng quằn quại, rồi lăn đùng ra chết.

"Cụ thân sinh ra Terie nhận được một bức điện báo tin rằng người con độc nhất của cụ đã chết và sáng hôm sau, chủ nhật, sẽ đưa đám. Bức điện không có đến nửa lời an ủi hay giải thích.

* *Maison - Carée*. Một thị xã thuộc tỉnh Angiê ở Angiêri.

** *Ténès*. Hải cảng của Angiêri.

"Đau xót đến cực độ, cụ Terie đến ngay Angiê, tìm trung đoàn lính khổ đỏ thứ 5 ở Medông - Carê. Ở đây cụ được biết xác con đang để ở bệnh viện Maiô (Mà làm sao xác Terie lại chờ đến đây được nhỉ? Phải chăng để tránh việc khám nghiệm mà luật lệ đã quy định là bắt buộc đối với mọi trường hợp chết ở trạm y tế, người ta đã chờ xác anh ta đến bệnh viện làm ra vẻ như bệnh nhân đã chết ở dọc đường?).

"Đến bệnh viện, người cha đau khổ xin thăm xác con; *người ta bảo hãy chờ đã.*

"Mãi sau, một quan tư thầy thuốc mới đến báo cho cụ biết là việc phẫu nghiệm *không phát hiện dấu vết gì khả nghi cả.* Nói xong hấn bỏ mặc cụ đứng đó, *không cho phép cụ vào thăm xác con.*

"Theo tin cuối cùng thì hình như cụ thân sinh ra Terie đã đến hỏi viên đại tá chỉ huy trung đoàn lính khổ đỏ thứ 5 về nguyên do cái chết của Terie và đã được trả lời là *con ông chết vì ngộ độc!*".

CHƯƠNG II

VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

Cứ theo lời ngài Xarô quý mến, đảng viên đảng cấp tiến, nguyên Bộ trưởng Bộ thuộc địa, thì ngài là người cha hiền của dân bản xứ, ngài rất quý mến người An Nam và được người An Nam quý mến lại.

Để nhồi nhét văn minh "Đại Pháp" cho người An Nam, ngài Xarô, người trùm của sự nghiệp đó đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác. Đây, một chứng cứ: đó là bức thư mà ngài đã gửi cho những người thuộc quyền ngài, với tư cách là toàn quyền Đông Dương và nhằm vơ vét cho đầy túi tham của bọn kẻ cướp thực dân và cả của ngài nữa.

"Kính gửi ông công sứ,

"Tôi trân trọng yêu cầu ông vui lòng giúp đỡ những cố gắng của nha thương chính trong việc đặt thêm đại lý bán lẻ thuốc phiện và rượu, theo chỉ thị của ông tổng giám đốc nha thương chính Đông Dương.

"Để tiến hành việc đó, tôi xin gửi ông một bản *danh sách những đại lý cần đặt* trong các xã đã kê tên; phần lớn các xã này, tới nay, vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

"Qua các tỉnh trưởng và các xã trưởng Cao Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng to tát của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng việc buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

"Về phần chúng tôi, thì những viên chức lưu động trong khi đi kinh lý sẽ tìm cách đặt đại lý, trừ phi ông muốn họ đợi ông tranh thủ được sự giúp đỡ của các quan chức địa phương trước đã. Trong trường hợp này, tôi đề nghị ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

"Chúng ta chỉ có thể đạt kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta hợp đồng với nhau chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối cao của ngân khố".

"Ký tên: Anbe Xarô".

Lúc ấy, cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ có vven vven mười trường học.

Trước khi có bức thư quý hóa trên, hằng năm người ta cũng đã tọng từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ em.

*

* *

"Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo mập bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mỏ quặp của một bầu điều hâu rĩa rỏi mãi không thấy no".

Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông Dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy. Phần đông các quan lớn này đều rất có ích cho công ty, không ai chối cãi được:

Ngành tư pháp, có ích để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ mà người ta muốn cưỡng bức, có:

2 chương lý;

1 biện lý;

1 lục sự - chương khế.

Ngành quân đội, có ích để đàn áp một cuộc nổi loạn mà người ta tính là có thể xảy ra do chỉ riêng cái việc thi hành chế độ độc quyền béo bở, có:

- 1 thiếu tướng;
- 1 trung tá;
- 2 quân y sĩ cao cấp;
- 1 thiếu tá;
- 2 đại úy.

Ngành hành chính mà sự ân cần vô tư là điều đảm bảo nhất cho việc kinh doanh thành công, thì có:

- 1 công sứ;
- 1 giám đốc tài chính;
- 1 tổng giám đốc ngân khố;
- 1 thanh tra bưu chính;
- 1 giám đốc trước bạ;
- 1 quan cai trị;
- 2 giáo sư, v.v..

Và cuối cùng là: ngài Clêmăngten đáng kính, nghị viên hạt Puyđơ - Đôm.

*

* *

Trong hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây, ông Xarô lớn tiếng ba hoa: "Nước Pháp hãy nhìn vào đây và lấy đó làm tự hào!". Mà quả thế thật. Những anh lạc đà Tuynidi thản nhiên đứng ngáp bên cạnh mấy chú cá sấu oai vệ của Tây Phi và những anh chàng cá sấu* đáng yêu của Mađagátxca chuyện trò thân mật với các ả bò cái mỹ miều của Đông Dương. Chưa bao giờ lại có một sự hòa hợp

* Tác giả dùng chữ *crocodile*, *caiman*, chúng tôi tạm dịch là cá sấu cả.

tuyệt diệu đến thế, và trước sự xâm nhập hòa bình của các loài thú thuộc địa, chệch cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ nở nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà mền khách.

Người đi xem nhìn một cách rất thích thú chiếc trường kỷ lịch sử của một vị toàn quyền nọ, thanh gươm của viên công sứ Đác-lơ từng dùng để đâm vào đùi tù nhân Bắc Kỳ và cây đuốc mà viên quan cai trị Bruye đã dùng để thui sống hơn 200 thổ dân Huát-xa*.

Gian hàng Camorun được đặc biệt chú ý. Ở đây có tấm bảng đề mấy dòng chữ yêu nước sau đây:

"Trước kia người Đức nhập vào Camorun rất nhiều rượu.

"Ngày nay người Pháp lại cấm rượu".

Nhưng, một bàn tay ranh mãnh nào đó đã dán ngay vào dưới tấm bảng bức thư của ngài Xarô chỉ thị cho người thuộc quyền ngài tăng số đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện ở các làng An Nam, kèm theo lời phê:

"Thế mà người An Nam lại đã có: những 10 trường học, những 1.500 đại lý rượu và thuốc phiện cho 1.000 làng kia đây!".

*

* *

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn Tây, một tỉnh ở Bắc Kỳ.

Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên công sứ Sơn Tây đã ra công một năm đẩy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít.

Ngay lập tức, viên công sứ được thăng cấp và được khen.

* *Houasas*. Tên một bộ tộc ở châu Phi.

Ông đồ C... khẳng định rằng một viên công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó có đoạn viết: "Số rượu tiêu thụ trong phủ X, đã tụt xuống dưới con số Z, cho mỗi dân đinh. Vậy ông có nghĩ rằng cần phải có biện pháp làm gương không?". Viên công sứ bị cảnh cáo gián tiếp như thế bèn đòi tổng lý trong phủ ấy đến hiểu thị rằng sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu đến như thế là vì họ nấu rượu lậu. Để được yên chuyện, các làng liền mua ngay số rượu quy định chiều theo dân số mà sự tính toán của các phòng giấy bắt họ phải chịu.

Rõ ràng là người ta đã ấn định trên thực tế - nếu không phải bằng cách hợp pháp - mức rượu mà mỗi người bản xứ buộc phải uống hàng năm. Và khi nói *mỗi người bản xứ* thì cũng đừng tưởng đó chỉ là người đứng tuổi mà là *toàn bộ* dân số, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em, kể cả đến đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải uống thay, không phải chỉ một lít mà hai, ba lít.

Dân một làng Bắc Kỳ, buộc phải uống rượu, thấy trước nguy cơ đe dọa ấy, đã kêu với viên quan người Pháp "của họ" rằng:

"Ngay đến cái ăn, chúng tôi cũng không có gì cả". Quan đáp: "Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rượu để có thể mua rượu của nhà nước".

Trước đây, người bản xứ quen mua rượu từng ít một; họ mang chai lọ thế nào cho vừa thì thôi. Nay thì người ta đóng rượu vào chai sẵn. Rượu chỉ bán trong chai nửa lít hay một lít. Người An Nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ dùng rượu từ 40 đến 45 độ. Họ quen dùng loại rượu có mùi vị thơm dịu do chất lượng của những nguyên liệu mà họ vẫn dùng; trong số nguyên liệu này có thứ gạo thuộc vào loại ngon nhất. Còn thứ rượu mà nay người ta buộc họ phải uống lại cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hóa học, có mùi vị nồng nặc khó chịu.

Bọn chủ độc quyền còn ra thông tư bắt nhân viên của chúng pha thêm nước lã vào rượu đem bán; cứ mỗi héc-tô-lít rượu pha thêm 8 lít nước lã.

Như thế, tính trên toàn cõi Đông Dương mỗi ngày cứ bán 500 héc-tô-lít rượu thì có 4.000 lít nước lã pha thêm vào; 4.000 lít, mỗi lít giá ba hào, thành 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Như thế chỉ cần mở vòi nước lã không thôi, mỗi năm công ty cũng thu được một món lãi nho nhỏ 432.000 đồng, hay 4 triệu phrăng.

Xem thế, đủ biết thứ rượu mà bọn độc quyền cất và đem bán ở Đông Dương là không hợp với khẩu vị của người bản xứ về độ cũng như về mùi vị, cho nên người ta phải cưỡng bức họ mua.

Vì bắt buộc phải trả những khoản chi tiêu thường xuyên, phải trang trải những món kinh phí ngày càng tăng của phủ toàn quyền, của những trái khoản lớn, của những công trình kiến thiết quân sự và phải đặt ra - nếu không phải là những chức vụ thực sự - thì ít ra cũng là những khoản lương cho một đám công chức từ Pari gán sang, cho nên Chính phủ đã tìm mọi cách thúc đẩy các viên chức, từ công sứ đến nhân viên hạng bét, phải làm tăng mức tiêu thụ rượu lên.

CHƯƠNG III

CÁC QUAN THÔNG ĐỐC

I. ÔNG PHUỐC

Ông Phuốc, thông đốc xứ Đahômây, cai trị giỏi đến nỗi người bản xứ nào ở thuộc địa ấy cũng kêu ca về ông ta. Để xoa dịu lòng công phẫn, người ta vờ phái sang đó một viên thanh tra. Viên thanh tra này kiểm tra giỏi đến nỗi chưa thềm xét gì đến đơn khiếu nại của nhân dân đã cuốn gói chuồn thẳng*.

Về việc này, chúng tôi có nhận được một bức thư của Ủy ban hành động Pháp - Hồi ở Poóctô - Nôvô** trong đó có những đoạn chính như sau:

"Trước lúc người Pháp đến Đahômây rất lâu, ở Poóctô - Nôvô đã có một thủ lĩnh Hồi giáo gọi là Imăng có nhiệm vụ đại diện cho tập thể người Hồi ở bất cứ chỗ nào cần thiết, quản lý tài sản của tập thể Hồi giáo ấy và trông nom việc lễ bái.

"Theo tục lệ, Imăng phải do một đoàn cử tri bầu lên, chọn trong những người Hồi giáo ngoan đạo, có tiếng là đức độ và đã từng làm phó Imăng một thời gian lâu. Hơn nữa, trước khi chết, Imăng đương quyền có ý kiến về vị phó nào có đủ tư cách để thay thế mình.

* Bản tiếng Pháp: "Cheluici inspecte si bien qu'il f... le camp", viết tắt của từ *foute le camp*, có nghĩa là "chuồn thẳng". Từ này bắt đầu bằng chữ f như tên ông thông đốc Fourn.

** *Porto Novo*. Thủ phủ Đahômây.

"Ý kiến của Imăng lúc đó là ý kiến không được sửa đổi.

"Trước khi qua đời, Imăng Cátxumu đã chỉ định viên phó Xarucu làm người kế vị mình. Đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo cũng đã tán thành.

"Khi Cátxumu mất, đáng lẽ Xarucu phải được bầu lên, nhưng tên Inhaxiôi Paredô dựa vào thế của thống đốc đã độc đoán cản trở, bắt ép người Hồi giáo phải nhận tên Lavani Cốt Xô cô là bạn thân của y, làm Imăng. Tên Cốt Xô cô, cũng như y, chỉ theo đạo Hồi trên danh nghĩa.

"Thấy đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo chống lại việc cử tên Cốt Xô cô một cách hợp pháp, Paredô liền nhờ viên thủ lĩnh cao cấp là Hútgi can thiệp. Hútgi là tín đồ đạo bái vật, được chính phủ che chở, nên hắn cử tên Lavani Cốt Xô cô làm Imăng, bất chấp nguyện vọng của người Hồi giáo.

"Kể ra, nếu Lavani Cốt Xô cô là một người Hồi giáo tốt và lương thiện thì chúng tôi cũng làm ngơ việc hắn được cử làm Imăng, nhưng hắn lại là một tên bất lương chưa từng thấy trên đời này. Chúng tôi nói như thế là có bằng cứ.

"Lavani Cốt Xô cô sinh ở Lagôt (xứ Nigêria thuộc Anh). Hắn là dân thuộc địa Anh. Vì can nhiều tội giết người và nhiều tội ác khác ở Nigêria thuộc Anh, nên bị nhà chức trách Anh truy nã.

"Ông thống đốc của chúng tôi hồi đó đã thu dụng tên dân thuộc địa Anh bất lương này và như để thưởng công cho hắn, đã cử hắn làm tù trưởng các xã ven hồ như Ápphôtônu Aghêghê, Áplăngcăngtăng, v.v... Toàn dân vùng ấy ngày nay đều ghê tởm những hành vi những lạm, những tội ác của hắn, và kêu ca về hắn.

"Nguyên chúng tôi có một điện thờ ở khu phố Atpatxa tại Poóctô - Nôvô. Nhà đương cục Pháp đã phá hủy điện thờ ấy với lý do vì lợi ích công cộng rồi bồi thường cho chúng tôi năm nghìn phrăng.

"Tiền bồi thường không đủ để xây dựng một điện thờ mới. Chúng tôi đã mở một cuộc lạc quyên riêng, thu được 22.000 phrăng.

"Paredô là người có chân trong tiểu ban mua sắm vật liệu và phát lương cho thợ".

"Khi viên phó Imăng Býtxiriu - người nắm giữ chìa khóa kết - chết, thì Paredô trở thành người giữ chìa khóa kết. Hắn lợi dụng địa vị ấy để biến thủ số tiền 2.775 phrăng. Tiểu ban bắt buộc phải khai trừ hắn ra khỏi tiểu ban.

"Inhaxiô Paredô căm tức, bèn bàn mưu tính kế với ông thống đốc. Thế là ông này cho thi hành những biện pháp độc đoán đối với chúng tôi, và làm trở ngại việc xây dựng điện thờ của chúng tôi.

"Giờ đây, do mưu mô của Inhaxiô Paredô được ông thống đốc tiếp tay cho trong việc cử một cách trái đạo tên Cốtxiô làm Imăng, dân Hồi giáo ở Poóctô - Nôvô đã chia thành hai phe. Tình trạng ấy làm tổn thương tình đoàn kết, hòa hợp của người Hồi giáo, làm hại cho việc tự do hành đạo của chúng tôi và gây ra những vụ lộn xộn lớn".

II - ÔNG LÔNG

Dưới đây là mấy đoạn trích ở một lá thư của đại tá Bécna gửi cho báo *La Republique Française*, ngày 6 tháng 12 năm 1922. Thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài vững tâm, đại tá Bécna không phải là cộng sản đâu.

"Con số hàng xuất khẩu ở Đông Dương, bức thư viết, hiện đang giảm chân tại chỗ, thậm chí còn đang sụt xuống. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000 kilô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 480 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kilô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho khai thác thuộc địa. Ấy thế mà, từ năm 1914 đến nay, người ta *không*

hệ đặt thêm được một kilômét đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một hécta ruộng nào. Cách đây 10 năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết, bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thủy nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng lại từ hơn 5 năm nay, lấy cớ là không có kinh phí, Nhưng, cũng trong thời gian ấy, xứ Đông Dương lại bỏ ra 65 triệu đồng tức 450 triệu phrăng để làm đường và dinh thự. Mời ông Phaghê hãy suy nghĩ về những con số đó xem! Tiêu gần nửa tỷ để làm những đường ô tô mà trên đó không hề lưu thông một tấn hàng hóa nào; để xây dựng những dinh thự và phòng giấy cho tám công chức đang mọc đầy rẫy lên ở Đông Dương như cỏ cây vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và đã được Nghị viện thông qua, lại bị bỏ rơi!

Nhưng đừng tưởng là người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương. Để hoàn thành chương trình năm 1912, ông Long đã xin Nghị viện cho phát hành một đợt công trái. Nay, ông ta lại xin phát hành một đợt thứ hai nữa. Những kẻ hiện đang điều khiển việc khai thác Đông Dương hình như đã định tâm không làm cái gì thật sự có lợi ích cả nếu trước hết người ta không cho phép họ vay nợ. Còn đối với tài nguyên ngân sách, đối với những dự trữ tích lũy được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ quyết vung tay ném qua cửa sổ nếu Nghị viện không đưa vào nền nếp".

III - ÔNG GÁCBI

Ông Gácbi, toàn quyền đảo Mađagátxca, vừa về Pháp. Cũng như tất cả các viên thống đốc, bạn đồng nghiệp của ông, ông Gácbi rất lấy làm hài lòng về cái thuộc địa "của mình": tiền bộ, giàu có, trung thành, an cư lạc nghiệp, có tổ chức, có dự án này, chương trình nọ, v.v.. Đó là cái bọc hành lý muôn thuở, bất di bất dịch của các ngài thống đốc về nghỉ, mà nay đến lượt ông Gácbi lại ân cần mở ra cho tất cả những ai muốn xem... Và vượt

lên trên tất cả những ngón bíp bọm cũ rách ấy, ông Gácbi còn khéo léo giở ra ngón bíp khác (hay đúng hơn ngón bíp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan toàn quyền mới về, và xin hỏi ngài:

"Phải chăng phái đoàn thanh tra của bộ đã không có đủ xà phòng để xát* lên đầu quan toàn quyền, đồng thời thoa trơn cái đốc, trên đó cụ lớn phải trượt ngã về chính quốc để ở lại đó mãi mãi đến mãi đời trọn kiếp?"

"Phải chăng để cứu vớt thể diện cho ngài, một vài tên tay sai đắc lực đã tổ chức một tiệc rượu tiễn hành, và để làm việc đó, chúng đã phải chạy bỏ hơi tai, vì ngoài ban tổ chức ra, không ma nào buồn đến dự tiệc cả?"

"Phải chăng bọn tay chân của quan toàn quyền đã định làm một lá đơn ái mộ xin ngài trở lại thuộc địa, nhưng lại không dám đưa ra vì sợ có đơn chống lại?"

"Sau cùng, phải chăng nhân dân bản xứ đã tặng ngài lời chúc thân ái này: "Thôi nhé, chú Gácbi! Xin chúc không bao giờ gặp lại chú nữa!"".

IV - ÔNG MÉCLANH

Vận mệnh hai mươi triệu người An Nam tốt số đang nằm trong tay ông Mácxian Méclanh.

Các bạn sẽ hỏi tôi: "Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?". Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gambia, sau giữ chức phó thống đốc Tây Phi, rồi lên làm thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ.

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông Dương đến nắm vận mệnh Đông Dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông Dương chứ gì.

* *Savonner*: Nghĩa đen là xát xà phòng, nghĩa bóng là khiển trách kịch liệt.

Đúng đây! Nhưng đó là cái "môt". Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng: tại Bộ Thuộc địa, một viên quan cai trị cũ Đông Dương ngồi chễm chệ tại vụ Tây Phi thuộc Pháp; một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi phụ trách châu Phi xích đạo thuộc Pháp; một viên chức cũ ở Xuđăng phụ trách những vấn đề về Mađagátxca; còn đại diện cho xứ Camorun ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Camorun.

Thế nên, trước khi sang Đông Dương khai hóa cho người Đông Dương, quan toàn quyền Méclanh định bắt đầu khai hóa những người Đông Dương chết ở Pháp, tức là những người đã hy sinh vì tổ quốc, vì công lý, và vì *vân vân* ấy mà!

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đối với những vĩ nhân, nhưng cười một mình ở đó thì có lẽ là không khoái lắm. Bởi vậy, Cụ lớn Méclanh đã ra lệnh cho những thanh niên An Nam được trợ cấp phải theo cụ đến nghĩa trang Nôgiăng trên bờ sông Mácơ để đọc một bài diễn văn trước sự chứng kiến long trọng của ngài. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho Cụ lớn kiểm duyệt trước. Họ đã làm đúng như thế. Nhưng Cụ lớn thấy bài diễn văn quá ư quá khích, nên Cụ bỏ phất đi và thay bằng một bài khác do Cụ tự tay vạch ra dần bài.

Dĩ nhiên, bài diễn văn được xào xáo theo kiểu nhà quan như vậy thì phải sặc mùi trung thành và quyến luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thủy thường bảo, thì hồn ma của những người An Nam chôn ở Nôgiăng, hẳn đã nói rằng: "Ngài toàn quyền ôi! Xin c... cảm ơn ngài! Nhưng xin Ngài làm ơn... xéo đi cho!"*

* M... merci à toi,... F... nous la paix! Trong Pháp văn chữ M viết tắt, người ta thường hiểu là Merde, là một tiếng chửi rửa rất tục, cũng có nghĩa là phân; chữ F. là Foutre, có nghĩa là cút, xéo đi, để yên... (Foutre le camp, Foutre la paix...). Đây là lỗi chơi chữ của tác giả.

V - ÔNG GIÊRÊMI LÔME

Chúng tôi đọc tờ *Annales coloniales* thấy mẩu tin ngắn như sau:

"Chúng tôi được tin Giêrêmi Lôme, cựu thống đốc thuộc địa, cựu nghị viên của Ấn Độ thuộc Pháp, đương bị truy tố trước tòa. Ông ta nguyên là chủ tịch một nhà băng do ông Phrodun làm quản trị - ủy nhiệm. Nhà băng ấy đã tuyên bố vỡ nợ cách đây hai năm.

"Đó là sự kết liễu đích đáng con đường công danh của tên vô lại ấy".

Ô! Ô! Thế ra cũng có những tên vô lại trong cái giới thống đốc và nghị viên thuộc địa cao quý ấy ư? Ai ngờ nhỉ!

VI - ÔNG UTORÂY

Ông Utorây là một nghị viên Nam Kỳ (ông ta là người Nam Kỳ cũng giống như ông P. Lôti là người nước Thổ vậy). Ông ta đọc diễn văn ở nghị viện, và kinh doanh ở Sài Gòn. Là nghị viên ông ta nhận cấp phí đều đặn; là thực dân, ông ta không nộp thuế. Ông nghị viên chính này có một đồn điền 2.000 héc-ta, và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính đó không nộp một xu nhỏ thuế nào. Khi sở thuế yêu cầu ông làm đúng luật lệ thì ông trả lời: c... ảm ơn. Vì ông ta là nghị viên nên người ta không động đến ông.

Đã có một cái thời, cái ông Utorây ấy đã giữ chức quyền thống đốc Nam Kỳ.

Xứ Nam Kỳ do một ông thống đốc cai trị, viên thống đốc này do sắc lệnh tổng thống Pháp bổ nhiệm. Để làm tròn nhiệm vụ *cao cả* của mình, vị quan *cao cấp* này dựa vào một hội đồng hỗn hợp gồm cả người Pháp lẫn người An Nam, gọi là hội đồng quản hạt. Một trong những quyền hạn chắc là quan trọng nhất của hội đồng này là hằng năm biểu quyết dự toán ngân sách của thuộc địa. Chúng tôi xin nói ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là các khoản thuế trực thu và gián thu do *người An Nam nộp*,

còn các khoản dự chi, thì trên nguyên tắc (*nhưng không bao giờ trên thực tế!*) là phải được chi tiêu cho những công cuộc có lợi cho người An Nam; tóm lại là *quyền lợi của người An Nam* được giao phó cho cái hội đồng quản hạt ấy. Thế nhưng cái hội đồng quản hạt quý hóa này lại gồm *nhiều người Pháp hơn là người An Nam: có 18 người Pháp*, thì 12 là đại biểu do tuyển cử bầu ra, 6 là đại biểu của các công ty, phòng thương mại, phòng canh nông v.v., và 6 người An Nam. Cứ cho rằng luôn luôn đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người An Nam kia tài nào mà chống lại được 18 phiếu của người Pháp? Vì thế chính phủ cứ việc tùy ý mà dự toán và chắc chắn là tất cả các khoản dự toán đều đã được biểu quyết trước rồi.

Hầu như sự việc luôn luôn xảy ra như thế. Cho nên năm 1905, cũng bằng cách ấy, quan quyền thống đốc Utorây nay là nghị viên của người Pháp ở Nam Kỳ đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên *một trăm phần trăm*. Việc tăng thuế này đã làm tên tuổi Utorây trở thành bất tử trong trí nhớ của người An Nam, nó đã làm cho các đại biểu người An Nam trong hội đồng nhất loạt từ chức! Cần quái gì! Utorây liền thay họ bằng những người khác do ông ta đích thân bắt cử tri An Nam phải bầu. Trước ngày bầu phiếu, một tay chân của ông ta là viên quan cai trị Maxperô (tỉnh Biên Hòa) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri ở tỉnh ấy lại, không cho họ tiếp xúc với những người ứng cử đó hay sao? Người ta dọa trừng phạt để buộc họ phải bỏ phiếu cho Bùi Thế Khâm, người do Utorây đưa ra nhằm ngăn cản việc bầu lại ông Hoài, một đại biểu vừa từ chức đã có lỗi là không làm theo ý muốn của Utorây.

CHƯƠNG IV

CÁC QUAN CAI TRỊ

I - ÔNG XANH*

Như các bạn đều biết, các thuộc địa vẫn được gọi là những nước Pháp hải ngoại, và người Pháp của những nước Pháp ấy là người An Nam, người Madagátxca hoặc người... v.v.. Bởi thế, cái gì ở bên này là phải thì ở bên kia là trái, và cái gì ở bên kia được phép thì ở bên này bị cấm. Thí dụ: Ở bên ấy, tất cả người Pháp đều được phép làm cho dân bản xứ ngu muội đi bằng thuốc phiện, họ càng bán được nhiều thuốc phiện, thì càng được quý trọng; nhưng ở bên này, nếu anh đem bán thứ thuốc độc ấy, thì anh sẽ bị tóm cổ ngay lập tức. Nếu ở bên Pháp, một viên chức cao cấp được phép vận quần áo lót để đi ra đường, thì ngược lại một ông hoàng bản xứ không có quyền mặc áo bản xứ, ngay cả khi ở nhà và đang ốm.

Vì đang ốm, nên cố quốc vương Tuynidi đã cứ mặc nguyên áo ngủ mà tiếp quan khâm sứ. Như thế đã là bậy rồi; nhưng còn bậy hơn nữa là cháu nội và cháu họ nhà vua lại quên chào quan khâm sứ nói trên. Thế là sau hai ngày, đúng vừa đủ thời gian để suy nghĩ, quan lớn khâm sứ bèn mặc nhung phục, kéo binh mã đến bắt nhà vua phải xin lỗi. Thế mới đúng chứ. Một khi anh là quốc vương và chịu sự bảo hộ của một ông thánh (ông Xanh) thì

* *Saint*. Vừa là tên viên khâm sứ, vừa có nghĩa là thánh. Đây là lỗi dùng chữ của tác giả để chế giễu viên khâm sứ Sain, dựa theo điển tích Chúa ba ngôi - thánh cha, thánh con, thánh thần (*Sainte Trinité; Saint père, Saint fils, Saint Esprit*).

dù là thánh cha, thánh con hoặc thánh thần, anh cũng không có quyền được đau ốm. Còn các chú "nhóc con" bản xứ, các chú phải biết rằng, một khi đã sinh ra dưới đôi cánh mẹ hiền của nền dân chủ thì các chú không được nô đùa, reo cười, hò hét, mà phải học chào lạy.

Ở Đông Dương cũng như ở các thuộc địa khác, đối với những người bản xứ không kịp lạy chào các "quan bảo hộ" thì nhiều quan cũng chỉ khiêm tốn "giã cho một trận" thôi, chứ chưa bao giờ lại huy động quân đội để bắt trẻ con phải lạy chào. Dĩ nhiên trong bọn họ không phải ai cũng đều là khâm sứ cả!

Mặc dầu: "sự việc nghiêm trọng" ấy đã bị vạch ra trên diễn đàn nghị viện và theo lời ông Poăngcarê, nó có thể làm tổn thương đến ảnh hưởng của nước Pháp, chúng ta sẽ là những người vong ân đối với quan khâm sứ Xanh, nếu chúng ta buộc cho ông cái tội "thất bại chủ nghĩa"; bởi vì, nhờ có cuộc biểu diễn lực lượng thân thiện, trẻ con và hòa bình ấy mà từ đó người bản xứ biết cách nên lạy chào một "người anh em da trắng" như thế nào. Ai cũng còn nhớ khi ông Milơrăng sang thăm châu Phi, người bản xứ đã đón chào ông, và để tỏ lòng trung thành vô hạn và lòng tôn kính sâu sắc với vị quốc trưởng nước bảo hộ, họ đã kéo áo sơ mi ra ngoài quần đây.

II - ÔNG ĐÁC LƠ

Tập *Cahier des droits de l'Homme* vừa mới đăng một bức thư của ông Phécđinăng Buytxông, chủ tịch Hội nhân quyền, gửi ông Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, nói về cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên (Đông Dương) năm 1917 và việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó.

Bức thư vạch rõ trách nhiệm của viên công sứ tỉnh Thái Nguyên là ông Đác lơ: chính vì sự lạm quyền của ông Đác lơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Tòa án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đác-lơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta lại được cử làm ủy viên hội đồng thành phố Sài Gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vền vền có 200 phrăng tiền phạt.

Cái ông Đác-lơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố latinh khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đác-lơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chổm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ làm quan cai trị ở Đông Dương.

Chễm chệ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là tỉnh trưởng, vừa là thị trưởng, vừa là quan tòa, vừa là mõ tòa, vừa là người đốc thuế; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành: Tòa án, thuế khóa, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạn vỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hòa đã có nhã ý gửi sang để khai hóa cho chúng tôi.

Một số lính tình nguyện (!) bản xứ, bị điệu về để sung vào lính khổ đơ và vì thế họ phải đi khám sức khỏe. Đó là những người mù chữ, nhút nhát, khi hỏi thì trả lời chậm chạp, nên quan công sứ đã chửi bới, đấm đá và lấy gậy phang túi bụi.

Ba người lính khổ xanh để xồng một người tù, đã bị ông Đác-lơ đánh đập một cách rất tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường tòa sứ.

Khi hỏi cung tù nhân, quan công sứ thường lấy thanh gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh.

Một đoàn tù khốn khổ, gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dẩy từ tờ mờ sáng, cổ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một chiếc xe lu to tướng trên những lớp sỏi dày. Hoàn toàn kiệt sức, họ ì ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Bỗng quan công sứ đến. Như lệ thường, quan cầm theo một cái gậy to tướng, rồi bỗng dưng vô cớ, quan xông vào đám người khốn khổ ấy, như con thú dữ, đánh túi bụi, tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lười.

Một hôm nhà khai hóa của chúng ta vừa quở trách một nhân viên người Âu xong, không biết trút cơn giận lên đầu ai được, vớ thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người An Nam chẳng liên can gì đến việc kia cả.

Một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền anh ta.

Lại một lần khác, có mấy người lính khố xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn cho đem chôn họ đến tận cổ, mãi đến khi họ ngắc ngoải mới cho moi lên.

Cứ mỗi khi ông ta đi xem xét các con đường có dân phu làm việc thì số chân người bị đánh què bằng lưỡi xẻng, cán cuốc, phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một, hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày.

Một lần, ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù. Người tù tránh được, quan công sứ quay lại đánh người lính, cũng bằng cây súng ấy. Bà công sứ, người vợ xứng đáng của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được.

Người ta đã trông thấy quan công sứ dùng gậy đánh một viên đội lòi mắt. Quan còn làm nhiều việc cao cả khác nữa mà ở đây chúng tôi không thể nào kể xiết được.

Tất cả những việc kể trên, mọi người đều tai nghe, mắt thấy, kể cả cấp trên của ông ta là các quan toàn quyền, quan khâm sứ. Để khen thưởng tinh thần "cương quyết" và "đức độ rất cộng hòa" của ông ta, những vị này đã thăng tay thăng quan tiến chức cho ông ta.

III - QUÝ NGÀI BUĐINÔ, BÔĐOANH VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC

Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý đế vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình ở Đông Dương vẫn chẳng ổn chút nào.

Chiếc ghế bị cáo và quan cai trị liêm chính Lanô vừa rời khỏi chưa kịp nguội thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xấu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một nhà khai hóa điển hình, một vị quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây:

"Làng Tân An, nơi ly sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền.

"Nhưng bỗng một quan cai trị khá xảo quyệt (ông Buđinô), đã khéo xoay xở thế nào mà làng Tân An phải chịu nhường không nhà máy điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhường không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng. Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cự tinh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đều đặn không thể tưởng tượng nổi".

Vụ xấu xa thứ hai trước mắt là vụ Tê. Một bạn đồng nghiệp ở Đông Dương đã viết về vụ đó như sau:

"Chúng ta đang sống trong một bầu không khí thật là... không bình thường chút nào: chưa xong vụ Buđinô, vụ Lanô, lại đến vụ Tê.

"Ông Tê là một kỹ sư xuất sắc, giám đốc một hãng lớn của người Pháp ở Hải Phòng. Ông đã đến tìm ông Xcala, giám đốc thương chính, và tặng trước ông này số tiền chè lá một vạn đôla để ký kết một chuyến buôn thuốc phiện với cơ quan nhà nước. Chắc là ông Tê có những lý do rất đặc biệt để nghĩ rằng việc vận động như thế không có gì là bất thường cả. Như vậy có nghĩa là việc hối lộ là việc thông thường trong chính giới ở Đông Dương. Tất cả những kẻ nào có quyền thế như vậy đều lợi dụng để vơ vét cho đầy túi tham của mình và làm hại lớn cho xã hội".

Nếu như ông Đácơ, công sứ khát máu ở Thái Nguyên mà được cử làm ủy viên hội đồng thành phố Sài Gòn, và ông Bôđoanh, người đang được quan tòa Oaren nóng lòng chờ đợi, mà được cử giữ chức toàn quyền Đông Dương, thì các ông Tê và Buđinô ít ra cũng nên được gán tội mới phải.

CHƯƠNG V

NHỮNG NHÀ KHAI HÓA

Xin hỏi: có phải ở sở mật thám của phủ toàn quyền Đông Dương có một nhân viên người Pháp là C... không? Có phải chính tên C... ấy trong khi được phái đi "công cán" ở Phú Xuyên, đã bắt người An Nam ở đây gọi hắn bằng "Quan lớn", và đã đánh đập tàn nhẫn những ai không nhanh miệng chào hắn như thế nào? Có phải cũng chính tên C... này đã hiếp dâm một người lính lệ không? À, té ra cái gì người ta cũng được phép và có thể làm được ở cái thiên đường Đông Dương ấy.

*

* *

Giữa tháng 12 năm 1922, một viên đội phó cảnh binh Pháp* của sở cảnh sát đô thị Sài Gòn, "say mềm", đã vào nhà một người bản xứ và làm bị thương nặng hai người trong nhà, trong đó có một người đàn bà.

Khi ông dự thẩm hỏi cung thì tên cảnh binh ấy khai là *hắn không còn nhớ gì cả*, và chối phăng là *hắn không say*.

Trái lại, các nhân chứng, trong đó có một người Âu, đều xác nhận rằng lúc xảy ra vụ thương tâm ấy, *người bảo vệ trật tự* kia quả là không ở trong trạng thái bình thường.

Người khai hóa ấy say hay là điên, điều đó không quan trọng, chúng tôi chỉ thiết tha mong rằng anh ta sẽ được tặng thưởng huân chương về hành động dũng cảm của anh ta.

* Bản tiếng Pháp: *sous brigadier européen* (phó cảnh binh người Âu).

*

* *

Ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng.

Để giữ thể thống, anh tây đoan hạng bét cũng có ít nhất một người ở, một người "bồi", và người này thường thường lại bị dùng làm "người hầu gái vạn năng".

Đầy tớ người bản xứ đã dễ bảo lại rẻ tiền, nên nhiều viên chức thuộc địa về nghỉ hoặc về hưu mang theo cả người về nước.

Chẳng hạn như ông Giảng Lơ M...rinhy ở phố Các nô, thành phố Sécbua. Ông ấy ở Đông Dương về, mang theo một người bồi lương tháng 35 quan. Chẳng cần phải nói bạn cũng biết rằng, người bồi ấy phải làm quần quật từ mờ sáng đến đêm khuya. Trong nhà ấy, không có chủ nhật cũng chẳng có ngày lễ. Hơn nữa, người ta cho anh ăn uống hết sức kham khổ, và chỗ ở rất tồi tệ.

Một hôm ông Giảng Lơ M...rinhy muốn sai người "được bảo hộ" của mình về làm lụng ở thôn quê. Vì đã được nếm cuộc sống sung sướng ở thôn quê mà ông chủ quý hóa dành cho, nên người con của xứ An Nam không chịu đi.

Thế là nhà cự khai hóa kia nổi cơn thịnh nộ nện cho anh ta một trận nên thân, rồi đuổi ra khỏi nhà*, nhưng lại giữ tất cả tài sản của anh ta: tiền bạc, hòm xiềng, quần áo, v.v., mà nhất định không chịu trả lại, mặc dù anh ta đã nhiều lần van nài. Bị đuổi đột ngột, trơ hai bàn tay trắng, không biết tiếng Pháp, không bạn bè thân thích, bơ vơ lạc lõng, con người bất hạnh đó đang lâm cảnh cùng khốn ghê gớm.

*

* *

* Bản tiếng Pháp: *f... l'Annamite à la porte...* (đuổi người An Nam ra khỏi nhà).

Viên chức thuộc địa là nguyên nhân chính gây ra nạn đói sống đất đỏ ở thuộc địa. Muốn biết nhân tố ăn bám ấy đè nặng lên ngân sách đến mức nào, nghĩa là đè nặng lên lưng nhân dân lao động như thế nào, hãy so sánh những con số sau đây:

Ở Ấn Độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người, có 4.898 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người, có 4.300 viên chức người Âu.

Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu. Ở Đông Dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu.

Tại sao ở Đông Dương, cái loài ăn hai ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường ở trần gian; ở đó, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những căn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí, v.v, mà chính quốc thải ra, đều tìm được môi trường rất thích hợp để phát triển... Hãy bắt đầu từ nhân vật quan trọng nhất là viên toàn quyền. Về vấn đề này, một người thực dân không thiên vị đã viết: "Sang Bắc Kỳ, các ông toàn quyền chỉ nhằm một mục đích là: tìm chỗ bổ dụng bạn bè con cháu thân thuộc và bọn vận động bầu cử của những bậc quyền thế có thể làm chỗ dựa cho mình; thường thường bọn này là những người mắc nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn lùng, phải có tiền cho chúng mới được..."

Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc khai hóa thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì công lý và chính nghĩa sẽ là nguồn tài liệu vô tận. Với một cử chỉ

say sưa và hùng biện, ông Anbe Xarô nói: "Chính công cuộc chinh phục thuộc địa đã đào tạo nên phần lớn những vị tướng lĩnh vĩ đại đã đưa chúng ta đến chiến thắng và đã từng được dư luận nước Pháp ca tụng chiến công và thanh danh khi họ đưa ngọn cờ của chúng ta đi khắp đất Á, trời Phi".

Cũng với ý nghĩ thắng thắn như thế, nhưng bằng lời lẽ kém bay bướm hơn, tờ *Le Journal de Genève* (à, lại có quý sứ ở Gionevơ chẳng?) đã nói toạc ra rằng: "Chính phủ cộng hòa đã đi tìm thuộc địa để *gỡ gạc lại trận thất bại năm 1870*. Dân tộc Pháp coi việc chinh phục thuộc địa như một *sự đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu*, và bọn quân nhân thì vớ được dịp để *trở tài trong những trận thắng dễ dàng*".

Nghe những lời chứng có thâm quyền như thế, mà các bạn vẫn cứ khẳng khẳng không tin rằng việc khai thác thuộc địa là một sứ mệnh khai hóa và nhân đạo không hơn không kém, thì thật là hết chỗ nói!

*

* *

1. Ông Ghinôđô bị mất trộm số tiền 5.000 phrăng. Muốn bắt những người bản xứ làm việc ở nhà ông phải thú nhận, ông chủ tốt bụng và nhà khai hóa vĩ đại đó đã đem họ ra tra diện. Nhưng sau, người ta tìm ra kẻ cắp thì lại không phải là một người bản xứ, mà chính là một nhà khai hóa khác: ấy là cậu ấm con ngài Ghinôđô! Thế mà ông Ghinôđô vẫn được vô tội, còn tám người bản xứ giúp việc ông thì hiện vẫn còn nằm nhà thương.

2. Ông Vônla, nhà khai hóa kiêm nhà buôn, không trả lương đều đặn cho những nhân viên bản xứ làm cho ông. Một trong những nhân viên đó nhờ ông đốc công hỏi hộ anh số lương chủ còn thiếu. Ông Vônla bèn đưa cho viên đốc công một mảnh giấy ghi mấy chữ sau đây: "Bảo cái con lợn ấy lấy C... mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi".

Việc này xảy ra ở Tuynidi, năm 1923, ngay giữa lúc ông tổng thống Milorăng đi kinh lý ở đó.

*

* *

Khi người ta có màu da trắng thì nghiêm nhiên người ta là một nhà khai hóa. Mà khi người ta đã là một nhà khai hóa thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất.

Cho nên, một viên đốc công lục lộ ở Nam Kỳ đã bắt những người An Nam gặp hấn trên đường phải lạy chào hấn theo đúng nghi thức của chủng tộc chiến bại đối với chủng tộc chiến thắng.

Một hôm, một viên thư ký người bản xứ ở sở ra, vừa đi vừa đọc một quyển tiểu thuyết. Đến một đoạn hài hước, anh bật lên cười. Vừa lúc ấy viên đốc công lục lộ đi tới. Ông ta nổi cơn giận lên, thứ nhất là vì người bản xứ ấy mãi đọc truyện đến nỗi không nhìn thấy ông mà chào; thứ hai là vì một người bản xứ mà lại dám cười khi đi qua trước mặt một người da trắng. Thế là nhà khai hóa nắm viên thư ký lại, buộc anh ta phải khai tên và hỏi anh có muốn ăn một cái tát không. Tất nhiên là người thư ký từ chối món quà quá hào hiệp đó, và tỏ thái độ ngạc nhiên tại sao lại có chuyện thóa mạ như thế được. Thế là chẳng nói chẳng rằng, người viên chức Pháp tóm áo người bản xứ ấy lôi đến trước quan chủ tỉnh.

Cũng vẫn cái lão đốc công lục lộ ấy, lấy cớ là phải sắp xếp nhà cửa, vườn tược lại cho ngay ngắn, đã ra lệnh cho nhân dân ở hai bên đường hàng tỉnh phải dọn nhà đi, chặt cây và phá vườn trong một thời hạn do hấn quy định, nếu không thì sẽ bị phạt tiền.

Như thế đấy mà người ta vẫn cứ ngạc nhiên vì sao người bản xứ ở các thuộc địa lại cứ bất bình!

Chẳng những bọn thống đốc, công sứ muốn làm gì thì làm, mà cả các nhân viên nhà đoan, cảnh binh và tất cả những ai có tí

chút quyền hành trong tay cũng đều sử dụng và lạm dụng quyền hành để thả cửa làm bậy vì họ biết rằng sẽ không bị tội vạ gì hết.

Một viên cầm ở Tuyên Quang (Bắc Kỳ) đã đánh một người bản xứ gãy cả hai cánh tay. Một viên cầm khác ở Đà Lạt (Trung Kỳ)* vừa mới sáng tạo ra một lối mua bán cực kỳ lý thú, chúng tôi xin thuật ra đây để hiến quý ngài Điô và Xarô. Một hôm ông cầm cần gỗ ván, ông sai lính ra phố mua. Mua là một cách nói thôi, chứ ông ta có đưa tiền cho lính của ông ta đâu. Tuy vậy, lính của ông ta cũng cứ ra phố, vào hàng chọn gỗ và định mang đi, cố nhiên là không trả tiền. Người bán gỗ không cho. Lính trở về báo cáo với quan Tây yêu sách quái gở của nhà buôn ấy.

Điên tiết lên, ông cầm phái ba người lính mang súng đến bắt người bán gỗ to gan đó. Người này đang bị cầm không chịu đi. Lính về báo lại với ông cầm. Tức giận đến cực độ, ông liền phái thêm ba người lính nữa nhập với tốp trước, và hạ lệnh cho họ phải bắt bằng được tên cứng đầu cứng cổ kia đem về dù sống hay chết.

Toán lính vũ trang đến bao vây cửa hiệu bán gỗ và sắp sửa thi hành mệnh lệnh.

Lúc ấy, một nhà buôn người Âu can thiệp bênh người bán gỗ bản xứ và viết thư cho ông cầm. Nhưng người cộng sự đầy nghị lực của ông Môrixơ Lông, vẫn không chịu thu hồi "trát đòi" người bán gỗ và cho biết rằng nếu anh ta không chịu đến thì sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối.

Nhà buôn người bản xứ ấy đành phải bỏ công việc làm ăn, bỏ cả quê hương để lần tránh cơn tức giận "khai hóa" của vị quan da trắng.

*

* *

* Bản tiếng Pháp: *Chchichine* (Nam Kỳ).

Bảy người An Nam đáng thương đang bơi một chiếc xuồng dài mỏng mảnh; đã xuôi dòng nước, lại có đến bảy tay chèo nên chiếc xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Bỗng thuyền của một nhân viên nhà đoan khuất sau đám cây đước trong lạch hiện ra, với quốc kỳ Pháp cắm sau tay lái. Một thủy thủ trên thuyền nhà đoan gọi, bảo xuồng kia dừng lại, người trên xuồng vẫn chèo. Thuyền của viên tây đoan đi chậm không đuổi kịp. Viên đoan liền cầm súng oanh-sítơ bắn theo. Đoàn! Đoàn! Một người đang chèo thét lên rồi ngã gục. Đoàn! Lại một người nữa ngã gục. Lúc ấy, người Âu khác, làm nghề gạch ngói, vừa đi xuồng tới, cũng tham gia đột kích "bọn cướp" kia ở một khúc ngoẹo. Đoàn! Đoàn! Quả là tay súng cừ! Ba viên đạn, ba nạn nhân. Chiếc xuồng cùng hai người sống sót mất hút trong lạch.

Một hôm khác, cũng viên đoan ấy đi với sáu thủy thủ vũ trang, phát hiện được một người khốn khổ đang trốn dưới ao, ngậm mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, một đầu ngậm ở miệng, một đầu để lộ ra khỏi mặt nước; trên mặt nước lá sen che phủ rất khéo. Viên tây đoan liền bắt và chặt đầu "tên cướp" ấy đem về tòa sứ. Thật ra, đó chỉ là một nông dân bình thường khiếp sợ vì thấy có nhiều người lạ đến làng, mặt mày hung tợn, mang đầy súng lục, túi đạn, lăm lăm súng oanh-sítơ trên tay. Số là bọn nhà đoan vào các túp lều trong làng đã tìm thấy ba chiếc vỏ đạn, mấy cái bánh tàu và một cái búa đi rừng. Vậy đích thị là một làng làm giặc và tiếp tế cho giặc rồi còn nghi ngờ gì nữa!

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang, đến một làng nọ, thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập lại một chỗ. Tưởng đâu đã lọt vào ổ phục kích, hấn bắn xả vào đám đông vô tội. Thật ra thì dân chúng đương họp để cúng tế. Bị bắn, họ kinh hoàng bỏ chạy tán loạn. Tên sĩ quan đuổi theo và tàn sát họ.

Một người Pháp đã từng ở Bắc Kỳ lâu năm kể: Khi từ chiếc tàu của một nhà kinh doanh lớn, tôi đặt chân lên Bắc Kỳ, anh có

biết mạng của một người An Nam đáng giá bao nhiêu không? Không đáng một trinh! Thật đấy.

- Này nhé, tôi còn nhớ, khi chúng tôi ngược sông Hồng người ta đã đem rượu ra đánh cuộc xem ai ngồi dưới tàu, bắn một phát mà "hạ sát" được nhiều người An Nam nhất ở trên bờ.

Một đôi kẻ súng cầm tay đi lùng bắt dân làng, thuyền bè đề đòi tiền chuộc.

Một đại đội thủy quân lục chiến hành quân đến Vĩnh Thượng. Theo phép lịch sự, viên quan địa phương dàn lính (bọn lính lệ) nghênh tiếp. Tên chỉ huy toán lính đi dò đường của đại đội thấy thế đã ra lệnh bắn vào họ, làm nhiều người chết.

Khi người ta không trừ nổi một nghĩa quân thì người ta đốt cả làng người ấy. Người ta đã triệt hạ cả một vùng chung quanh Hưng Hóa như vậy.

Một người An Nam đang đi lão đảo trên một con đường nhỏ hẻo lánh, vai gánh hai thúng to đầy lạc. Chúng tôi tới gần, hắn ta không kịp tránh. Tức thời người ta bắt hắn và bắn chết.

Suốt ngày, người ta vác gậy hoặc súng gươm nện vào người An Nam để bắt họ làm việc.

Người An Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, nhưng người ta lại nói chuyện với họ chỉ bằng những cái đá đít thôi.

Chúng ta coi những người An Nam yêu nước là những tên cướp. Chẳng hạn như Đội Văn, một người yêu nước đã từng chiến đấu mấy năm trời chống lại sự thống trị của người nước ngoài, bị chém tại Hà Nội, bêu đầu ở Bắc Ninh, ném xác xuống sông Hồng.

Tổng Duy Tân, sau mười năm ròng rã chiến đấu tuyệt vọng, đã bị bắt và bị chém.

Phan Đình Phùng, một vị quan to, kháng chiến trong mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông ta chết rồi mà chúng ta vẫn

không tha; người ta vào rừng quật mộ ông lên, ném thi hài ông mỗi nơi một mảnh. Người ta báo thù ông ngay cả khi ông đã nằm sâu dưới mộ.

Ở tỉnh Quảng Trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã "hạ" một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn.

Một viên tây đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách của một thủy thủ An Nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi.

Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khổ xanh ở Đà Lạt. Cũng ở đây, một nhà khai hóa khác đã đánh một người thợ mộc bản xứ đến chết.

Một viên thầu khoán bắt thợ làm việc ngày đêm dưới nước để đào một đường hầm. Một số đông thợ chết, những người sống sót bãi công. Viên thầu khoán đã tự tay đốt nhà những người bãi công để buộc họ phải đi làm trở lại. Cả một làng cháy rục giữa đêm tối.

Một viên chánh quản pháo binh nửa đêm vào nhà một bà vắng chồng. Bà ta không chịu tiếp hắn. Thế là hắn nổi lửa đốt nhà bà. Dĩ nhiên, người đàn bà đau khổ kia hết sức sợ hãi.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hắn.

Một viên chức ở xưởng đóng tàu của hải quân đã giết một nhân viên hỏa xa người An Nam bằng cách xô anh vào đồng than hồng sau khi đánh đập anh hết sức tàn nhẫn.

*

* *

Ông Vinhê Đốctông viết: "Trên thế giới không có dân tộc chiến bại nào bị đàn áp và hành hạ như người dân thuộc địa".

Một nhà du lịch khác viết: "Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển: những kẻ đã ném mùi chiến

tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng trụy lạc, bất lương và độc ác; những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm cắp, cướp giết. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm; vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng".

Một nhà du lịch thứ ba viết: khi đặt chân đến đây, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người An Nam là hạng người thấp kém và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người An Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả đều quen tự coi mình thuộc một đẳng cấp quý tộc mới, có đặc quyền và đặc lợi. Binh sĩ hay là thực dân, họ đều coi rằng giữa họ và người bản xứ không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với một người Pháp ở Đông Dương nói về người da vàng mới thấy hết cái ngu xuẩn trong lối nói ngạo mạn của hắn. Phải nhìn một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy hết cái cục cằn thô lỗ của hắn.

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người An Nam ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một tên mật thám Pháp đánh đập tàn nhẫn những người An Nam nào quên không gọi hắn ta bằng quan lớn. Một tên tham tá nhà đoan buộc những người bản xứ khi đi qua nhà hắn phải ngả mũ hoặc xuống xe, xuống ngựa. Một hôm, nhà khai hóa này đánh đập tàn nhẫn một chị người An Nam đang có mang, chỉ vì tuy chị có chào hắn, nhưng lại quên gọi hắn là quan lớn. Hắn đá một cái rất mạnh vào bụng chị làm chị trụy thai, ít lâu sau thì người đàn bà khốn khổ ấy chết.

Các quan bảo hộ của chúng ta buộc người An Nam phải khúm núm, ngoan ngoãn, dễ bảo và lễ phép, nhưng ngược lại, về phía các quan, thì như một nhà văn sang thăm Đông Dương đã viết: "Hình như họ chỉ làm những điều khiến cho sự có mặt của chúng ta trở thành một điều xấu xa bỉ ổi không ai chịu được". Nhà văn ấy còn viết tiếp: "Ở châu Âu người ta coi giống người da vàng chứa đựng tất cả những thói điều ngoa, xảo trá. Ấy thế mà, chính chúng ta thì lại rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng, thành thật".

Có những sĩ quan đã giật râu thầy cúng ngay trong lúc họ làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh như đòn một viên chức người An Nam, vì ông này đã ngồi trước trên một chiếc xe hàng mà không chịu nhường chỗ cho cậu.

Một viên toàn quyền vừa về tới Mácxây, người ta thết tiệc ông ta và đề nghị cho mấy viên quan Nam triều đang có mặt ở cảng đến cùng dự. Viên toàn quyền Đông Dương đáp: "Nếu các ông mời các tên quan lại ấy, thì tôi cũng sẽ đưa tên bồi của tôi đến".

*

* *

Chúng tôi xin trích nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa, sự việc sau đây:

- Trong khi "những người từng ở Bắc Kỳ" đang vui chơi nhõn nhõn trên tàu, thì dưới mạn tàu phía bên phải, có mấy chiếc xuồng bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người An Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào, rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ có mắt công chọn. Nhưng đáng lẽ trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: ống điều, khuy quần, mẩu tàn thuốc (có lẽ họ làm như thế để giáo dục tính ngay thật trong việc mua bán cho người bản xứ chăng!). Đôi khi để đùa vui, một anh sếp phơ hất một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên,

mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuống va chạm vào nhau lộc cộc.

"Ngay bên dưới chân tôi, một người An Nam bị dội nước sôi, *bồng từ đầu đến chân*, phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi khác do một bàn tay thành thạo lại dội xuống; thế là đến lượt *chính người đi cứu, bị lược chín*. Tôi trông thấy anh ta giẫy giụa trong thuyền, da bị lột ra trôi thịt đỏ rói gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là rất ngộ nghĩnh. *Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!*".

Ở một trang khác, anh lính viết:

- Trong thời kỳ tôi ở đây (ở Bắc Kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng.

Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn kẻ cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một con người tù sắp phải chết? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng?

*

* *

Ông Dume, cựu toàn quyền Đông Dương, đã trình trọng phát biểu tại Hạ nghị viện như sau: "Tôi hiểu rõ những cảnh binh ở thuộc địa. Tôi đã từng cho tăng số đội cảnh binh lên, vì tôi đã nhận thấy rằng lực lượng cảnh binh bảo đảm cho người bản xứ tránh được những sự hà lạm có thể do một số tên thực dân gây ra. *Cảnh binh rất được lòng người bản xứ*".

Chúng ta hãy xem các ông cảnh binh đã làm thế nào để "được lòng dân". Phải nói ngay rằng, nhìn chung, các ông rất hiền từ đối với bọn côn đồ, đó là điều chắc chắn rồi. Nhưng đối

với dân hiền lành thì lại là chuyện khác. Chúng ta chưa cần nói chuyện thương tâm xảy ra tại khóm lớn Sài Gòn năm 1916, năm mà các ngài cảnh binh, do "nhiệt tình yêu nước", đã bắt người bừa bãi, và những người vô tội ấy bị bắt đã bị kết án và hành hình. Dù máu người An Nam nhuộm đỏ "đồng Mả ngụy" có phai đi với thời gian chẳng nữa, thì vết thương lòng của những bà mẹ già, những người vợ góa, những đứa con cô không bao giờ hàn gắn được. Bọn thủ phạm gây ra vụ đó, mà cảnh binh là công cụ hèn mạt của chúng, không hề bị trừng trị, chúng cũng chưa hề bị truy tố. Bây giờ, chỉ xin nêu một vài trường hợp đặc biệt:

Một viên cảnh ở Bắc Kỳ suốt ngày đi dọc các cống rãnh, bảo là để giữ gìn vệ sinh. Hắn bắt gặp được dù chỉ một cuộng cỏ trên dòng nước, là tức khắc hắn trừng trị và phạt tiền những người dân nghèo khổ ở quanh đấy.

Ở miền Tây Nam Kỳ, nhằm tránh tai nạn trong các kênh có thuyền bè đi lại, mỗi con kênh đều có một trạm cảnh binh làm nhiệm vụ kiểm soát không cho thuyền bè đi quá nhanh hoặc làm trở ngại giao thông. Nhưng với sự có mặt của bọn cảnh binh, thì đó là một cái "cửa cống" tuôn ra không biết bao nhiêu vụ phạt tiền, phạt vi cảnh. Hầu hết thuyền bè qua lại trên các kênh lạch có trạm cảnh binh ấy đều bị phạt từ một đến hai đồng. Như thế là ngoài các khoản thuế của nhà nước chồng chất lên ngập đầu, còn thêm thuế sông nước do các ngài cảnh binh "được lòng dân" đặt ra nữa; nên người dân An Nam thật là sung sướng, sung sướng lắm!

Ngoài việc thăng thưởng dành cho những người đắc lực nhất, nghe đâu các ngài cảnh binh còn được hưởng món hoa hồng bằng 20% số tiền phạt nữa thì phải! Chế độ tốt đẹp thay!

Một tờ báo bản xứ viết: "Dân bản xứ không muốn có cảnh binh Pháp nữa vì đó thường là mối tai họa cho người lương thiện".

*

* *

Một gã Puốcxinhông nào đó thấy một người An Nam dám tò mò và cả gan nhìn vào nhà hấn trong vài giây, hấn đã nhảy xổ ra đánh và giết anh ta bằng một phát súng lục vào đầu.

*

* *

Một nhân viên hỏa xa người Pháp ở Bắc Kỳ, lấy roi mây quất vào một người lý trưởng, rồi bắt nhốt vào cũi chó.

Ông Béc đâm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông Brét thầu khoán, trói một người An Nam cho chó cắn, rồi đá anh ta cho đến chết.

Ông Dépphi, chủ sự thuế quan, đá vào hông người đầy tớ một cái rất mạnh làm anh này chết tươi.

Ông Hăngri, thợ máy, nghe có tiếng ồn ào ngoài phố; cửa nhà ông vừa mở; một chị An Nam chạy xộc vào, có một người đàn ông bản xứ đuổi theo. Hăngri tưởng người đàn ông kia ghẹo "con gái"* của mình, liền vớ ngay khẩu súng săn, bắn một phát, người kia ngã gục.

Một người Pháp đem ngựa của hấn buộc vào một tàu ngựa trong đó đã có con ngựa cái của người một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên làm cho người Pháp tức điên đầu. Hấn liền đánh người bản xứ ấy học máu mồm máu mũi, rồi trói anh ta lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (vâng, một tông đồ hiền lành của Chúa!) nghi cho một học sinh chủng viện bản xứ lấy cắp một nghìn đồng; hấn trói anh ta lại rút lên xà nhà mà đánh. Người học sinh tội nghiệp kia ngất đi. Hấn hạ anh ta xuống. Anh hồi

* Hội Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những người thiếu nữ Việt Nam vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi; chúng gọi những người ấy là "con gái". Khi một người Pháp nói "ma con gái" (đứa con gái của tôi) cũng như nói "mon boy" (người bồi của tôi) vậy.

ting, hấn lại rút anh lên, tra khảo. Người bản xứ đó dờ sống dờ chết. Có lẽ hôm nay thì đã chết thật.

Vân vân và vân vân.

Tòa án có trừng phạt những kẻ ấy, những nhà khai hóa ấy không?

Một số đã được tha bổng, còn một số thì chẳng hề bị động tới lông chân.

*

* *

Một tên thực dân Pháp thấy ba người bản xứ thả cừu vào vườn ôliu của hấn. Hấn bảo vợ đem súng đạn ra; nấp vào bụi rậm, hấn bắn ba phát, làm bị thương nặng cả ba người.

Một tên thực dân Pháp khác có hai công nhân người bản xứ giúp việc là Amduni và Ben Benkhia. Hai người này hình như có hái trộm vài chùm nho. Tên thực dân liền cho gọi họ đến, lấy roi gân bò quất xối xả vào họ cho đến chết ngất. Khi họ tỉnh lại thì quan lớn bảo họ sai trói giật cánh khuỷu lại và treo lên. Mặc dù hai người khôn khổ kia đã mê man bất tỉnh, cuộc hành hạ ghê tởm đó vẫn cứ kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ cho đến khi có người láng giềng phản đối mới thôi.

Khiêng vào bệnh viện, mỗi người bị cưa mất một bàn tay. Còn bàn tay kia cũng không chắc gì cứu khỏi.

*

* *

Một người An Nam, 50 tuổi, từng làm việc 25 năm ở sở xe lửa Nam Kỳ, đã bị một viên chức da trắng giết chết. Đầu đuôi như sau:

Ông Lê Văn Tài có bốn người An Nam khác giúp việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho thuyền bè qua lại. Theo lệ thì phải đóng cầu mười phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng 4, hồi 16 giờ 30 phút, một người trong bọn họ vừa mới đóng cầu và treo tín hiệu xong thì *một xuồng máy công đi đến; trên xuồng có một viên chức người Pháp của xưởng đóng tàu hải quân đi sẵn về*. Chiếc xuồng kéo còi. Nhân viên bản xứ liền ra giữa cầu phát còi đỏ báo cho những người trên xuồng biết xe lửa sắp chạy qua. Thế là chiếc xuồng cập vào một trụ cầu. Người viên chức Pháp nhảy lên bờ, hăm hăm đi về phía người An Nam. Anh này khôn ý chạy về phía nhà ông Tài là "xếp" của mình. Người Pháp đuổi bắt, lấy đá ném theo. Nghe tiếng ồn ào, ông Tài chạy ra, đón viên đại diện của văn minh, thì viên này sừng sộ mắng vào mặt ông: "Đồ súc sinh! Tại sao mày không mở cầu ra?". Vốn không biết tiếng Pháp, ông Tài chỉ còn biết trả lời hẩn bằng cách trở tay vào cái tín hiệu màu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho vị cộng sự của ngài toàn quyền Lông phát khùng lên. Không phân phải trái, hẩn ta nhảy xô vào ông Tài và *sau khi đánh ông như tử, hẩn xô ông vào một đồng than hồng gần đó*.

Người An Nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, phải chở đến nhà thương, và sau sáu ngày giãy giụa, ông đã chết.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không bị đòi hỏi gì cả. Trong lúc ở Mácxây người ta trưng bày sự phồn thịnh giả tạo của xứ Đông Dương, thì ở Trung Kỳ dân đang chết đói. Ở đây, người ta ca ngợi lòng trung thành, thì ở bên kia, người ta đang giết người!

Trong khi tính mạng một con người An Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài tổng thanh tra Rêna chỉ bị sướt một chút da ở cánh tay lại được lĩnh đến 120.000 phrăng tiền bồi thường.

*

* *

Công cuộc khai hóa người Maroc bằng đại bác vẫn tiếp diễn.

Một viên chỉ huy bộ binh Duavơ* đóng ở Xéttát, đã nói với binh sĩ như thế này: "Chúng ta phải diệt cho xong lũ man rợ này. Đất Maroc giàu khoáng sản và nông sản. Chúng ta, những người Pháp, những người văn minh, chúng ta đến đây với hai mục đích: khai hóa và làm giàu cho chúng ta".

Viên chỉ huy ấy nói đúng đấy. Nhất là ông ta đã thành thật thú nhận rằng người ta sang thuộc địa là để cướp bóc người bản xứ. Bởi vì chỉ sau 10 năm đặt dưới chế độ bảo hộ, xứ Maroc đã bị người châu Âu cướp mất 379.000 héc-ta đất trồng trọt, trong đó 368.000 héc-ta đã lọt vào tay những người Pháp khai hóa. Diện tích Maroc có 815.000 kilômét vuông; nếu công cuộc khai hóa cứ tiếp tục với đà ấy thì chẳng mấy năm nữa, người dân Maroc khốn khổ sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên Tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân.

* *Zouaves*. Danh từ dùng để chỉ những binh lính thuộc những đơn vị quân đội thực dân Pháp lúc mới thành lập chỉ gồm những người bản xứ Angiêri ở vùng Zouagha, một địa phương miền núi nước Angiêri, giáp Tuynidi.

Nguyễn-Aĩ-Quốc

محكمة الاستعمار الفرنسية
法蘭西殖民中之審判行爲

LE PROCÈS

do la

Colonisation Française

• Première Série •

Mœurs Coloniales

LIBRAIRIE DU TRAVAIL. Quai de Jemmapes, 96 - PARIS

Sách Bản án chế độ thực dân Pháp của
Nguyễn Ái Quốc xuất bản lần đầu tiên
tại Pháp năm 1925.

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CHƯƠNG VI

TỆ THAM NHỮNG TRONG BỘ MÁY CẠI TRỊ

Ngân sách Nam Kỳ chẳng hạn, năm 1911 là 5.561.680 đồng (12.791.000 phrăng); năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 phrăng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 phrăng). Một con tính đơn giản cho chúng ta thấy giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có một sự chênh lệch là 83.369.000 phrăng. Số tiền đó chạy vào đâu? Tất nhiên là vào các khoản chi về nhân sự, vì các khoản này ngốn gần hết 100% tổng số thu.

Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân An Nam khôn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được. Chúng tôi chưa biết đích xác số tiền chi tiêu cho vua An Nam sang ngao du bên Pháp, chỉ biết rằng, để đợi ngày lành cho con Rồng tre xuống tàu, người ta đã phải bồi thường cho tàu Poóctóttxơ trong bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phrăng (tức là 400.000 phrăng tất cả). Tiền tàu hết 400.000 phrăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phrăng (chưa kể tiền lương trả cho bọn mật vụ để theo dõi người An Nam ở Pháp, 77.600 phrăng trả tiền ăn ở tại Mácxây cho lính khố xanh dùng để "bồng súng chào" Cụ lớn và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện cũng thử xem cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tốn phí bao nhiêu. Trước hết, ngoài bọn có thể lực ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên

chức cao cấp ở các thuộc địa về; bọn này phè phỡn ở đường phố Cannobie* mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở triển lãm lẫn ở thuộc địa. Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm này. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Một ví dụ: việc dựng lại cái mô hình nổi tiếng của các cung điện Ăngco đã tốn 3.000 mét khối gỗ, giá 400 hoặc 500 phrăng một mét khối. Tức là: từ 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phrăng.

Còn nhiều ví dụ khác về sự phung phí nữa. Trong việc đi lại của quan toàn quyền, xe hơi và xe luych vẫn chưa đủ, còn phải có một toa xe lửa đặc biệt nữa kia; việc sửa sang toa xe đó tốn cho ngân khố 125.250 phrăng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, nha kinh tế (?) đã làm hại phí công quỹ Đông Dương một số tiền 464.000 phrăng.

Tại trường thuộc địa, nơi "chế tạo" ra những nhà khai hóa tương lai, 44 giáo sư đủ các loại được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên. Lại phải tốn hàng nghìn phrăng nữa.

Công việc thanh tra thường xuyên các công trình phòng thủ thuộc địa hằng năm tốn cho ngân sách 785.168 phrăng. Thế nhưng các ngài thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pari và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết ông trăng già!

Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu chúng ta cũng thấy một tình trạng tẻ lệu như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn "kinh tế" không chính thức, ngân khố Máctiních "nhẹ bồng đi" mất 400.000 phrăng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Maroc từ 17 triệu lên 290 triệu phrăng, mặc dầu người ta đã giảm 30% các khoản chi tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ!

* *La Cannebière*. Tên một đường phố đông đúc ở Mácxây.

*

* *

Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: "So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!". Mặc dù đồng lương rất hậu (một nhân viên Pháp mới bổ dụng, dù có dốt đặc đi nữa, lương ít nhất cũng 200 đồng = 2.000 phrăng mỗi tháng), nhưng các ngài viên chức ấy vẫn không bao giờ thỏa mãn, họ muốn kiếm chác nhiều hơn, bằng đủ cách.

Học bổng thì cấp cho các cậu ấm con các quan công sứ, hoặc các quan cai trị tại chức mà lương được coi như quá thấp (từ 4 vạn đến 10 vạn phrăng).

Có thể nói một số phiên họp của hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giết công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông chủ tịch nào đó của hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu phrăng rồi. Ông đồng lý sự vụ nọ, đại diện của chính phủ trong hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm này qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông Dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá hậu. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân.

Kho bạc có voi đi chút ít thì đã có những quý quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền hành sẵn có, họ sức cho dân bản xứ biết nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó, rồi họ phân bổ cho các làng phải đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Khi một viên khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại ở một

tình nọ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 phrăng. Mà những vụ như thế không phải hiếm.

Một trong những quan khâm sứ của chúng ta, vì tiêu hết trước hạn mấy tháng tất cả kinh phí cho chiếc xà lúp đã bắt công quỹ hoàn lại cho các ngài khoản chi phí về một cuộc lễ tiết nào đó không ai biết rõ, nhưng nói rằng nhà vua đã được mời ngự trên xà lúp.

Các tay chào hàng cho văn minh và dân chủ quả thật thông thạo về cái ngón xoay xở kiểu D.

*

* *

Một cựu toàn quyền Đông Dương, một hôm đã thú nhận rằng thuộc địa này đầy rẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì cả.

Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những con người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế.

Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người An Nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi. Họ đóng góp không những để trả lương cho những viên chức giữ những chức vụ vô dụng, mà còn để trả lương cho cả những viên chức không có chức vụ gì cả! Năm 19..., 250.000 phrăng đã tan biến đi như thế.

Một chiến hạm được dành riêng cho sự đi lại của một cụ lớn. Việc sửa sang chiếc chiến hạm đã tốn 250.000 phrăng, ấy là chưa kể những khoản "chi phí linh tinh" mà Đông Dương phải đài thọ cho mỗi chuyến đi là trên 80.000 phrăng.

Quan toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ mà ngài ở tại Sài Gòn và Hà Nội, còn phải cần thêm cho ngài một

biệt thự ở bãi biển nữa. Ngân sách Đông Dương lại phải "è lưng ra gánh".

Năm 19... một tay nước ngoài* tại to mật lớn nào đó ghé qua Sài Gòn, đã được viên thống đốc đón tiếp một cách đế vương. Bốn ngày liền ăn chơi phè phỡn thả cửa, yến tiệc, rượu chè lu bù, rồi cuộc xư Nam Kỳ tội nghiệp phải tính số trả 75.000 phrăng.

Các quan cai trị đều là những ông vua con. Họ muốn xung quanh mình cái gì cũng xa hoa tráng lệ, và nói rằng, có thể mới nâng cao được uy tín của họ đối với người bản xứ. Một viên công sứ nọ đã lập cả một đội kỵ mã cận vệ và không bao giờ hấn đi đâu mà không có đội ấy theo hầu. Ở tất cả các tòa sứ đều có thể từ 6 đến 11 con ngựa và 5, 6 cỗ xe sang trọng đủ kiểu: độc mã, song mã, tứ mã**, v.v.. Ngoài những phương tiện đi lại đã quá thừa ấy, còn thêm những xe hơi mỹ lệ, tốn cho công quỹ hàng vạn đồng. Một viên quan cai trị nọ còn có cả một tàu ngựa đua.

Tiền nhà cửa, bàn ghế, điện nước của các vị đó đều do công quỹ đài thọ cả. Ngoài ra, những người đánh xe, lái xe, giữ ngựa, làm vườn, tóm lại, tất cả những kẻ hầu người hạ của họ cũng đều do nhà nước trả tiền công.

Thậm chí những cuộc giải trí về văn chương của những người tốt số ấy cũng lại do nhà nước trang trải. Một viên quan cai trị đã ghi vào ngân sách 900 đồng tiền sưởi ấm, và 1.700 đồng mua báo chí! Một vị khác đã dùng mảnh lời kế toán để biến tiền mua sắm áo khoác ngoài, đàn dương cầm, đồ trang sức thành những khoản vật liệu tu bổ tòa sứ, hoặc những khoản tương tự như thế để bắt ngân sách nhà nước phải chịu.

*

* *

* Nguyên văn: *Un Tartempion de marqué étranger*. *Tartepion* là một danh từ riêng đặt ra dùng để chỉ một anh chàng cha căng chú kiết nào đó.

** Trong bản tiếng Pháp, tác giả kể đủ các kiểu xe như: *victorias, muiyords, tilburys, malabars*, v.v..

Dù trước kia họ là những anh hàng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hóa ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khố xanh để chặn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng Phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo lệ, một viên giám binh chỉ được lấy một lính hầu, thế mà người ta kể, có một ngài đã dùng:

1 viên đội làm quản gia, 1 đầu bếp, 3 bồi, 2 phụ bếp, 3 người làm vườn, 1 hầu phòng, 1 người đánh xe, 1 người giữ ngựa.

Còn bà lớn thì dùng: 1 thợ may, 2 thợ giặt, 1 thợ thêu ren, 1 thợ đan lát.

Và cậu ấm thì có một người bồi riêng không lúc nào rời cậu nửa bước.

Một người mắt thấy kể lại: chỉ trong một bữa ăn thường, không phải yến tiệc gì, ở nhà một viên quan cai trị, cũng thấy đằng sau mỗi người ngồi ăn có một lính hầu đứng chờ thay đĩa và đưa món ăn. Và tất cả lính hầu trong phòng ăn đều do một viên đội nhất chỉ huy!

CHƯƠNG VII

BÓC LỘT NGƯỜI BẢN XỨ

"Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến".

VINHÊ ĐỐCTÔNG

Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ các làng, người ta xếp đất ruộng, công cũng như tư, thành nhiều hạng dựa theo các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ 5 hào đến 1 đồng một mẫu, còn đất từ một hào hai đến một đồng tư một mẫu. Mẫu là đơn vị diện tích hình vuông mỗi cạnh 150 thước. Thước thì dài, ngắn không chừng, tùy từng tỉnh, có thước 42, 47, hoặc 64 xăngtimét. Vì thế, diện tích mẫu rộng hẹp khác nhau, có nơi bằng 3.970 mét vuông, nơi 4.900, nơi 6.200 mét vuông.

Để tăng thu nhập cho nhà nước, người ta đã định một thước thống nhất là 40 xăngtimét, non hơn tất cả các thước thông dụng, do đó mỗi mẫu chỉ bằng 3.600 mét vuông. Với cách này, thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác nhau tùy từng tỉnh: có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba.

Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cằn rãnh mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thế các ngài công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc

các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng rằng mức thuế không có gì là quá đáng.

*

* *

Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Những thanh niên chưa vào sổ đinh, nghĩa là còn dưới 18 tuổi, trước kia không phải nộp gì cả, nay phải nộp ba hào mỗi người, tức là hơn gấp đôi một suất đinh trước kia.

Theo nghị định ngày 11 tháng 12 năm 1919 của thống sứ Bắc Kỳ, thì tất cả người bản xứ, từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng một suất thuế thân đồng loạt là hai đồng rưỡi.

Mỗi người An Nam lúc nào cũng phải mang theo mình thẻ thuế thân, khi hỏi phải xuất trình; ai quên hoặc đánh mất sẽ bị bỏ tù.

Để bù vào số đồng bạc bị sụt giá, toàn quyền Đume chỉ cần làm một việc đơn giản là tăng số đinh lên!

Mỗi năm người ta phân bổ cho mỗi làng một số nhất định về đinh và điền thuộc các hạng. Nhưng khi cần tăng thêm nguồn thu thì thế nào? Thì cứ việc chữa lại các con số của các tài khóa rồi bắt các làng phải đóng thuế cho số đinh và điền cao hơn con số đã phân bổ đầu năm. Vì thế, tỉnh Nam Định (Bắc Kỳ) tổng diện tích chưa đến 120.000 héc-ta nhưng thống kê đã ghi đến 122.000 héc-ta ruộng, và người dân An Nam buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế! Có kêu cũng chả ai thèm nghe!

Thuế má không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi.

Một số thuế lưu thông hàng hóa cũng giống như thế. Và lại, đánh thuế như cách sau đây thì làm sao mà công bằng được: người ta cấp giấy phép lưu thông cho 150 kilôgam thuốc lá, sau

đó lại bố trí để đánh thuế được nhiều lần cũng món hàng đó mỗi khi nó chuyển sang tay chủ khác, mỗi khi số 150 kilôgam ấy được phân phối cho ba bốn khách mua? Chẳng còn luật lệ nào khác ngoài sự tùy tiện của bọn nhà đoan. Bởi vậy, người An Nam rất sợ bọn nhà đoan, cứ thoáng thấy chúng là họ vút ngay giữa đường những thùng muối, thùng cau, hoặc thuốc lá của họ: thà vút đi còn hơn là phải đóng thuế hết khoản này đến khoản khác mãi không thôi. Ở một số vùng, nhân dân buộc lòng phải nhổ thuốc, chặt cau, để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Ở Luông Prabăng, nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế.

Tỉnh Bắc Ninh (Bắc Kỳ) bị lũ lụt tàn phá, thế mà cũng phải nộp 500.000 đồng tiền thuế.

*

* *

Các bạn đã nghe ông Môrixơ Lông, toàn quyền Đông Dương, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, và báo chí của họ - một thứ báo chí vô tư - khua chiêng gõ trống về thành công của công trái Đông Dương. Nhưng họ lại giữ kín không nói là đã dùng biện pháp gì để đi đến thành công đó. Họ sợ lộ bí quyết nhà nghề. Kể cũng phải. Và bí quyết ấy là như thế này: trước hết, họ đem khoản lợi tức công trái ra để câu những kẻ ngây thơ. Nhưng ngón ấy không ăn thua mấy, họ bèn bắt các xã phải bán công sản đi để mua công trái. Cũng vẫn không đủ, họ liền đòi những người có máu mặt đến, ấn cho mỗi người một biên lai trước, thế là những người này chỉ còn có việc chạy vay nợ cho đủ khoản tiền đã ghi sẵn trong biên lai. Vì ruột kết của chính phủ thì rộng thênh thang, mà số những nhà công thương bản xứ thì không nhiều, cho nên số công trái ấn vào cho họ không đủ để nhét đầy cái ruột kết không đáy kia. Thế là cái nhà

nước quen gõ cứ gõ mãi vào đám đông bị gõ nhiều nhất: người ta bắt hai, ba, bốn người dân nghèo, hoặc nhiều hơn nữa, phải mua chung một cổ phiếu!

Dưới đây là một thí dụ về các ngón mà các quan cai trị của chúng ta thường dùng để móc tiền trong túi người bản xứ.

Ở một tỉnh thuộc miền Tây Nam Kỳ, trước ngày mở công trái mấy tuần, viên tỉnh trưởng họp tất cả các chánh tổng trong tỉnh lại để hiểu dụ về thể thức mua công trái. Sau khi những lời hiểu dụ của ông ta được người thông ngôn dịch xong, viên tỉnh trưởng kết luận:

- Thế đây. Nhiệm vụ của tôi là giải thích cho các ông hiểu. Bây giờ thì mua đi! Rồi "quan lớn" quay lại hỏi viên chánh tổng đứng bên cạnh:

- Thế tổng ông nhận mua bao nhiêu nào?

Viên chánh tổng thăm hại kia bị hỏi đột ngột, ấp úng trả lời rằng, vì chưa gặp được dân để tìm hiểu khả năng của họ, nên chưa thể nói ngay được con số sẽ mua là bao nhiêu.

Quan lớn liền thét:

- Câm cái mõm lại, anh không xứng đáng là chánh tổng! Tôi cách chức anh!

.....

Công trái đã mở. Viên thống đốc Nam Kỳ đi kinh lý, ghé lại tỉnh lỵ hỏi xem từ một tuần nay số công trái bán được là bao nhiêu.

Nghe báo cáo là 73.000 đồng, quan lớn tỏ vẻ không hài lòng, vì tỉnh này có tiếng giàu nhất miền Tây Nam Kỳ, và lại trong những đợt công trái trước, tỉnh này *đã mua được nhiều hơn thế kia mà*.

Viên thống đốc đi rồi, viên chủ tỉnh quyết định đi một vòng để cổ động trong toàn hạt. Ông ta đến thăm tất cả các nhà

giàu bản xứ có súng và ấn cho mỗi người một số công trái. Để cho họ hiểu rằng đây không phải là chuyện đùa, quan lớn tịch thu súng của họ và bảo:

- Phải biết, nếu cứ ỳ ra thì đừng có hòng được trả lại súng!

Thế là ai nấy đều phải cúi đầu chịu mua cả.

Nhân đây cũng nên nói, chính ông quan lớn này đã chi 30.000 đồng để đắp một con đường dài 9 kilômét hiện nay nó đang sụt lở xuống dòng kênh bên cạnh. Mong rằng con đường sắt xuyên Đông Dương sẽ tốt số hơn.

*

* *

Người ta xây một ngôi chùa. Nhân công làm chùa toàn là người nhà pha, do một thân hào hướng dẫn. Sổ chấm công thợ hàng ngày ghi rõ ràng đều đặn và thầu khoán cũng trả tiền sòng phẳng. Thế nhưng tiền thì lại chính quan công sứ bỏ túi.

Quan lớn công sứ vừa được thưởng mề đay. Để mừng ngài, người ta mở một cuộc lạc quyên. Mức đóng góp bắt buộc đối với các quan lại, viên chức, hào lý, tối thiểu phải là 6 đồng. Tất cả thu được 10.000 đồng. Chiếc mề đay ấy quý đấy chứ nhỉ!

Việc cho bao thầu vật liệu để bắc mấy chiếc cầu gỗ và dựng mấy trường làng, đã mang lại cho quan công sứ thanh liêm nhà ta một món quà nhỏ gần 2.000 đồng.

Việc đăng ký trâu bò không mất tiền, nhưng quan lớn công sứ cứ cho phép những kẻ thừa hành thu mỗi con từ 5 hào đến 5 đồng.

Để đáp lại, bọn này cứ đóng cho ngài mỗi tháng 200 đồng.

Việc xếp hạng ruộng đất một cách gian dối còn đem thêm 4.000 đồng cho ông quan vừa mới được gán mề đay ấy.

Việc nhượng trưng bắt hợp pháp mấy héc-ta đất lại cho chui thêm vào túi ngài 2.000 đồng nữa.

Là nhà khai hóa, là nhà ái quốc, và cũng là môn đồ của chủ nghĩa cực đoan, quan lớn công sứ đã biết lợi dụng rất có kết quả những đợt "công trái Chiến thắng" - xin nhớ rằng cứ mỗi lần chiến thắng là một lần mở công trái, và cứ mỗi năm lại có một lần chiến thắng. Trong lần mở công trái năm 1920, có mấy làng đã mua 55.900 phrăng, theo hối suất một đồng ăn 10 phrăng 25, tức là họ đã bỏ ra 5.466 đồng. Năm 1921, đồng bạc sứt giá chỉ còn 6 phrăng, cụ sứ bèn hào hiệp thu về cho cụ các giá cổ phiếu đó và bỏ ra 5.466 đồng hoàn lại cho các làng. Về sau, do giá đồng bạc Đông Dương lên, cụ đã vớ gọn 9.325 đồng.

*

* *

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Công báo*, nói về buổi họp thứ nhất, ngày 22 tháng 12 năm 1922: "Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình, với những số tiền nhiều khi rất lớn. *Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả*".

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một "hiện tượng" tương tự như thế. Lần này, thì sự việc xảy ra ở đảo Rêuyniông. Đã nhiều tháng nay nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ báo viết:

"Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều lấy làm lạ.

"Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên, và phát hiện ra một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường.

"Người ta bắt một nhân viên, rồi một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông "xếp", và cuối cùng, khi tất cả các nhân viên đã bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt.

"Mỗi ngày cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.500 phrăng. Giấy tờ kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rồi beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

Ở trong một ngành nào đó đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham. Song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy: điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng rã mà vẫn được bình yên vô sự*".

*

* *

Trong dịp nghị viện thảo luận dự luật về kinh phí hàng không quân sự, trong đó có khoản kinh phí mà các thuộc địa, nghĩa là người bản xứ, buộc phải nhả tiền ra đóng (Đông Dương 375.000 phrăng, Tây Phi 100.000 phrăng), ông Môrinô, nghị viên Angiêri, có nói về việc này:

"Thưa các bạn thân mến, trong dịp này, các bạn hãy cho phép tôi tiếp theo những lời ca tụng những người Pháp dũng cảm đã lập được một chiến công đẹp đẽ như thế, chiến công mà tờ *Times* đánh giá là kỳ diệu, được nói lên tấm lòng cảm phục của tất cả chúng ta đối với họ; sự cảm phục đó ông *Xitrôen*, nhà công nghiệp "*chí công vô tư*" cũng xứng đáng được dự phần, vì ông đã không ngần ngại giúp đỡ phương tiện tài chính và kỹ thuật cho họ (*Vỗ tay*).

"Việc gì đã xảy ra sau sự kiện vĩ đại ấy? *ấy là việc các đồn đóng ở miền Nam Angiêri lập tức đặt mua thứ phương tiện*

vận tải vô song ấy cho sa mạc Xahara mà người ta gọi là ô tô dây xích.

"Đồn Túcguốc và đồn Uácglá vừa đặt mua hai chiếc - tin này gần đây quan toàn quyền Angiêri vừa cho tôi biết.

"Tất cả các đồn bót khác của ta tất nhiên rồi cũng sẽ mau chóng được trang bị bằng những thứ đó.

"Trong một thời gian ngắn, chúng ta cần phải thiết lập thêm bốn, năm đồn mới nữa, để cho có một tuyến đồn bót nối tiếp nhau, cứ khoảng 200 kilômét có một đồn.

"Đồn mới sẽ được thiết lập, rồi sẽ đặt mua ô tô dây xích. Thế là tất cả các đồn bót ở Xahara sẽ liên lạc được với nhau không khó khăn gì. Việc chuyển vận quân nhu, lương thực từ đồn này sang đồn khác sẽ hết sức dễ dàng. Thư từ sẽ nhận đều đặn (Vô tay)".

(Trích Công báo ngày 22 tháng 1 năm 1923).

*

* *

Người dân đi tạp dịch không phải chỉ có dọn dẹp, sửa sang những lối đi quanh tòa sứ để cho vui bước chân nhàn hạ của một vài người Âu châu, mà họ còn phải luôn luôn làm những việc nặng nhọc hơn nhiều tùy theo ý thích của các quan công sứ.

Mới được tin ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sang thăm Đông Dương, thế là người ta bắt ngay 10.000 dân đi làm cho xong con đường V.L.*, để kịp cho ngài Bộ trưởng làm lễ khánh thành.

Mùa hè năm 18..., một thời gian ngắn trước khi nạn đói tàn phá miền Trung Trung Kỳ, người ta đã bắt một vạn dân, có

* Có lẽ con đường từ Vinh sang Lào.

lý trường từng làng áp giải, đi nạo vét bùn một con sông. Đến nơi một số lớn trong đoàn nhân công không lờ ǎy không có việc làm. Thế nhưng người ta vẫn giữ họ lại hàng tháng trong lúc đồng ruộng đang cần đến những cánh tay nhàn rỗi ǎy. Phải chú ý một điều là chưa bao giờ người ta huy động một lực lượng đông đến như thế, khi cần ngăn ngừa một tai họa chung cho nhân dân. Cuối năm 18..., nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một đường dây vận chuyển để tiếp tế cho các địa phương bị đói thì đại đa số những người chết đói ở miền Trung đã khỏi bị chết oan; 10.000 dân phục dịch ở sông nói trên, rất có thể đủ sức phân phối trong vòng một tháng 2.000 tấn gạo cho các nơi bị đói trong các tỉnh của họ.

Công việc làm các con đường đi Đà Nẵng, đi Trấn Ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mǎy may vệ sinh; không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ǎn không đủ no với chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp.

Nếu không bắt dân đi tạp dịch thì người ta tập trung họ đi phu, giữa hai cách đó chỉ có một điểm khác nhau là đi tạp dịch thì có thời hạn, còn đi phu thì không. Cả hai cách đều dùng để giải quyết mọi nhu cầu: nhà đoan muốn chở muối chẳng? thì trưng dụng thuyền; muốn làm kho chẳng? thì trưng tập thợ và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Trưng tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trá hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bắt chấp công việc đồng áng, bắt chấp tất cả những ngày hội tôn giáo. Số người được trở về rất ít. Vả lại, người ta có làm gì để giúp cho người dân phu trở về quê quán đâu!

Trên đường đi lên cao nguyên Lang Biên, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang đợi chờ, từng đoàn người dân đi tập dịch hoặc đi phu trưng tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có lấy một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn, hoặc nổi dậy chống lại, và mỗi khi như thế là bị bọn lính giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường.

Nhà cầm quyền Quảng Châu Loan* được lệnh bắt phu. Thế là người ta bắt giữ tất cả những người bản xứ đang làm việc ở bến cảng, trói gô lại ném xuống tàu.

Nhân dân Lào, những thổ dân khốn khổ, sống trong cảnh luôn luôn nơm nớp sợ đi phu. Mỗi khi bọn sĩ quan phụ trách bắt phu đến làng, bản là chỉ thấy nhà hoang cửa trống, vì dân đã trốn biệt.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, một viên quan cai trị cần một chiếc xe lu. Làm thế nào? Hắn thương lượng với một công ty đấu thầu đang cần nhân công rẻ tiền. Công ty bỏ tiền ra mua xe lu với giá 13.500 phrăng. Còn quan thì bắt dân đi tập dịch cho công ty với giá ngày công 0,50 phrăng. Ba năm liền, dân Thủ Dầu Một phải đặt dưới quyền sử dụng của công ty kia, làm xâu để trả tiền chiếc xe lu mà quan lớn cai trị thích mua để dùng trong vườn của ngài.

Ở một tỉnh khác, người dân đi tập dịch làm hết ngày, còn phải gánh đá không công trên đường dài một kilômét để xây tường quan dinh của viên quan cai trị chủ tỉnh.

Như thế là bất cứ lúc nào, người dân An Nam cũng có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc cực nhọc, mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt; bị trưng tập không thời hạn, rồi bị vứt bỏ xa quê hương hàng trăm kilômét.

* Một phần lãnh thổ Trung Quốc ở phía Đông Nam thành phố Quảng Châu, bây giờ là thuộc địa của Pháp.

*

* *

Nói chung, người An Nam đều phải ề ra mà chịu công ơn bảo hộ của nước Pháp. Riêng người nông dân An Nam lại càng phải ề ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách nhục nhã hơn: là người An Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi khai hóa và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đao phủ của họ lại sống phè phỡn; hễ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giết từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội Thiên chúa. Xưa kia, dưới chế độ phong kiến An Nam, ruộng đất xếp thành đẳng hạng theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, những điều đó đã thay đổi. Khi cần tiền, nhà nước bảo hộ Pháp chỉ có việc thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế cũng vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Thế mà vẫn chưa đủ thỏa lòng tham không đáy của nhà nước bảo hộ và hằng năm thuế cứ tăng lên mãi. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi và cứ như thế mà tiếp tục. Người An Nam cứ chịu để cho người ta róc thịt mãi, thì các quan lớn bảo hộ nhà ta quen ăn bết mùi lại càng tiếp tục bóc lột thêm.

Năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng nọ nhiều héc-ta ruộng đất để cấp cho một làng khác theo đạo Thiên chúa. Những người mất ruộng khiêu nài. Người ta bắt họ bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô

liêm si ấy chỉ dừng lại ở đó thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp cho đến năm 1910, tiền thuế của những ruộng đất đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Thêm vào nạn ăn cướp của chính quyền, là nạn ăn cướp của bọn chủ đồn điền. Người ta cấp cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và màu da trắng những đồn điền có khi rộng trên 20.000 héc-ta.

Phần lớn những đồn điền này đều được lập ra bằng lối cướp giết được hợp pháp hóa. Trong thời kỳ chiến tranh xâm lược, dân cày An Nam - cũng như người Andát-xơ năm 1870, - đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng tự do. Khi trở về thì ruộng vườn của họ đã "thành đồn điền" mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt theo kiểu đó, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích khai thác thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho số lớn chủ đồn điền kéch sù.

Sau khi đã được cấp không ruộng đất, bọn chủ đồn điền còn được cấp không hoặc gần như không, cả nhân công nữa. Nhà nước cung cấp cho chúng một số tù khổ sai làm không công, hoặc dùng uy quyền để mộ nhân công cho chúng với một đồng lương chết đói. Nếu dân phu không đủ số hoặc tỏ ra bất mãn, thì người ta dùng vũ lực; bọn chủ đồn điền tóm cổ hào lý, đánh đập, tra tấn họ cho đến khi họ chịu ký giao kèo hện nộp đủ số nhân công mà chúng đòi hỏi.

Bên cạnh uy lực phần đời ấy, còn có những đáng cứu thế phần hồn nữa. Các đảng này, trong khi thuyết giáo "đức nghèo" cho người An Nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam Kỳ, hội thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và

hồi lộ. Nhà chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người An Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay nhà chung (hội thánh).

Các viên toàn quyền lớn, toàn quyền bé được nước mẹ ký thác vận mệnh xứ Đông Dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đều cáng. Nhà chung chỉ cần nắm được một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời tư, có tính chất nguy hại đối với thanh danh, địa vị của chúng, là có thể làm cho chúng hoảng sợ và phải thỏa mãn mọi yêu cầu của nhà chung. Chính vì thế mà một hội viên toàn quyền đã nhường cho nhà chung 7.000 héc-ta đất bãi bồi của người bản xứ, khiến họ phải đi ăn xin.

Phác qua như thế, cũng đủ thấy dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào đất An Nam chế độ đáng nguyên rủa của thời trung cổ; người nông dân An Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đọa làm ô danh Chúa.

*

* *

Angiêri đau khổ vì nạn đói. Tuynidi cũng bị tàn phá vì nạn đói. Để giải quyết tình trạng ấy, chính phủ bắt giam một số đông người đói. Để cho bọn "người đói" đừng coi nhà tù là nơi cứu tế, người ta không cho họ ăn gì hết. Cho nên nhiều người đã chết đói trong lúc bị giam cầm. Trong những hang động En Ghiria, nhiều người đói phải gặm xác một con lừa chết thối lâu ngày.

Ở Bêgia, người Cammê* giành giật xác thú vật với quạ. Ở Xúcen Acba, ở Ghiđa, Uét Molidơ, mỗi ngày hàng chục người chết đói.

* *Khammès*. Danh từ người Bắc Phi thường dùng để gọi những người lính canh ruộng chỉ được hưởng một phần năm hoa lợi trong các vụ thu hoạch (tiếng Arập là *Khams*, có nghĩa là một phần năm).

Đi đôi với nạn đói, nạn dịch tễ phát sinh ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng.

*

* *

Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột đầy tội ác, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mực nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v..

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ dù đã làm việc lâu năm và dù rất thành thạo công việc, cũng chỉ được lĩnh một khoản tiền lương chết đói; trái lại một người da trắng mới được đưa vào, làm việc ít hơn, thì lại lĩnh lương cao hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học các trường đại học của chính quốc, đỗ bác sĩ y khoa hay tiến sĩ luật khoa thê mà vẫn không được làm nghề nghiệp của mình trong nước mình, nếu không vào quốc tịch Pháp. Mà ai cũng đã biết, một người bản xứ muốn được nhập quốc tịch Pháp như vậy thì phải vượt qua bao nhiêu khó khăn và tốn bao nhiêu công chạy vạy nhọc nhãi.

Còn những người bản xứ bắt buộc phải lìa bỏ ruộng nương, gia đình đi "lính tình nguyện" thì đều sớm được nếm hương vị tuyệt vời của món "bình đẳng".

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng hầu như bao giờ cũng được coi là cấp trên của người bản xứ. Cái chế độ đẳng cấp có tính chất "nhân chủng - quân sự" ấy lại càng rõ rệt hơn khi những quân nhân da trắng và quân nhân khác màu da cùng đi trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy.

*

* *

Một người bản xứ làm thế nào để có thể nhập quốc tịch Pháp? Đạo luật ngày 25 tháng 3 năm 1915 về việc dân thuộc địa Pháp nhập quốc tịch Pháp quy định:

Điều 1. - Những người dân thuộc địa Pháp hoặc dân được Pháp bảo hộ, trên 21 tuổi, không phải là quê hương Angiêri, Tuynidi hoặc Marốc, đã cư trú ở Pháp, Angiêri hoặc trên đất bảo hộ của Pháp và có được một trong những điều kiện sau đây thì có thể được thừa nhận cho hưởng quyền lợi công dân Pháp:

1. Đã được thưởng Bắc đẩu bội tinh hoặc đã tốt nghiệp một trong những trường đại học hay là chuyên nghiệp mà danh sách sẽ do sắc lệnh ấn định.

2. Đã có công lớn trong việc khai thác thuộc địa hoặc phục vụ quyền lợi cho nước Pháp.

3. Đã phục vụ trong quân đội Pháp và được giữ chức sĩ quan hay hạ sĩ quan, hoặc được thưởng huân chương quân công.

4. Đã lấy vợ Pháp và có chỗ ở tương đối ổn định trên đất Pháp được một năm.

5. Đã cư trú hơn mười năm tại các xứ kể trên, và biết tiếng Pháp đến một trình độ khá.

Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kẻ gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa soi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây:

A- Vợ con có nói tiếng Pháp không?

B- Họ có mặc Âu phục không?

C- Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ, v.v. không?

D- Và ghé dựa nữa?

E- Ăn trên bàn hay trên chiếu?

P- Ăn gì?

G- Ăn cơm hay bánh mì?

H - Anh có tài sản không?

I- Vợ có tài sản không?

J - Thu hoạch đồng niên của anh bao nhiêu?

K - Anh theo tôn giáo gì?

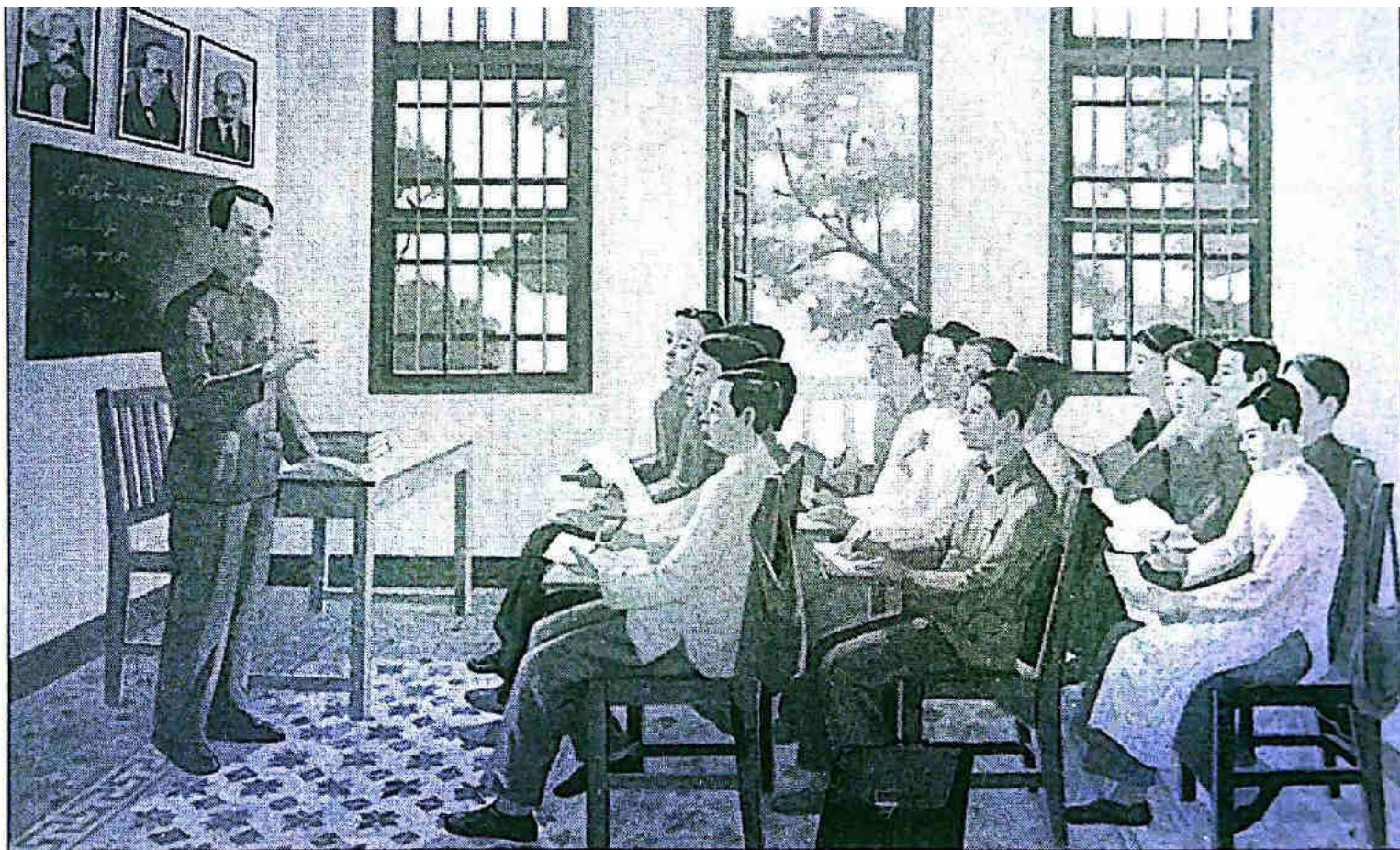
L - Anh vào những hội nào?

M - Trong các hội ấy, anh giữ chức vụ gì?

N - Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế vì có gì anh lại xin nhập quốc tịch Pháp? Có phải để làm viên chức không? Hay để có địa vị cao? Hay để đi tìm mỏ vàng, mỏ ngọc?

O - Bạn bè thân thiết là những ai?

Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cảm S... lên đầu anh không!



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc giảng bài tại lớp huấn luyện
cán bộ cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu Trung Quốc

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CHƯƠNG VIII

CÔNG LÝ

Có phải vì quá thừa tình nhân đạo, như ông Xarô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta bắt các phạm nhân ở nhà lao Nha Trang (Trung Kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm mà không được uống nước, không? Có phải người ta đã quệt tanhtuya điốt lên mũi phạm nhân để nhận ra họ khi họ vượt ngục không?

*

* *

Báo *L'Indépendant* ở Mađagátxca số ra ngày 13 tháng 7 năm 1921 có đăng một bài tường thuật về cách phòng bệnh "dịch hạch", chúng tôi xin trích đoạn sau đây:

"Vô số nhà bị đốt, trong đó, có cái nhà khá đẹp của Racôtômanga ở phố Galiêni cũng bị đốt hôm thứ hai vừa qua. Nhưng nhà của ông Đêrô thì lại thoát khỏi số phận chung ấy, tính ra cái nhà ấy, với tất cả đồ đạc đắt tiền quá (50.000 phrăng), vì thế nhà chức trách quyết định không đốt mà chỉ tẩy uế và cấm ở một thời gia khá dài, có lẽ là sáu tháng?

Chúng tôi xin nói thêm rằng, ông Đêrô là công dân Pháp, còn Racôtômanga chỉ là dân lệ thuộc vì là người bản xứ. Nhân đây xin nhắc để bạn đọc nhớ lại rằng, đạo luật năm 1841 được biểu quyết là để áp dụng cho tất cả nông dân Pháp.

*

* *

Cũng ở Mađagátxca, sáu người bản xứ bị bắt trong đồn điền của một thực dân người Pháp về tội trốn thuế. Trước tòa, các bị can khai rằng, ông chủ đồn điền Đơla Rôsr đã cam kết với họ: 1. sẽ đóng thuế cho họ; 2. sẽ xin miễn sai dịch cho họ; 3. trả tiền công cho họ cứ ba mươi ngày công là 10 quan. Cần chú ý là nhà thực dân kia chỉ thuê họ mỗi tuần làm có một ngày thôi. Muốn đủ sống họ phải đi làm thuê cho người Mangát ở gần đồn điền. Mặt khác, ông Đơla Rôsr chẳng những không đóng thuế cho họ như đã hứa, mà hình như còn lờ luôn số tiền họ đã gửi ông để đóng thuế nữa.

Quý hóa làm sao, lần này chính phủ đã mở một cuộc điều tra. Nhưng rồi các bạn xem.

Khi được biết vụ này, nghiệp đoàn nông nghiệp Mahanôrô, mà chắc hẳn ông Đơla Rôsr là đoàn viên, liền điện cho quan toàn quyền phản kháng việc cảnh binh đã đến xét hỏi không đúng lúc tại đồn điền ông Đơla Rôsr và yêu cầu trừng trị viên trưởng đồn về tội cả gan phát hiện sự nhũng lạm của một người Pháp đối với người bản xứ.

Vì không muốn "mua việc" vào mình, quan toàn quyền đã cho xếp ngay vụ rắc rối ấy lại.

*

* *

Tòa án binh Lidơ vừa kết án 20 năm khổ sai tên Phôn Seven, sĩ quan Đức, về tội dùng roi da đánh đập những người bản xứ ở Rôngcơ* trong thời gian quân Đức chiếm đóng.

Thế thì tại sao ở Đông Dương, ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người tại Trung Kỳ bằng súng lục; ông viên chức Pháp kia nhốt một người Bắc Kỳ vào cũi chó sau khi đánh đập tàn nhẫn anh ta; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam

* *Roncq*. Tên một làng miền Bắc nước Pháp.

Kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia "hạ sát" một người An Nam bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đồng than hồng cho chết, v.v. và v.v. lại không bị trừng trị?

Tại sao mấy ông thanh niên Pháp ở Angiê đâm đá một em bé người bản xứ 13 tuổi, rồi xóc em lên đầu một trong những ngọn giáo ở giữa hàng giáo cấm quanh "cây chiến thắng", chỉ bị phạt có 8 ngày tù án treo?

Và tại sao tên hạ sĩ quan đánh anh Nahông cũng như tên sĩ quan đã giết chết anh, không bị trừng phạt gì cả?

Phải rồi, An Nam và Angiêri đều là những xứ bị chiếm - cũng như Rôngcơ đã có lúc bị chiếm - nhưng vì những người Pháp ở các thuộc địa ấy không phải lũ "bôso", cho nên cũng cùng một hành động, nếu là của lũ "bôso" thì là tội ác, nhưng nếu là của người Pháp thì lại là văn minh! Mà Annamít và Angiêriêng đâu phải là người! Đó là bọn "nhà quê" bản thiu, bày "bicôt"* bản thiu. Cần quái gì phải có công lý với những giống ấy.

Cái ông Vinhê Đốctông châm biếm kia quả là không làm khi ông viết: "Pháp luật, công lý đối với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có ba toong, súng ngắn, súng dài, đây mới là thứ xứng đáng với lũ rồi bọ ấy!".

*

* *

Trong cái kho đầy ắp những hình phạt để giáng vào đầu người bản xứ, có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng.

Không phải ông Đume không biết rằng người An Nam không bao giờ đóng nổi những khoản tiền to đến thế. Nhưng

* *Bicot*. Nghĩa đen là con dê con, nghĩa bóng dùng để gọi một cách khinh bỉ những người Arập nói chung.

ông ta cứ muốn xoay tiền bằng bất cứ giá nào; nên con người khôn ngoan ấy đã dự kiến rằng *có thể bất làng xã phải chịu trách nhiệm* (Điều 4).

Bạn sẽ bảo, muốn kết án cả một làng thì phải xác định làng ấy là đồng lõa chứ.

Không, với điều 4, việc ấy không cần thiết. Làng nào không biết ngăn ngừa một tội phạm, thì phải chịu trách nhiệm về tội phạm ấy.

Cái điều 4 này quả là một mảnh khóe ác nghiệt, bởi vì chỉ cần những tay chân của bọn chủ bao thầu thuế - những tay chân đó được thuê tiền để phát giác càng nhiều vụ vi phạm càng hay - khai rằng làng sở chẳng hề làm gì để ngăn chặn vụ vi phạm, là đủ.

Tiết 3 quy định cách thức kiểm chứng những vụ vi phạm mà bọn tay sai của chủ bao thầu thuế có quyền làm.

Ở đây có một trở ngại. Thường thường bọn tay chân ấy đều dốt nát, làm biên bản không hợp thức. Người ta khắc phục trở ngại ấy bằng cách ủy cho viên chức nhà đoan ở tỉnh lý hoặc phủ lý, huyện lý làm biên bản theo báo cáo của bọn tay chân của chủ bao thầu.

*

* *

Đông Dương là cô gái cung, rất xứng đáng với nước mẹ Pháp. Mẹ có gì, con có nấy: Đông Dương có chính phủ của nó, những bảo đảm của nó, công lý của nó và cũng có âm mưu phiến loạn nho nhỏ của nó nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nhắc lại hai vấn đề sau thôi.

Công lý được tượng trưng bằng một người đàn bà điệu hiên, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới thì cán cân

đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chày lỏng ra và biến thành những tàu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội.

Còn âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 hoặc 1916, những vụ mà nhờ đó rất nhiều người dân được nước Pháp bảo hộ đã nếm mùi công ơn khai hóa trên máy chém, trong nhà tù hoặc ở nơi đầy ải. Những vụ phiến loạn ấy đã cũ rồi, chỉ còn để lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ nữa thôi.

Chúng tôi chỉ nói đến vụ vừa xảy ra gần đây nhất. Vì ở chính quốc có vụ phiến loạn Bôn-sê-vích chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông Dương - y như con nhái trong truyện ngụ ngôn* - cũng muốn có một vụ phiến loạn, bèn cố phình bụng lên và cuối cùng cũng đẻ ra được một vụ.

Chúng đã làm như thế này.

Một quan lớn Tây (quan công sứ Đại Pháp kia đấy ạ!), một quan huyện và một ông lý trưởng đã đảm nhiệm việc chế tạo ra vụ đó.

Bộ ba quan lại này phao tin đã có một bọn phiến loạn chôn giấu hai trăm rưỡi quả bom âm mưu làm nổ tung cả xứ Bắc Kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng 2, tòa đại hình Hà Nội công nhận rằng chẳng những không có bằng chứng nào để kết luận có một tổ chức cách mạng có vũ khí phá hoại, mà cả cái vụ mưu phản kia chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn khiêu khích do một số nhân viên chính phủ muốn được thăng thưởng tạo ra mà thôi.

* Truyện ngụ ngôn của La Fontaine, kể rằng: có một con ếch thấy một con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho bằng con bò, cuối cùng vỡ bụng chết.

Chắc các bạn tưởng rằng sau khi tòa đã phán quyết như thế rồi thì những người An Nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không đâu! Bằng bất cứ giá nào, nhất thiết phải giữ uy tín cho kẻ đi chinh phục! Muốn thế, lẽ ra chỉ gắn huân chương cho bọn đã khéo phịa ra vụ án là đủ rồi; đằng này người ta lại còn phạt tù 12 người An Nam từ 2 đến 5 năm, mà phần lớn là nhà nho. Và trên cửa nhà lao giam giữ họ, nổi lên mấy chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái - dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp hằm hoi.

Thế rồi những tờ báo gọi là thân người bản xứ vội vã ca tụng tính công bằng, không thiên vị của cái trò hề công lý ấy!

Nhưng hãy đọc tờ *La Dépêche Coloniale*, tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài An Nam:

"Tòa án Pháp vừa tuyên án xong. Một nửa can phạm được tha bổng, còn một nửa được kết án *nhẹ*. Những người bị án là những nhà nho can tội làm thơ cảm hứng lãng nhãng đề *ca tụng ân huệ của tự do*".

Các bạn thấy không, đối với người An Nam, ca tụng tự do là một tội nặng, chỉ vì thế thôi, người ta cũng phết cho họ 5 năm tù!

Tờ báo viết tiếp: "Chúng ta phải nhiệt liệt hoan nghênh bản phán quyết *hết sức công bằng* ấy của các quan tòa và các vị bồi thẩm của chúng ta, v.v."

Và cũng lại tờ *La Dépêche Coloniale* ấy đã vui mừng ghi nhận bản phán quyết rất mực vô tư của tòa án Pháp về vụ mưu loạn nổi tiếng ở Vĩnh Yên. Tờ báo ấy viết: "*những người An Nam ở Pari*, cũng như đồng bào của họ ở bên quê nhà xa xôi, đều tỏ lòng tin tưởng ở các quan tòa của chúng ta và tuyên bố rằng tòa án đã xử đúng, vụ án kết thúc như thế làm cho họ *hoàn toàn thỏa mãn*". Không đâu! Ông Puvuôcvin ạ, ông bị đời vừa chứ!

*

* *

Tờ *Le Journal France-Indochine* có đăng việc sau đây: Cách đây mấy hôm, hãng Xôvagiơ báo với sở mật thám là xương họ bị mất trộm một số sắt khá nhiều, độ một tấn. Nhận được đơn khiếu nại, sở mật thám lập tức mở một cuộc điều tra để tìm cho ra bọn trộm và chúng tôi vui mừng được tin rằng một viên thanh tra mật thám người Âu cùng với mấy nhân viên người An Nam giúp sức đã tóm được bọn trộm và cả tên đồng lõa của chúng nữa.

"Ông S..., quản lý hãng Xôvagiơ, cùng với những tên Trần Văn Lộc, thợ máy học việc và Trần Văn Xa đã bị bắt và đưa ra tòa về tội ăn trộm và đồng lõa...".

Các bạn có để ý thấy bạn đồng nghiệp của chúng tôi hết sức tế nhị không nào? Khi nói về ông ăn trộm người Pháp, quản lý Hãng Xôvagiơ, thì người ta không nói tên, mà thay vào bằng mấy dấu chấm. Chả là dù sao thì trước hết cũng phải bảo vệ uy tín của chủng tộc thượng đẳng. Nhưng khi nói đến bọn kẻ trộm thông thường người An Nam thì lại kê cả tên lẫn họ, và không gọi là ông nữa mà gọi là những "tên".

*

* *

Ngày 10 tháng 10 năm 1922, chính phủ vừa ra sắc lệnh quyết định một cuộc chuyển quan trọng trong ngạch quan tòa thuộc địa. Trên danh sách, đáng chú ý có tên hai ông Luycaxơ và Oabrăng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan tòa này.

Ông Luycaxơ lúc làm phó trưởng lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã từng dính dáng vào các vụ làm xôn xao dư luận xứ Tôgô. Trong một bản thông báo cho báo chí, ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã bắt buộc phải thừa nhận rằng, "cuộc điều tra cũng đã phát giác ra sự tham gia của ông Luycaxơ và các vụ phạm pháp

có thể làm cho ông ta phải gánh phần TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ NHẤT".

Chắc là để thưởng cho phần trách nhiệm nặng nề ấy mà ngày nay người ta cất nhắc ông lên chức chánh án tòa thượng thẩm xứ Phi châu xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oabrăng thì câu chuyện của hắn đơn giản hơn và ít người biết đến. Năm 1920, một người Pháp tên là Duyếchgri, nhân viên hãng buôn Pêrítxác ở Cănggăng (Ghinê), đi săn. Hắn bắn một con chim rơi xuống sông. Lúc ấy có một em bé người bản xứ đi ngang qua. Duyếchgri tóm cổ em bé ném xuống sông, bắt phải tìm vớt con chim. Nước sâu, sóng lớn, lại không biết bơi, em chết đuối. Cha mẹ em đi kiện. Duyếchgri được lệnh viên quan tư chỉ huy quận đòi đến, và nhận bồi thường cho gia đình đau xót kia một trăm phrăng.

Cha mẹ em bé không nhận cách dàn xếp bỉ ổi như vậy. Viên quan tư nổi giận, đứng về phía người đồng bào của ông, tức là tên sát nhân, dọa bỏ tù cha mẹ em bé nếu tiếp tục kháng cáo, rồi ông ta "xếp" vụ án lại.

Nhưng, một bức thư nặc danh đã phát giác việc này với ông chủ trương lý ở Đaca. Ông chủ trương lý liền phái ông biện lý Oabrăng đi điều tra. Ông Oabrăng đến Cănggăng, ngủ ở nhà viên xếp ga, rồi ngày hôm sau đến nhà ông Cudanh đờ Lavalie là phó của viên quan tư quận, ở lại cả ngày. Rồi sáng hôm sau, chưa hề bắt tay vào công việc điều tra gì cả, ông đã lên đường trở về. Tuy thế ông Oabrăng vẫn cứ kết luận rằng lá thư nặc danh kia là vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa đã báo vụ này với Hội Nhân quyền (ngày 22 tháng 12 năm 1922). Nhưng có lẽ Hội Nhân quyền cho sự việc không lấy gì làm giật gân lắm nên chẳng thêm quan tâm đến.

Từ khi đi chơi Cănggăng về, ông Oabrăng vẫn ngồi yên ở địa vị cũ để thỉnh thoảng nhận gà và những túi khoai tây do ông

bạn Cudanh đòi Lavalie gửi đến biểu, và chờ được thăng quan. Các bạn thấy chưa, ông Oabrăng quả thật xứng đáng với... phần thưởng công minh mà chính phủ vừa tặng ông bằng cách bổ nhiệm làm biện lý Đaca (?).

Nền văn minh thượng đẳng mà được giao phó vào tay những bọn Đácơ, bọn Bôđoăng, bọn Oabrăng và bọn Luyxơ thì thật là tuyệt, và số phận dân bản xứ cũng tuyệt!

*

* *

Tòa tiểu hình vừa xử phạt Phécnăng Etxơlanh và mụ góa Giero, mỗi người 13 tháng tù; Gioócgiơ Coócđiê 10 tháng, về tội tàng trữ, chuyên chở và bán một kilôgam thuốc phiện.

Tốt lắm! Tính sơ qua cũng thấy một kilôgam thuốc phiện đáng ba mươi sáu tháng tù!

Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xarô, toàn quyền Đông Dương, phải dài ghê lắm mới đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng *mỗi năm* ông sẽ bị phạt ít ra là *một triệu ba mươi lăm vạn* (1.350.000) tháng tù về tội mỗi năm bán cho người An Nam trên *mười lăm vạn* kilôgam thuốc phiện.

*

* *

Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông.

Sau những vụ biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đầy biệt xứ. Trong số ấy có ông tiến sĩ Trần Quý Cáp, một nhà nho thanh cao ai cũng kính phục. Ông bị bắt trong lúc đang giữ chức giáo thụ và chỉ hai mươi bốn tiếng đồng

hồ sau, là bị đem chém, không được xét hỏi gì cả. Chính phủ cũng không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình ông.

Ở Hải Dương, một vụ nổi dậy chưa làm chết một ai, thế mà người ta đã làm rụng hết sáu mươi tư cái đầu, không cần xét xử gì cả.

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà Nội, chính phủ đã cho áp giải cha, mẹ, vợ con họ đến pháp trường để bắt họ phải mục kích cảnh tàn sát long trọng những người thân yêu của mình. Để gây một ấn tượng khủng khiếp lâu dài, và để "dạy cho dân chúng một bài học", người ta làm lại cái việc đã làm ở nước Anh hồi thế kỷ thứ XVIII, tức là xóc đầu lâu những người Giacôbít* bại trận lên mũi giáo đem bêu ở các đường phố khu Xiti và dọc theo cầu Luân Đôn. Hàng tuần lễ, dọc các đường lớn ở Hà Nội, người ta nhìn thấy nhiều đầu lâu của những nạn nhân bị người Pháp hạ sát, đang cau mày, nhắm mắt trên những chiếc cọc tre.

Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hòa, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đày.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người An Nam chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước thì bị kết án. Để khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản - bao giờ cũng vậy - là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, TRONG VÒNG HAI TUẦN LỄ, MỘT VIÊN GIÁM BINH ĐÃ XỬ TỬ BẢY MƯƠI LĂM LÝ HÀO!

* *Jacobites*. Tên gọi những đồ đảng của Vua Anh Giắcơ II bị dòng Orănggiơ đánh bại sau cuộc chiến tranh năm 1688.

Không bao giờ người ta nghĩ đến chuyện phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn côn đồ ở các thành thị.

Muốn dập tắt sự kháng cự, người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc "bình định" cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở Bình Thuận, ở Nghệ Tĩnh những đội quân càn quét hung hãn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ.

CHƯƠNG IX

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Để có thể đánh lừa được dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: "Việc lưu hành báo chí bằng bất cứ thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do nghị định của quan toàn quyền.

"Báo tiếng Việt không được xuất bản, nếu không được phép của quan toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được.

"Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm họa hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị".

Đây, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào!

Với biện pháp đó, chính quyền Đông Dương có thể im được tất cả mọi vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử hội đồng thành phố Sài Gòn, viên thống đốc cấm ba ông chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản sắc lệnh quy định thể lệ bầu cử hội đồng

thành phố ở Nam Kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người An Nam không có quyền hội họp quá số 20 người, nên ứng cử viên phải gặp 3.000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông thống đốc còn thông tri cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hối lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan thống đốc trắng trợn cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các "Cụ lớn" thuộc địa: Sở bưu điện và sở mật thám Nam Kỳ (giám đốc sở này là con rể ông Anbe Xarô) đã nhận được lệnh không để lọt - bất cứ với lý do gì - những thư từ, bài vở, v.v. gửi cho báo *Le Paria* xuất bản ở Pari hoặc của tờ báo ấy gửi về.

Một người Mangát nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trục xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đầy biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Le Paria* và vài tờ báo khác ở Pháp, để tố cáo những sự nhùng lậm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*

* *

Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần

thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những "thiên đường trường học kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan khâm sứ, cho quan công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu.

"Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên An Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

"Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ muốn sang chính quốc du học đều *phải được quan toàn quyền cho phép*. Quan toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan thủ hiến kỳ và quan giám đốc nha học chính.

"Trước khi lên đường, người đó phải đến nha học chính xin một quyển học bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan toàn quyền chứng thực.

"*Làm cho dân ngu dễ trị*", đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*

* *

Báo *L'Humanité* đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Mađagátxca khi cuộc chiến tranh vì công lý đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông Dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phân bì với Mađagátxca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Le Paria*.

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông thống đốc gian lận Bôđoanh đến Sài Gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông Anbe Xarô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp đoạt tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trừng trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau họ cũng không được hưởng! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một thành tích cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bỉ ổi đương hoành hành ở các thuộc địa.

*

* *

Chính phủ Đông Dương tổ chức phá hoại tờ báo *Le Paria*; Chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen châu Mỹ; Chính phủ Tuynidi trục xuất chủ nhiệm tờ *L'Avenir social*, ông Liôtây đuổi chủ nhiệm tờ *La Guêpe Maroicaine* ra khỏi Maroc (người ta chỉ cho nhà báo một giờ để thu xếp hành lý).

*

*

*

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà Nội, và trong khi ông Bôđoanh, quyền toàn quyền Đông Dương, đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm họa do báo *L'Argus Indochinois* trưng bày, vì tờ báo này có những lời phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Clêmăngti, chủ nhiệm tờ báo, đã bị bắt và tổng giam.

CHƯƠNG X

CHỦ NGHĨA GIÁO HỘI

Trong thời kỳ bình định, các sứ giả của Chúa cũng hoạt động chẳng kém. Hệt như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hoảng hốt để nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng để... phục vụ Chúa. Kẻ thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người An Nam yêu nước cho bọn chiến thắng đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kẻ thì tò đi khắp nơi để vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ "chân đi đất, quần xắn đến mông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang phát triển tín đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch".

Sau cuộc hành quân đánh chiếm Bắc Kinh, chỉ riêng một mình giám mục Phavie, sứ đồ của giáo hoàng, ngũ hạng bậc đầu bội tinh, đã bỏ túi 600.000 phrăng của ăn cướp được. Một người thấy tận mắt kể lại: "Dưới sự chỉ huy của giám mục Phavie, một đoàn dài xe bò và xe ngựa có đến 300 đến 400 giáo dân cùng lính bộ và lính thủy Pháp hộ tống đã kéo đến trước phủ đệ của hoàng thân Lý. Họ đóng vai những kẻ dọn nhà vì lợi ích của Chúa!... Xong việc, lính tráng mỗi người nhận được một ngân phiếu 200 phrăng, do dòng tu thánh Vanhxăng đờ Pôn

trả!. Trong một bản báo cáo chính thức, chúng tôi đọc thấy lời buộc tội danh thép này: "Việc cướp bóc tập thể do giám mục Phaviê điều khiển là gương xấu làm cho kỷ luật ngấm ngấm bị đổ vỡ".

Tất nhiên không phải chỉ có một mình giám mục Phaviê truyền giáo theo lối ấy. Đức cha còn có nhiều đối thủ nữa. Người ta kể: "Khi lệnh giới nghiêm vừa bãi bỏ, thì các giáo sĩ liền dẫn lính xông vào nhà các chủ ngân hàng quen thuộc mà họ biết có cất giấu vàng thoi. Họ mang theo học sinh chủng viện hoặc những người Hoa mới theo đạo, để những người này làm việc thiện bằng cách giúp họ cướp giật đồng bào của mình và kiếm tiền cho các cha cố từ thiện làm công việc Chúa".

Nếu kể hết ra đây tất cả những hành vi ác quỷ của bọn tông đồ xứng đáng của đạo từ thiện này thì sẽ quá dài. Nhân đây xin kể sơ một vài việc: Một cha xứ nọ đã nhốt một em bé bán xứ, đánh đập em, trói em vào cột; khi người chủ của em, một người Âu, đến xin em về, thì cha xô đẩy, đánh đấm, rút súng lục dọa bắn ông. Một cha xứ khác đã bán một em gái An Nam đi đạo cho một người Âu lấy 300 phrăng. Một cha khác đã đánh gần chết một học sinh chủng viện người bán xứ. Dân làng người bị nạn rất căm phẫn, trong khi chờ công lý của Chúa, đã làm đơn kiện tên súc sinh - xin lỗi, tôi muốn nói vị cha đáng kính - thì công lý thế tục đã dọa những người đi kiện ngây thơ ấy rằng: "Dè chừng! Các con ạ! Chớ có kiếm chuyện, nếu không thì...". Đức cha M... chẳng đã tuyên bố rằng nền học vấn Pháp là nguy hiểm cho người An Nam đó sao? Còn đức cha P... thì chả nói rằng Chúa cho cây mọc cạnh m... ông người An Nam là Chúa đã có dụng tâm sáng suốt đó sao.

Nếu thiên đường có thật, thì sẽ quá chật không đủ chỗ để chứa chấp tất cả bọn tông đồ thuộc địa can đảm đó. Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đinh trên cây thánh giá trở về cõi

thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy "các môn đồ trung thành" của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào: giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ; giáo hội Nam Kỳ chiếm một phần năm; giáo hội Bắc Kỳ, chỉ riêng ở Hà Nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm cái vốn bé xiu 10 triệu phrăng. Không cần nói cũng biết là phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng thủ đoạn mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận.

Đại tá B... viết: "Điều mà người thực dân phải dựa vào nhà nước để làm - thì người truyền giáo cứ làm, bất chấp nhà nước. Bên cạnh lãnh thổ của người chủ đồn điền, mọc lên lãnh thổ của nhà chung. Chẳng bao lâu nữa, sẽ không còn rẻo đất nào cho người An Nam có thể sinh cơ lập nghiệp nếu không cam chịu kiếp nông nô!".

Amen! Lạy Chúa tôi.

*

* *

Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đáng sáng thế tối cao. Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hóa - dù đến Ăngtiơ, Mađagátxa, Tahiti hay là Đông Dương - cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng Chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài phẩm thực dân được mục vợ Napôlêông đệ tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người An Nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh. Chúng tôi không hiểu tiếng latin gọi cái công việc ấy là gì, chứ tiếng Pháp thông dụng thì gọi đó là làm gián điệp.

Bọn Gácniê, bọn Rivie và bè lũ không am hiểu địa phương và không biết tiếng bản xứ thì đã có bọn truyền giáo làm thông ngôn và chỉ điểm cho chúng. Trong vài trò này, các vị mang chức thánh không bỏ lỡ dịp nào để thực hiện đức nhân của đạo Chúa. Có linh mục đã bảo lính: "Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta", hay là "tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta" (GI.B). Chúng ta đây tức là giáo hội.

Hàng giáo sĩ thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh, bọn chủ trương đánh đến cùng, không chịu điều đình "non". Đô đốc R. dờ Gionuiy trong một bản báo cáo với Bộ Hải quân đã viết rằng: "Tôi muốn tìm cách giao thiệp với nhà cầm quyền An Nam để ký kết một hòa ước, nhưng đã gặp trở ngại rất lớn do các nhà truyền giáo gây ra... Một hòa ước với người An Nam, dù có lợi bao nhiêu, cũng chẳng thỏa mãn được lòng ham muốn của các ông ấy. Họ muốn đánh chiếm hết cả nước và lật đổ triều đại đang trị vì. Giám mục Penloranh đã nhiều lần nói như thế và đó cũng là ý kiến của giám mục Lophevro".

Phải chăng đó là vì yêu nước? Không, bởi vì ở đoạn sau của bản báo cáo, đô đốc đã nói rõ rằng, "những giáo sĩ hoạt động ở Nam Kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp có những mục đích riêng tư".

Mẫu chuyện sau đây chứng minh cho ý kiến đó:

Vua Hàm Nghi rời bỏ kinh thành của mình bị quân Pháp chiếm. Ông đem nghĩa quân vây một làng do người theo đạo chống giữ, trong đó có sáu nhà truyền giáo. Một tướng Pháp được tin báo, liền điều đình với một cố đạo cho mượn thuyền chở quân đi giải vây. Cố đạo khước từ, bảo rằng thuyền đi đánh cá ngoài khơi hết, ba bốn ngày nữa mới về. Sau khi điều tra, viên tướng biết là tên cố đạo đã cố ý phân tán thuyền bè để quân tiếp

viện không thể đi được. Viên tướng bèn đòi cô đạo đến bảo: "Nếu không có thuyền cho tôi trong sáu giờ nữa thì tôi sẽ cho bắn ông". Thuyền đến, viên tướng hỏi vị cha đáng kính: "Tại sao lại nói dối?" - "Thưa tướng quân, nếu để các vị giáo sĩ bị chết rồi tướng quân mới đến, thì chúng tôi sẽ có thêm sáu người tử vì đạo để phong thánh".

Đây là những hành động phúc âm mà các "Cha nhà ta" nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

CHƯƠNG XI

NỖI KHỔ NHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BẢN XỨ

Đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ An Nam được các nhà khai hóa của chúng ta "bảo hộ" như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là *con đĩ*, *con bú dũ* là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp, - bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghề lổi!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ An Nam sống quẫn quại trong cảnh lâm than và bị áp bức như thế nào. Bây giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác - cũng ở dưới sự bảo hộ của nước mẹ - có được tôn trọng hơn không?

Ở Phết Mòdala (Angiêri), một người bản xứ bị kết án một năm tù vì ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số

người này có những em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những người phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt bao dung của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục mọi hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: "Chế độ thực dân là ăn cướp". Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.

*

* *

Dưới đầu đề: "Bọn thực dân kẻ cướp", Víchto Mêrich đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hấn đồ nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hấn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục lập công ở một địa phương khác.

Khôn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là "nước Pháp hải ngoại".

Tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoàn ở Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ An Nam làm phu đội muối, lấy cớ chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hấn làm hấn mất giấc ngủ trưa.

Tuyệt hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe dọa đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoàn khác đến thay, cũng tỏ ra xứng đáng với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hấn.

Một bà cụ An Nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mộ cai. Mộ cai thưa với viên đoàn. Viên

này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái nên thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì nhà khai hóa đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy thì người cộng sự của ông Xarô lại đòi lý trưởng sở tại đến và ra lệnh đem người bị thương đi. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền cho đòi chồng bà già đến, - *ông này mù*, - ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nợ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoan Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác!

*

* *

Các em bé Angiê đói. Nhiều em mới lên sáu, lên bảy đã phải đi đánh giầy hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn.

Chính phủ thuộc địa và khai hóa cho rằng các em cùng khổ kia kiếm được quá nhiều tiền nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hằng tháng từ 1 phrăng rưỡi đến 2 phrăng.

Các bạn công nhân chính quốc! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bỉ ổi đánh vào các em bé kia?

*

* *

Trước chiến tranh, ở Máctiních, giá đường là 280 phrăng một tấn, rượu rom 35 phrăng một trăm lít.

Nay giá đường 3.000 phrăng, rượu rom 400 phrăng.

Như thế bọn chủ được lời 1000%.

Trước chiến tranh, lương công nhân mỗi ngày 3 phrăng, nay từ 3 phrăng 75 đến 4 phrăng.

Như thế tiền lương công nhân tăng chưa đầy 30%.

Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng phrăng vào sự chênh lệch ghê gớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cùng cực đến thế nào.

Tháng 2 năm 1923, vì chủ không chịu tăng lương, công nhân đã bãi công.

Cũng như bất cứ ở đâu, mà ở thuộc địa lại còn hơn ở nơi khác, bọn chủ không bao giờ ngần ngại làm cho công nhân đổ máu. Cho nên trong cuộc bãi công ấy, hai công nhân trẻ người Máctiních, một anh 18, một anh 19 tuổi, đã bị giết một cách hèn nhát.

Bọn chủ hung ác không từ trẻ con, không từ phụ nữ. Tờ *Le Paria*, số ra tháng 5 năm 1923, đã đăng tin dưới đây:

"Nhà chức trách đối xử rất bất công với nhân dân lao động. Những người không nhận làm việc theo mức tiền công do bọn chủ ấn định đều bị tố giác, bị cảnh binh bắt giữ và khám xét. Ở đâu, bọn cảnh binh cũng tỏ ra đầy ác ý đối với dân nghèo khổ.

"Chẳng hạn hôm kia, hai cảnh binh đã đến Viện Cứu tế Torinitê bắt một phụ nữ tên là Luybanh, chị này hai đùi bị trúng nhiều vết đạn trong vụ nổ súng ở Rátxinhắc ngày 9 tháng 2. Người ta đã bỏ tù chị, lấy cớ rằng "chị đã vi phạm quyền tự do lao động bằng bạo hành hoặc bằng lời dọa dẫm".

"Nhưng một điều chắc chắn là người phụ nữ đáng thương đó đi không được, thế mà bọn cảnh binh vẫn cứ *muốn giải chị đi bộ 32 kilômét đến chỗ ông dự thẩm*.

"Lúc chị bị bắt thì đã năm, sáu ngày chị không được thấy thuốc ở mãi Pho đơ Phrăngxơ*, cách đây 32 kilômét, đến khám.

"Thế thì ai đã cấp giấy cho chị ra viện, khi mà người mẹ có

* *Fort de France*: Thủ phủ Máctiních.

ba con nhỏ và bị bắt giam kia vẫn bảo rằng mình chưa lành, mình còn thương tích và không đi lại được?

"Tôi nêu sự việc này trong số bao nhiêu sự việc đáng cảm phần thường tái diễn hầu như ở khắp nơi trong thuộc địa.

"Trong cuộc bãi công, ở một số doanh nghiệp, những người "được tuyển dụng" bị bắt buộc làm việc dưới sự giám sát của cảnh binh và lính thủy, y như dưới thời đại nô lệ.

Chúng tôi đọc trong một tờ báo, thấy như sau:

"Ở Côngxtăngtin^{*}, từng đoàn phụ nữ lũ lượt kéo đi ăn xin. Một người trong đám người cùng khổ đã chết bên cầu En Căngtara, tay còn ẩm sữa con nhỏ.

"Từ Bôgari đến Gienpha^{**} vô số ông già, trẻ em và phụ nữ bế con bao vây đoàn xe lửa để xin bố thí.

"Họ chỉ còn là những bộ xương, quần áo tồi tả. Người ta cảm họ lảng vảng đến các ga".

*

* *

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh - dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý, v.v., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô - lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hóa, trình tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Thói bạo dân thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể

^{*} *Constantine*. Tên một quận ở Angiêri, đồng thời cũng là tên quận lỵ của quận ấy.

^{**} *Boghari, Djelfa*. Tên những địa phương ở Angiêri.

lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là "sứ mạng khai hóa" và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến say mềm, đem thiêu sống trong một đồng lửa hàng mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay nhau hãm hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngựa cô thiếu nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô để lột cái vòng cổ.

Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ giờ nắm tay lên chĩa vào ông trời vô tình, xác một cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, lóng xầy, vàng óng như da lợn quay.

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc Kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khỏe mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi bọn khác hành hạ một phụ nữ.

Một tên lính buộc một người phụ nữ An Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi. Cũng vẫn người ấy kể lại: "Một ngày lễ nọ, một anh lính trong con vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người An Nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hắt lúc mười giờ sáng. Đó là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng sẵn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bản xứ, chủ nhà không chịu, hắt bèn đốt nhà, và đánh gãy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị này bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy".

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa.

Nhiều phụ nữ bản xứ khôn khéo, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nộp thuế.

Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hóa nhằm làm cho nòi giống An Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc *cưỡng bức mua rượu ty*. Không sao kể xiết tất cả sự nhùng nhằng chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thể nào cho người ta nuốt trôi được cái món "dân chủ".

Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng, để nuôi béo lũ cá mập ở chính quốc, cái chính phủ đầy tội ác ở Đông Dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để trừng trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà cửa, ruộng vườn của tư nhân.

Chúng ta hơi lầy lăm ngạc nhiên - mà kẻ cũng đáng ngạc nhiên thật - khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng từng đoàn *ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây*, để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

"Như thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung Kỳ; ở đây, viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt, già, trẻ, đàn ông, đàn bà".

Tác giả đoạn văn trên tả đám thân quyến của họ ở cổng nhà lao như sau: "Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bần thủ, rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt; trẻ con bị lôi theo vì ngắn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can là cha, chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình".

Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà hàng loạt, liên tục, mà còn có *những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể ở chỗ nào, bất kể là nam hay nữ*. Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, *bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm dăng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ*.

Ôi! Hỡi những người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ Pháp, chị em nghĩ gì về tình trạng đó? Và các bạn, những người con, những người chồng, những anh em người Pháp nữa? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị "thực dân hóa" đi không nhỉ?

Nhiệt tình của người An Nam đối với nền giáo dục hiện đại làm cho chính phủ bảo hộ lo sợ. Bởi thế, chính phủ đóng cửa các

trường làng, biến trường học thành chuồng ngựa cho các quan nhà binh, đuổi học trò và bỏ tù thầy giáo. Một cô giáo bản xứ đã bị bắt giải về tỉnh lỵ, cổ đeo gông, đầu phơi trần dưới ánh nắng như thiêu đốt.

Một viên chánh quản pháo binh, đã đốt nhà một phụ nữ An Nam, vì người ấy không chịu tiếp hấn vào lúc nửa đêm.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hấn.

Một sĩ quan khác hiếp một em bé gái bằng những cách dâm bạo vô cùng ghê tởm. Bị truy tố trước tòa đại hình, hấn được trắng án, chỉ vì nạn nhân là người An Nam.

Trong tất cả các bài diễn văn, tất cả các bản báo cáo ở khắp những nơi mà các nhà cầm quyền của chúng ta có dịp mở miệng, và có bọn ngốc ngời nghe, họ luôn luôn khẳng định rằng, chỉ có người Đức đã man mới là đế quốc, là quân phiệt, còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hòa bình, nhân đạo, cộng hòa và dân chủ, cái nước Pháp mà họ đại diện thì không phải là đế quốc, cũng không phải là quân phiệt! Ô! Hoàn toàn không phải! Nếu chính các nhà cầm quyền ấy đưa binh lính - là con em công nhân hay chính là công nhân - đi giết hại những công nhân ở các nước khác, thì đó chẳng qua là để dạy cho những người này biết sống cho tốt mà thôi!

(Không phải sách báo)

Nguyên thư

Đường Kách mệnh

Không có lý luận kách mệnh, chỉ không
có kách mệnh vận động... Chỉ có theo
lý luận kách mệnh tiến phong, đồng kách
mệnh mới làm nổi trách nhiệm kách
mệnh tiến phong.

Đỗ - nin .



Bị Áp Địch Tân Tọa Liên Hợp Hội Tuyên Truyền Bộ
Lưu - Hiên

Cuốn sách Đường kách mệnh, tập hợp những bài giảng của
Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1925 -1927,
tại các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CHƯƠNG XII

NÔ LỆ THỨC TỈNH

I - Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11 năm 1922, 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bán xứ khôn khéo kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai, dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại - do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế - và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khôn khéo, khôn khéo đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại, và chúng ta đừng quên rằng bốn phần của chúng ta - những người lao động ở chính quốc - không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và phương pháp tổ chức.

II - Ở ĐÀHÔMÂY.

Lo sợ về giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách di chuyển nền thống trị của nó qua các thuộc địa. Tại đó, nó vơ vét nguyên liệu cho các nhà máy và

sử dụng những lực lượng phản động và lạc hậu* để chống lại cách mạng. Báo chí tư sản ở Pari và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng tá và nghị sĩ tổ chức những cuộc diễn thuyết về thuộc địa. Những cây bút quan liêu và những người nói khoác ấy không tìm đâu ra đủ lời lẽ để ca ngợi công ơn khai hóa "của họ" và lòng trung thành của người bản xứ.

Đôi khi các ngài ấy trơ tráo đến mức đem lòng... nhân từ của họ đối lập với sự cướp bóc của thực dân Anh; họ cho chính sách của người Anh là "phương pháp tàn nhẫn" hoặc "thái độ thô bạo" và quả quyết rằng cách làm của người Pháp là đầy công bằng và từ thiện!

Chỉ cần nhìn qua các thuộc địa Pháp một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hóa đó là "đẹp đẽ và nhân từ" biết chừng nào!

Ở Đahômây, người ta tăng thêm thuế vốn đã quá nặng đối với người bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa, ruộng nương để đi làm "những người bảo vệ văn minh". Người ta cấm người bản xứ mua sắm và sử dụng vũ khí để chống thú dữ thường phá hoại sạch trơn hàng loạt làng xóm. Giáo dục, vệ sinh đều thiếu. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Đahômây "được bảo hộ" phải chịu cái chế độ "dân bản xứ" đáng phỉ nhổ, một chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm ô nhục cho cái thế giới gọi là văn minh. Dân bản xứ không cam chịu nhục được mãi, phải vùng lên. Thế là đàn áp đẫm máu. Người ta dùng những biện pháp cứng rắn. Người ta điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đây! Công cuộc khai hóa nhân từ là như thế đây!

III - Ở XYRI⁽²⁹⁾

Dân Xyri lấy làm hài lòng, rất hài lòng về chính sách cai trị của tướng Gurô, các nhà đương cục đều nói như thế. Nhưng các sự việc sau đây đã chứng minh trái ngược lại.

* Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... et du matériel humain pour sa contre révolution" (sử dụng nhân lực để chống lại cách mạng).

Tháng 3 năm 1922, ông Muxxtapha Kêman đến Métxin. Để đón tiếp ông, người Hồi giáo Xyri dựng một cái khay hoàn môn có cắm cờ đen mang các khẩu hiệu: "Thô và Arập là anh em!", "Xin chớ quên những người anh em Xyri", "Hãy giải phóng cho chúng tôi", v.v...

Việc ông Muxxtapha Kêman đến thăm Ađana đã gây nên những cuộc biểu tình sôi nổi. Trong hai ngày liền, những người trong phong trào phục quốc ở Ăngchiôơ và Aléchxăngđrét đã dương cờ đen kéo qua các phố và hô lớn những khẩu hiệu chống chế độ ủy trị Pháp.

Đáp lời kêu gọi của phái đoàn phục quốc Xyri, nghe đâu ông Muxxtapha Kêman đã nói: "Một trung tâm văn minh đã tồn tại* từ bao thế kỷ như Xyri không thể nằm trong tay người ngoại quốc được".

Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn "chia để trị" của nó. Chính vì nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguôi được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau. Sau khi đẩy họ chống lại nhau, người ta lại ghép một cách giả tạo các thành phần ấy lại, lập nên một "Liên bang" gọi là Liên bang Đông Dương.

Trong các thuộc địa mới, người ta cũng lại thấy cái sách lược ấy. Sau khi chia cắt đất nước Xyri thành "một số quốc gia", cao ủy Pháp ở Bâyrút lại lập một "Liên bang" Xyri, gồm các "nước" Alép, Đamát, và Alauit**. Một lá quốc kỳ đã được

* Bản tiếng Pháp năm 1946: "*Un foyer qui date...*" (một trung tâm đã tồn tại).

** *Alep, Damas, Alauouites*. Alep là một thành phố của Xyri; Damas là thủ đô của Xyri; Alauouites là lãnh thổ của Xyri bị thực dân Pháp cắt ra thành một khu vực tự trị từ năm 1924 đến năm 1930.

bày đặt ra nhằm mục đích đó. Cũng như đối với lá cờ An Nam, người ta không quên vá vào lá cờ liên bang một miếng "cờ bảo hộ", ở góc trên gần cán. Ngày 11 tháng 12 năm 1922 là ngày lễ "long trọng", lần đầu tiên lá cờ ấy được kéo lên nóc phủ liên bang ở Alép.

Trong dịp ấy, nhiều nhà cầm quyền đã đọc diễn từ. Ông Xubi Baraca Bâ, chủ tịch liên bang, đã nói nào là "nước bảo hộ rộng lượng", nào là "người hướng đạo chân thành", nào là "những vị tướng lĩnh chiến thắng", và hàng tràng những điều khác nữa. Ông Rôbe đơ Ke, quyền cao ủy, cũng đọc đít của rất dài. Ngoài những điều khác ra, vị quan cao cấp ấy đã nhắc lại rằng, "nước Xyri độc lập không phải là dân tộc đầu tiên được Pháp săn sóc từ trong nôi", v.v.. Nhưng, tất cả những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch ấy chẳng đánh lừa được ai. Phái đoàn Xyri - Palestin lãnh nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập và thống nhất - chân chính - của nước Xyri ở Hội nghị Lôdannơ đã gửi một bức thư phản kháng. Bức thư này đã được đăng trên tờ *La Tribune d'Orient*, và chúng tôi rất sung sướng được sao lại dưới đây:

"Thưa ngài,

"Giữa lúc người ta đương cố hàn gắn những lỗ hổng mà Hiệp ước Xevơơ đã khoét ra trong vấn đề Cận Đông và giữa lúc dân tộc Arập đang phải chịu đựng, so với mức hy sinh tự nguyện của mình, những điều tai hại trực tiếp nhất do hiệp ước đó gây ra, thì ở hội nghị của các ngài, hội nghị tổ chức ra với mục đích thiết lập một nền hòa bình vững chắc và lâu dài, tiếng nói của các đại biểu dân tộc Arập ở các khu vực khác nhau vẫn chưa được lắng nghe.

"Thế mà chính lúc này lại là lúc các nhà cầm quyền Pháp chọn để khánh thành một cách long trọng công cuộc thực dân hóa mà họ đã tiến hành từ bốn năm nay bằng cách gắn cái tượng trưng cho chế độ nô lệ vĩnh viễn là những miếng cờ tam tài lên lá

cờ mà người ta vừa mới gán cho cái gọi là "Liên bang Xyri". Thế là một lần nữa, người ta lại phủ nhận những lời tuyên bố của Đồng minh, những điều mà nước Anh đã nhân danh Đồng minh cam kết với các dân tộc Ả-rập, và ngay cả những lời của các chính khách Pháp hứa bảo đảm nền độc lập cho xứ Xyri bất hạnh. Nước Xyri hiển nhiên có đủ tư cách để được độc lập nhanh chóng, hoàn toàn, và xứng đáng với nền độc lập ấy không kém bất cứ một nước nào khác ở phương Đông hay ở phương Tây. Thế mà Xyri lại không được phép có một quốc kỳ riêng của mình. Người ta đã buộc Xyri phải dính vào quốc kỳ của mình cái mảnh tam tài làm dấu hiệu cho chế độ ủy trị, là một sự thôn tính trá hình.

"Thưa ông chủ tịch, từ trước tới nay chúng tôi luôn luôn phản đối chế độ ủy trị, không bao giờ chúng tôi công nhận chế độ ấy cả, ngày nay chúng tôi lại cực lực phản đối việc gán cái dấu hiệu tượng trưng của chế độ ấy vào lá cờ của chúng tôi.

"Hầu hết các cường quốc, kể cả những nước lớn mạnh không kém gì nước Pháp, đều không bao giờ dùng phương pháp làm nhục ấy đối với những thuộc địa lạc hậu nhất của họ.

"Hiến chương Hội quốc liên" quy định rõ tính chất tạm thời của chế độ ủy trị (điều 22, đoạn 4). Vậy thì nhà nhà chức trách Pháp dựa trên cơ sở nào để gán ghép màu cờ của họ cho một nước mà họ đòi dúi dất đến độc lập, một nền độc lập đã được Hiến chương Hội quốc liên công nhận?

"Thưa ngài, chúng tôi trân trọng yêu cầu ngài xét lời phản kháng của chúng tôi về vấn đề ấy, và một lần nữa, chúng tôi nhắc lại nguyện vọng tha thiết nhất của chúng tôi là những yêu sách chính đáng của chúng tôi sẽ được bênh vực tại hội nghị.

"Kính mong, v.v...

"Thay mặt trường đoàn đại biểu

Xyri - Palesten

Tổng thư ký

EMIA SEKIP ACXLAN"

Ngoài ra, những người ở Hama, phần nhiều là công chức, luật sư, giáo sư, nhà báo, nhà buôn, đã gửi cho thủ tướng Pháp một bức thư mà sau đây là những đoạn chính:

"Thưa ngài Thủ tướng, chúng tôi được hân hạnh trình bày với ngài các yêu sách của chúng tôi, đồng thời chúng tôi phản đối sự phản ứng của hội đồng đó, sự phản ứng mà chúng tôi cho là đã đi ngược lại lợi ích của chúng tôi và lợi ích của cả nước Xyri nói chung.

"1. Cái hội đồng liên bang ấy không phải là do quốc dân bầu ra. Vì thế, các ủy viên của hội đồng đó hoàn toàn không có tư cách là đại biểu của quốc dân, cũng không thể phản ánh ý chí của quốc dân.

"2. Hội đồng ấy không có quyền hành gì cả; nó bị bắt buộc chỉ được thảo luận những vấn đề nào mà người ta không muốn đưa ra trước nó, nên ngay cả những vấn đề sống còn của đất nước, nó cũng không thể đề cập đến được. Sau hết, các nghị quyết của hội đồng lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền hành của cao ủy, cao ủy có thể tùy tiện thi hành hay bác bỏ.

"3. Chính ngay cơ sở của hội đồng ấy cũng không vững, bởi vì mỗi bang chỉ có một đại biểu, mặc dầu dân số các bang không bằng nhau. Lại còn điều kỳ quặc phi lý này nữa là hội đồng không theo nguyên tắc đa số, có một ý kiến bất đồng là cuộc biểu quyết coi như không có giá trị và vấn đề phải dựa trên cao ủy quyết định.

"4. Người ta giới thiệu hội đồng này như một bước tiến trên con đường đi đến thống nhất, thật ra nó là sự phủ nhận thống nhất, phủ nhận ngay đến cả tư cách đất nước nữa, vì đã là một hội đồng chỉ định ra thì nó hoàn toàn không phản ánh được ý chí của quốc dân; thậm chí nó còn có thể đi ngược lại ý chí đó, trong khi trước con mắt của toàn thể thế giới, nó lại có thể được coi

như là cơ quan đề đạt nguyện vọng của nhân dân Xyri, và do đó sẽ cung cấp cho người ta những lý do để khước từ những yêu sách chính đáng của quốc dân chúng tôi.

...

"Còn về nguyện vọng của chúng tôi, thì có thể nêu lên như sau:

"a) Công nhận nền độc lập thật sự và sự thống nhất của Xyri.

"b) Sau khi làm xong cuộc điều tra dân số đang tiến hành thì sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu ra quốc hội. Quốc hội sẽ ban hành hiến pháp và quyết định chính thể. Quốc hội có thể được triệu tập vào cuối năm 1922, tức là lúc hội đồng liên bang sẽ được triệu tập.

"c) Thành lập một chính phủ chịu trách nhiệm trước quốc hội, và quốc hội, trong những quyền hạn của nó, phải có toàn quyền lập pháp.

"Đó mới là những nguyện vọng thật sự của nhân dân Hama, mà cũng là nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri".

*

* *

Từ khi tập sách nhỏ này viết xong, thì nhiều biến cố nghiêm trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom của Quảng Châu do một người An Nam ném, là những quả bom ở Ăngiơ, những vụ bãi công đẫm máu ở Guyađolúp, những cuộc biểu tình không kém đổ máu ở Đamát, những vụ bãi công ở Bidécơ*, ở Hammănlíp** và tình hình sôi sục ở Tuynidi.

IV - CÁCH MẠNG NGA VỚI CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải

* Bizerte. Quân cảng của nước Tuynidi.

** Hammanlif. Một thành phố của nước Ăngiêri.

đồng thời cắt cả hai vôi. Nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt sẽ mọc ra.

Cách mạng Nga hiểu rất rõ điều đó. Cho nên không dừng lại ở việc đọc những bài diễn văn lý tưởng đẹp đẽ và thông qua những kiến nghị nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh. Cách mạng Nga giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như Lênin đã viết trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập họ đến Đại hội Bacu hai mươi một dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước bị xâm lược đã nắm tay nhau trong tình anh em và cùng nhau tìm cách đấu tranh cho có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang phải đương đầu với những khó khăn dồn dập trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học Phương Đông.

Hiện nay, Trường đại học Phương Đông có 1.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ 10 đến 16 tuổi.

Có 150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế - chính trị, v.v., v.v.. Trong lớp học, thanh niên của sáu mươi hai dân tộc sát cánh nhau như anh em ruột thịt.

Trường có 10 ngôi nhà lớn dành cho sinh viên. Lại có một rạp chiếu bóng, thứ năm và chủ nhật chiếu cho sinh viên xem không lấy tiền, các ngày khác thì cho một người hầu thuê. Có hai thư viện với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi bồi dưỡng tư tưởng và đi sâu vào việc nghiên cứu. Mỗi dân tộc hoặc "nhóm" lại có một tủ sách riêng gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí rất có mỹ thuật, và có đầy đủ các báo hằng ngày và tạp chí.

Sinh viên tự mình cũng ra một tờ báo có "một bản duy nhất" dán vào một cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được điều trị trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Crimê được dành riêng cho những sinh viên mới ốm dậy. Chính phủ Xôviết tặng nhà trường hai trại nghỉ gồm có chín ngôi nhà. Mỗi trại có một nhà chăn nuôi để nghiên cứu việc chăn nuôi. Đồng chí bí thư nông nghiệp của trường không giấu nổi niềm tự hào khi nói với tôi: "Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn". Trại còn có 100 héc-ta đất để cho sinh viên trông trọt. Trong các kỳ nghỉ, sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân.

Nhân đây cũng nói thêm rằng, một trong hai trại nghỉ ấy trước kia là tài sản của một đại công tước Nga*. Thật là ngộ nghĩnh khi trông thấy lá cờ đỏ kiêu hãnh phấp phới trên đỉnh ngọn tháp được trang điểm bằng chiếc mũ hiện đại công tước và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ácmêni chuyện trò và vui đùa không chút kiêng nể trong phòng lễ của "hoàng tử điện hạ".

Sinh viên ăn, mặc, ở đều không mất tiền. Mỗi tháng, mỗi người còn được lĩnh năm rúp vàng để tiêu vặt.

Để sinh viên có những kiến thức cơ bản về khoa nuôi trẻ, nhà trường nhận đỡ đầu một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ xinh xắn.

* Tước của thái tử thời Nga hoàng.

Mỗi năm Trường đại học Phương Đông chi tiêu đến 516.000 rúp vàng.

Các đại biểu của 62 dân tộc trong Trường đại học lập thành một "công xã". Chủ tịch và các cán sự của công xã đều do đầu phiếu phổ thông bầu ra, ba tháng một lần. Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản lý kinh tế và hành chính. Tất cả các sinh viên đều lần lượt thay phiên nhau làm bếp, làm công tác thư viện, câu lạc bộ, v.v.. Tất cả những vụ tranh chấp và "phạm pháp" đều do một tòa án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Mỗi tuần, công xã họp một lần để thảo luận tình hình chính trị và kinh tế thế giới. Thỉnh thoảng lại tổ chức những cuộc mít tinh và những buổi tối giải trí, trong đó có những nghệ sĩ tài tử đột xuất làm cho anh em được thưởng thức nghệ thuật và văn học muôn màu muôn vẻ của những đất nước xa xôi.

Một điểm đặc biệt làm nổi bật sự "dã man" của những người bôn-sê-vích là không những họ coi những người dân thuộc địa "thấp kém" ấy như anh em, mà còn mời họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Những sinh viên khi ở quê hương mình chỉ là những "dân thuộc địa", "dân bị bảo hộ", nghĩa là những người không có quyền gì khác ngoài quyền nộp thuế, những người không được góp ý kiến vào công việc của nước mình, không được phép bàn bạc chính trị, thì nay được tham gia tổng tuyển cử của nhân dân để bầu những đại biểu của mình vào các Xôviết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang hoài công tốn của cầu cạnh xin xỏ thay đổi quốc tịch mãi không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản xem!*

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng chịu đau khổ và trông thấy cảnh đau khổ. Tất cả đều sống dưới "nền văn minh cao đẳng" và dưới sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản nước

* Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... la démocratie bourgeoise et la démocratie ouvrière!" (nền dân chủ tư sản và nền dân chủ của công nhân).

ngoài. Cho nên, tất cả đều phấn khởi và thiết tha học hỏi. Họ rất hăng hái và nghiêm túc. Họ hoàn toàn không có vẻ công tử ăn chơi nhàn nhã* như những thanh niên Phương Đông du học ở Pari, Ôxpho, hoặc Béclin. Người ta có thể nói không ngoa rằng Trường đại học Phương Đông ấp ủ dưới mái của mình tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và Viễn Đông, kể từ Xyri đến Triều Tiên - chỉ tính những nước thuộc địa và nửa thuộc địa thôi - có một diện tích rộng hơn 15 triệu kilômét vuông, với số dân hơn 1.200 triệu người. Tất cả những nước rộng lớn ấy hiện đang ở dưới ách của chủ nghĩa đế quốc tư bản. Và mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Họ chưa có những mối liên hệ giữa các lục địa như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn trong bản thân một sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết! Việc thành lập Trường đại học Phương Đông đánh dấu một kỷ nguyên mới; trong khi tập hợp những người trẻ trung, hoạt bát, thông minh của các nước thuộc địa lại, nhà trường đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại là:

a) Giáo dục cho các chiến sĩ tương lai ấy nắm được nguyên lý đấu tranh giai cấp là nguyên lý mà một mặt, những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác, những tập tục gia trưởng đã làm cho mơ hồ, lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

* Nguyên bản: *Ils n'ont pas du tout l'air boulevardier et quartier latiniste*. Có nghĩa là: họ không có vẻ hạng người rong chơi trên các đại lộ hoặc ở khu phố latin.

c) Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Nêu lên cho giai cấp vô sản ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể làm và phải làm cho những người anh em của họ đang bị nô dịch.

V- HỒI ANH EM VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN CÁC THUỘC ĐỊA!

Cuộc chém giết đẫm máu thế giới đã mở mắt cho hàng triệu vô sản và nông dân các thuộc địa thấy rõ hoàn cảnh sinh sống không sao chịu nổi của mình. Một loạt những cuộc bùng nổ cách mạng mãnh liệt, nhưng chưa được tổ chức, đã đánh dấu sự kết thúc của chiến tranh thế giới. Lực lượng tự phát không gì ngăn nổi và khát khao chiến đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn. Ấy, là do giai cấp tư sản dân tộc bản xứ tổ chức và lãnh đạo. Lớn mạnh lên trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp tư sản dân tộc đó không muốn nằm mãi trong nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc và để cho chúng nắm phần to lớn nhất trong việc bóc lột "công nhân và nông dân của mình" nữa. Khẩu hiệu đấu tranh giải phóng dân tộc của giai cấp tư sản trẻ tuổi ở thuộc địa đề ra, được quần chúng lao động ở Ấn Độ, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v. hoan nghênh nhiệt liệt và ủng hộ mạnh mẽ.

Quốc tế Cộng sản đấu tranh không ngừng chống bọn cá mập tư sản ở tất cả các nước trên thế giới. Có thể nào nó lại giả vờ quay lưng lại với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được không?

Không! Quốc tế Cộng sản đã công khai tuyên bố ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh ấy, và trung thành với mục tiêu của mình, Quốc tế Cộng sản vẫn tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh ấy.

(Trích Tuyên ngôn của Ban Chấp hành Quốc tế thứ ba)

VI - MỘT BẢN HIỆU TRIỆU CỦA QUỐC TẾ NÔNG DÂN GỬI NÔNG DÂN LAO ĐỘNG CÁC THUỘC ĐỊA

Quốc tế Nông dân mới đây họp Đại hội lần đầu tiên ở Mátxcova đã ra lời kêu gọi dưới đây để tỏ rõ sự quan tâm của mình đối với nông dân lao động các thuộc địa:

Hỡi anh chị em nông dân lao động các thuộc địa!

Hỡi anh chị em nông dân thuộc địa, anh chị em là những người nô lệ hiện đại: hàng triệu anh chị em ngoài đồng ruộng, trên thảo nguyên và trong núi rừng của hai lục địa, đang rên xiết dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài và bọn chủ bản xứ.

Họp lần đầu tiên ở Mátxcova để thành lập một tổ chức đấu tranh mà cho đến nay nông dân chưa có, Đại hội Quốc tế Nông dân kêu gọi ý thức giai cấp của anh chị em và yêu cầu anh chị em hãy ra nhập hàng ngũ tổ chức đó.

Anh chị em còn khốn khổ hơn các bạn nông dân ở chính quốc, vì ngày công quá dài, vì đói khổ, vì ngày mai bấp bênh.

Anh chị em thường bị cưỡng bức lao động như khổ sai, bị bắt đi khuôn vác đến chết người và đi lao dịch không thời hạn.

Anh chị em bị đè bẹp dưới thuế khóa.

Chủ nghĩa tư bản bóc lột dìm anh chị em trong cảnh tối tăm ngu dốt, áp bức anh chị em về mặt tư tưởng và tiêu diệt nòi giống của anh chị em bằng rượu và thuốc phiện.

Chế độ bản xứ bỉ ổi do bọn đế quốc tư bản đặt ra, tước mất của anh chị em mọi quyền tự do cá nhân, mọi quyền lợi chính trị và xã hội, do đó, đã hạ anh chị em xuống thân phận trâu ngựa.

Đẩy anh chị em vào cảnh cùng khổ và phá sản như vậy chưa đủ, chủ nghĩa tư bản còn bắt anh chị em lìa bỏ gia đình, đồng ruộng, đưa anh chị em ra làm bia đỡ đạn, ném anh chị em vào những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đánh lại

nhân dân bản xứ khác hoặc chống lại nông dân, công nhân ở chính quốc.

Hỡi anh chị em cùng khổ ở các thuộc địa!

Hãy đoàn kết lại!

Hãy tổ chức lại!

Hãy phối hợp hành động của anh chị em với hành động của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung!

Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa thành công muôn năm!

Quốc tế lao động muôn năm!

Quốc tế Nông dân muôn năm!

VII- TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Công hội đỏ.

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Quốc tế Công hội đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai Cập, ở Tuynidi và ở tất cả các nước đang nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mỗi liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là do ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả, mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa

và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phôi thai. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kỵ của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mỗi liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác rất lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

*

* *

TUYÊN NGÔN CỦA "HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA", TỔ CHỨC CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN BẢN XỨ Ở TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA

"Hỡi anh em ở các thuộc địa! Năm 1914, vì phải đương đầu với một tai họa ghê gớm, những người cầm quyền nhà nước đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em đồng tình góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một tổ quốc mà người ta nói là của anh em, nhưng thật ra cho đến khi đó, anh em chỉ biết có cái đầu óc thống trị của nó mà thôi.

"Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên làm lóe lên trước mắt anh em những quyền lợi mà sự hợp tác với họ sẽ đưa lại cho anh em. Nhưng qua cơn bão táp rồi, thì đâu lại hoàn đó, anh em vẫn phải sống trong chế độ bản xứ, với những tòa án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá

con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị.

"Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nạn sưu dịch nặng nề mà nhân dân oán ghét, vẫn phải đóng thuế muối, vẫn bị đầu độc và cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông Dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở Angiêri.

"Lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em.

"Cuối cùng, người ta hứa hẹn với anh em đủ mọi thứ trên trời dưới biển, nhưng giờ đây anh em thấy toàn là những lời lừa dối cả.

"Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

"Vận dụng công thức của Các Mác^{*}, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

"*Hội Liên hiệp thuộc địa* thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy.

"Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

"*Biện pháp hoạt động*: Để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí và ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng ta có thể làm.

^{*} Nguyên bản: *Formule de Karl Marx*. Công thức này Mác nêu trong Điều lệ của Hội Liên hiệp lao động quốc tế: "Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân".

"Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quý quyết ấy giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn."

"Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

"Hội Liên hiệp thuộc địa"

PHỤ LỤC

GỬI THANH NIÊN AN NAM

Ông Đume, nguyên toàn quyền Đông Dương đã viết: "Khi nước Pháp đến Đông Dương, thì dân tộc An Nam đã chín muồi để làm nô lệ". Từ đó đến nay hơn một nửa thế kỷ đã trôi qua. Nhiều biến cố phi thường đã làm đảo lộn thế giới. Nhật Bản đã đứng vào hàng đầu các cường quốc trên thế giới. Trung Hoa đã làm cách mạng. Nga đã tổng cổ lũ bạo chúa đi để trở thành một nước cộng hòa vô sản. Một luồng gió giải phóng mạnh mẽ đã làm cho các dân tộc bị áp bức vùng lên. Người Airlan, Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ, tất cả những người chiến bại hôm qua và nô lệ hôm nay đó, đương đầu tranh đấu dũng cảm cho nền độc lập ngày mai của họ. Riêng người An Nam, thì vẫn cứ thế: sẵn sàng làm nô lệ.

Hãy nghe đoạn văn khôn nạn này của một tên khách An Nam trong một bữa tiệc hai trăm người ăn, tổ chức ra để chiêu đãi bọn Utorây, Valuyđơ và bè lũ để được ngửi mùi bít tất thối của bọn "liên minh dân tộc" này. Anh chàng An Nam ấy đã không ngại bỏ ra 85 quan cho một bữa chè chén. Hắn đọc diễn văn tại bữa tiệc.

"Tôi lấy làm tự hào được thay mặt cho toàn thể cử tọa nói lên tấm lòng tôn kính sâu sắc, niềm vui mừng và lòng biết ơn của chúng tôi đối với các vị. Đối với con mắt khâm phục của chúng tôi, các vị thật là những người tiêu biểu cho chính phủ của dân tộc Pháp vinh quang.

"Tôi không tìm ra được danh từ nào đủ đẹp để nói lên cho thật đúng ý nghĩa của tư tưởng sâu kín trong chúng tôi, nhưng thưa các vị, các vị hãy tin ở tình gắn bó thủy chung, ở lòng trung thành, ở sự sùng bái của chúng tôi đối với nước Đại Pháp, là người đỡ đầu và bảo hộ, đã coi chúng tôi như con, không phân biệt màu da và chủng tộc.

"Mỗi người chúng tôi đều đã tự mình nhận thấy tất cả những ân huệ mà Nhà nước chí tôn và những vị đại diện cho nước Đại Pháp đã ban cho chúng tôi bằng cách áp dụng đúng đắn và sáng suốt những luật pháp rộng rãi và khoan hồng".

Trong đám tang viên toàn quyền Lông, ông N.K.V, tiến sĩ luật, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế, làm việc tại tòa biện lý Sài Gòn, đã quả quyết rằng, nếu có thể phát biểu thay toàn thể nhân dân Đông Dương, thì ông sẽ đau đớn nói lên lời cảm tạ thiết tha đối với quan toàn quyền về tất cả những gì mà Ngài đã làm cho dân tộc An Nam. Rồi ông V. kêu to lên rằng:

"Những người mà nhờ những biện pháp bao dung của Ngài, ngày nay đang được cùng các vị đại diện của Nhà nước bảo hộ góp phần vào sự phồn vinh không ngừng tăng lên của xứ Đông Dương, những người ấy cảm tạ Ngài tự đáy lòng và sùng bái hình ảnh của Ngài. Kinh tế là vấn đề mà Ngài lo nghĩ đến nhiều nhất. Ngài đã muốn cho Đông Dương có đủ trang bị kinh tế để trở thành một nước Pháp thứ hai, một nước Pháp hùng cường ở Viễn Đông, một chi nhánh của nước Pháp Cộng hòa!

Còn ông Cao Văn Sen, kỹ sư, hội trưởng hội những người Đông Dương tại Pháp, thì nói rằng việc ông Lông chết quá sớm là một cái tang cho Đông Dương. Rồi ông kết thúc bài điệu văn bằng những lời sau đây:

"Thưa quan toàn quyền, chúng tôi chân thành thương tiếc Ngài vì đối với tất cả chúng tôi, Ngài là một ông chủ bao dung, khoan thứ như một người cha!

Từ những việc trên, tôi xin kết luận rằng, nếu quả thật tất cả mọi người An Nam đều rập mình sát đất như bễ lũ tay sai ấy của chính quyền thì người An Nam có phải chịu số kiếp nô lệ cũng là đáng đời.

*

* *

Thanh niên ta cũng cần biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất Pháp và độ năm vạn ở châu Âu và châu Mỹ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên - công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thường, nhờ ơn nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai cái nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang dành một nửa thì giờ vào các việc... chơi bời a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chôn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi còn lắm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên - công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm *thực sự* chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn: "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động".

Họ đã làm như thế này: vừa đặt chân lên đất nước người là tất cả những người có năng khiếu giống nhau và cùng muốn học một nghề thì tập hợp lại thành nhóm để vận động xin việc với bọn chủ. Khi được nhận vào xưởng thợ hay nhà máy, thì cố nhiên là họ bắt đầu bằng cách học việc, rồi sau trở thành thợ. Đối với nhiều người đã được nuôi dưỡng trong cảnh giàu sang và được gia đình chiều chuộng, thì làm những việc nặng nhọc là một điều gian khổ. Nếu họ không có một quyết tâm vững chắc, không được một sức mạnh tinh thần phi thường thúc đẩy thì phần lớn đã phải chùn bước. Nhưng cho tới nay, tất cả vẫn tiếp tục làm việc. Một trở lực thứ hai là ngôn ngữ bất đồng, họ đã

khắc phục được trở lực ấy là nhờ biết lợi dụng khiêu quan sát, cái khiêu gần như là một bản năng đặc biệt của những người Viễn Đông chúng ta. Nếu họ không hiểu được hay hiểu một cách khó khăn những lời chủ họ nói, thì họ chăm chú quan sát những cái mà chủ chỉ cho họ.

Họ kiếm không được bao nhiêu tiền. Với số tiền công ít ỏi, trước hết họ phải tính sao cho đủ sống. Và, họ coi việc không xin tiền chính phủ, không xin tiền gia đình là một vấn đề danh dự. Sau nữa, tùy theo số tiền kiếm được họ trích một phần để đóng vào quỹ tương tế do họ lập ra. Quỹ này nhằm hai mục đích: 1) giúp đỡ những sinh viên đau ốm có giấy chứng nhận của thầy thuốc, và những sinh viên thất nghiệp có giấy chứng nhận của chủ; 2) trợ cấp một số tiền trong một năm cho tất cả những người mới học nghề xong để giúp họ bổ túc nghiệp vụ.

Lao động ở nước nào, họ cũng xuất bản ở đấy một tờ tạp chí (luôn luôn là do sinh viên - công nhân đóng góp). Tạp chí ấy viết bằng chữ Hán, cung cấp tin tức của Tổ quốc và đăng những vấn đề thời sự lớn trên thế giới, v.v.. Tạp chí dành một mục cho độc giả trao đổi những điều bổ ích cho việc học nghề của họ, báo cho nhau biết sự tiến bộ của từng người, khuyên nhủ và động viên nhau. Ban ngày họ làm việc, ban đêm, họ học tập.

Kiên trì, quyết tâm và đoàn kết như thế, các "ông chú trẻ tuổi"* của chúng ta chắc chắn sẽ đạt mục đích. Với một đạo quân 50.000 công nhân dũng cảm đáng khâm phục, lại được đào tạo trong kỷ luật và kỹ thuật hiện đại, thì không bao lâu nữa, Trung Quốc sẽ có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới.

Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như: hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng

* Từ "chú" thường dùng để chỉ Hoa kiều ở Việt Nam ("chú khách" hay "khách trú").

mênh mông, rùng rú bao la; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh.